

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Giai đoạn đánh giá: 2017-2021)



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, THÁNG 09 NĂM 2022

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC



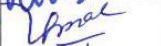
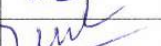














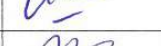
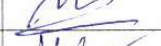
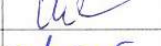






Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Giai đoạn đánh giá: 2017-2021)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, THÁNG 09 NĂM 2022

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM (Kèm theo Quyết định số 216/QĐ-KHTN ngày 21 tháng 02 năm 2022)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS. Trần Lê Quan	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Trần Cao Vinh	Chủ tịch Hội đồng trường	Phó Chủ tịch	
3	GS.TS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
4	PGS.TS. Trần Minh Triết	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
5	TS. Trịnh Thanh Đào	Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCL	Thư ký, Thường trực	
6	ThS. Phùng Quán	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính	Ủy viên	
7	ThS. Phan Ngô Hoang	Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính	Ủy viên	
8	TS. Trần Thái Sơn	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên	
9	PGS.TS. Đặng Thị Phương Thảo	Phụ trách phòng Đào tạo Sau đại học	Ủy viên	
10	PGS.TS. Trần Văn Mẫn	Trưởng phòng Khoa học Công nghệ	Ủy viên	
11	ThS. Lê Thị Nga	Trưởng phòng Quản trị Thiết bị	Ủy viên	
12	PGS.TS. Ngô Đại Nghiệp	Trưởng phòng Quan hệ Đối ngoại	Ủy viên	
13	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hân	Trưởng phòng Công tác Sinh viên	Ủy viên	
14	ThS. Trần Vũ	Trưởng phòng Thông tin Truyền thông	Ủy viên	
15	ThS. Hà Minh Ninh	Trưởng phòng TTPC & SHTT	Ủy viên	
16	Ông Lương Minh Hòa	Quyền Giám đốc Thư viện	Ủy viên	
17	ThS. Nguyễn Thị Cẩm Loan	Kế toán trưởng	Ủy viên	
18	PGS.TS. Mai Hoàng Biên	Trưởng khoa Toán - Tin học	Ủy viên	
19	PGS.TS. Huỳnh Văn Tuấn	Trưởng khoa Vật lý - VLKT	Ủy viên	
20	PGS.TS. Nguyễn Trung Nhân	Trưởng khoa Hóa học	Ủy viên	
21	PGS. TS. Quách Ngô Diễm Phương	Phó Trưởng khoa phụ trách, Khoa Sinh học - CNSH	Ủy viên	
22	TS. Đinh Bá Tiến	Trưởng khoa CNTT	Ủy viên	
23	TS. Huỳnh Hữu Thuận	Trưởng khoa Điện tử - Viễn thông	Ủy viên	
24	PGS.TS. Trần Thị Thanh Vân	Trưởng khoa KH&CN Vật liệu	Ủy viên	
25	PGS.TS. Phạm Trung Hiếu	Trưởng khoa Địa chất	Ủy viên	
26	PGS.TS. Đào Nguyên Khôi	Trưởng khoa Môi trường	Ủy viên	
27	ThS. Nguyễn Văn Tịnh	Bí thư Đoàn Thanh niên	Ủy viên	

Danh sách gồm có 27 người

MỤC LỤC

Danh sách thành viên Hội đồng Tự đánh giá	5
Danh mục các từ viết tắt	11
Phần I: HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC	13
1. Khái quát về cơ sở giáo dục	13
2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục	16
3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục	20
Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG	21
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	21
Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	21
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 1	28
Tiêu chuẩn 2. Quản trị	30
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 2	34
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	36
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 3	39
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	42
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 4	51
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	53
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 5	58

Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	60
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 6	66
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	69
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 7	78
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	80
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 8	83
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	85
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	85
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 9	91
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	93
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 10	98
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	100
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 11	102
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	104
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 12	109
Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	111
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	111
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 13	117
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	119
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 14	124
Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	127
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 15	131
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	134
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 16	137
Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	139
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 17	145
Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học	148
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 18	153
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	156

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 19	158
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	160
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 20	164
Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	166
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 21	170
Mục 4. Kết quả hoạt động	172
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	172
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 22	177
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	179
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 23	184
Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	186
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 24	190
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	191
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 25	195
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	197
Phần III: PHỤ LỤC	205
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục	205
I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục	205
II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên	210
III. Người học	219
IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	223
V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	226
VI. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục	232
VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng	233
Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá cơ sở giáo dục giai đoạn 2017-2021	236
Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá	236
Danh sách Hội đồng Tự đánh giá	237

Danh sách thành viên Nhóm thư ký	238
Danh sách các nhóm công tác chuyên trách	239
Kế hoạch triển khai hoạt động tự đánh giá	240

Phụ lục 3. Danh mục minh chứng **244**

Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 1	244
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 2	246
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 3	248
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 4	249
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 5	251
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 6	252
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 7	254
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 8	257
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 9	259
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 10	261
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 11	263
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 12	264
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 13	266
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 14	268
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 15	270
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 16	272
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 17	273
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 18	276
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 19	279
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 20	280
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 21	282
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 22	284
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 23	285
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 24	288
Danh mục minh chứng Tiêu chuẩn 25	289

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ đầy đủ
DH	Đại học
DHQG	Đại học Quốc gia
DHQG-HCM	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
DT	Đào tạo
GD&DT	Giáo dục và Đào tạo
GV	Giảng viên
KHCL	Kế hoạch chiến lược
KHCL 2016-2020	Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020
KHCL 2021-2025	Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025
P.CTSV	Phòng Công tác Sinh viên
P.DT	Phòng Đào tạo
P.DT-SDH	Phòng Đào tạo Sau đại học
P.KHCN	Phòng Khoa học Công nghệ
P.KHTC	Phòng Kế hoạch Tài chính
P.KT&DBCL	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
P.QHDN	Phòng Quan hệ Đối ngoại
P.QTTB	Phòng Quản trị Thiết bị
P.TCHC	Phòng Tổ chức Hành chính
P.TTPC-SHTT	Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ
P.TTTT	Phòng Thông tin Truyền Thông
PTN	Phòng thí nghiệm
SDH	Sau đại học
SV	Sinh viên
THPT	Trung học phổ thông
TNCS-HCM	Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
Trường ĐH KHTN	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
VC-NLĐ	Viên chức - Người lao động

Phần I: HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Khái quát về cơ sở giáo dục

1.1. Đặc điểm tình hình

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐH KHTN), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) có tiền thân là Trường Cao đẳng Khoa học Đông Dương, được thành lập năm 1941 tại Hà Nội, được đổi tên thành Khoa học Đại học Đường năm 1953; năm 1957 Khoa học Đại học Đường được đổi tên thành Trường Đại học Khoa học Sài Gòn, thuộc Viện Đại học Sài Gòn; năm 1977, Trường Đại học Khoa học Sài Gòn được hợp nhất với Trường Đại học Văn khoa để hình thành Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1996, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên được chính thức thành lập theo Quyết định 1236/GD-ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 30/3/1996 trên cơ sở tách ra từ Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia vào Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên hiện có 02 cơ sở:

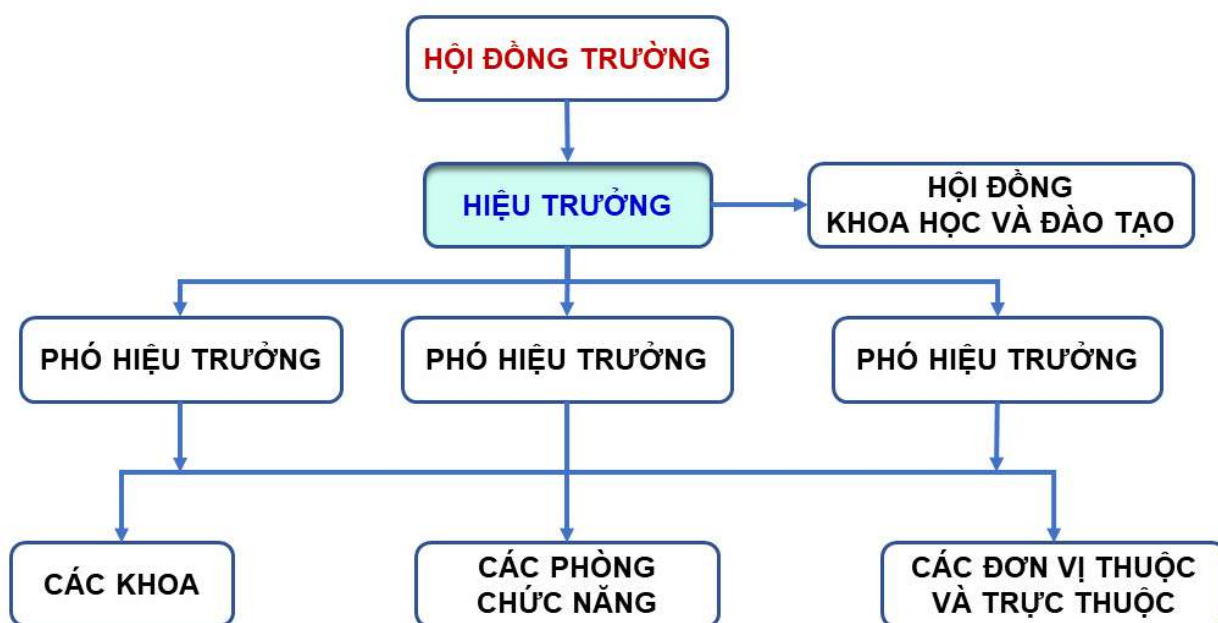
- Cơ sở 1 tại 227 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TP.HCM, với diện tích 1,4 ha, hiện đang tập trung các hoạt động chính của trường bao gồm các hoạt động đào tạo sinh viên đại học năm cuối, đào tạo sau đại học, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

- Cơ sở 2 tại Khu đô thị ĐHQG-HCM với diện tích 30,51 ha, nằm trên địa bàn của Thành phố Thủ Đức (TP.HCM) và Thành phố Dĩ An (tỉnh Bình Dương), cơ sở này phục vụ các hoạt động đào tạo sinh viên ba năm đầu bậc đại học và một số hoạt động nghiên cứu, sản xuất thử. Cụ thể, những hoạt động chính được diễn ra tại Cơ sở 2 là: đào tạo sinh viên hệ chính quy từ năm thứ nhất đến năm thứ ba của các ngành đào tạo hệ đại học chính quy; các văn phòng đại diện của các phòng chức năng hỗ trợ đào tạo như Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Quản trị Thiết bị, Phòng Thông tin - Truyền thông, Phòng Công tác sinh viên; trụ sở hoạt động của Viện Tế bào gốc, Phòng Thí nghiệm Tế bào gốc, Phòng Thí nghiệm Nghiên cứu Ung thư, Phòng Thí nghiệm Vật lý Hạt nhân, Phòng Thí nghiệm Hóa lý ứng dụng, các phòng thực hành của các Khoa Công nghệ Thông tin, Khoa Hóa học, Khoa Sinh học và Công nghệ sinh học, Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu, Khoa Vật lý và Vật lý kỹ thuật.

1.2. Về cơ cấu tổ chức và nhân sự

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên hiện nay gồm:

- Hội đồng trường
- Ban Giám hiệu
- 11 phòng chức năng
- 9 khoa
- 1 thư viện
- 15 trung tâm nghiên cứu và dịch vụ hỗ trợ
- 11 phòng thí nghiệm (4 PTN trọng điểm ĐHQG-HCM và 7 PTN cấp trường)
- 1 viện nghiên cứu
- 3 văn phòng (Hội đồng trường, Công đoàn, Đoàn TNCS HCM-Hội SV).



Hình 0.2.1. Sơ đồ tổ chức của trường

Ban Giám hiệu lãnh đạo điều hành tất cả hoạt động dưới sự chỉ đạo toàn diện của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng trường.

Tính đến 30/06/2022, số lượng viên chức và người lao động của trường là 971 người (533 biên chế, 438 hợp đồng), gồm 425 giảng viên (chiếm tỷ lệ 43,77%), 243 trợ giảng và nghiên cứu viên (25,03%), 303 chuyên viên và nhân viên phục vụ (31,20%). Trong 5 năm gần đây (2017-2022), đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu có trình độ từ tiến sĩ trở lên có chiều hướng tăng đồng thời số lượng cán bộ phục vụ hỗ trợ giảm; trong 425 giảng viên có 10 giáo sư, 59 phó giáo sư, 201 tiến sĩ (chiếm 63,53% giảng viên), 153 thạc sĩ (36,00% giảng viên).

1.3. Các thành tích nổi bật của trường

Trong suốt quá trình hoạt động, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đã được Nhà nước khen tặng các danh hiệu cao quý:

- Huân chương Lao động hạng nhất năm 2000
- Huân chương Độc lập hạng ba năm 2003
- Huân chương Độc lập hạng nhì năm 2009
- Anh hùng Lao động năm 2010

Nhiều danh hiệu thi đua cao quý khác của Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) và Thành phố Hồ Chí Minh.

Đội ngũ cán bộ giảng dạy của trường cũng đã vinh dự được Nhà nước phong tặng 14 danh hiệu Nhà giáo Nhân dân và 43 danh hiệu Nhà giáo Ưu tú.



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT - NĂM 2000



HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG BA - NĂM 2003



HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHÌ - NĂM 2009



ANH HÙNG LAO ĐỘNG - NĂM 2010

Hình 0.3.1. Ảnh một số danh hiệu thi đua tiêu biểu của trường

1.4. Tâm nhìn

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên hướng đến trở thành một đại học hàng đầu tại Việt Nam và Đông Nam Á về đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ nền tảng của kinh tế tri thức và kinh tế số.

1.5. Sứ mạng

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là trung tâm đào tạo, nghiên cứu, phát triển và triển khai ứng dụng khoa học công nghệ, cung cấp nguồn nhân lực và sản phẩm khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

1.6. Triết lý giáo dục và các giá trị cốt lõi

Triết lý giáo dục:

- Người học là trung tâm
- Giáo dục toàn diện
- Kiến tạo tri thức
- Học tập suốt đời
- Phục vụ cộng đồng

Các giá trị cốt lõi:

- Khoa học (Science)
- Sáng tạo (Creativity)
- Hội nhập (Integration)
- Sự thấu cảm (Empathy)
- Nuôi dưỡng đam mê (Nurture)
- Hướng đến cộng đồng (Community)
- Trao quyền kiến tạo (Empowerment)

1.7. Mục tiêu trọng tâm giai đoạn 2021-2025

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên trở thành một trường đại học tự chủ về đào tạo, nghiên cứu, phát triển và triển khai ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời đại công nghiệp 4.0.

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục

2.1. Vị trí pháp lý

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên được chính thức thành lập theo Quyết định 1236/GD-ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 30/3/1996 trên cơ sở tách ra từ Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia vào Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là trường đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Tên tiếng Anh là: VNUHCM-University of Science.

Trường chịu sự lãnh đạo và quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự quản lý hành chính và chuyên môn của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Nguyên tắc hoạt động

Hoạt động của trường tuân thủ theo Luật Giáo dục đại học và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Đảng, của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của DHQG-HCM.

Hệ thống tổ chức quản lý của trường làm việc theo chế độ thủ trưởng và làm việc dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ theo cơ cấu gồm ba cấp. Cấp cao nhất là Hội đồng trường với chức năng quyết định các chiến lược, kế hoạch, chính sách, nhân sự. Thực hiện các quyết nghị trực tiếp của Hội đồng trường là hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng. Các phòng chức năng, các khoa và các đơn vị thuộc/trực thuộc trực tiếp triển khai các chiến lược, kế hoạch, chính sách của trường.

Trường có Đảng bộ trực thuộc Đảng bộ DHQG-HCM, hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, chịu trách nhiệm trong việc tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Đảng ủy DHQG-HCM; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, công tác của trường; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công chức, viên chức, đảng viên và quần chúng.

Trường tôn trọng vai trò, nguyên tắc hoạt động của tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn TNCS-HCM, Hội Sinh viên,...), luôn tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức đoàn thể tham gia đầy đủ vào các hoạt động chung của trường.

2.3. Các điểm mạnh

DHQG-HCM được Nhà nước ưu tiên đầu tư, có quyền chủ động cao trong các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính, quan hệ quốc tế và tổ chức bộ máy và lợi thế về quy mô lớn đội ngũ cán bộ quản lý, giảng dạy và nghiên cứu trình độ cao. DHQG-HCM đã có nhiều chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế. Tính hệ thống và thương hiệu của DHQG-HCM cũng là thế mạnh trong tuyển sinh, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Với thế mạnh chất lượng nghiên cứu khoa học ngày càng được nâng cao, hoạt động chuyển giao công nghệ và dịch vụ đều được chú trọng đẩy mạnh, hợp tác quốc tế và địa phương ngày càng được mở rộng, nguồn nhân lực phát triển mạnh, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là một trường thành viên nòng cốt và tích cực của DHQG-HCM có nhiều cơ hội tốt để phát huy vai trò của mình trong hệ thống giáo dục.

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là một trong những trường hàng đầu tại Việt Nam về nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học công nghệ mũi nhọn. Hệ thống các chương trình đào tạo của tất cả các ngành học có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chung của Trường và DHQG-HCM. Chương trình đào tạo đã được xây dựng một cách khoa học với sự tham gia thảo luận, góp ý của các chuyên gia hàng đầu của từng lĩnh vực: giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện các tổ chức, hội nghề nghiệp, các nhà tuyển dụng lao động trên cơ sở khảo sát ý kiến người học. Chương trình đào tạo được thiết kế đúng theo quy định, có định hướng liên thông với các trình độ đào tạo, được bổ sung và điều chỉnh trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới và được đánh giá nhằm cải tiến chương trình. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đã hoàn thành đánh giá kiểm định theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT từ năm 2016 và nhiều chương trình đã được kiểm định quốc tế.

Người học tốt nghiệp từ các chương trình đào tạo cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ của trường và kết quả hoạt động nghiên cứu của cán bộ trong trường đã được các trường đại học, viện nghiên cứu có uy tín ở các nước tiên tiến trên thế giới đánh giá cao, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng về đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng đội ngũ, nâng cao uy tín và thương hiệu nhà trường.

Là đơn vị phát triển được các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học về các lĩnh vực khoa học công nghệ mũi nhọn trên cơ sở các thế mạnh về khoa học cơ bản, có tính đặc thù và thế mạnh riêng, phù hợp với xu thế phát triển khoa học công nghệ cao trên thế giới và đáp ứng với nhu cầu của thực tiễn của Việt Nam, có sức hấp dẫn mạnh đối với học sinh, sinh viên giỏi, tài năng. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu và giảng viên trẻ nắm bắt được tốc độ phát triển của khoa học kỹ thuật nhanh, có nhiều ý tưởng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học là một trong những mặt mạnh của nhà trường. Trong suốt thời gian qua, hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đã gắn kết với đào tạo, với các đơn vị chuyên môn là cơ hội cho sự phát triển cũng như các sản phẩm nghiên cứu dần đi vào thực tiễn đời sống.

Vị trí địa lý cơ sở chính gần trung tâm TP.HCM đã là điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, hội thảo quốc tế. Cơ sở vật chất các phòng thí nghiệm được quan tâm đầu tư và mở rộng đã đáp ứng nhu cầu về học tập, nghiên cứu và hợp tác chuyên môn.

Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kế hoạch và chính sách ưu tiên đào tạo bồi dưỡng ở từng đơn vị chuyên môn ngày càng được quan tâm đúng mức là cơ hội phát triển nâng cao trình độ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Các mối quan hệ đối ngoại về đào tạo và nghiên cứu khoa học ngày càng được rộng mở đã giúp viên chức - người lao động cập nhật kiến thức cũng như thúc đẩy sự phát triển nhà trường ngày càng phù hợp hơn với các quốc gia có nền văn minh khoa học tiên tiến trong khu vực và thế giới.

Quyền dân chủ cơ sở của viên chức, người lao động luôn được nhà trường đảm bảo đã thể hiện sự quan tâm của lãnh đạo quản lý cũng như qua đó viên chức - người lao động an tâm công tác, tận tâm tận lực cho sự phát triển chung của nhà trường.

2.4. Các điểm yếu

Trường vẫn đang phải duy trì đào tạo một số ngành khoa học cơ bản cần thiết cho sự phát triển của đất nước nhưng luôn gặp khó khăn trong tuyển sinh. Tuy đã mở nhiều chương trình đào tạo mới nhưng còn chưa nhiều chương trình đào tạo định hướng ứng dụng cần được cải thiện để đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội. Chất lượng đào tạo chưa đồng đều, chưa thu hút được nhiều sinh viên nước ngoài học tập tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. Chưa đáp ứng được nhu cầu “học tập suốt đời” của cộng đồng và xã hội.

Số lượng các nhóm nghiên cứu liên ngành và các đề tài nghiên cứu liên ngành, liên lĩnh vực chưa tương xứng với tiềm lực của trường. Công tác gắn kết với doanh nghiệp và xã hội, với cựu sinh viên, cựu giáo chức, phụ huynh để tạo nguồn lực cho khoa học và công nghệ chưa tương xứng với tiềm năng của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

Đội ngũ cán bộ giảng dạy, đặc biệt là giảng viên trình độ tiến sĩ chưa đáp ứng được yêu cầu của trường và chưa có cơ cấu hợp lý về tuổi và chưa cân đối giữa các ngành đào tạo; đội ngũ chuyên gia đầu ngành còn thiếu.

Hệ thống dữ liệu chưa phục vụ tốt cho việc ra quyết định. Hệ thống quản trị nhà trường cần được thực hiện chuyển đổi số đáp ứng nhu cầu phát triển của nhà trường.

Nguồn thu đã được cải thiện nhưng vẫn còn hạn chế, chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách nhà nước và học phí, chưa huy động được hiệu quả các nguồn thu từ doanh nghiệp, xã hội và tiềm năng đóng góp của cựu giáo chức, cựu sinh viên trong sự nghiệp phát triển của nhà trường. Điều này dẫn đến cơ sở vật chất đáp ứng chưa thật sự đầy đủ và đồng bộ cho việc triển khai một môi trường đào tạo theo học chế tín chỉ tiên tiến đáp ứng yêu cầu phát triển và hoàn thành sứ mạng của nhà trường. Chính sách thu nhập và chế độ đãi ngộ cho viên chức, người lao động chưa đủ hấp dẫn, có sự chảy máu chất xám,...

2.5. Cơ hội

Đảng và Nhà nước đã khẳng định giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu. Nền kinh tế Việt Nam luôn nằm trong nhóm có tốc độ phát triển nhanh dẫn đến nhu cầu nhận lực chất lượng cao ngày càng tăng.

Xu hướng thế giới chuyển sang nền kinh tế tri thức làm cho nhu cầu lao động trí thức tăng cao, đặc biệt là các ngành khoa học công nghệ.

Toàn cầu hóa tạo ra những cơ hội lớn để giao lưu học hỏi cả về mặt chuyên môn và quản lý, cơ hội tiếp cận với các giải pháp phát triển đại học trên thế giới để ứng dụng vào phát triển nhà trường theo kế hoạch; làm tăng cơ hội tiếp thu nguồn tri thức khoa học công nghệ tạo cơ sở để tiếp cận các hướng, lĩnh vực nghiên cứu mới, tiên tiến, để ứng dụng các thành tựu nghiên cứu trên thế giới.

Sức hút về nhu cầu học tập của sinh viên Việt Nam trong môi trường kinh tế thị trường tạo cơ hội để liên kết, hợp tác với các cơ sở đào tạo uy tín trên thế giới về cả đào tạo và nghiên cứu khoa học, đồng thời qua đó có thể học tập được các kỹ năng về quản trị đại học, tổ chức đào tạo và triển khai nghiên cứu khoa học.

Các lĩnh vực khoa học công nghệ mũi nhọn luôn nhận được sự quan tâm, ưu tiên đầu tư của Nhà nước, của TP.HCM và của các địa phương; nhu cầu ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và đời sống, đặc biệt là các sản phẩm công nghệ cao ngày càng gia tăng.

Lực lượng cựu sinh viên, học viên của nhà trường đông đảo, hiện đang công tác ở nhiều cơ quan, công ty, doanh nghiệp trong khu vực và cả nước. Nhiều trong số các cựu sinh viên, học viên giữ vai trò chủ chốt trong đơn vị công tác. Đây là một lợi thế để khai thác đẩy mạnh mối quan hệ giữa nhà trường và đơn vị tuyển dụng trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2.6. Thách thức

Trong bối cảnh giáo dục đại học thế giới thay đổi, nhiều loại hình đại học xuất hiện tại Việt Nam, nhiều chi nhánh đại học nước ngoài và các đại học mới thành lập

được hoạt động theo cơ chế mới mang yếu tố cạnh tranh thì việc thích nghi, vượt qua được các cơ chế hiện hành để duy trì và nâng cao vị thế của một trung tâm nghiên cứu và đào tạo khoa học và công nghệ ở phía Nam là một thách thức không nhỏ đối với Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

Thách thức trong chọn lựa định hướng phát triển nhà trường theo hướng thuần khoa học hay trở thành một cơ sở đào tạo khoa học và công nghệ đa ngành đa lĩnh vực; thách thức giữa chọn lựa đào tạo theo định hướng nghiên cứu và đào tạo theo định ứng dụng đáp ứng nhu cầu xã hội. Các thách thức của xã hội và tự chủ đại học đòi hỏi Trường Đại học Khoa học Tự nhiên phải có được mô hình lãnh đạo và quản trị tiên tiến, phù hợp để cải thiện chất lượng dạy và học, tăng cường đội ngũ giảng viên trình độ cao, đáp ứng các yêu cầu của giai đoạn mới.

Thách thức trong thúc đẩy đổi mới và tái cấu trúc chương trình đào tạo phù hợp với sự biến động không ngừng của thị trường lao động; linh hoạt trong tư duy thiết kế các mô hình đào tạo phân luồng người học vừa đáp ứng yêu cầu về đào tạo phục vụ nghiên cứu chuyên sâu và đào tạo định hướng ứng dụng.

Thách thức đối với cán bộ nghiên cứu và giảng viên trong tìm tòi mở rộng các khối kiến thức chuyên ngành nhằm nghiên cứu phục vụ nhu cầu xã hội và giảng dạy gắn với thực tiễn nhu cầu sử dụng nhân lực xã hội chứ không giảng dạy những gì mình “có”.

Thách thức đối với chuyên viên các đơn vị chức năng trong đổi mới hệ thống quản lý phù hợp hơn, tác phong chuyên nghiệp và hiệu quả hơn nữa.

Sự chảy máu chất xám do chênh lệch về thu nhập giữa giảng viên các trường công lập và các đơn vị ngoài công lập. Việc đầu tư tài chính từ ngân sách nhà nước cho nghiên cứu khoa học dù đã có nhiều cải thiện nhưng chưa đáp ứng với nhu cầu thực tiễn, trong khi đó các đơn vị sản xuất trong nước lại chưa chú trọng nhiều đến việc liên kết với các cơ sở giáo dục đại học để thúc đẩy nghiên cứu khoa học.

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

Xem Phụ lục 1, trang 205.

Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Mục 1.

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ CHIẾN LƯỢC

Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

Tiêu chí 1.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Mỗi cơ sở giáo dục đều có một sứ mạng riêng trong hệ thống giáo dục quốc dân và được xem là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của cơ sở giáo dục đào tạo đó. Là một thành viên nòng cốt trong hệ thống ĐHQG-HCM, với nhiệm vụ trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu hàng đầu trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, qua phân tích, đánh giá nội hàm các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quốc gia, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đã nghiên cứu xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2020 và xác định sứ mạng, tầm nhìn của trường đến năm 2030 như sau:

- **Sứ mạng:** “Là trung tâm đào tạo đại học, sau đại học, cung cấp nguồn nhân lực, đội ngũ chuyên gia trình độ cao trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học liên ngành, khoa học công nghệ mũi nhọn, có năng lực sáng tạo, làm việc trong môi trường cạnh tranh quốc tế; là nơi thực hiện những nghiên cứu khoa học đỉnh cao tạo ra các sản phẩm tinh hoa đáp ứng nhu cầu phát triển khoa học công nghệ và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao của đất nước, phù hợp với xu thế phát triển của thế giới”.

- **Tầm nhìn đến năm 2030:** Hướng đến việc trở thành một đại học nghiên cứu hàng đầu của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á về đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ nền tảng của nền kinh tế tri thức trong Thế kỷ XXI [H01.01.01].

Việc xây dựng Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 (KHCL 2016-2020) của trường, trong đó có việc xây dựng tầm nhìn, sứ mạng, đều có sự tham gia của đầy đủ các thành phần: Đảng ủy, Ban giám hiệu, Công đoàn trường, Đoàn TNCS-HCM của trường, trưởng các phòng chức năng và trưởng các khoa, đại diện cơ quan chủ quản, doanh nghiệp, cựu sinh viên, sinh viên,... Cụ thể, trường đã thành lập tổ xây dựng KHCL 2016-2020, tầm nhìn đến 2030, trong đó, việc xây dựng tầm nhìn, sứ mạng được đặc biệt chú trọng. Tầm nhìn, sứ mạng được xây dựng cùng với kế hoạch chiến lược theo quy trình:

Bước 1: Thành lập tổ xây dựng kế hoạch chiến lược và tổ thư ký [H01.01.02].

Bước 2: Xây dựng các bản dự thảo [H01.01.03].

Bước 3: Trình ĐHQG-HCM phê duyệt [H01.01.04].

Bước 4: Ban hành Kế hoạch chiến lược 2016-2020, tầm nhìn đến 2030 [H01.01.05].

Sứ mạng, tầm nhìn của trường được xác định, công bố công khai, có nội dung rõ ràng; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với các nguồn lực và định hướng phát triển của trường; phù hợp và gắn kết với sứ mạng của ĐHQG-HCM, phù hợp và gắn kết với nội dung chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của TP.HCM và của xã hội. Cụ thể, tập trung vào công tác đào tạo nguồn nhân lực, đội ngũ chuyên gia trình độ cao trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học công nghệ mũi nhọn là truyền thống và điểm mạnh của trường, triển khai các nghiên cứu khoa học đỉnh cao tạo ra các sản phẩm khoa học, công nghệ, từ đó góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung ứng cho thị trường lao động, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương nói riêng, khu vực miền Nam và cả nước nói chung [H01.01.06].

Sứ mạng, tầm nhìn của trường được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của trường, được quy định cụ thể trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường; phù hợp với sứ mạng "... đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo ra công trình nghiên cứu khoa học quan trọng..." của ĐHQG-HCM. Tại Điều 5 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đã nêu rõ chức năng và nhiệm vụ của trường đại học thành viên là nơi đào tạo và nghiên cứu khoa học và công nghệ, có các nhiệm vụ đào tạo một số lĩnh vực khoa học, kỹ thuật công nghệ mũi nhọn đáp ứng nhu cầu xã hội, định hướng trường đại học nghiên cứu [H01.01.07]. Điều này cho thấy sứ mạng, tầm nhìn của trường là hoàn toàn phù hợp và thực hiện đúng theo nhiệm vụ ĐHQG-HCM đã giao phó, phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục đại học của nhà nước, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh. Sứ mạng, tầm nhìn của trường cũng đã được tuyên bố và đăng tải trên website www.hcmus.edu.vn, trong kế hoạch chiến lược phát triển trường, bảng tin tại sảnh nhà I và nhà điều hành, trong brochure giới thiệu về trường, trên tờ rơi tư vấn tuyển sinh, trong quyển Sổ tay sinh viên [H01.01.01], [H01.01.06], [H01.01.07].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 1.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục

Triết lý giáo dục của mỗi cơ sở giáo dục là những quan điểm, tư tưởng chủ đạo góp phần định hướng giáo dục cho cơ sở giáo dục đó. Trong KHCL 2016-2020, nhà trường xác định triết lý giáo dục là học thuật, sáng tạo, phục vụ, vì người học và học tập suốt đời. Dựa trên triết lý giáo dục đó, nhà trường hướng đến các giá trị cốt lõi sau đây:

- Vì sự phát triển toàn diện của người học.
- Đề cao tinh thần tự do học thuật, tính độc lập, sáng tạo.

- Chất lượng đào tạo, nghiên cứu là yếu tố quan tâm hàng đầu.
- Đoàn kết, hợp tác, tôn trọng lẫn nhau.
- Chuyên nghiệp và hiệu quả trong quản lý.
- Gắn kết và phục vụ cộng đồng.

Trong KHCL 2021-2025, thông qua sự tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược, nhà trường đã điều chỉnh triết lý giáo dục theo hướng lấy người học là trung tâm; giáo dục toàn diện; kiến tạo tri thức; học tập suốt đời và phục vụ cộng đồng. Qua đó, các giá trị cốt lõi được hướng đến là:

- Khoa học (Science)
- Sáng tạo (Creativity)
- Hội nhập (Integration)
- Sự thấu cảm (Empathy)
- Nuôi dưỡng đam mê (Nurture)
- Hướng đến cộng đồng (Community)
- Trao quyền kiến tạo (Empowerment)

Giá trị cốt lõi được công bố rộng rãi trên các trang thông tin chính thức của trường (website, fanpage), cụ thể hóa trong các văn bản quan trọng của trường như Kế hoạch chiến lược, Sổ tay sinh viên, brochure giới thiệu trường,...

Như đã trình bày trong Phần I, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên có tiền thân là Trường Cao đẳng Khoa học Đông Dương (1942), sau các lần đổi tên như: Khoa học Đại học Đường (1953), Trường Đại học Khoa học Sài Gòn (1957), Trường Đại học Tổng hợp (1977). Năm 1996, trường chính thức được thành lập và có tên như hiện tại. Từ các giá trị truyền thống về khoa học, trường đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực ở trình độ đại học, đội ngũ chuyên gia ở các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học liên ngành, khoa học công nghệ mũi nhọn; thông qua đào tạo, thực hiện những nghiên cứu khoa học đỉnh cao trong các lĩnh vực liên quan để tạo ra tri thức, sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu phát triển khoa học công nghệ và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao của đất nước, phù hợp với xu thế phát triển thế giới; đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ cộng đồng.

Các giá trị cốt lõi là cơ sở để nhà trường xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn, là kim chỉ nam cho tất cả các hoạt động của trường, từ đó định hướng tư duy quản lý và lãnh đạo một cách nhất quán ở tất cả các đơn vị trong trường. Chính sự thống nhất cao và quán triệt đã thúc đẩy các đơn vị thực hiện mục tiêu đề ra, càng ngày càng chuyên nghiệp hóa và đạt hiệu quả trong quản lý. Việc xác định giá trị cốt lõi cũng như tầm nhìn, sứ mạng của trường được thực hiện theo quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển trường và có sự tham gia của các bên liên quan. Các giá trị

cốt lõi được đúc kết từ những giá trị truyền thống nghiên cứu khoa học với sự sáng tạo, đam mê... cũng là ý chí mong muốn của trường hướng đến tương lai hội nhập quốc tế, phục vụ cộng đồng, phát triển thế giới [H01.01.02], [H01.02.01], [H01.02.02].

Trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn các đơn vị xây dựng quy chế theo quy định chức năng, nhiệm vụ. Dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển trường, báo cáo công tác trong các cuộc họp giao ban, các đơn vị xây dựng và thảo luận kế hoạch hoạt động cụ thể, chi tiết cho từng năm học, đánh giá các công tác và tiến độ triển khai để đạt được kết quả kỳ vọng cũng như giữ gìn bản sắc văn hóa, thương hiệu và giá trị cốt lõi của trường. Qua những hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cho thấy các nét đẹp truyền thống của trường luôn được giữ gìn, đam mê sáng tạo trong nghiên cứu khoa học với sự thấu cảm, hướng đến cộng đồng để hội nhập quốc tế và trao quyền kiến tạo [H01.02.03], [H01.02.04].

Trong các hoạt động của trường, luôn đề cao sự gắn kết với các cá nhân, đơn vị, tổ chức ngoài trường. Đặc biệt là các doanh nghiệp, các cơ quan chuyên môn và địa phương cùng tham gia xây dựng kế hoạch phát triển, các dự án nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng, góp phần truyền tải thông điệp, giá trị cốt lõi cũng như thương hiệu của trường ra bên ngoài. Trường xác định các giá trị cốt lõi chính là yếu tố nòng cốt đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng tầm nhìn, là chuẩn mực cho toàn thể viên chức, người lao động, người học, các bên liên quan điều hướng hành vi ứng xử để có thể ngày một nâng cao văn hóa chất lượng. Trường đã và đang hoàn thiện văn hóa chất lượng từ việc đảm bảo chất lượng bên trong, cam kết chất lượng với đối tác nhằm ngày càng khẳng định thương hiệu và nâng cao vị thế của trường [H01.02.05], [H01.02.06].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 1.3: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện

Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi (văn hóa) của trường được cụ thể hóa trong các văn bản quan trọng của trường như kế hoạch chiến lược, nghị quyết Đại hội Đảng bộ, sổ tay sinh viên, brochure giới thiệu trường, được đăng tải công khai trên website, fanpage của trường, in trên bảng thông tin tại sảnh lớn Nhà I tại cơ sở 227 Nguyễn Văn Cừ, sảnh lớn Nhà điều hành tại cơ sở Linh Trung và được phổ biến cho sinh viên hằng năm thông qua các đợt sinh hoạt công dân, sinh viên đầu khóa. Ngoài ra, tại mỗi kỳ hội nghị đại biểu viên chức, người lao động mỗi năm, các đại biểu tham dự đều được phát biểu, đóng góp ý kiến về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của trường trong từng giai đoạn [H01.03.01], [H01.03.02].

Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi trong quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược cũng được phổ biến tới các bên liên quan để triển khai thực hiện. Trong các hoạt động hợp tác, trường luôn quán triệt và giải thích rõ ràng về tầm nhìn, sứ mạng cũng như văn hóa của trường để các đối tác thấu hiểu và có thể đạt được kết quả như mong muốn. Để thực thi sứ mạng, đạt được tầm nhìn và giữ gìn giá trị văn hóa, trường đã đề ra các mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể. Các mục tiêu được triển khai thông qua các

kế hoạch hoạt động và nhiệm vụ trọng tâm cho từng năm học của trường cũng như kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm của các phòng, khoa/bộ môn [H01.03.01].

Đối với viên chức, người lao động: Tại hội nghị viên chức, người lao động hằng năm, lãnh đạo trường cũng đưa nội dung mục tiêu phát triển của trường ra đánh giá, thảo luận để lấy ý kiến đóng góp, chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn năm học tiếp theo. Ngoài ra, trường cũng thực hiện việc báo cáo đánh giá kết quả các mục tiêu đã triển khai trong Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 để làm cơ sở rà soát, chỉnh sửa các mục tiêu cho phù hợp với thực tiễn [H01.03.02].

Đối với người học: Trong các buổi sinh hoạt công dân, sinh viên đầu khóa, tọa đàm, đối thoại giữa lãnh đạo trường và sinh viên, người học được phổ biến về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, giúp người học thấu hiểu hơn về nơi mình sẽ gắn bó trong suốt quá trình tiếp nhận tri thức, nghiên cứu khoa học cũng như được trang bị hành trang hòa nhập xã hội [H01.03.03]. Chính điều này góp phần lưu giữ, truyền tải và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp mà các bậc đàn anh, đàn chị đã để lại cho các đàn em. Từ đó nâng cao ý thức người học về việc gìn giữ giá trị văn hóa trường.

Đối với đối tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ: Trong các hồ sơ hợp tác giữa trường cùng các đối tác đều có truyền tải thông điệp về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của trường, thấu hiểu và nhìn nhận những mục tiêu chung để việc hợp tác có thể diễn ra thuận lợi và đạt được kết quả mong muốn. Bên cạnh đó, chính những lần hợp tác này thúc đẩy và tạo điều kiện cho trường nhìn nhận lại giá trị cốt lõi, từng bước cải tiến để nâng cao vị thế của trường.

Đối với các tổ chức, nhà tuyển dụng: Đây là những nơi tiếp nhận các sản phẩm do trường đào tạo. Do đó, việc truyền tải tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của trường được đặc biệt quan tâm và chú trọng. Trường thường xuyên phối hợp với các đối tác, tổ chức tuyển dụng triển khai các ngày hội tuyển dụng; tăng cường tọa đàm, đối thoại để nắm bắt nhu cầu của xã hội đồng thời giới thiệu những sản phẩm mang giá trị văn hóa của trường.

Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa, giá trị cốt lõi được giải thích rõ ràng, lan tỏa rộng rãi đến viên chức, người lao động, người học, đối tác, nhà tuyển dụng để cùng thực hiện. Mỗi cá nhân, tổ chức của các bên liên quan là một mắt xích quan trọng để cho hoạt động đào tạo được vận hành hiệu quả. Trường đã có những chính sách và hoạt động cụ thể để thực thi sứ mạng hướng đến tầm nhìn 2030 và giữ gìn được giá trị cốt lõi cũng như quảng bá thương hiệu trường [H01.01.01], [H01.02.05].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 1.4: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược và giám sát việc triển khai các hoạt động nhằm rà soát tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan, trường đã thành lập ban chỉ đạo, tổ triển khai và tổ giám sát kế hoạch chiến lược, trong đó Phòng Tổ chức Hành chính là đơn vị thường trực, chịu

trách nhiệm chính trong việc triển khai và thực hiện [H01.02.01], [H01.02.02]. Bên cạnh đó, theo chức năng nhiệm vụ, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng được phân công phụ trách khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan cũng đã thực hiện khảo sát định kỳ đối với giảng viên, viên chức - người lao động, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng lao động. Các kết quả khảo sát cũng được tổng hợp, phân tích và thực hiện báo cáo hằng năm về vấn đề này [H01.04.01].

Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi đăng tải công khai trên website trường, trong Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020, được hiện xuyên suốt thông qua các nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ trường các nhiệm kỳ, nghị quyết hội nghị cán bộ viên chức hằng năm, chương trình kế hoạch hoạt động các năm học và định kỳ được đánh giá, rút kinh nghiệm. Ngoài ra, trường còn tiến hành đánh giá nội bộ, đánh giá ngoài nội bộ và thực hiện kiểm toán, thanh tra hoạt động định kỳ theo quy định của Nhà nước.

So với Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2010-2015 thì tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi trong giai đoạn 2016-2020 đã được điều chỉnh phù hợp, được phổ biến rộng rãi và công khai để thực hiện cũng như giám sát việc thực hiện bằng các hoạt động thanh tra, giám sát định kỳ. Qua đó, các đơn vị tiếp tục rà soát, điều chỉnh Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 cho phù hợp với tình hình thực tiễn của ĐHQG-HCM cũng như định hướng phát triển kinh tế xã hội của TP.HCM [H01.04.02], [H01.04.03].

Trong các năm 2017-2018, trường đã tiến hành tổ chức hội nghị báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch chiến lược nửa giai đoạn 2017-2018, phương hướng triển khai nửa giai đoạn 2018-2020, qua đó tiếp tục rà soát về mục tiêu giáo dục, tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi. Thông qua việc ghi nhận các ý kiến đóng góp của các bên liên quan tại các buổi họp rà soát, triết lý giáo dục của trường đã được điều chỉnh là học thuật, sáng tạo, phục vụ, vì người học và học tập suốt đời. Kết quả rà soát làm cơ sở kiến nghị điều chỉnh được ĐHQG-HCM phê duyệt vào tháng 03/2019 [H01.04.02], [H01.04.03].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 1.5: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Tổ xây dựng kế hoạch chiến lược được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, bao gồm tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi. Trong quá trình xây dựng, triển khai thực hiện, rà soát, điều chỉnh đều có sự tham gia của các bên liên quan. Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của trường qua quá trình tiếp thu ý kiến đóng góp đã được điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn phát triển, cũng như phù hợp với chức năng nhiệm vụ và định hướng phát triển của trường, gắn kết chặt chẽ với kế hoạch chiến lược của ĐHQG-HCM cũng như đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Do đó, tầm nhìn, sứ mạng đảm bảo đáp ứng được sự hài lòng của các bên liên quan cũng như giữ gìn được truyền thống văn hóa tốt đẹp của trường [H01.01.02], [H01.01.03].

Việc xây dựng kế hoạch chiến lược trong đó bao gồm việc xây dựng sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi luôn đảm bảo được thực hiện theo quy trình, căn cứ trên kết

quả thực hiện của giai đoạn trước và Nghị quyết Đảng bộ [H01.04.02], [H01.05.01], [H01.05.02]. Bên cạnh đó, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo định kỳ mỗi năm theo quy trình. Thông qua báo cáo kết quả khảo sát có sự điều chỉnh, bổ sung về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi [H01.04.03]. Điều này được thể hiện rõ qua kế hoạch chiến lược của từng giai đoạn [H01.01.05], [H01.05.03]. Cụ thể như bảng so sánh kế hoạch chiến lược 2016-2020 và kế hoạch chiến lược 2021-2025 dưới đây:

Bảng 1.5.1. Bảng so sánh KHCL 2016-2020 và KHCL 2021-2025

Nội dung	KHCL 2016-2020	KHCL 2021-2025
Tầm nhìn	Trường ĐH KHTN hướng đến việc trở thành một đại học nghiên cứu hàng đầu của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á về đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ nền tảng của nền kinh tế tri thức trong thế kỷ 21	Trường ĐH KHTN trở thành một trường đại học hàng đầu tại Việt Nam và Đông Nam Á về đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ nền tảng của kinh tế tri thức và kinh tế số.
Sứ mạng	Trường ĐH KHTN là trung tâm đào tạo đại học, sau đại học, cung cấp nguồn nhân lực, đội ngũ chuyên gia trình độ cao trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học liên ngành, khoa học công nghệ mũi nhọn, có năng lực sáng tạo, làm việc trong môi trường cạnh tranh quốc tế; là nơi thực hiện những nghiên cứu khoa học đỉnh cao tạo ra các sản phẩm tinh hoa đáp ứng nhu cầu phát triển KHCN và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao của đất nước, phù hợp với xu thế phát triển của thế giới.	Trường ĐH KHTN là trung tâm đào tạo, nghiên cứu, phát triển và triển khai ứng dụng khoa học công nghệ, cung cấp nguồn nhân lực và sản phẩm khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước.
Giá trị cốt lõi	<ul style="list-style-type: none"> - Vì sự phát triển toàn diện của người học. - Đề cao tinh thần tự do học thuật, tính độc lập, sáng tạo. - Chất lượng đào tạo, nghiên cứu là yếu tố quan tâm hàng đầu. - Đoàn kết, hợp tác, tôn trọng lẫn nhau. - Chuyên nghiệp và hiệu quả trong quản lý. - Gắn kết và phục vụ cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học (Science) - Sáng tạo (Creativity) - Hội nhập (Integration) - Sự thấu cảm (Empathy) - Nuôi dưỡng đam mê (Nurture) - Hướng đến cộng đồng (Community) - Trao quyền kiến tạo (Empowerment)

Từ bảng đối sánh trên cho thấy quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Kế hoạch chiến lược 2021-2025 đã được cải tiến so với Kế hoạch chiến lược 2016-2020. Sự cải tiến được thực hiện dựa trên thực tế của quá trình triển khai, đánh giá tổng kết từng giai đoạn 5 năm, nhằm khắc phục những hạn chế và phát huy những ưu điểm trong giai đoạn trước đó. Tất cả những thay đổi

này đều thực hiện theo quy trình và được sự phê duyệt của ĐHQG-HCM [H01.05.01], [H01.04.02], [H01.05.03].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 1

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Đã xác định tầm nhìn, sứ mạng trên cơ sở phù hợp với nguồn lực thực tế của trường cũng như phù hợp với chính sách kinh tế - xã hội của địa phương nơi trường hoạt động và phù hợp với mục tiêu phát triển giáo dục của cả nước, giữ gìn được những giá trị truyền thống tốt đẹp thông qua các giá trị cốt lõi của trường.

- Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi được xây dựng trên quy trình rõ ràng, có sự tham gia của các bên liên quan, được rà soát, chỉnh sửa và được phổ biến rộng rãi cho mọi người cùng nắm rõ và thực hiện.

- Truyền thống nghiên cứu cùng với tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi tạo được sự đồng thuận, tinh thần đoàn kết cùng phát triển của toàn thể viên chức, người lao động, người học, các đối tác,... ngày càng nâng cao vị thế của trường trong ĐHQG-HCM cũng như trong khu vực.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Mặc dù trường có truyền thống về nghiên cứu cơ bản và đã xác định rõ được sứ mạng, nhưng hiện tại nhà trường vẫn chưa có nguồn lực tài chính đủ mạnh để thực hiện toàn bộ nội dung của sứ mạng là trường đại học định hướng nghiên cứu.

- Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi đã được phổ biến rộng rãi nhưng sự thấu hiểu của các bên liên quan còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Luôn cập nhật các chính sách kinh tế - xã hội của địa phương, mục tiêu phát triển giáo dục của Nhà nước để điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng cho phù hợp. Tăng cường truyền thông giữ gìn các giá trị truyền thống tốt đẹp của trường.	P. TCHC, P.TTTT	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường rà soát, điều chỉnh và phổ biến rộng rãi tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi cho mọi người cùng nắm rõ và thực hiện.	P. TCHC, P.TTTT	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy truyền thống nghiên cứu, tinh thần đoàn kết hợp tác cùng phát triển của toàn thể viên chức, người lao động, người học, các đối tác.	Tất cả các đơn vị	Hàng năm
4	Khắc phục tồn tại	Xây dựng cơ chế tăng nguồn lực tài chính với các chính sách phù hợp	P.KHTC P.TCHC	2021-2025
5	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát ý kiến các bên liên quan về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi, làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến	P.KT&DBCL	Hàng năm
6	Khắc phục tồn tại	Tăng cường truyền thông, phổ biến rộng rãi và truyền tải tầm nhìn, sứ mạng cũng như giá trị cốt lõi với những truyền thống tốt đẹp của trường	P.TTTT	Hàng năm

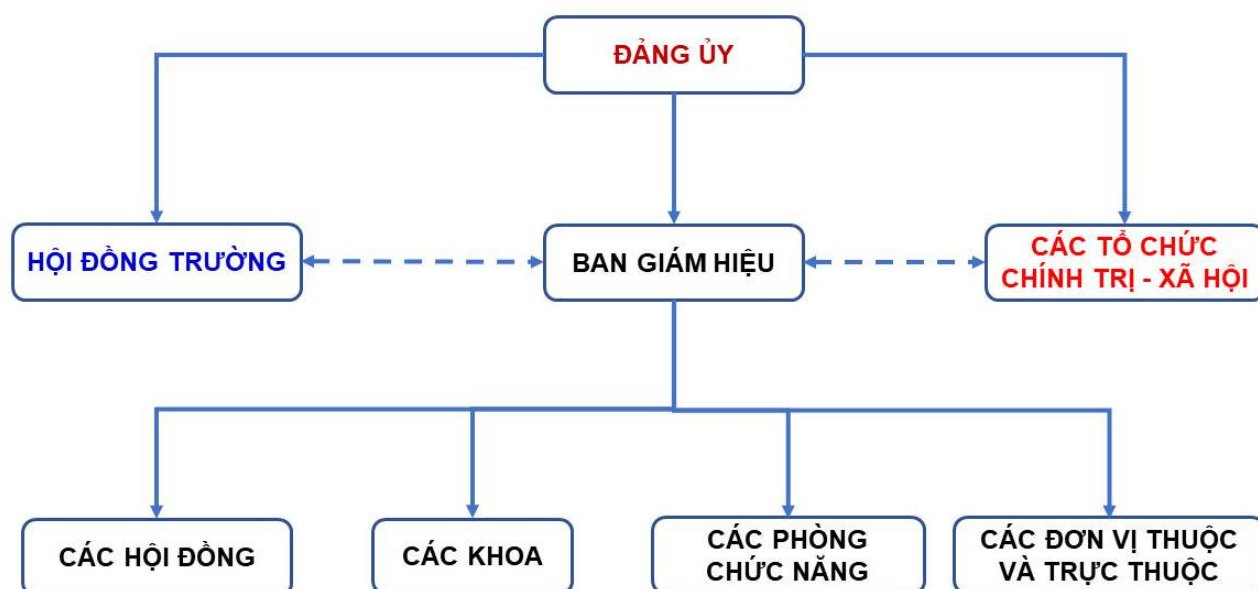
4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	5
Tiêu chí 1.4	5
Tiêu chí 1.5	5
Tiêu chuẩn 1	5,00

Tiêu chuẩn 2. Quản trị

Tiêu chí 2.1: Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của cơ sở giáo dục

Hệ thống quản trị của trường bao gồm Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các hội đồng tư vấn, các tổ chức chính trị - xã hội. Hệ thống quản trị của trường được thiết lập theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Nghị định của Chính phủ về Đại học Quốc gia, Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM và các quy định của pháp luật [H02.01.01].



Hình 2.1.1. Sơ đồ quản trị của trường

Đảng ủy trường gồm 15 thành viên, chịu trách nhiệm trong việc tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Đảng ủy ĐHQG-HCM; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, công tác của trường; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công chức, viên chức, đảng viên và quần chúng [H02.01.02], [H02.01.03].

Hội đồng trường gồm 25 thành viên, là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của trường, có nhiệm vụ quyết nghị chủ trương, chiến lược, kế hoạch, phương hướng phát triển về các lĩnh vực công tác của trường. Hội đồng trường hoạt động theo quy chế và theo phương thức thảo luận, thông qua quyết nghị tập thể [H02.01.04], [H02.01.05].

Ban Giám hiệu trường gồm hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng. Hiệu trưởng là người đại diện trước pháp luật của trường, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và điều

hành các hoạt động của trường trước Giám đốc DHQG-HCM và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Các phó hiệu trưởng là người giúp hiệu trưởng quản lý, điều hành các hoạt động của trường; được hiệu trưởng phân công trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lĩnh vực công tác được phân công [H02.01.06].

Các tổ chức chính trị - xã hội của trường bao gồm: Công đoàn, Đoàn TNCS-HCM, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh. Công đoàn trường được thành lập theo quy định của pháp luật và hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của công đoàn DHQG-HCM, của Liên đoàn lao động Tp.HCM, của Công đoàn ngành GD&ĐT. Đoàn TNCS-HCM, Hội Sinh viên trường được thành lập theo quy định của pháp luật và hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban cán sự Đoàn DHQG-HCM, của Thành đoàn Tp.HCM. Hội Cựu chiến binh trường được thành lập theo quy định của pháp luật và hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành hội Cựu chiến binh Tp.HCM. Các tổ chức này đều được sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy trường và có chương trình công tác và kế hoạch công tác hằng năm [H02.01.07].

Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình được thể hiện thông qua quy trình tổ chức các thành phần trong hệ thống quản trị của nhà trường. Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình được thể hiện ở chỗ nhà trường làm việc theo kế hoạch, có họp giao ban theo định kỳ hằng tháng để đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và kiểm soát được các rủi ro. Vào đầu mỗi năm tài chính, trường ban hành kế hoạch cụ thể cho từng đơn vị và công khai toàn trường để từng đơn vị căn cứ vào đó triển khai thực hiện. Cuối mỗi năm tài chính trường có tổng kết, đánh giá, góp ý cuối năm. Tính bền vững được thể hiện thông qua sự kế thừa nguồn lực, mô hình hoặc hệ thống quản trị từ giai đoạn trước đến giai đoạn viết báo cáo tự đánh giá [H02.01.08].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.2: Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện

Các quyết định của các cơ quan quản trị đã được truyền tải vào kế hoạch hành động, chính sách và văn bản hướng dẫn để đảm bảo hiệu quả quản trị về mặt tổ chức cũng như các hoạt động giáo dục trong trường; duy trì hệ thống quản trị vận hành hợp pháp, thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng.

Cụ thể, Đảng ủy trường chịu trách nhiệm ban hành chương trình hành động cho cả nhiệm kỳ và cho từng năm, trong đó có các văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ [H02.02.01]. Đảng ủy họp thường kỳ mỗi tháng một lần và họp đột xuất khi có yêu cầu, ban hành nghị quyết để thực hiện chức năng quản trị [H02.02.02]. Các nghị quyết này được Ban giám hiệu triển khai thông qua các quyết định quản lý theo các mảng công tác như đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Để thực thi chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch chiến lược, xây dựng và ban hành kế hoạch công tác hằng năm, ban hành các văn bản quản lý như: quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế hoạt động khoa học-công nghệ, quy chế tuyển dụng, quy chế đào tạo, bồi dưỡng, quy

chế thi đua khen thưởng, quy chế đánh giá, phân loại viên chức, quy định chế độ làm việc của giảng viên,... [H02.02.03], [H02.02.04], [H02.02.05], [H02.02.06], [H02.02.07], [H02.02.08] Các chi bộ và lãnh đạo các đơn vị trong trường có trách nhiệm triển khai các nghị quyết của Đảng ủy, các quyết định quản lý của Ban giám hiệu. Các tổ chức chính trị - xã hội đều có chương trình công tác theo nhiệm kỳ và ban hành các kế hoạch công tác từng năm, công tác chuyên đề, công tác chuyên môn và triển khai thực hiện đến viên chức, người lao động, người học là đoàn viên công đoàn, đoàn viên, hội viên để thực hiện [H02.02.09], [H02.02.10].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.3: Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Hệ thống quản trị của trường được tiến hành rà soát thường xuyên một cách có hệ thống, đáp ứng yêu cầu phát triển của trường qua từng giai đoạn.

Hàng năm, Đảng ủy trường thực hiện các hoạt động sơ kết, tổng kết, tiến hành đánh giá đối với tập thể Đảng ủy và các đảng ủy viên. Tiêu chí đánh giá được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Đảng ủy DHQG-HCM. Công tác quy hoạch cán bộ cũng được Đảng ủy trường tiến hành rà soát thường xuyên nhằm tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của trường một cách chủ động, có tầm nhìn chiến lược, nhằm kiểm soát được tình trạng thiếu hụt đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, bảo đảm tính kế thừa, phát triển và sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ cán bộ; giữ vững ổn định, đoàn kết nội bộ. Trong quá trình rà soát, quy hoạch cán bộ, Đảng ủy đánh giá từng trường hợp cụ thể để đưa vào quy hoạch những người có triển vọng phát triển và đưa ra khỏi quy hoạch những người không còn đủ điều kiện, tiêu chuẩn [H02.03.01].

Hàng năm, nhà trường thực hiện hoạt động tổng kết trong năm học trên tất cả các mảng công tác của trường như: công tác chính trị tư tưởng; công tác tổ chức - nhân sự; công tác đào tạo - tuyển sinh; công tác nghiên cứu khoa học, quan hệ đối ngoại; công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng; công tác cơ sở vật chất - thiết bị, công tác kế hoạch - tài chính; công tác sinh viên, công tác thanh tra - pháp chế; công đoàn, đoàn thanh niên, hội sinh viên,... Những tồn tại, hạn chế cũng được phân tích nguyên nhân, làm rõ trách nhiệm của các đơn vị có liên quan, từ đó nhà trường có chỉ đạo để các đơn vị triển khai thực hiện đạt kết quả tốt hơn. [H02.01.07], [H02.01.08].

Hệ thống các quy định, quy chế của trường cũng được rà soát hàng năm để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, quy chế đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và phù hợp với các quy định của các cấp có thẩm quyền.

Các hội đồng tư vấn như Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng Đảm bảo chất lượng họp định kỳ 2 lần/năm và đột xuất khi có yêu cầu. Các hội đồng này có nhiệm vụ tư vấn cho hiệu trưởng về các lĩnh vực đào tạo, khoa học - công nghệ, quan hệ đối ngoại và đảm bảo chất lượng của trường [H02.03.02], [H02.03.03]. Các hội đồng tư vấn khác thực hiện theo nhiệm vụ được giao và thường xuyên được rà soát, kiện toàn nhằm đáp ứng tốt yêu cầu tư vấn cho hiệu trưởng trong các mảng công tác của trường. Công tác giao ban hằng tháng được thực hiện vào mỗi thứ hai đầu tháng nhằm tổng kết các

hoạt động trong tháng của trường cũng như kế hoạch công tác cho tháng tiếp theo của các đơn vị chức năng cũng như các đơn vị chuyên môn.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.4: Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn

Hệ thống quản trị của trường thường xuyên được rà soát và cải tiến, giúp tăng hiệu quả hoạt động của trường cũng như giúp kiểm soát tốt các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hoạt động.

So với giai đoạn đánh giá 2011-2015, trong giai đoạn đánh giá 2017-2021, hệ thống quản trị của trường đã có một số cải tiến cho phù hợp với thực tiễn và các quy định hiện hành. Cụ thể, nhà trường đã thành lập được Hội đồng trường [H02.04.01], ban hành mới Quy trình quản lý nhân sự năm 2020 [H02.04.02]; đã tiến hành rà soát, ban hành mới cũng như điều chỉnh, bổ sung nhiều văn bản phục vụ cho công tác lãnh đạo quản lý cho phù hợp với Quy chế tổ chức và hoạt động trường thành viên của ĐHQG-HCM (ban hành năm 2016, thay thế cho Quy chế tổ chức hoạt động Trường Đại học Khoa học Tự nhiên năm 2006); quy định về chế độ làm việc của giảng viên năm 2021 được ban hành để thay thế cho quy định về chế độ làm việc của giảng viên năm 2014 (sửa đổi năm 2016) [H02.04.03]; đổi tên Khoa Khoa học Vật liệu thành Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu năm 2017, đổi tên Phòng Quan hệ Quốc tế - Quản lý dự án thành Phòng Quan hệ đối ngoại và điều chỉnh quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng chức năng năm 2018; sáp nhập Bộ môn Địa chất Dầu khí và Bộ môn Trầm tích - Địa chất biển thành Bộ môn Địa chất biển và Dầu khí năm 2018; sáp nhập Bộ môn Quản lý môi trường và Bộ môn Tin học môi trường thành Bộ môn Quản lý và Tin học môi trường năm 2020; sáp nhập Trung tâm nghiên cứu hợp chất thiên nhiên có hoạt tính sinh học vào Trung tâm khoa học và Công nghệ sinh học năm 2020 [H02.04.04]. Quy chế chi tiêu nội bộ cũng được nhà trường tiến hành rà soát và điều chỉnh hằng năm. Ngoài các quy định trên, nhà trường còn tiến hành điều chỉnh, bổ sung và ban hành nhiều văn bản khác phục vụ cho công tác quản lý, điều hành các hoạt động của trường như quy định về công tác tuyển dụng, quy định về công tác bổ nhiệm, quy định về công tác nghiên cứu khoa học, quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy định về công tác giáo vụ khoa,...

Các hội đồng tư vấn cho hiệu trưởng như Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến [H02.04.05], Hội đồng thi đua khen thưởng cũng được rà soát, bổ sung, thay thế về chức năng, nhiệm vụ khi có các văn bản mới quy định của Nhà nước và thay thế khi có nhân sự chuyển công tác hoặc nghỉ hưu nhằm đáp ứng tốt yêu cầu tư vấn cho hiệu trưởng trong các mảng công tác của trường [H02.04.06], [H02.04.07]. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị, nhà trường cũng thường xuyên đề cử các viên chức quản lý tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng dành cho các cán bộ quản lý như: các lớp cao cấp lý luận chính trị, các lớp trung cấp lý luận chính trị, các lớp quản lý, các lớp nghiệp vụ,... [H02.04.08]

- *Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.*

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 2

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Hệ thống quản trị được thành lập theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với bối cảnh của trường, đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro trong quá trình quản trị.

- Hệ thống quản trị luôn bám sát tình hình thực tiễn và các quy định hiện hành, kịp thời đưa ra các kế hoạch chiến lược, các định hướng phát triển, được thể chế hóa thông qua việc xây dựng và ban hành các văn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của trường.

- Hệ thống quản trị thường xuyên được rà soát, hoàn thiện và phát huy được vai trò, trách nhiệm trong triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động của trường.

- Hệ thống quản trị thường xuyên được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động và quản lý tốt các rủi ro, giúp cho công tác quản trị của trường ngày càng hoàn thiện và phát triển.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Một số hoạt động chưa phát huy hết được sức mạnh của hệ thống quản trị nhà trường.

- Do Hội đồng trường mới được thành lập nên chưa tham gia nhiều vào các quyết sách lớn của trường.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro trong quá trình quản trị.	P.TCHC	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Kịp thời đưa ra các kế hoạch chiến lược, các định hướng phát triển, được thể chế hóa thông qua việc xây dựng và ban hành các văn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của trường.	P.TCHC, Tổ KHCL	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
3	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, hoàn thiện và phát huy được vai trò, trách nhiệm trong triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động của trường.	P.TCHC	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động và quản lý tốt các rủi ro, giúp cho công tác quản trị của trường ngày càng hoàn thiện và phát triển.	P.TCHC	Hàng năm
5	Khắc phục tồn tại	Tăng cường chức năng giám sát và quyết nghị các chủ trương, chính sách mang tính chiến lược của Hội đồng trường	Hội đồng trường	Hàng năm
6	Khắc phục tồn tại	Tăng cường giám sát nội bộ trong các hoạt động của hệ thống quản trị nhà trường	Đảng ủy; Hội đồng trường; các phòng/khoa	Hàng năm
7	Khắc phục tồn tại	Rà soát thường xuyên hệ thống quản trị của trường để cải tiến các nội dung chưa tốt hoặc không còn phù hợp với bối cảnh, giúp kiểm soát tốt các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hoạt động	Đảng ủy; Hội đồng trường; các phòng/khoa	Hàng năm

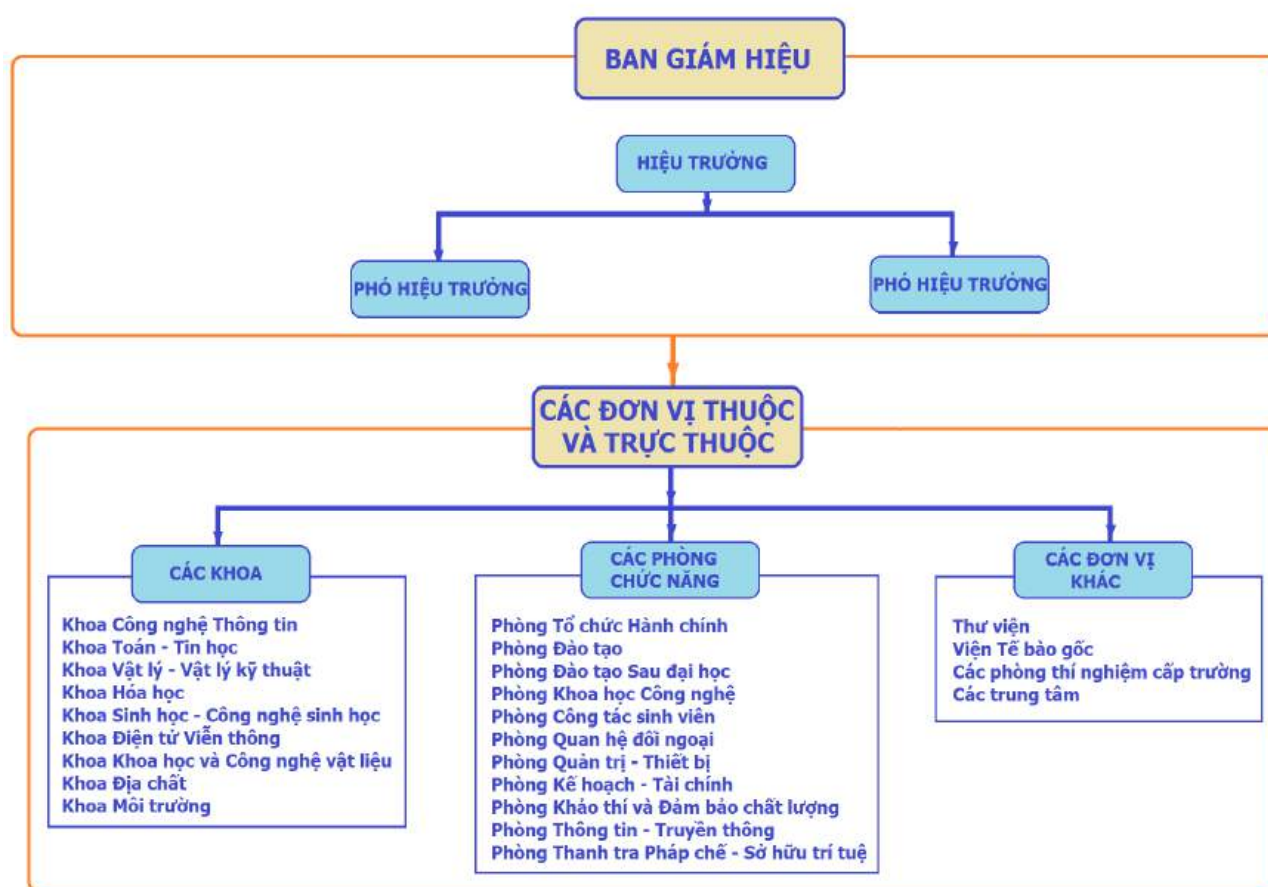
4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 2.1	5
Tiêu chí 2.2	5
Tiêu chí 2.3	5
Tiêu chí 2.4	5
Tiêu chuẩn 2	5,00

Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Hệ thống quản lý của trường gồm có Ban giám hiệu, 11 phòng chức năng, 1 thư viện, 9 khoa chuyên môn, 11 phòng thí nghiệm cấp trường, 15 trung tâm và 1 viện nghiên cứu trực thuộc trường [H03.01.01].



Hình 3.1.1. Sơ đồ hệ thống quản lý của trường

Ban giám hiệu gồm một hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng, phụ trách quản lý tất cả các hoạt động của trường. Vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của Ban giám hiệu, của hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM (QD867), được cụ thể hóa trong quyết định phân công nhiệm vụ của Ban giám hiệu. Theo đó, hiệu trưởng quản lý chung và trực tiếp phụ trách công tác kế hoạch, tổ chức nhân sự, kế hoạch tài chính, cơ sở vật chất trang thiết bị, đào tạo, khảo thí, đảm bảo chất lượng đào tạo; một phó hiệu trưởng phụ trách công tác khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ, quan hệ đối ngoại, tin học hóa; một phó hiệu trưởng phụ trách công tác sinh viên, tập huấn, tư vấn tuyển sinh, thanh tra, pháp chế, hoạt động của Đoàn TNCS-HCM, Hội sinh viên, quan hệ công chúng.

Chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc cũng được cụ thể hóa thông qua Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, đây là văn bản quan trọng để các đơn vị triển khai thực hiện các hoạt động của đơn vị [H03.01.02]. Nhân sự tham gia cơ cấu quản lý cũng được nhà trường phân định rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định và được thể chế hóa trong các văn bản quản lý của nhà trường như: Quy chế tổ chức và hoạt động, quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, viên chức hành chính và người lao động [H03.01.03].

Chủ tịch Hội đồng DHQG-HCM quyết định công nhận đối với chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên hội đồng; Giám đốc DHQG-HCM quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng; hiệu trưởng quyết định bổ nhiệm các trưởng, phó trưởng đơn vị thuộc và trực thuộc (phòng, khoa, trung tâm, bộ môn thuộc khoa,...) [H03.01.04], [H03.01.05]. Việc bổ nhiệm các vị trí quản lý của trường được thực hiện đúng theo văn bản hướng dẫn của DHQG-HCM, của Nghị định 115/2020/ND-CP. Việc bổ nhiệm các vị trí quản lý bao gồm 5 bước: đề xuất để phê duyệt chủ trương của tập thể lãnh đạo; tập thể lãnh đạo mở rộng giới thiệu nhân sự; tập thể lãnh đạo xem xét và giới thiệu nhân sự; lấy phiếu tín nhiệm tại hội nghị cán bộ chủ chốt; tập thể Đảng ủy thảo luận và biểu quyết nhân sự. Hiệu trưởng ban hành quyết định bổ nhiệm theo thẩm quyền [H03.01.06], [H03.01.07]. Các viên chức được bổ nhiệm đều nằm trong diện được quy hoạch, là người có trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm, có sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ. Mỗi vị trí quản lý của trường đều được mô tả công việc, xác định khung năng lực tối thiểu, được quy định trong Đề án vị trí việc làm của trường [H03.01.08].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 3.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Các hoạt động truyền tải thông tin về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của trường được cụ thể hóa trong các kế hoạch năm học và được phổ biến đến các đơn vị trực thuộc biết để triển khai thực hiện [H03.02.01], [H03.02.02].

Định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của trường, nhà trường đã thực hiện việc kết nối với các bên liên quan thông qua các buổi họp giao ban hàng tháng và các buổi họp giao ban của các nhóm chiến lược, trong đó nêu rõ được những nội dung đã làm được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó. Từ đó lãnh đạo nhà trường chỉ đạo kịp thời nhằm thực hiện tốt mục tiêu về sứ mạng, tầm nhìn của trường [H03.02.03].

Thông điệp về tầm nhìn, sứ mạng và định hướng chiến lược của của trường cũng được truyền tải đến các bên có liên quan thông qua việc đăng thông tin trên website của trường, trong các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày hội truyền thống, khai giảng năm học, hội nghị cán bộ viên chức và người lao động, giúp các bên liên quan

hiểu rõ hơn và đầy đủ hơn về định hướng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của trường [H03.02.02].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 3.3: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Nhà trường xác định rõ công tác rà soát và kiện toàn tổ chức bộ máy là công tác có vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển. Trong kế hoạch công tác hàng năm, nhiệm vụ rà soát về cơ cấu lãnh đạo và quản lý luôn được lãnh đạo trường quan tâm chú trọng và đưa vào kế hoạch để triển khai thực hiện. Để cụ thể hóa các quy định của Nhà nước về tổ chức bộ máy, nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản liên quan đến hoàn thiện hệ thống cơ cấu lãnh đạo quản lý như xây dựng và rà soát đề án vị trí việc làm theo định kỳ hằng năm, rà soát quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc, quy định về tiêu chuẩn và quy trình công tác cán bộ, quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc. Đây là những văn bản quan trọng để nhà trường tiến hành rà soát và hoàn thiện hệ thống cơ cấu lãnh đạo quản lý cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn.

Để đảm bảo tính hiệu quả của cơ cấu lãnh đạo và quản lý, hoạt động đánh giá viên chức quản lý không chỉ được thực hiện thường xuyên hàng năm mà còn được thực hiện đánh giá, lấy phiếu trước khi bổ nhiệm, khi hết nhiệm kỳ bổ nhiệm lại. Ngoài các tiêu chí đánh giá như đối với các viên chức khác, viên chức quản lý của trường còn phải đánh giá các nội dung như: kết quả hoạt động của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý; năng lực lãnh đạo, quản lý; năng lực tập hợp, đoàn kết viên chức [H03.03.01]. Các thành viên ban giám hiệu do Giám đốc ĐHQG-HCM đánh giá, các trưởng/phó trưởng đơn vị do hiệu trưởng đánh giá. Quy trình đánh giá đối với viên chức quản lý được thực hiện như sau: Viên chức quản lý tự viết báo cáo, đánh giá kết quả công tác theo chức trách nhiệm vụ được giao và trình bày trước cuộc họp của đơn vị. Kết quả đánh giá tại các đơn vị được tổng hợp và báo cáo tại cuộc họp Hội đồng đánh giá. Hội đồng căn cứ vào năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của đơn vị được giao quản lý, phụ trách xem xét và đưa ra kết luận đánh giá. Kết quả đánh giá được thông báo công khai đến các đơn vị, cá nhân [H03.03.02].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 3.4: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn

Trên cơ sở rà soát cơ cấu lãnh đạo và quản lý của trường cho phù hợp với Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại

học, nhà trường đã thực hiện quy trình thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025, đồng thời bầu các chức danh Chủ tịch và các thành viên Hội đồng trường [H03.04.01], [H03.04.02]. Nhằm thu hút sự tham gia của các bên liên quan trong việc đóng góp các ý kiến xây dựng và phát triển nhà trường, Hội đồng trường đã đề cử và bầu chọn các thành viên đại diện cho nhiều thành phần liên quan, bao gồm các thành phần đại diện cho Đảng ủy, đại diện cho công đoàn; đại diện lãnh đạo cơ quan chủ quản, đại diện cho giảng viên, đại diện cho viên chức, người lao động, đại diện cho người học tại trường, đại diện cho cựu sinh viên, đại diện cho đơn vị sử dụng lao động, nhà khoa học, nhà quản lý,... Thông qua các nghị quyết của các phiên họp Hội đồng trường, các hoạt động của nhà trường cũng được rà soát và cải tiến để phát triển hơn và tiếp cận gần hơn với nhu cầu của xã hội.

Cơ cấu lãnh đạo và quản lý cũng được rà soát và cải tiến theo nhiệm kỳ của Đảng bộ trường. Cụ thể, Đại hội Đại biểu Đảng bộ trường Nhiệm kỳ 2020-2025 đã đưa ra phương hướng hoạt động và hệ thống các chỉ tiêu của nhiệm kỳ, làm cơ sở để nhà trường xây dựng hệ thống chỉ tiêu cải tiến chất lượng các hoạt động cho Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, Đảng bộ trường cũng đã bầu chọn Ban chấp hành Nhiệm kỳ 2021-2025 để vận hành hệ thống lãnh đạo và quản lý của nhà trường, nhằm hướng đến việc tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc như quyết nghị của đại hội kỳ vọng [H03.04.03], [H03.04.04].

Việc rà soát, cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý cũng được tiến hành thường xuyên, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành. Hoạt động rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý các cấp được thực hiện hằng năm nhằm bổ sung những nhân sự đáp ứng được các điều kiện để lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và đưa ra khỏi danh sách quy hoạch những nhân sự không còn đủ điều kiện. Cụ thể, sau khi tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các trường thành viên DHQG-HCM, ngày 17/8/2016, Giám đốc DHQG-HCM đã ký ban hành Quyết định số 867/QĐ-DHQG quy định Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc DHQG-HCM. Ngày 11/7/2017, trường đổi tên Khoa Khoa học Vật liệu thành Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu; ngày 29/10/2018, trường đổi tên Phòng Quan hệ quốc tế và Quản lý dự án thành Phòng Quan hệ đối ngoại. Đồng thời, một số bộ môn trực thuộc các khoa cũng được sáp nhập hoặc đổi tên cho phù hợp với thực tiễn [H03.04.05], [H03.04.06].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 3

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Thiết lập được cơ cấu quản lý rõ ràng, phân định rõ các vai trò, trách nhiệm của các nhân sự quản lý. Các quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo được thể chế hóa trong các văn bản quản lý nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của trường.

- Thiết lập được các hoạt động nhằm chủ động truyền tải thông tin, kết nối đến các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của trường.

- Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của trường thường xuyên được rà soát, hoàn thiện và phát huy được vai trò, trách nhiệm của từng cá nhân trong bộ máy quản lý, giúp cho cơ cấu quản lý của trường ngày càng hoàn thiện và phù hợp với thực tiễn.

- Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của trường thường xuyên được cải tiến để tăng hiệu quả quản lý nhằm đạt được các mục tiêu, kế hoạch của trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Do biến động về nhân sự, đến nay vẫn chưa kiện toàn bộ máy quản lý theo nhiệm kỳ mới của hiệu trưởng, vẫn còn đang thiếu một vị trí một phó hiệu trưởng.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý vẫn còn một số hạn chế nhất định.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Thế chế hóa quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo trong các văn bản quản lý nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của trường.	P.TCHC	Năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Chủ động truyền tải thông tin, kết nối đến các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của trường.	P.TCHC, P.TTTT	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, hoàn thiện và phát huy được vai trò, trách nhiệm của từng cá nhân trong bộ máy quản lý, giúp cho cơ cấu quản lý của trường ngày càng hoàn thiện và phù hợp với thực tiễn.	P.TCHC, Văn phòng Đảng ủy	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cải tiến để tăng hiệu quả quản lý nhằm đạt được các mục tiêu, kế hoạch của trường.	P.TCHC, Văn phòng Đảng ủy	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
5	Khắc phục tồn tại	Sớm thực hiện quy trình bổ nhiệm một phó hiệu trưởng theo đúng quy định	Đảng ủy; Hội đồng trường; P.TCHC	2022
6	Khắc phục tồn tại	Có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hằng năm, bao gồm việc thống kê đối tượng cần đào tạo, bồi dưỡng và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chi tiết	P.TCHC	Hằng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	5
Tiêu chí 3.4	5
Tiêu chuẩn 3	5,00

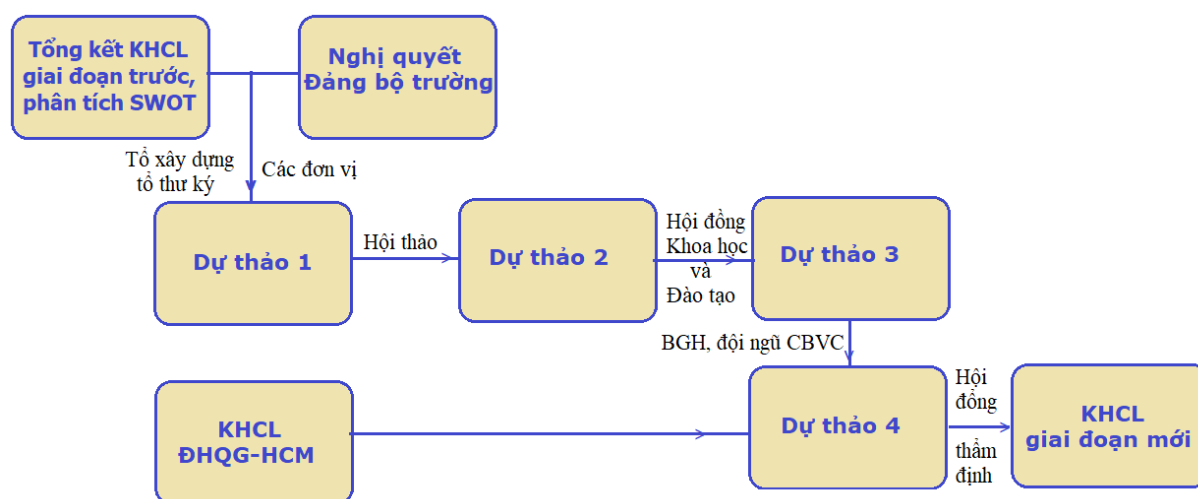
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1: Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được hình thành qua quá trình phân tích sứ mạng, các mục tiêu chung, các chiến lược tổng quát, và việc phân bổ nguồn lực của trường. Việc xây dựng kế hoạch chiến lược được lãnh đạo trường giao cho tổ xây dựng kế hoạch chiến lược, tổ thư ký cùng các đơn vị trong trường phối hợp thực hiện, trong đó Phòng Tổ chức Hành chính là đơn vị thường trực phụ trách xây dựng, theo dõi kế hoạch, giám sát thực hiện kế hoạch chiến lược của trường [H04.01.01].

Bản dự thảo lần 1 của kế hoạch chiến lược 2016-2020 được xây dựng trên cơ sở tổng kết việc thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2011-2015, phân tích bối cảnh - kỳ vọng trong giai đoạn mới và các nghị quyết của đại hội Đảng bộ trường, của ĐHQG-HCM [H04.01.02], [H01.01.03].

Quy trình xây dựng chi tiết được minh họa bằng mô hình sau:



Hình 4.1.1. Mô hình thực hiện quy trình xây dựng KHCL của trường

- Dự thảo 1 được thảo luận, góp ý tại Hội thảo xây dựng kế hoạch chiến lược của trường (Hội thảo Lần 1).
- Dự thảo 2 được hình thành dựa trên góp ý chỉnh sửa tại Hội thảo lần 1 và tiếp tục đưa ra thảo luận, góp ý trong cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường (Hội thảo Lần 2).
- Dự thảo 3 hình thành dựa trên việc chỉnh sửa theo các góp ý tại Hội thảo lần 2 và tiếp tục xin ý kiến của Ban Giám hiệu và tập thể cán bộ viên chức - người lao động của trường (Hội thảo Lần 3).
- Dự thảo 4 hình thành dựa trên việc chỉnh sửa theo các góp ý tại Hội thảo lần 2, đồng thời chỉnh sửa và bổ sung cho phù hợp với kế hoạch chiến lược của ĐHQG-HCM. Dự thảo 4 sau khi hoàn thiện sẽ được trình ĐHQG-HCM phê duyệt.

KHCL 2016-2020, tầm nhìn đến 2030 của trường đã được bổ sung chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng thẩm định kế hoạch chiến lược DHQG-HCM. Để đạt được tầm nhìn và sứ mạng cùng với những mục tiêu tổng thể, KHCL 2016-2020 được xây dựng theo từng lĩnh vực với 5 nhóm chiến lược: đào tạo đại học - sau đại học, khoa học công nghệ, quan hệ đối ngoại và văn hóa, phát triển đội ngũ và hoàn thiện hệ thống quản trị đại học, phát triển cơ sở vật chất và phát triển nguồn lực tài chính. Các chiến lược được cụ thể hóa với 18 chiến lược thành phần và 53 giải pháp khác nhau [H04.01.04], [H04.01.05].

Trường xác định chiến lược tổng thể về đào tạo đại học - sau đại học phù hợp với sứ mạng là trung tâm đào tạo đại học, sau đại học, cung cấp nguồn nhân lực, đội ngũ chuyên gia chất lượng cao thông qua các chiến lược thành phần như:

- Xây dựng các chương trình đào tạo bậc đại học định hướng nghiên cứu.
- Phát triển các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội.
- Tăng cường công tác tuyển sinh và tăng quy mô đào tạo sau đại học.
- Cải tiến chương trình, phương pháp, quản lý đào tạo.
- Đảm bảo chất lượng đào tạo.

Bên cạnh đó, với sứ mạng là nơi thực hiện những nghiên cứu khoa học đỉnh cao, trường đã có kế hoạch chiến lược tổng thể về khoa học công nghệ với các chiến lược thành phần hoàn toàn phù hợp với sứ mạng đã các định:

- Xây dựng được tiềm lực nghiên cứu mạnh tạo ra các sản phẩm khoa học công nghệ xuất sắc.
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn.
- Tăng cường quản lý hoạt động khoa học công nghệ và sản phẩm khoa học công nghệ.

Với sứ mạng, tầm nhìn đã nêu, các kế hoạch chiến lược tổng thể về quan hệ đối ngoại và văn hóa được cụ thể hóa bởi các chiến lược thành phần nhằm thực hiện đúng sứ mạng, tầm nhìn đã đề ra và giữ gìn các giá trị truyền thống tốt đẹp:

- Nâng cao trình độ tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế.
- Nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ thông qua hợp tác quốc tế.
- Gia tăng nguồn lực thông qua hợp tác quốc tế.
- Kết nối hiệu quả cựu giáo chức, cựu sinh viên.
- Tăng cường hợp tác với địa phương, hợp tác với doanh nghiệp.

Để thực hiện được các mục tiêu đã đề ra thì việc phát triển đội ngũ và hoàn thiện hệ thống quản trị đại học là yếu tố quan trọng, các chiến lược thành phần cho thấy nhà trường luôn quan tâm đến đội ngũ viên chức, người lao động:

- Xây dựng đội ngũ.
- Nâng cao năng lực quản trị hệ thống.

Ngoài các yếu tố trên, thì việc phát triển cơ sở vật chất và phát triển nguồn lực tài chính là không thể thiếu. Để khẳng định được thương hiệu cũng như quảng bá hình ảnh trường nhằm đạt được sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi trường đã cụ thể hóa mục tiêu bằng các chiến lược thành phần như:

- Xây dựng, phát triển cơ sở vật chất.
- Phát triển nguồn lực tài chính.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính.

Như vậy các kế hoạch tổng thể và kế hoạch thành phần hoàn toàn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi mà trường đã đề ra cùng với kế hoạch chiến lược phát triển trường.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 4.2: Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Trong quản trị chiến lược của trường, sau khi kế hoạch chiến lược chính thức ban hành sẽ được phổ biến tới các đơn vị, đăng tải công khai cho toàn thể đội ngũ viên chức - người lao động cũng như các bên liên quan nắm rõ và cùng thực hiện. Đây là cơ sở để trường xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn cụ thể như kế hoạch hoạt động năm học. Đồng thời cũng là cơ sở để đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động hằng năm; là kim chỉ nam cho tất cả các hoạt động; là cơ sở để định hướng tư duy quản lý và lãnh đạo một cách nhất quán; là cơ sở để kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động và điều chỉnh các mặt hoạt động của năm hay theo giai đoạn phát triển; là cơ sở để nhận dạng, xác định, xếp hạng thứ tự ưu tiên đầu tư đối với các lĩnh vực hoạt động; là nguồn thông tin, dữ liệu phục vụ cho việc xây dựng các kế hoạch phụ trợ và kế hoạch dự phòng; là nguồn thông tin để quảng bá thông tin, dữ liệu về tiềm năng hợp tác của trường để thu hút sự quan tâm của các đối tác trong và ngoài nước [H04.02.01].

Các đơn vị có liên quan đến các nhóm chiến lược sẽ căn cứ trên kế hoạch chiến lược chung để xây dựng kế hoạch hoạt động theo mảng công tác từng năm hay theo học kỳ. Bên cạnh đó, việc triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược còn thông qua kế hoạch triển khai kế hoạch chiến lược thực hiện theo năm học, kế hoạch hoạt động trong báo cáo

giao ban hàng tháng, báo cáo công tác theo quý [H04.02.02], [H04.02.03], [H04.02.04], [H04.02.05], [H04.02.06].

Bảng 4.2.1. Bảng phân công phụ trách các nhóm chiến lược của trường

STT	Nhóm chiến lược	Đơn vị phụ trách
1	Các chiến lược về đào tạo	- Phòng Đào tạo - Phòng Đào tạo Sau đại học - Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
2	Các chiến lược về khoa học và công nghệ	- Phòng Khoa học công nghệ
3	Các chiến lược về quan hệ đối ngoại	- Phòng Quan hệ đối ngoại - Phòng Công tác sinh viên - Phòng Thông tin - Truyền thông
4	Các chiến lược về xây dựng đội ngũ và quản trị hệ thống	- Phòng Tổ chức - Hành chính - Phòng Thông tin truyền thông - Phòng Thanh tra Pháp chế-SHTT
5	Các chiến lược về phát triển cơ sở vật chất và phát triển nguồn lực tài chính	- Phòng Quản trị thiết bị - Phòng Kế hoạch - Tài chính

Kế hoạch hoạt động hằng năm thuộc nhóm chiến lược về đào tạo được xây dựng bám sát trên mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của kế hoạch chiến lược. Kế hoạch cụ thể luôn hướng đến việc xây dựng các chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu xã hội, thường xuyên cải tiến chương trình, phương pháp và quản lý đào tạo, luôn chú trọng đảm bảo chất lượng đào tạo. Nhóm chiến lược về khoa học và công nghệ được cụ thể hóa với các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn đảm bảo xây dựng tiềm lực nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng nghiên cứu khoa học vào thực tiễn, tăng cường quản lý hoạt động khoa học công nghệ và sản phẩm khoa học công nghệ. Các kế hoạch ngắn hạn hay trung hạn thuộc nhóm chiến lược về quan hệ đối ngoại được xây dựng nhằm đảm bảo gia tăng nguồn lực hợp tác trong và ngoài nước, sự liên kết giữa các nhóm sinh viên hay cựu giáo chức, tăng cường hợp tác với địa phương và doanh nghiệp. Nhóm chiến lược về phát triển đội ngũ và hoàn thiện hệ thống quản trị đại học được xây dựng bám sát với từng mục tiêu trong kế hoạch chiến lược, đảm bảo phát triển đội ngũ đáp ứng vị trí việc làm. Trường đã hoàn thiện đề án vị trí việc làm, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng theo năm. Nhóm chiến lược phát triển cơ sở vật chất và phát triển nguồn lực tài chính thực hiện mục tiêu tiếp tục xây dựng phát triển cơ sở theo quy hoạch của DHQG-HCM. Trường đã xây dựng các kế hoạch đầu tư tương ứng, hoàn thiện lại quy hoạch nội thành. Kế hoạch hoàn thiện đề án đổi mới cơ chế hoạt động đã được hoàn thiện, đề án xã hội hóa cũng đang được triển khai. Các kế hoạch hướng đến gia tăng nguồn lực tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và các nguồn lực. Việc thực hiện kế hoạch chiến lược được giao cho ban chỉ đạo và tổ triển khai kế hoạch chiến lược. Xuyên suốt kế hoạch chiến lược được sự kiểm tra, giám sát của Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ, tổ giám sát thực hiện kế hoạch chiến lược, cùng thực hiện của các khoa và dưới sự thông qua của Hội đồng khoa học và của Đảng ủy [H04.02.07], [H04.02.08], [H04.02.09], [H04.02.10].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 4.3: Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Để đo lường và giám sát việc đạt được các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2016-2020, các chỉ số đo lường chung đã được xây dựng, cụ thể trong bảng sau [H04.03.01]:

Bảng 4.3.1. Bảng hệ thống các chỉ tiêu trong KHCL 2016-2020

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Năm 2020
1	Quy mô đại học chính quy (sinh viên)	11.500
2	Quy mô cao đẳng chính quy	0
3	Tỷ lệ quy mô sau đại học/đại học chính quy	20%
4	Tỷ lệ quy mô các hệ đào tạo đại học khác/đại học chính quy	15%
5	Số ngành định hướng Đại học nghiên cứu	3
6	Số lượng ngành học mới mở	ĐH: 2 SDH: 3
7	Số lượng ngành học triển khai CDIO	9
8	Số lượng chương trình đào tạo được kiểm định theo tiêu chuẩn AUN-QA và các chuẩn khác	6
9	Kiểm định theo tiêu chuẩn Bộ Giáo dục và Đào tạo	1
10	Số lượng đơn vị nghiên cứu đạt trình độ khu vực/thế giới	2
11	Số lượng nhóm nghiên cứu trọng điểm	4
12	Số lượng nhóm nghiên cứu liên ngành	2
13	Số lượng bài báo khoa học/cán bộ cơ hữu (trong 5 năm)	3,1
14	Số lượng bài báo khoa học quốc tế/tiến sĩ (trong 5 năm)	0,8
15	Số lượng sở hữu trí tuệ	25
16	Số lượng dự án khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo	3
17	Số lượng CTĐT Đại học/Sau đại học mới hợp tác với nước ngoài	10
18	Số lượng bản ghi nhớ hợp tác (MOU) mới	20
19	Số lượng chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu quốc tế	20
20	Tỷ lệ sinh viên chính quy/cán bộ giảng dạy cơ hữu	16:1
21	Tỷ lệ cán bộ giảng dạy có học vị tiến sĩ/cán bộ giảng dạy cơ hữu	40%

Các KPIs được xác lập rõ ràng, đo lường được, có tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn của trường, phù hợp với sứ mạng, giá trị cốt lõi mà trường đã xây dựng. Đối với từng nhóm chiến lược sẽ có các chỉ số đo lường, đánh giá kết quả thực hiện tương ứng cho mỗi lĩnh vực.

Bảng 4.3.2. Chỉ số đo lường/đánh giá các chiến lược về đào tạo

STT	Chiến lược/mục tiêu	Chỉ số đo lường/đánh giá
1	Xây dựng các CTĐT bậc đại học định hướng nghiên cứu	03 CTĐT định hướng nghiên cứu
2	Phát triển các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội	Số lượng CTĐT mới, CTĐT chất lượng cao, CTĐT liên kết mới; tính liên thông, định hướng tốt nghiệp của CTĐT đại trà tăng.
3	Tăng cường công tác tuyển sinh và tăng quy mô đào tạo SDH	Tuyển sinh đại học đạt quy mô theo kế hoạch; quy mô SDH/DH tăng.
4	Cải tiến chương trình, phương pháp, quản lý đào tạo	100% CTĐT chính quy bậc đại học định hướng ứng dụng được áp dụng mô hình CDIO; có hệ thống các môn học E-learning; có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.
5	Đảm bảo chất lượng đào tạo	6 CTĐT được kiểm định AUN-QA hoặc chuẩn khác; đạt trên 90% bộ tiêu chuẩn kiểm định MOET giai đoạn 2016-2020.

Bảng 4.3.3. Chỉ số đo lường/đánh giá các chiến lược về khoa học và công nghệ

STT	Chiến lược/mục tiêu	Chỉ số đo lường/đánh giá
1	Xây dựng được tiềm lực nghiên cứu mạnh tạo ra các sản phẩm khoa học công nghệ xuất sắc	Số phòng thí nghiệm đầu tư chiều sâu mới; số đơn vị nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đạt trình độ khu vực và thế giới; số lượng bài báo khoa học quốc tế/tiến sĩ tăng.
2	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn	3 - 5 dự án khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo; tăng số lượng sở hữu trí tuệ.

Bảng 4.3.4. Chỉ số đo lường/đánh giá các chiến lược về quan hệ đối ngoại

STT	Chiến lược/mục tiêu	Chỉ số đo lường/đánh giá
1	Nâng cao trình độ tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế	Mức độ đáp ứng đối với tiềm năng hợp tác quốc tế của trường
2	Nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ thông qua hợp tác quốc tế	Số lượng trao đổi người học giảng viên với nước ngoài gia tăng; có đơn vị nghiên cứu, nhóm nghiên cứu liên ngành đa phương quốc tế; số lượng bài báo quốc tế từ nhóm nghiên cứu liên ngành đa phương quốc tế tăng.

STT	Chiến lược/mục tiêu	Chỉ số đo lường/đánh giá
3	Gia tăng nguồn lực thông qua hợp tác quốc tế	Tăng số lượt giảng viên, nghiên cứu viên nhận học bổng nước ngoài để nâng cao trình độ, thực tập ngắn hạn; kinh phí đề tài/dự án, tài trợ từ nước ngoài tăng.
4	Kết nối hiệu quả cựu giáo chức, cựu sinh viên	Tăng sự tài trợ, đóng góp của cựu giáo chức, cựu sinh viên.
5	Tăng cường hợp tác với địa phương, hợp tác với doanh nghiệp	Tăng số lượng CTDT, khóa tập huấn, huấn luyện, đề tài/dự án nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ địa phương; tăng tài trợ từ doanh nghiệp.

Bảng 4.3.5. Chỉ số đo lường/đánh giá các chiến lược về phát triển đội ngũ và hoàn thiện hệ thống quản trị đại học

STT	Chiến lược/mục tiêu	Chỉ số đo lường/đánh giá
1	Phát triển đội ngũ	Đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu đáp ứng tiêu chuẩn của trường đại học định hướng nghiên cứu.
2	Hoàn thiện hệ thống quản trị đại học	Hệ thống phần mềm quản trị toàn bộ các mặt hoạt động, kết nối được hệ thống thông tin của DHQG-HCM.

Bảng 4.3.6. Chỉ số đo lường/đánh giá các chiến lược về phát triển cơ sở vật chất và phát triển nguồn lực tài chính.

STT	Chiến lược/mục tiêu	Chỉ số đo lường/đánh giá
1	Xây dựng, phát triển cơ sở vật chất	Hoàn thành 47% tổng diện tích xây dựng đã phê duyệt; quy hoạch lại cơ sở nội thành.
2	Phát triển nguồn lực tài chính	Đề án tự chủ tài chính phù hợp theo Nghị định 16/2015/ND-CP; tỷ lệ thu (ngoài nguồn ngân sách và học phí)/tổng nguồn thu tăng.

Các mục tiêu được xây dựng theo nguyên tắc SMART đi cùng các giải pháp và hoạt động cụ thể. Các chỉ số đo lường kết quả thực hiện là cơ sở để điều chỉnh các nội dung của kế hoạch chiến lược cho phù hợp với tình hình thực tế; là cơ sở để tổ giám sát theo dõi, kiểm tra và báo cáo về việc triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược. Trong các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuyên đề về xây dựng đều có thực hiện việc rà soát, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp tình hình thực tế [H04.01.04], [H04.01.05].

Năm 2019, sau khi thực hiện sơ kết việc triển khai kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020, trường đã có những rà soát và điều chỉnh kế hoạch chiến lược và được DHQG-HCM phê duyệt. Bảng sau cho thấy sự rà soát điều chỉnh này tuy còn một số chỉ tiêu chưa thực hiện được nhưng cơ bản đã đạt được các mục tiêu tổng thể đã đặt ra [H04.03.02].

Bảng 4.3.7. Bảng đánh giá về một số hệ thống KPIs giai đoạn 2016-2020

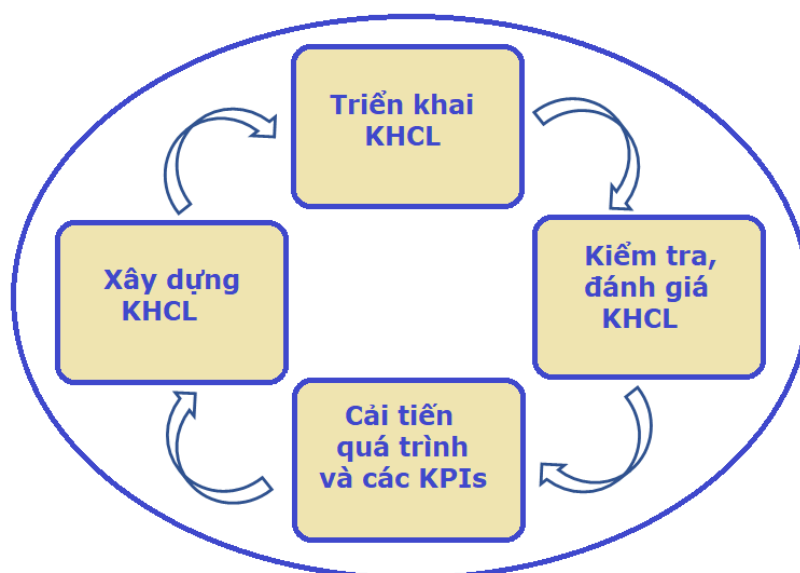
TT	Chỉ tiêu đánh giá	Năm 2020 (định hướng)	Năm 2020 (thực tế)	Đánh giá	Ghi chú
1	Quy mô đại học chính quy (sinh viên)	11.500	13.671	Vượt	
2	Số lượng ngành/ chuyên ngành mở mới	DH: 2 SDH: 3	DH: 5 SDH: 6	Vượt	
3	Số lượng ngành học triển khai CDIO	9	DH: 12 SDH: 3	Vượt	
4	Số lượng CTĐT được kiểm định theo AUN-QA và các chuẩn khác	6	6	Đạt	
5	Kiểm định theo tiêu chuẩn Bộ GD-ĐT	1	1	Đạt	
6	Số lượng đơn vị nghiên cứu đạt trình độ khu vực/thế giới	2	12	Vượt	
7	Số lượng nhóm nghiên cứu trọng điểm	4	7	Vượt	
8	Số lượng nhóm nghiên cứu liên ngành	2	4	Vượt	
9	Số lượng bài báo khoa học quy đổi/cán bộ cơ hữu (trong 5 năm)	3,1	3,94	Đạt	565 CBGD cơ hữu; 2226 bài báo, hội nghị
10	Số lượng bài báo khoa học quốc tế/tiến sĩ (trong 5 năm)	0,8	0,847	Đạt	244 TS (10 GS, 58 PGS); 1034 bài báo quốc tế
11	Số lượng sở hữu trí tuệ	25	25	Đạt	
12	Số lượng dự án khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo	3	3	Đạt	
13	Số lượng chương trình đào tạo DH/SDH mới hợp tác với nước ngoài	10	12	Đạt	
14	Số lượng bản ghi nhớ hợp tác (MOU) mới	20	159	Vượt	

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Năm 2020 (định hướng)	Năm 2020 (thực tế)	Đánh giá	Ghi chú
15	Số lượng chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu quốc tế	20	25	Đạt	
16	Tỷ lệ sinh viên chính quy/giảng viên cơ hữu	16:1	14,85:1	Đạt	13.671sv/917gv (quy đổi)
17	Tỷ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ/giảng viên cơ hữu	40%	43,19%	Đạt	

- **Điểm tự đánh giá cho tiêu chí:** 5/7.

Tiêu chí 4.4: Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được định kỳ rà soát, cải tiến cho phù hợp với mục tiêu chiến lược của trường. Quá trình đó được minh họa bằng mô hình sau:



Hình 4.4.1. Mô hình lập kế hoạch chiến lược của trường

Công tác rà soát, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai kế hoạch chiến lược thường xuyên là cơ sở để điều chỉnh, cải tiến. Dựa trên các báo cáo sẽ đối sánh giữa các năm, các giai đoạn, phân tích bối cảnh hiện tại, đánh giá việc xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược, từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến, kế hoạch hành động cho phù hợp. Trong quá trình lập kế hoạch chiến lược, trường đã hiệu chỉnh theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định [H04.04.01], [H04.01.02].

Đối với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính của kế hoạch chiến lược, nhà trường thực hiện công tác rà soát triển khai kế hoạch chiến lược hàng năm. Báo cáo sơ kết triển khai kế hoạch chiến lược thể hiện các kết quả cụ thể, các KPIs đã đạt được. Kết quả này sẽ được thông qua hội đồng khoa học và đào tạo, từ hội thảo sẽ tổng hợp ý kiến của hội đồng và đưa ra định hướng triển khai cho năm kế tiếp. Ngoài ra, trong quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược, về thành phần tổ xây dựng kế hoạch chiến lược có sự cải tiến về các bên liên quan. Trong giai đoạn 2016-2020, thành phần tổ xây dựng chưa có đại diện các khoa, Đoàn TNCS-HCM và Hội Sinh viên, các bên liên quan này sẽ tham gia xây dựng, góp ý khi đã có dự thảo lần 1. Tới giai đoạn 2021-2025, các thành phần này tham gia ngay từ khi dự thảo 1 được hình thành [H04.01.01], [H04.04.03].

Trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược 2016-2020, trường đã thực hiện việc cải tiến trong xây dựng kế hoạch chiến lược 2021-2025 cụ thể theo bảng sau [H04.04.04]:

Bảng 4.4.2. Bảng cải tiến các nhóm chiến lược

STT	KHCL 2016-2020	KHCL 2021-2025	Ghi chú
1	Các chiến lược về đào tạo	Các chiến lược về đào tạo và người học	Điều chỉnh, cải tiến, thêm người học
2	Các chiến lược về khoa học và công nghệ	Các chiến lược về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Điều chỉnh, cải tiến, thêm đổi mới sáng tạo
3	Các chiến lược về quan hệ đối ngoại	Nâng cao năng lực đối ngoại	Điều chỉnh
4	Các chiến lược về xây dựng đội ngũ và quản trị hệ thống	Đổi mới mô hình quản trị đại học và phát triển đội ngũ	Điều chỉnh
5	Các chiến lược về phát triển cơ sở vật chất và phát triển nguồn lực tài chính	Chiến lược về phát triển nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất	Điều chỉnh

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 4

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Đã xây dựng được kế hoạch chiến lược theo quy trình, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của TP.HCM và cả nước, thể hiện được tầm nhìn, đúng sứ mạng và giữ gìn được giá trị cốt lõi của trường.

- Các biện pháp giám sát, đánh giá công tác triển khai được tổ chức thực hiện một cách phù hợp, có tính linh động.

- Sự đoàn kết đồng lòng cùng tham gia của các bên liên quan trong việc xây dựng, triển khai thực hiện cũng như giám sát, đánh giá triển khai kế hoạch chiến lược đạt được hiệu quả mong muốn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Nguồn nhân lực phục vụ việc quản lý và đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược còn hạn chế.

- Chưa có chế tài cụ thể trong việc phát hiện và xử lý các đơn vị, cá nhân sai phạm hoặc thực hiện không đúng tinh thần của kế hoạch chiến lược đề ra.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật điều chỉnh (nếu có) để hoàn thiện quy trình xây dựng được KHCL phù hợp với thực tiễn.	P.TCHC	2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường giám sát, đánh giá và điều chỉnh KHCL (nếu có) kịp thời.	P.TCHC; các tổ KHCL	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường truyền thông và ghi nhận nguồn lực của các bên liên quan trong việc xây dựng, triển khai thực hiện cũng như giám sát, đánh giá triển khai KHCL.	P.TCHC, P.TTTT	Hàng năm
4	Khắc phục tồn tại	Tăng cường năng lực và số lượng nhân lực	P.TCHC	Hàng năm, theo KHCL 2021-2025
5	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chế tài xử lý sai phạm	P.TCHC	2022

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	5
Tiêu chí 4.3	5
Tiêu chí 4.4	5
Tiêu chuẩn 4	5,00

Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 5.1: Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Theo chức năng nhiệm vụ, trường phân công các đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách khác nhau. Cụ thể, việc phân chia được thể hiện bởi bảng sau [H05.01.01]:

Bảng 5.1.1. Bảng phân công chức năng thực hiện chính sách của các đơn vị

Đơn vị thực hiện	Nội dung thực hiện
Phòng Đào tạo	Các chính sách về đào tạo trình độ đại học
Phòng Đào tạo Sau đại học	Các chính sách về đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ
Phòng Khoa học công nghệ	Các chính sách về hoạt động nghiên cứu khoa học
Phòng Tổ chức - Hành chính	Các chính sách liên quan đến công tác tổ chức nhân sự, chế độ, chính sách đối với viên chức - người lao động về giảng dạy và nghiên cứu khoa học
Phòng Công tác sinh viên	Các chính sách đối với người học
Phòng Quan hệ đối ngoại	Các chính sách/dự án hợp tác quốc tế, hợp tác địa phương và doanh nghiệp nước ngoài
Phòng Thông tin truyền thông	Quản trị cổng thông tin/hệ thống mạng và công tác truyền thông
Phòng Kế hoạch - Tài chính	Các chính sách, quy trình thu-chi tài chính
Phòng Thanh tra pháp chế - Sở hữu trí tuệ	Các công tác liên quan đến hoạt động thanh tra, các vấn đề pháp lý và quản trị tài sản trí tuệ
Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Quản lý hoạt động đánh giá, thi học phần, khảo sát các bên liên quan và đảm bảo chất lượng đào tạo.

Trường có văn bản hướng dẫn xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Việc phân công các đơn vị phụ trách các mảng chiến lược phát triển nhà trường được nêu rõ trong kế hoạch triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược theo từng giai đoạn. Việc triển khai được phổ biến công khai cho các bên liên quan cùng nắm rõ và thực hiện cũng như giám sát. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học được thể hiện trong các quy chế, quy định về đào tạo, quy định chế độ làm việc của giảng viên, các quy định về hoạt động đào tạo, các quy định đối với sinh viên; quy định về hoạt động khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ... Các chính sách tập trung vào việc đa dạng hóa các loại hình nghiên cứu khoa học phục vụ nhu cầu giảng dạy, thể hiện qua các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế và trong nước, kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành, chuyển giao công nghệ. Về phục vụ cộng đồng,

trường quan tâm đến việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, các hoạt động mang tính từ thiện, tổ chức các hoạt động gây quỹ ủng hộ người nghèo, hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, hoạt động hỗ trợ sinh viên tìm việc làm, tư vấn hướng nghiệp,... [H05.01.02], [H05.01.03], [H05.01.04], [H05.01.05], [H05.01.06]

Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng là nhiệm vụ trọng tâm của trường. Quy trình xây dựng chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thực hiện theo hướng dẫn, bám sát các quy định của Nhà nước, Nghị định và Thông tư của Bộ GD&ĐT; quy chế và quy định về đào tạo, nghiên cứu khoa học của DHQG-HCM. Trong Kế hoạch chiến lược về đào tạo trường đã xác định mục tiêu cụ thể “Xây dựng được các chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu đáp ứng tiêu chuẩn phân tầng là trường đại học định hướng nghiên cứu theo Nghị định số 73/2015/NĐ-CP ngày 08/9/2015”, để đảm bảo các chính sách của trường bám sát và đúng quy định.

Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xây dựng dự thảo bởi các đơn vị, tiếp đó lấy ý kiến các bên liên quan trước khi thông qua Hội đồng và Ban giám hiệu phê duyệt. Phòng Tổ chức - Hành chính chịu trách nhiệm ban hành và thông tin đến các bên liên quan để triển khai thực hiện. Việc lập kế hoạch được lãnh đạo hướng dẫn cụ thể trong các cuộc họp xây dựng kế hoạch, họp thảo luận, họp đóng góp ý kiến. Các viên chức quản lý được tham gia các lớp bồi dưỡng như quản lý phòng nhằm nâng cao kỹ năng xây dựng kế hoạch chiến lược và các chính sách của trường. Các chính sách về đào tạo như: cấp học bổng dành cho tân sinh viên có kết quả thi đại học (hoặc tuyển thẳng) tốt nhất, học bổng toàn phần (trị giá bằng học phí toàn năm học đầu tiên) hoặc bán phần (trị giá bằng 1/2 học phí toàn năm học đầu tiên). Thưởng cho những sinh viên tốt nghiệp thủ khoa, tốt nghiệp xuất sắc, tốt nghiệp loại giỏi, sinh viên có thành tích xuất sắc. Nếu sinh viên đạt giải nhất/cúp vàng kỳ thi quốc gia, hay đạt giải cao trong kỳ thi khu vực/quốc tế thì được nhận học bổng toàn phần. Nếu đạt giải nhì/ ba/ cúp bạc/ cúp đồng kỳ thi quốc gia thì được nhận học bổng bán phần. Học viên cao học thuộc diện được tuyển thẳng và xét tuyển vào chương trình thạc sĩ được cấp học bổng tương đương 20% mức thu học phí theo năm tài chính hiện hành. Hỗ trợ chi phí thực tập, thực tế cho người học nhằm giúp người học tiếp cận với thực tế để nâng cao chất lượng đào tạo. Các chính sách về nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng như: đào tạo góp phần nâng cao trình độ khoa học và công nghệ đất nước; đóng góp phát triển trình độ khoa học công nghệ cho địa phương; phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh các lĩnh vực khoa học cơ bản truyền thống, gắn kết chặt chẽ với các đơn vị đào tạo; phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh liên ngành, gắn kết chặt chẽ với các đơn vị đào tạo; hình thành các đơn vị nghiên cứu mới gắn kết chặt chẽ với các đơn vị đào tạo để phát huy hiệu quả nguồn lực khoa học công nghệ; gắn nghiên cứu khoa học với nâng cao chất lượng đào tạo; hỗ trợ chi phí công tác biên soạn và phản biện giáo trình nhằm khuyến khích và hỗ trợ viên chức, người lao động biên soạn giáo trình đã xuất bản phục vụ cho công tác dạy và học trong trường; hỗ trợ đào tạo và đào tạo lại nhằm hỗ trợ viên chức học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tham quan học tập ngắn hạn ở nước ngoài; hỗ trợ chi phí hoạt động của công đoàn, Đoàn TNCS-HCM, Hội Sinh viên của trường trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động phục vụ cộng đồng; hỗ trợ kinh phí tham dự hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học; khen thưởng với các giải thưởng nghiên cứu khoa học xuất sắc có tính ứng dụng cao hay thuộc nhóm nghiên cứu mũi nhọn,... [H05.01.07].

Các chính sách đều được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về đào tạo, mức chi học bổng, nghiên cứu khoa học và hoàn toàn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi mà trường đã tuyên bố.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.2: Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện

Theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường, các đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách trực tiếp theo dõi giám sát sự tuân thủ các chính sách. Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, trong đó quy định rõ chức năng nhiệm vụ của công tác thanh tra và quy định tổ chức và hoạt động thanh tra của trường. Trường cũng đã ban hành một số văn bản quy định quy trình thực hiện chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, và hiện đang xây dựng quy định cụ thể về quy trình giám sát về các chính sách này [H05.01.02], [H05.01.03], [H05.01.04], [H05.01.05], [H05.01.06]

Các quy định về theo dõi, giám sát chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được phổ biến đến viên chức - người lao động và người học thông qua các đợt sinh hoạt đầu khóa; kế hoạch công tác năm học; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm học; kế hoạch nghiên cứu khoa học; kế hoạch thanh tra. Trong các buổi họp giao ban hàng tháng, lãnh đạo trường đã phổ biến việc thực hiện, theo dõi, giám sát các chính sách này đến trưởng các đơn vị để triển khai thực hiện. Hàng năm, các phòng chức năng có báo cáo tổng kết việc triển khai thực hiện các chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng thông qua báo cáo tổng kết công tác năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới. Việc triển khai thực hiện việc giám sát các chính sách được báo cáo thông qua các báo cáo của Ban thanh tra nhân dân, của Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và dân chủ trong trường [H05.02.01], [H05.02.02], [H05.02.03].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.3: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên

Trường có quy định về rà soát chính sách định kỳ hàng năm, trên cơ sở đó các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức rà soát, cập nhật các văn bản, quy chế, quy định do các quy định của Nhà nước thay đổi và nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan [H05.03.01].

Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát theo định kỳ hàng năm, theo kết luận tại các buổi họp giao ban hàng tháng và

tổng kết năm học của trường. Các đơn vị trong trường thực hiện rà soát các mảng công tác theo quy định về chức năng nhiệm vụ của đơn vị, cụ thể: Phòng Đào tạo có trách nhiệm tổ chức rà soát các chính sách liên quan đến đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, hệ vừa làm vừa học, đại học liên thông, song bằng, văn bằng hai; như cụ thể hóa các nội dung trong quy chế đào tạo, định kỳ sau mỗi khóa học có sự điều chỉnh, cập nhật, bổ sung và hoàn thiện chương trình đào tạo, bổ sung quy định chuẩn đầu ra; tham mưu, điều chỉnh các chính sách về học phí, cấp học bổng. Phòng Khoa học Công nghệ và Phòng Đào tạo Sau đại học chịu trách nhiệm tổ chức rà soát các quy định liên quan đến chính sách về đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, quản lý các hoạt động về khoa học và công nghệ, chính sách cấp kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, khen thưởng cho các công trình nghiên cứu đạt giải thưởng về nghiên cứu khoa học, định hướng ưu tiên xét duyệt đề tài cho các nhóm nghiên cứu mũi nhọn; Công đoàn trường, Đoàn TNCS-HCM và các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ phụ trách chịu trách nhiệm rà soát việc thực hiện các chính sách về phục vụ cộng đồng [H05.01.06], [H05.01.07], [H05.02.02], [H05.03.01].

Kế hoạch rà soát và nội dung rà soát các chính sách được thể hiện trong kế hoạch triển khai chiến lược phát triển trường. Nội dung rà soát các quy định, quy chế, rà soát chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra, phù hợp với nhu cầu xã hội. Việc thực hiện các chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được đánh giá thông qua báo cáo tổng kết năm học các phòng chức năng (như Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo Sau đại học, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Khoa học Công nghệ), báo cáo sơ kết thực hiện kế hoạch chiến lược và báo cáo tổng kết kế hoạch chiến lược, báo cáo khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan hay trong các buổi gặp gỡ đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo nhà trường và sinh viên [H05.03.01], [H05.03.02], [H05.03.03].

Chính sách về đào tạo như lựa chọn và thiết kế chương trình đào tạo có thể mạnh, đáp ứng với tiêu chí chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu đảm bảo tính liên thông với đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ, tăng cường tính linh hoạt, hội nhập quốc tế của chương trình đào tạo, xây dựng và vận hành được một số chương trình đào tạo mới, các chương trình chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội, tuyển được sinh viên, học viên sau đại học vừa đảm bảo chất lượng đầu vào, vừa phù hợp với đặc thù của trường, đồng thời đảm bảo tăng và đa dạng hóa quy mô đào tạo sau đại học hằng năm, thực hiện hiệu chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp thực tiễn trên cơ sở đề nghị của hội đồng khoa học của các khoa và đảm bảo theo các quy định hiện hành, tăng cường công tác quảng bá hình ảnh nhà trường [H05.03.02], [H05.03.03].

Về chính sách nghiên cứu khoa học, trường chú trọng tiềm lực nghiên cứu mạnh gắn kết chặt chẽ với đào tạo sau đại học để triển khai các nghiên cứu, chuyển giao về khoa học cơ bản, khoa học liên ngành, khoa học công nghệ mũi nhọn tạo ra các sản phẩm khoa học công nghệ xuất sắc. Trường đã tổ chức các buổi làm việc với các tỉnh Tây Nam Bộ giới thiệu thế mạnh đào tạo nghiên cứu của trường, giới thiệu 5 ngành trọng điểm đáp ứng nhu cầu phát triển khoa học công nghệ và 4 ngành đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực giáo viên các trường trung học phổ thông cho TP.HCM.

Việc rà soát kịp thời các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng làm cơ sở để điều chỉnh chính sách cho phù hợp thực tiễn và gắn với mục

tiêu phát triển trường luôn đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.4: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Thông qua việc rà soát thường xuyên các chính sách, kết quả khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng như ý kiến phản hồi của viên chức - người lao động thông qua hội nghị cán bộ viên chức hàng năm, báo cáo tổng kết năm học và khảo sát các bên liên quan do Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phụ trách, trường đã bổ sung, điều chỉnh và ban hành các văn bản quy định về chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng làm tăng hiệu quả hoạt động của trường [H05.04.01], [H05.04.02].

- *Các chính sách về hoạt động đào tạo:* Căn cứ các kết quả phân tích thực tế, trường đã tuyển chọn các chương trình đào tạo thế mạnh có khả năng, lựa chọn và thiết kế được chương trình đào tạo đáp ứng tiêu chí của chương trình định hướng nghiên cứu, từ đó thiết kế chương trình đào tạo liên thông với đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ theo định hướng nghiên cứu. Với cơ sở xây dựng chuẩn đầu ra chung về kiến thức khoa học cơ bản và kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho các ngành, từ đó trường đã hiệu chỉnh chương trình đào tạo của các ngành đáp ứng chuẩn đầu ra chung. Dựa trên việc xây dựng các chuẩn đầu ra riêng cho từng kiểu định hướng tốt nghiệp để điều chỉnh hợp lý các khối kiến thức cơ sở ngành và thiết kế khối kiến thức tùy chọn theo các định hướng khác nhau. Sau khi khảo sát nhu cầu mở chương trình đào tạo mới, trường đã điều chỉnh chương trình đào tạo/phương thức đào tạo ở các chuyên ngành phù hợp tình hình thực tế, cũng như tổ chức lại các chuyên ngành hẹp thành các nhóm chuyên ngành phù hợp nhu cầu thực tiễn xã hội. Nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc cải tiến chương trình đào tạo theo mô hình CDIO là bước cải tiến rõ rệt sau sự rà soát và khảo sát các bên liên quan về hoạt động cũng như chính sách đào tạo [H05.03.02], [H05.03.03].

- *Các chính sách về nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng:* So với Giai đoạn đánh giá 2011-2016, trường đã xúc tiến hoạt động khởi nghiệp, đổi mới - sáng tạo, chuyển giao công nghệ được. Xây dựng hệ thống các quy định về bảo vệ tài sản trí tuệ có nguồn gốc từ trường. Tham gia các chương trình hợp tác của ĐHQG-HCM với Bộ Khoa học và Công nghệ, với TP.HCM và chương trình Tây Nam Bộ. Tăng cường các đề tài/dự án phối hợp với các đơn vị trong ĐHQG-HCM để giải quyết các nhiệm vụ khoa học công nghệ tại TP.HCM và các tỉnh. Đẩy mạnh các sản phẩm chuyển giao công nghệ cho các địa phương, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ sinh học và công nghệ thông tin; ứng dụng tin học hóa trong quản lý hoạt động khoa học công nghệ và sản phẩm khoa học công nghệ; gắn kết chặt chẽ nghiên cứu khoa học với đào tạo; phát triển các công bố nghiên cứu khoa học đỉnh cao trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học liên ngành, khoa học công nghệ mũi nhọn; bước đầu có các sản phẩm phục vụ doanh nghiệp, phục vụ cộng đồng, phục vụ xã hội; hình thành được mô hình kết nối hiệu quả giữa nhà trường với cựu giáo chức, cựu sinh viên, huy động hiệu quả sự đóng góp của cựu giáo

chức, cựu sinh viên cho sự phát triển của nhà trường; tăng cường triển khai các chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương, tham gia các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ của địa phương; tăng cường hợp tác với doanh nghiệp để gia tăng nguồn lực, xúc tiến hoạt động khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo, chuyển giao công nghệ; mở rộng triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực khác theo nhu cầu của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; xây dựng chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với địa phương về ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, công nghệ sinh học, bảo vệ tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu [H05.03.02], [H05.03.03].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 5

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Trường có truyền thống nghiên cứu, yêu khoa học, gắn kết phục vụ cộng đồng.
- Đội ngũ cán bộ nghiên cứu có trình độ chuyên môn cao, người học có tư duy khoa học và nền tảng tốt.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc triển khai các chính sách chưa được đồng bộ do nguồn lực tài chính chưa dồi dào; Nguồn lực cho hoạt động khoa học công nghệ, đặc biệt là kinh phí, chưa đáp ứng được nhu cầu.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy truyền thống nghiên cứu, yêu khoa học, gắn kết phục vụ cộng đồng và tinh thần đoàn kết hợp tác cùng phát triển của toàn thể viên chức, người lao động, người học, các đối tác.	Tất cả các đơn vị	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh thi đua, khen thưởng động viên tinh thần toàn thể đội ngũ viên chức, người lao động cũng như người học.	P.TCHC, P.TTTT, P.KHTC, P.CTSV	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
3	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục tìm kiếm giải pháp nguồn lực tài chính để thực hiện các chính sách một cách đồng bộ trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	BGH; P.KHTC; P.KHCN; P.ĐT; P.ĐT-SDH; P.TCHC; P.QHDN	Hàng năm, theo KHCL 2021-2025

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	5
Tiêu chí 5.3	5
Tiêu chí 5.4	5
Tiêu chuẩn 5	5,00

Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1: Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực là mục tiêu tiên quyết của trường, nhằm đáp ứng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tầm quan trọng của việc quy hoạch nguồn nhân lực được nêu rõ trong Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 của trường, trong đó xác định việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp trong các đối tượng cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên và nhân viên phục vụ mà lực lượng giảng viên là lực lượng nòng cốt quyết định về chất lượng đào tạo, vị thế và thương hiệu của trường [H06.01.01].

Bảng 6.1.1. Hệ thống chỉ tiêu KHCL về nhân sự Giai đoạn 2021-2025

STT	Nội dung	KPI đến 2025
1	Số lượng GS/PGS toàn trường	tăng 10% năm
2	Tỷ lệ sinh viên chính quy/cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	18:1
3	Tỷ lệ cán bộ giảng dạy có học vị tiến sĩ/giảng viên	75%
4	Thu nhập bình quân của VC-NLD theo chức danh nghề nghiệp	tăng 10%/năm

Mục tiêu chung về phát triển nguồn nhân lực trong kế hoạch chiến lược là phát triển đồng bộ đội ngũ nhân lực của trường ở tất cả các lĩnh vực, đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu hợp lý về trình độ đào tạo và chuyên môn, chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của trường. Căn cứ vào kế hoạch chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, nhà trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, theo đó tiêu chí quy hoạch nguồn nhân lực được xác định cụ thể cho từng vị trí như: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, trưởng/phó trưởng đơn vị, giảng viên, chuyên viên và nhân viên phục vụ [H06.01.02].

Bảng 6.1.2. Bảng thống kê số lượng giảng viên cơ hữu theo trình độ

Học hàm/học vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Giáo sư	7	7	7	10	10
Phó giáo sư	41	54	52	57	57
Tiến sĩ/TSKH	161	180	176	173	167
Thạc sĩ	273	170	151	195	181
Cử nhân	12	15	14	14	16
Tổng cộng	494	426	400	448	431

Nguồn nhân lực hiện nay của trường cơ bản đáp ứng được cho nhu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên đảm bảo tỷ lệ sinh viên/giảng viên theo quy định của Bộ GD&ĐT. Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ

hữu, trường còn xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là những chuyên gia, giảng viên có học hàm, học vị cao, có nhiều kinh nghiệm thực tế từ các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước tham gia giảng dạy.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến

Các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, công tác tuyển dụng, bổ nhiệm tại trường được thực hiện theo quy định của Nhà nước và của ĐHQG-HCM. Ngoài ra, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn còn được quy định trong đề án vị trí việc làm của trường [H06.02.01]. Theo đó, các tiêu chí về khung năng lực của mỗi vị trí việc làm đều được xác định và được phổ biến công khai trong toàn trường [H06.02.02]. Căn cứ vào đề án vị trí việc làm, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức, trong đó xác định rõ tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn riêng đối với từng vị trí tuyển dụng [H06.02.03]. Kế hoạch tuyển dụng được thông báo công khai đến toàn thể các đơn vị và đăng trên website của trường, trong đó nêu rõ số lượng tuyển dụng, tiêu chuẩn, hình thức xét tuyển [H06.02.04]. Quy trình tuyển dụng được thực hiện đúng theo Luật Viên chức và các văn bản liên quan. Kết quả xét tuyển được công khai toàn trường và đến các ứng viên dự tuyển. Ngoài tuyển dụng theo hình thức xét tuyển, nhà trường còn thực hiện tuyển dụng qua xét tuyển đặc cách các trường hợp có học hàm, học vị cao hoặc người tốt nghiệp ở nước ngoài về.

Bảng 6.2.1. Bảng thống kê số lượng viên chức, người lao động được tuyển dụng theo ngạch lương, giai đoạn 2017-2022

Ngạch tuyển dụng	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	T1-8/2022
Giảng viên	3	5	2	1	8	9
Nghiên cứu viên	19	38	18	16	13	10
Chuyên viên	16	18	10	9	7	6
Cán sự	1	1	2	1		
Kỹ thuật viên	4	7	2	1	1	
Tổng cộng	49	95	46	38	44	52

Bảng 6.2.2. Bảng thống kê số lượng viên chức, người lao động được tuyển dụng theo học vị, giai đoạn 2017-2022

Học vị viên chức tuyển dụng	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	T1-8/2022
Tiến sĩ	3	4	2	0	6	9
Thạc sĩ	7	19	7	8	9	15
Cử nhân	30	44	24	27	26	21
Khác	9	28	13	3	3	7
Tổng cộng	49	95	46	38	44	52

Việc lựa chọn đề bạt, bổ nhiệm viên chức quản lý tại trường được thực hiện theo các quy định chung của Đảng và Nhà nước. Các tiêu chí, tiêu chuẩn được thông báo công khai đến toàn thể viên chức của trường, trong đó tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật là tiêu chí quan trọng nhất trong việc đề cử, bổ nhiệm viên chức quản lý [H06.02.05]. Đối với chức danh hiệu trưởng và phó hiệu trưởng, trường căn cứ vào quy định của DHQG-HCM và Điều lệ trường đại học. Đối với chức danh trưởng/phó trưởng đơn vị thuộc và trực thuộc, trường căn cứ vào quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc DHQG-HCM.

Quy trình bổ nhiệm lãnh đạo được thực hiện qua 5 bước: đề xuất để phê duyệt chủ trương, tổ chức lấy phiếu tín nhiệm tại đơn vị, tổ chức lấy phiếu tín nhiệm tại hội nghị cán bộ chủ chốt, xin ý kiến Đảng ủy, Ban giám hiệu và cuối cùng là ra quyết định.

Ngoài việc bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý, trường còn thực hiện quy trình bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cho các viên chức đủ điều kiện công nhận như chức danh giáo sư, phó giáo sư, đề nghị DHQG-HCM bổ nhiệm chức danh giảng viên chính, chuyên viên chính [H06.02.06].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.3: Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau

Trên cơ sở thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, nhà trường đã phân các vị trí việc làm thành 3 nhóm công việc như sau: Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành, nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp và nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ. Trong mỗi nhóm, các vị trí việc làm đều được mô tả công việc, khối lượng công việc và đưa ra tiêu chuẩn năng lực cụ thể cho vị trí việc làm đó [H06.01.01], [H06.01.02], [H06.03.01].

Đối với nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, uy tín, tư duy, khả năng đoàn kết, tập hợp, quy tụ viên chức trong đơn vị; yêu cầu về kỹ năng gồm có kỹ năng giao việc, ngoại giao, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng tổng hợp, phân tích, nhận định và đánh giá trong quản lý, điều hành công việc.

Đối với nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, có khả năng nghiên cứu khoa học, biên soạn bài giảng, có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học; yêu cầu về kỹ năng gồm kỹ năng giảng dạy, thuyết trình, xử lý tình huống, phân tích, tổng hợp, quản lý thời gian, làm việc nhóm.

Đối với nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích, tổng hợp và quản lý thời gian.

- *Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.*

Tiêu chí 6.4: Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên là yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và khẳng định uy tín, vị thế, thương hiệu của trường. Trong giai đoạn đánh giá, nhà trường đã cụ thể hóa mục tiêu chiến lược về đội ngũ viên chức, người lao động và xác định cho từng lộ trình cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ thông qua kế hoạch các năm học. Đề án vị trí việc làm được rà soát và cập nhật hằng năm của trường cũng đánh giá và xác định cụ thể công tác phát triển đội ngũ.

Bảng 6.4.1. Bảng thống kê số lượng viên chức, người lao động tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo từng năm

Tên chương trình đào tạo, bồi dưỡng	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Cao cấp Lý luận chính trị	-	5	3	1	2
Trung cấp Lý luận chính trị	-	1	2	19	8
Lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp phòng			21	8	9
Lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp vụ			4	2	1
Lớp quản trị đại học	5	6	7		
Các lớp nghiệp vụ hành chính, quản trị nhân lực	10	3		5	8
Các lớp đào tạo kiểm định viên chất lượng giáo dục đại học	3	2	2		
Các lớp đổi mới sáng tạo khởi nghiệp và phát triển thương hiệu	8		4		4
Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	260	54			
Lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn		4	6	7	5
Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, pháp chế, sở hữu trí tuệ	9	4	2	4	2
Lớp nghiệp vụ tài chính, kế toán	5	4	7		11
Lớp An ninh quốc phòng		320	214	6	
Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng khác	55	63	114		

Để quản lý và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động, căn cứ vào các văn bản quy định của Nhà nước, trường đã ban hành quy chế đào tạo,

bồi dưỡng viên chức, người lao động và triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng dựa trên nhu cầu thực tế của trường và của viên chức, người lao động [H06.04.01].

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao và cải tiến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nhà trường đã thực hiện công tác khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có phản hồi của đội ngũ viên chức, người lao động về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn để kịp thời rút kinh nghiệm trong công tác xây dựng kế hoạch hằng năm [H06.04.02]. Các thông tin phản hồi và góp ý được tổng hợp và báo cáo để nhà trường kịp thời điều chỉnh cho các giai đoạn tiếp theo.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.5: Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Để đánh giá hiệu quả công việc của viên chức và người lao động, nhà trường đã xây dựng quy trình đánh giá với tiêu chí rõ ràng thông qua quy định về đánh giá xếp loại viên chức - người lao động [H06.05.01]. Việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá có sự tham gia đóng góp ý kiến của các đơn vị liên quan. Phòng Tổ chức Hành chính làm đầu mối xây dựng kế hoạch, hướng dẫn tổ chức triển khai, đánh giá xếp loại viên chức - người lao động đến các đơn vị trong trường. Các đơn vị thực hiện đánh giá theo quy trình, trên cơ sở đó nhà trường họp xét và ban hành quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động hằng năm [H06.05.02].

Bảng 6.5.1. Bảng thống kê kết quả đánh giá viên chức, người lao động, giai đoạn 2017-2021

Năm	Tổng số viên chức, người lao động	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ	Ghi chú
2017	842	203	579	60	0	
2018	835	190	583	62	0	
2019	855	222	550	83	0	
2020	882	275	568	39	0	
2021	498	242	236	20	0	Chỉ đánh giá viên chức

Ngoài ra, nhà trường cũng thực hiện kế hoạch nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét nâng bậc lương trước thời hạn cho viên chức và người lao động. Các quy định được phổ biến, công khai đến toàn thể viên chức - người lao động thông qua email nội bộ. Căn cứ vào kết quả xếp loại viên chức - người lao động và quy định về công tác thi đua khen thưởng, hội đồng thi đua

khen thưởng tiến hành xét và đề nghị nhà trường và các cấp quản lý công nhận danh hiệu thi đua năm học [H06.05.03], [H06.05.04]. Kết quả đánh giá phân loại viên chức là căn cứ quan trọng để bố trí, sử dụng đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phân bổ kinh phí hằng năm.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 6.6: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên

Các chế độ, chính sách cho viên chức - người lao động luôn được thực hiện theo đúng quy định và kịp thời. Phòng Tổ chức Hành chính là đơn vị thường trực, tham mưu, triển khai rà soát và báo cáo việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực. Kết quả thực hiện rà soát các chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực còn được tổng hợp trong báo cáo tổng kết hằng năm của trường. Quá trình rà soát, đánh giá được thực hiện dựa trên các ý kiến góp ý của toàn thể viên chức nhà trường tại Hội nghị viên chức - người lao động hằng năm từ cấp đơn vị đến cấp trường cũng như thông qua hoạt động khảo sát sự hài lòng của viên chức - người lao động đối với các hoạt động hỗ trợ của trường [H06.06.01], [H06.06.02], [H06.06.03], [H06.06.04]. Trong quá trình rà soát, nhà trường ban hành mới hoặc điều chỉnh, bổ sung một số quy định, quy chế phù hợp với tình hình thực tế của trường như: quy chế tổ chức và hoạt động; quy định tiêu chuẩn, chế độ làm việc đối với viên chức - người lao động; quy chế đào tạo, bồi dưỡng; quy chế hoạt động khoa học và công nghệ; quy chế thi đua khen thưởng.

Ngoài ra, nhằm tăng cường tinh thần trách nhiệm và đảm bảo sự công bằng trong thực hiện nhiệm vụ, nhà trường đã ban hành “Quy chế chi tiêu nội bộ” hằng năm nhằm công khai các khoản thu, hình thức, mức thu và các khoản chi, hình thức, mức chi theo quy định hiện hành; tính toán cân đối khối lượng làm việc bao gồm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, các hoạt động hỗ trợ và các hoạt động khác dựa trên đóng góp của viên chức - người lao động và dựa vào tình hình thực tiễn của trường [H06.06.05], [H06.06.06].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 6.7: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Nhà trường thường xuyên điều chỉnh, bổ sung, cải tiến các chế độ, chính sách về nguồn nhân lực như chế độ lương, thưởng, phúc lợi, các chính sách về nghiên cứu khoa học, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cụ thể như sau: Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung theo năm học; chế độ, chính sách đối với các giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và có học vị tiến sĩ được kéo dài thời gian làm công tác chuyên môn và được xét hằng năm, theo đúng quy định.

Đề án vị trí việc làm của nhà trường cũng đã được xây dựng theo từng giai đoạn và được ĐHQG-HCM phê duyệt để triển khai thực hiện [H06.01.02], [H06.03.01]. Theo đó, trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2021, số lượng vị trí việc làm của trường là 61 vị trí và số lượng người làm việc là 832 người và từ năm 2021 là 64 vị trí việc làm với số lượng người làm việc là 949 người, trong đó 832 người do nguồn ngân sách nhà nước cấp và 117 người do nguồn thu sự nghiệp của đơn vị thực hiện chi trả [H06.07.01].

Đối với công tác quy hoạch và rà soát quy hoạch cán bộ quản lý, nhà trường thực hiện công tác quy hoạch nhân sự theo chu kỳ 5 năm và rà soát bổ sung quy hoạch theo định kỳ hằng năm [H06.07.02]. Các hoạt động quy hoạch và rà soát quy hoạch đều thực hiện theo kế hoạch chung của ĐHQG-HCM. Kết quả quy hoạch và rà soát bổ sung quy hoạch là cơ sở để nhà trường cũng như ĐHQG-HCM triển khai công tác bồi dưỡng và bổ nhiệm theo thẩm quyền quy định.

Ngoài ra, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ viên chức và người lao động được nhà trường thực hiện hằng năm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của viên chức - người lao động, đáp ứng yêu cầu công tác của trường. Các lớp đào tạo bồi dưỡng thường niên bao gồm các lớp lý luận chính trị, quản lý nhà nước, bồi dưỡng viên chức lãnh đạo quản lý, các lớp văn thư và các lớp tập huấn các nghiệp vụ khác,... [H06.04.01], [H06.04.02].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 4/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 6

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường có nguồn nhân lực được quy hoạch, đảm bảo đủ số lượng và đúng chất lượng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Các tiêu chí tuyển dụng cho từng vị trí công việc được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai, các vị trí được tuyển dụng đều đáp ứng được các tiêu chí của trường.

- Các năng lực và kinh nghiệm cho từng vị trí lãnh đạo, quản lý và các vị trí của giảng viên, của nhân viên được nêu rõ trong đề án vị trí việc làm theo từng giai đoạn phát triển của trường.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên, chuyên viên được nhà trường lập kế hoạch và triển khai thực hiện hằng năm, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự của trường.

- Các quy định về đánh giá, xếp loại viên chức - người lao động và các quy chế thi đua khen thưởng được xây dựng chi tiết và có quy trình rõ ràng. Chế độ khen thưởng và ghi nhận thành tích trong năm học được thực hiện kịp thời và khách quan.

- Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát, kiểm tra và báo cáo thường xuyên, đảm bảo thực hiện đúng quy định, kịp thời và cải tiến khi cần thiết, tạo được niềm tin cho các viên chức và người lao động.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Do yếu tố lịch sử, vẫn còn một số vị trí việc làm thuộc tình trạng thừa việc làm mà thiếu người hoặc thừa người nhưng thiếu việc làm.

- Do mức thu nhập của viên chức và người lao động trong trường còn thấp so với mặt bằng chung của xã hội nên việc tuyển dụng người đáp ứng đúng tiêu chí tuyển dụng thường gặp nhiều khó khăn.

- Chế độ tiền lương hiện nay của trường còn ở mức thấp, chưa thực sự khuyến khích được các cá nhân có năng lực gắn bó lâu dài với trường.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch, đảm bảo đủ số lượng, đúng chất lượng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	P.TCHC	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xác định rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng cho từng vị trí công việc và phổ biến công khai, các vị trí tuyển dụng để đáp ứng được các tiêu chí của trường.	P.TCHC	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh việc nêu rõ từng vị trí lãnh đạo, quản lý và các vị trí của giảng viên, của nhân viên trong đề án vị trí việc làm theo từng giai đoạn phát triển của trường.	P.TCHC	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự của trường.	P.TCHC	Hàng năm
5	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng chi tiết, rõ ràng các quy chế thi đua khen thưởng, quy định về đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động. Đồng thời ghi nhận thành tích trong năm học kịp thời và khách quan.	P.TCHC	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
6	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh rà soát, kiểm tra và báo cáo thường xuyên các chế độ, chính sách, quy trình, quy hoạch nguồn nhân lực, đảm bảo đúng quy định, kịp thời và cải tiến khi cần thiết	P.TCHC; các đơn vị sử dụng lao động	Hàng năm
7	Khắc phục tồn tại	Đẩy nhanh quá trình tự chủ tài chính, xây dựng đề án vị trí việc làm trong giai đoạn tự chủ và bộ chỉ số đánh giá năng lực của mỗi vị trí việc làm	BGH; P.KHTC; P.TCHC	Theo KHCL 2021-2025
8	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính xét thưởng các công bố khoa học và công nghệ	P.KHCN; P.KHTC	Theo KHCL 2021-2025
9	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch dài hạn và thường niên về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, đặc biệt chú trọng đến đội ngũ giảng viên	P.TCHC; P.ĐT; các khoa	Hàng năm
10	Khắc phục tồn tại	Rà soát chính sách, chế độ thi đua - khen thưởng và ghi nhận sự cống hiến để tạo động lực làm việc cho đội ngũ viên chức, người lao động	P.TCHC; các khoa	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

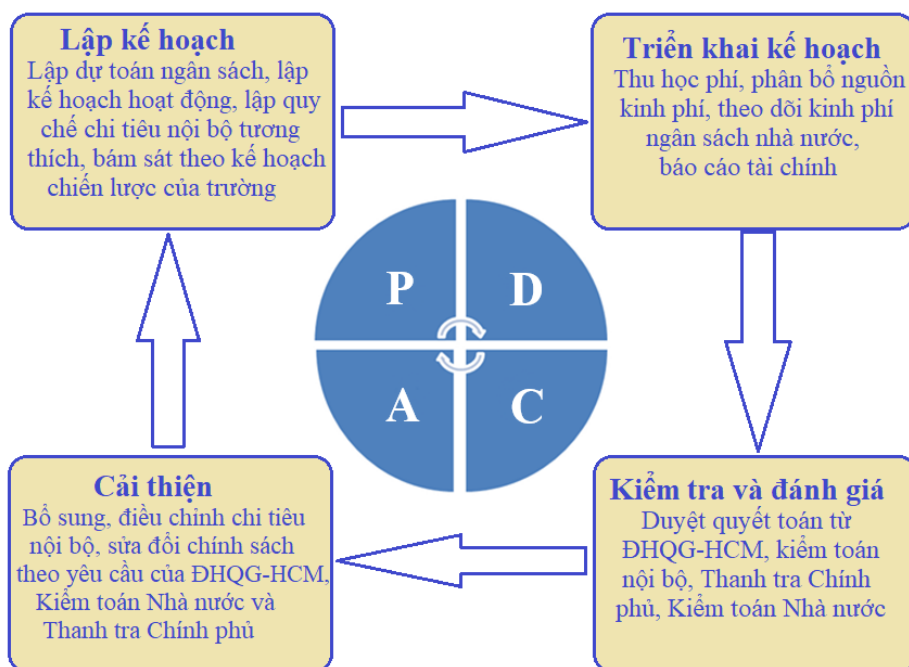
Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	5
Tiêu chí 6.5	4
Tiêu chí 6.6	4
Tiêu chí 6.7	4
Tiêu chuẩn 6	4,57

Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1: Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chính về công tác tài chính; Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán, điều hành và kiểm soát hoạt động của bộ phận kế toán, tài chính của nhà trường, chịu trách nhiệm về nghiệp vụ chuyên môn kế toán, tài chính; các phòng chức năng và các khoa phối hợp thực hiện công tác quản lý các khoản tài chính có liên quan [H07.01.01].

Quy trình quản lý tài chính của trường được thực hiện theo mô hình dưới đây:



Hình 7.1.1. Mô hình quản lý tài chính của trường

Phòng Kế hoạch - Tài chính, theo chức năng nhiệm vụ, được phân công thực hiện xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Công tác tài chính và quản lý tài chính của trường từ việc lập xây dựng dự toán, thu, chi đến quyết toán đều được thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch và định kỳ hàng năm được kiểm tra, kiểm toán, thanh tra bởi các cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ngân sách Nhà nước cấp, nguồn thu từ học phí các hệ đào tạo theo quy định, trường tăng cường các nguồn lực tài chính từ hoạt động các trung tâm, dịch vụ, liên kết đào tạo, mở các chương trình đào tạo chất lượng cao, các hoạt động nghiên cứu khoa học đem lại các nguồn thu ngày càng tăng. Các nguồn thu được phân bổ và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng được các hoạt động và

phát triển của trường. Quy trình xây dựng kế hoạch tài chính luôn bám sát theo kế hoạch chiến lược chung của trường. Các kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn bao gồm: Lập kế hoạch hoạt động tài chính hằng năm; Lập dự toán ngân sách hằng năm; Xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ hằng năm, có điều chỉnh, bổ sung theo các quy định mới [H07.01.02].

Việc triển khai thực hiện kế hoạch tài chính luôn theo đúng kế hoạch đã xây dựng và đáp ứng hoạt động của nhà trường. Kinh phí ĐHQG-HCM phân bổ cho trường hàng năm. Sau đó sẽ phân bổ kinh phí đến từng đơn vị, bao gồm kinh phí được phân bổ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, và dịch vụ. Hầu hết kinh phí phân bổ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ đến từ nguồn ngân sách Nhà nước, thu từ học phí và một phần nhỏ từ hoạt động của các trung tâm và liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học [H07.01.03], [H07.01.04].

Các hoạt động tài chính được thực hiện đảm bảo luôn theo đúng các quy định của Nhà nước và qui chế chi tiêu nội bộ, luôn thực hiện báo cáo tài chính theo định kỳ quý, năm cho cấp trên. Công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra hoạt động tài chính theo định kỳ bao gồm kiểm tra và kiểm toán nội bộ (Ban Thanh tra nhân dân) và thanh tra, kiểm toán bên ngoài (ĐHQG-HCM, thanh tra Nhà nước, kiểm toán Nhà nước) [H07.01.05].

Bảng 7.1.1. Bảng thống kê kết quả tài chính giai đoạn 2017-2021

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ số tài chính	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng thu	341.397	340.104	381.504	425.757	442.256
Tổng chi	340.325	279.487	328.542	344.541	396.443
Chênh lệch thu chi	1.072	60.617	52.962	81.216	45.812
Thu nhập bình quân/tháng của viên chức, người lao động	12,72	13,64	15,96	17,06	19,89
Học phí bình quân/năm của sinh viên (ĐHCQ)	8,30	9,15	10,10	11,15	11,70

Bảng 7.1.2. Bảng thống kê cơ cấu doanh thu giai đoạn 2017-2021

Đơn vị: Triệu đồng

Cơ cấu doanh thu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Học phí và lệ phí	161.540	168.409	199.285	218.451	266.737
Ngân sách Nhà nước	88.440	84.075	86.430	104.297	92.443
Tài trợ, viện trợ	1.976	1.895	1.758	2.406	1.912
Doanh thu khác	89.440	85.724	94.031	100.604	81.163

Bảng 7.1.3. Bảng thống kê cơ cấu chi giai đoạn 2017-2021*Đơn vị: Triệu đồng*

Cơ cấu chi	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Cho nhân lực	140.849	154.811	164.721	154.615	182.448
Học bổng sinh viên	10.728	1.418	250	215	18.814
Hoạt động chuyên môn	95.949	71.565	92.361	92.160	79.779
Nghiên cứu khoa học	15.983	20.881	34.930	72.389	64.923
Mua sắm sửa chữa	16.484	20.277	21.979	16.261	28.833
Mục đích khác	60.333	10.535	14.300	8.901	21.646

Với tỷ lệ thu, chi tài chính của trường đã đáp ứng được các yêu cầu cơ bản để triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng để đạt được sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi đã tuyên bố. Tuy nhiên, do đặc thù trường nghiêng về nghiên cứu cơ bản nên kinh phí chi cho các hoạt động liên quan khá tốn kém so với mặt bằng chung của các ngành khác.

Các công tác cải tiến được thực hiện thường xuyên và định kỳ. Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp yêu cầu thực tế theo định kỳ hằng năm. Trường đã có các chiến lược, cải tiến liên tục để tìm kiếm, khai thác nhằm tăng cường các nguồn thu từ các hoạt động đào tạo (nâng cao chất lượng giảng dạy và mở rộng các hệ đào tạo), nghiên cứu khoa học (thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu), tài trợ và các trung tâm, dịch vụ khác.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.2: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Phòng Quản trị Thiết bị là đơn vị được phân công phụ trách hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng của trường. Hằng năm, nhà trường gửi thông báo đến các đơn vị thuộc trường lập kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng tại 2 cơ sở của trường và trình ĐHQG-HCM phê duyệt các hạng mục. Trong quá trình hoạt động, các đơn vị có phát sinh thêm các yêu cầu nâng cấp, sửa chữa, đầu tư trang thiết bị để đảm bảo chất lượng giảng dạy, đào tạo, nghiên cứu sẽ nộp đề nghị về Phòng Quản trị Thiết bị và trình hiệu trưởng xem xét phê duyệt và thực hiện. Sau khi được ĐHQG-HCM

hoặc hiệu trưởng phê duyệt, Phòng Quản trị Thiết bị phối hợp với đơn vị sử dụng, đơn vị thi công, đơn vị cung cấp triển khai thực hiện hạng mục, nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng [H07.02.01], [H07.02.02].

Bảng 7.2.1. Thống kê số liệu hệ thống phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng làm việc

Phân loại	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Số phòng	Diện tích (m ²)	Số phòng	Diện tích (m ²)	Số phòng	Diện tích (m ²)	Số phòng	Diện tích (m ²)	Số phòng	Diện tích (m ²)
Giảng đường, phòng học	149	13.734	153	13.734	158	15.990	160	16.138	161	16.186
Phòng thí nghiệm/ xưởng/ trại thực nghiệm	136	16.077	136	16.077	136	16.077	136	16.147	138	16.416
Phòng máy tính	22	1.812	22	1.812	24	2.088	25	2.178	25	2.178
Phòng làm việc	119	7.725	119	7.725	148	9.648	148	9.648	148	9.648
Trung tâm nghiên cứu	12	1.823	13	1.949	20	2.281	20	2.281	20	2.281
Thư viện	5	1.458	5	1.458	5	1.458	5	1.458	5	1.458

Bảng 7.2.2. Kinh phí chi cho tăng cường cơ sở vật chất giai đoạn 2017-2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Diễn giải	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Tăng cường trang thiết bị phục vụ đào tạo	22.599	16.512	15.499	19.267	20.424
2	Tăng cường trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học	2.000	5.774	15.163	36.336	10.607
3	Xây mới và cải tạo sửa chữa	29.187	32.183	44.820	44.590	65.761

- Về công tác mua sắm, đầu tư trang thiết bị: Các hoạt động mua sắm đầu tư trang bị, cải tạo cơ sở vật chất, sử dụng, quản lý, kiểm kê, thanh lý tài sản công được thực hiện theo đúng quy định của trường. Hệ thống phòng thí nghiệm được đầu tư trang thiết bị hiện đại, như: Phòng thí nghiệm Kỹ thuật hạt nhân (2012, 2013, 2014), Phòng thí nghiệm Hóa lý ứng dụng (2012, 2013), Phòng thí nghiệm Nghiên cứu ung thư (2015, 2016, 2017, 2018), Phòng thí nghiệm Kỹ nghệ mô và Vật liệu y sinh (2016, 2017, 2018); tăng cường trang thiết bị cho Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu (2017, 2018); dự án tăng cường năng lực nghiên cứu về ô nhiễm không khí - sức khỏe cộng đồng - biến đổi khí hậu (2019, 2020); dự án tăng cường năng lực phòng thí nghiệm nghiên cứu khí nhà kính và biến đổi khí hậu (2019, 2020, 2021); đề án tăng cường trang thiết bị phục vụ giảng dạy, đào tạo (2019, 2020); dự án phòng thí nghiệm các hệ thống thông minh (2020, 2021, 2022) [H07.02.03].

- *Về công tác cải tạo, sửa chữa nâng cấp phòng học, giảng đường:* Hằng năm, nhà trường thực hiện cải tạo sửa chữa, nâng cấp phòng học, giảng đường, phòng hội thảo, phòng thí nghiệm, phòng đọc sách, phòng máy tính: Tại cơ sở 1 có 41 phòng học chất lượng cao (có máy chiếu, máy lạnh, hệ thống âm thanh hiện đại), 10 phòng máy tính, 63 phòng học được trang bị đầy đủ âm thanh, máy chiếu, cơ sở 2 có 10 phòng học chất lượng cao, 16 phòng máy tính, 56 phòng học có máy chiếu đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập và giảng dạy sinh viên và đội ngũ giảng viên. Hệ thống trang thiết bị các phòng học của trường đều được Phòng Quản trị Thiết bị kiểm tra, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp kịp thời nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập [H07.02.03], [H07.02.04].

- *Về công tác mua sắm hóa chất, dụng cụ thí nghiệm:* Nhà trường cung cấp đầy đủ hóa chất, dụng cụ, vật tư tiêu hao cho các học phần thực tập, khóa luận, tiểu luận tốt nghiệp của các hệ đào tạo theo đúng quy định mua sắm của trường [H07.02.06].

- *Về các công tác khác:* Các trang thiết bị phục vụ chung của trường như thang máy, hệ thống lọc nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống camera quan sát an ninh, máy lạnh phòng server - phòng học- phòng làm việc được bảo hành, bảo trì định kỳ theo quy định quản lý sử dụng tài sản. Đối với thiết bị chuyên dụng, các khoa/phòng thí nghiệm lập kế hoạch bảo trì, bảo hành các thiết bị chuyên dụng phòng thí nghiệm theo yêu cầu sử dụng hay của nhà sản xuất, phối hợp với Phòng Quản trị Thiết bị thực hiện, kiểm tra bàn giao, nghiệm thu [H07.02.05], [H07.02.07].

Hệ thống cơ sở vật chất của trường đã đáp ứng được yêu cầu phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Theo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên và sinh viên về cơ sở vật chất năm 2021 cho thấy có khoảng 71% giảng viên và 70% sinh viên được khảo sát hài lòng với cơ sở vật chất hiện tại (phòng học, phòng thí nghiệm, phòng máy, phòng làm việc) [H07.02.08]. Căn cứ kết quả khảo sát mức độ hài lòng của viên chức và người lao động về các hoạt động phục vụ/hỗ trợ của trường, Phòng Quản trị Thiết bị lập kế hoạch cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng phục vụ tốt hơn. Bên cạnh đó, để kịp thời khắc phục, sửa chữa các hư hỏng trong quá trình hoạt động thường xuyên, Phòng Quản trị Thiết bị cũng thực hiện tiếp nhận ý kiến đóng góp về cơ sở vật chất của trường qua các kênh thông tin: Tiếp nhận trực tiếp đề nghị của đơn vị, giảng viên, sinh viên tại văn phòng hoặc tổ giảng đường; tiếp nhận ý kiến đóng góp của viên chức, người lao động tại hội nghị đại biểu viên chức, người lao động; tiếp nhận ý kiến đóng góp của sinh viên tại buổi gặp gỡ lãnh đạo nhà trường với sinh viên.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.3: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Phòng Thông tin - Truyền thông là đơn vị được phân công phụ trách quản lý hoạt động, vận hành cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ

thông tin phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu, và quản lý trong trường như: cổng thông tin điện tử của nhà trường; quản lý hệ thống phần mềm quản lý; quản trị hệ thống tên miền; quản trị và phát triển thư viện tài nguyên số; hệ thống tổng đài điện thoại IP; hệ thống thư điện tử; tư vấn và lập kế hoạch hoạt động, điều hành và tập huấn về công nghệ thông tin [H07.03.01].

Hệ thống mạng của trường được vận hành dựa theo các quy định về kết nối mạng, trao đổi dữ liệu trong hệ thống mạng của trường; duy trì và hỗ trợ hệ thống mạng giữa các khoa, các đơn vị có kết nối trong trường; quản lý và hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị trong việc phát triển và khai thác có hiệu quả các tài nguyên mạng. Các sự cố mạng xảy ra đều được xử lý theo đúng quy trình để hệ thống luôn hoạt động hiệu quả và được đảm bảo an ninh [H07.03.02].

Hạ tầng mạng cho các đơn vị trong trường làm việc thường xuyên được nâng cấp và phát triển. Tất cả hệ thống máy tính làm việc của các đơn vị trong trường đều được kết nối internet tốc độ cao. Tốc độ mạng truy cập internet trong nước vào khoảng 495Kbps và internet quốc tế vào khoảng 122Kbps.

Bảng 7.3.1. Bảng thống kê các đường kết nối internet từ 2017-2021

Năm	Cơ sở 1		Cơ sở 2	
	Tổng số đường truyền thuê bao	Tổng dung lượng	Tổng số đường truyền thuê bao	Tổng dung lượng
2017	13	680Mbps	15	780Mbps
2018	13	680Mbps	15	780Mbps
2019	14	715Mbps	15	780Mbps
2020	14	1275Mbps	15	1250Mbps
2021	14	1275Mbps	15	1250Mbps

Bảng 7.3.2. Bảng thống kê số lượng thiết bị wifi dùng chung từ 2017-2021

Năm	Cơ sở 1		Cơ sở 2	
	Số lượng	Khả năng kết nối đồng thời	Số lượng	Khả năng kết nối đồng thời
2017	30	~ 400	55	~ 1.000
2018	30	~ 400	55	~ 1.000
2019	30	~ 500	51	~ 1.200
2020	30	~ 800	51	~ 1.400
2021	35	~ 1.000	55	~ 1.500

Mỗi viên chức, người lao động và sinh viên của trường đều được cung cấp miễn phí tài khoản thư điện tử dùng để liên lạc chính thức trong trường nhằm phục vụ cho công việc, giảng dạy, nghiên cứu và học tập được thuận lợi và hiệu quả. Trường còn thiết lập các điểm truy cập mạng không dây miễn phí tại các khu vực trong khuôn viên trường

phục vụ cho nhu cầu làm việc, học tập của giảng viên và sinh viên mọi nơi, mọi lúc.

Hệ thống hạ tầng thông tin đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản nhằm phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên và sinh viên về cơ sở vật chất năm 2021 cho thấy có khoảng 71% giảng viên và 70% sinh viên được khảo sát hài lòng với cơ sở vật chất hiện tại (bao gồm hạ tầng mạng) [H07.02.08].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.4: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Thư viện trường là đơn vị được phân công phụ trách nguồn học liệu và cơ sở dữ liệu trực tuyến của trường. Thư viện có 2 cơ sở với diện tích 1800m², 350 chỗ ngồi và 50 máy tính có nối mạng internet, 7 điểm phát wifi sử dụng công nghệ Mesh. Tất cả tài nguyên thông tin được tổ chức và quản lý theo các chuẩn nghiệp vụ quốc tế về thông tin - thư viện như: Chuẩn biên mục mô tả AACR2; Khung phân loại thập phân Dewey; Khổ mẫu đọc máy MARC21,... Thư viện cung cấp các dịch vụ và tiện ích: lưu hành, tham khảo, không gian học tập chung, mượn tài liệu liên thư viện, phòng học nhóm [H07.04.01], [H07.04.02], [H07.04.03].

Thư viện trường lưu trữ tài nguyên học tập phong phú, cụ thể như sau:

- Về tài liệu bản in: 21.741 nhan đề (62.236 bản) giáo trình, sách chuyên khảo và sách tham khảo; 183 nhan đề tạp chí chuyên ngành; 6.695 luận án và luận văn, 2.227 đề tài nghiên cứu; 2.248 đĩa CD-ROM.

- Về tài nguyên số: 275 luận án tiến sĩ, 4.979 luận văn thạc sĩ, 415 đề tài nghiên cứu khoa học, 15 giáo trình điện tử, 32 quyển sưu tập danh pháp khoa học trước năm 1975 của trường, 23 cơ sở dữ liệu điện tử dùng chung với Hệ thống thư viện DHQG (<https://www.glib.hcmus.edu.vn/tai-nguyen-thong-tin/tntt>), phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu tại trường.

Ngoài kho tài liệu phục vụ đọc tại chỗ và mượn về nhà được cập nhật theo từng đề cương các chương trình đào tạo của trường, tài liệu tham khảo mở rộng thông qua các hoạt động hợp tác, trao đổi trong và ngoài nước được đẩy mạnh, đã góp phần tăng cường tài nguyên thông tin hiện có của thư viện như: Sử dụng và khai thác tài liệu - tài nguyên thông tin được chia sẻ trong hệ thống thư viện DHQG-HCM; liên kết chia sẻ trong liên chi hội thư viện đại học phía Nam - VILASAL; tham gia hệ thống liên kết nguồn lực thông tin khoa học & công nghệ TP.HCM - www.stinet.gov.vn; AUNIL0-Libraries of ASEAN University Network [H07.04.02], [H07.04.03], [H07.04.04].

Dựa vào tình hình phục vụ thực tế và dựa vào kết quả khảo sát độc giả hàng năm do Đoàn TNCS-HCM và do Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện, thư viện có sự điều chỉnh và cải tiến trong việc bổ sung tài liệu, tăng cường liên kết chia sẻ tài

nguyên với các thư viện trong và ngoài DHQG-HCM, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị. Các kế hoạch cải tiến như ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ mới được thư viện lập kế hoạch và triển khai thực hiện hằng năm. Đặc biệt, từ năm 2020 hệ thống thư viện DHQG-HCM đã ứng dụng tìm kiếm tập trung EBSCO Discovery Services (EDS), cổng dịch vụ đăng nhập Open Athen và phần mềm ILMS Sierra từ công ty D&L nhằm chỉnh hợp các nguồn tài nguyên thông tin khác nhau về hình thức (tài liệu in ấn, tài liệu điện tử) từ các nguồn khác nhau, từ đó giúp việc khai thác tài nguyên thông tin được hiệu quả hơn [H07.04.05], [H07.04.06], [H07.04.07].

Bảng 7.4.1. Bảng thống kê hoạt động thư viện theo năm học

Năm học	Số lượt đọc tại thư viện	Số lượt mượn về nhà	Số lượt tập huấn kiến thức, thông tin
2016-2017	37.474	5.015	1.635
2017-2018	38.900	7.162	3.273
2018-2019	33.301	4.285	2.493
2019-2020	27.720	3.253	3.177
2020-2021	37.311	2.985	2.832

Tài nguyên thông tin (nguồn học liệu) của Thư viện được bổ sung từ nhiều nguồn khác nhau như: kinh phí của trường, tặng từ các tổ chức, nộp lưu chiểu và các cơ sở dữ liệu dùng chung trong hệ thống DHQG-HCM. Công tác bổ sung hằng năm bám sát kế hoạch, bao gồm giáo trình, sách tham khảo, tạp chí chuyên ngành. Ngoài ra, Thư viện cũng chủ động rà soát thực trạng các hoạt động, từ đó xây dựng các kế hoạch đầu tư, bảo trì các trang thiết bị hỗ trợ học tập từ nguồn kinh phí phân bổ hằng năm của trường [H07.04.08], [H07.04.09], [H07.04.10].

Bảng 7.4.2. Bảng thống kê kinh phí đầu tư cho tài nguyên thông tin và cho hoạt động bảo trì trang thiết bị, cơ sở vật chất Thư viện

Đơn vị: đồng

Năm	Kinh phí đầu tư cho tài nguyên thông tin	Kinh phí đầu tư cho bảo trì trang thiết bị, cơ sở vật chất Thư viện
2017	206.721.400	180.000.000
2018	122.656.800	223.744.000
2019	100.405.200	252.024.000
2020	99.494.200	255.135.000
2021	68.129.300	257.463.000

Thư viện thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn “Kiến thức thông tin” nhằm hướng dẫn và cung cấp các kỹ năng giúp độc giả sử dụng thư viện hiệu quả hơn. Độc giả có thể phản hồi sự hài lòng và đóng góp ý kiến qua website, email, fanpages, phiếu khảo sát, và cán bộ thư viện về thái độ phục vụ, các dịch vụ, cơ sở vật chất, và trang thiết bị thư viện. Đặc biệt với vai trò nòng cốt trong liên chi hội thư viện đại học phía

Nam (VILASAL- Giám đốc thư viện đảm nhận vị trí chủ tịch từ 2007 đến 2019), thư viện đã phối hợp với các thư viện đại học phía Nam tổ chức nhiều khóa tập huấn tạo ảnh hưởng lớn trong sự phát triển thư viện đại học cũng như nguồn lực học tập phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học [H07.04.11], [H07.04.12], [H07.04.13].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.5: Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành

Phòng Quản trị Thiết bị là đơn vị thực hiện lập kế hoạch, triển khai các vấn đề môi trường, cơ sở vật chất; tổ bảo vệ chịu trách nhiệm đảm bảo an ninh và an toàn trong trường; tổ y tế và công đoàn trường chịu trách nhiệm chăm sóc sức khỏe và các nhu cầu khác của viên chức, người lao động [H07.02.01].

Trường đã ban hành quy chế dân chủ cơ sở cũng như các quy định, nội quy và các chính sách cụ thể để đảm bảo về quyền dân chủ, sự an toàn cho đội ngũ giảng viên, nhân viên và sinh viên. Các hoạt động của trường đều thực hiện nghiêm túc, minh bạch dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, phù hợp với các quy định trong quy chế. Các chính sách về môi trường, sức khỏe và an toàn đáp ứng các quy định của trường và quy định của pháp luật [H07.05.01], [H07.05.02], [H07.05.03].

- *Về công tác đảm bảo ninh trật tự:* Nhà trường luôn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định của Bộ Công an. Để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho viên chức, người lao động và người học, trường đã ban hành nội quy sinh hoạt trong khuôn viên trường học, trong ký túc xá cũng như các quy định an toàn trong phòng thí nghiệm... Trường có tổ bảo vệ gồm các nhân viên chuyên trách làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự 24/24, luôn phối hợp tốt cùng công an địa phương đảm bảo an ninh trật tự trong trường. Trong các sự kiện lớn được tổ chức tại trường, nhà trường luôn phối hợp cùng công an địa phương đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho các hoạt động. Người lao động thuộc tổ bảo vệ hàng năm được cử tới công an địa phương để tập huấn nghiệp vụ về an ninh trật tự. Ngoài ra, trường cũng có lực lượng tự vệ cơ sở và tổ đảm bảo an ninh học đường [H07.05.04], [H07.05.08].

- *Về công tác phòng cháy chữa cháy:* Trường đã ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy, thành lập đội phòng cháy chữa cháy với 105 thành viên, các phòng thí nghiệm có hướng dẫn sử dụng thiết bị bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy. Phòng Quản trị Thiết bị lập kế hoạch huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho các đơn vị trong trường, cảnh sát địa phương thực hiện huấn luyện và cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy. Trường thường xuyên lập phương án thực tập chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ căn cứ theo quy định và tình hình địa bàn, duy trì công tác tự kiểm tra các điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy, tập huấn phòng cháy chữa cháy cho sinh viên, thực hiện bảo hiểm cháy nổ bắt buộc. Phương tiện phòng cháy chữa cháy được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ hằng năm theo quy định [H07.05.01], [H07.05.05].

- *Về công tác chăm sóc sức khỏe và tinh thần cho viên chức, người lao động:* Công đoàn trường phát huy tốt vai trò là người đại diện cho quyền lợi của viên chức, người

lao động trong trường, chăm sóc đời sống sức khỏe và tinh thần cho viên chức, người lao động. Hằng năm, nhà trường có kế hoạch chăm sóc sức khỏe ban đầu cho sinh viên mới nhập học, khám sức khỏe định kỳ cho đội ngũ nhân viên, cấp thuốc tẩy giun định kỳ 6 tháng/lần cho sinh viên và áp dụng các biện pháp hỗ trợ cụ thể đối với các trường hợp có nhu cầu đặc biệt. Hằng năm, nhà trường cũng phối hợp với cơ quan chức năng địa phương kiểm tra y tế học đường, môi trường, an toàn vệ sinh, lập kế hoạch và thuê công ty chuyên nghiệp bên ngoài xử lý chất thải, đảm bảo an toàn về môi trường [H07.05.06], [H07.05.07].

Dữ liệu giám sát, kiểm tra, đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường, sức khỏe, an ninh trật tự, an toàn phòng cháy chữa cháy của trường được tổng hợp trong các báo cáo tổng kết công tác năm; báo cáo sơ kết, tổng kết kế hoạch chiến lược [H07.05.04], [H07.05.05], [H07.05.06], [H07.05.07], [H07.05.08].

Theo biên bản kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác phòng cháy chữa cháy và phòng chống thiên tai hàng năm cho thấy trường có ánh sáng lớp học tốt, có chế độ vệ sinh sạch đẹp, vệ sinh xúc rửa hồ nước định kỳ, cảnh tin sạch sẽ, hồ sơ đầy đủ, nhân viên được tập huấn đầy đủ. Công tác phòng cháy chữa cháy với đội ngũ được tập huấn, huấn luyện đúng quy định, thường xuyên tuyên truyền đảm bảo phòng cháy chữa cháy với đầy đủ trang thiết bị đảm bảo phục vụ công tác này [H07.05.04], [H07.05.05], [H07.05.06], [H07.05.07], [H07.05.08].

Nhà trường cũng thực hiện tổ chức lấy ý kiến thông qua phiếu khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về công tác phục vụ cơ sở vật chất, công tác y tế học đường, công tác thư viện, hoạt động đoàn thể, làm cơ sở để điều chỉnh các kế hoạch cũng như cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn trong trường.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 7

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Phối hợp hiệu quả giữa các bộ phận trong trường để thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao.
- Thư viện trường là một đơn vị được đầu tư và hoạt động hiệu quả trong toàn hệ thống thư viện của DHQG-HCM.
- Công tác tài chính kế toán luôn thực hiện nghiêm túc, đúng quy định trong công tác quản lý vận hành tài chính.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Nguồn lực tài chính của trường chưa được phong phú để có thể cung ứng cho tất cả các hoạt động như mong đợi.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường phối hợp giữa các đơn vị, bộ phận trong trường để thực hiện nhiệm vụ	Các đơn vị	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật, bổ sung tài nguyên Thư viện	Thư viện, P.QTTB	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh để hoàn thiện quy trình quản lý tài chính	P.KHTC	Hàng năm
4	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục cải tiến chính sách để tăng nguồn lực tài chính	P.KHTC; P.TCHC	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	5
Tiêu chí 7.3	5
Tiêu chí 7.4	5
Tiêu chí 7.5	5
Tiêu chuẩn 7	5,00

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1: Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Phòng Quan hệ Đối ngoại là đơn vị chức năng của trường, có chức năng tham mưu và giúp hiệu trưởng quản lý đoàn vào/ra hợp tác quốc tế; tổ chức các sự kiện; chương trình trao đổi sinh viên; học bổng và du học; quản lý dự án quốc tế; những dự án hoạt động với địa phương và doanh nghiệp nước ngoài [H08.01.01].

Trong Kế hoạch chiến lược 2016-2020 của trường, mảng chiến lược quan hệ đối ngoại được cụ thể hóa thông qua các hệ thống chỉ tiêu số 16, 17, 18, bao gồm chỉ tiêu có 10 chương trình đào tạo đại học và sau đại học mới hợp tác với nước ngoài; ký kết 20 bản ghi nhớ hợp tác mới; có 20 chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu quốc tế. Để đạt được hệ thống các chỉ tiêu trên, nhà trường đã đưa ra các mục tiêu cụ thể như sau trong KHCL 2026-2020 [H08.01.02]:

1. Nâng cao trình độ tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế;
2. Nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ thông qua hợp tác quốc tế;
3. Gia tăng nguồn lực thông qua hợp tác quốc tế;
4. Kết nối hiệu quả cựu giáo chức, cựu sinh viên;
5. Tăng cường hợp tác với địa phương, doanh nghiệp.

Nhà trường đã thiết lập các mối quan hệ hợp tác với các đơn vị trong, ngoài nước và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Trên cơ sở những văn bản quản lý, điều hành của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực quan hệ quốc tế, nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy trình kiểm soát hoạt động đối ngoại tại trường, bao gồm: Quy trình phối hợp giữa các đơn vị trong và ngoài trường đảm bảo an ninh, chính trị trong công tác đối ngoại; quy trình theo dõi, kiểm tra tiến độ và đánh giá dự án; quy trình tổ chức tiếp đón các đoàn khách nước ngoài đến làm việc tại trường; quy định về việc quản lý viên chức, người lao động của trường đi công tác nước ngoài [H08.01.03], [H08.01.04], [H08.01.05], [H08.01.06], [H08.01.07], [H08.01.08], [H08.01.09], [H08.01.10], [H08.01.11], [H08.01.12]. Các thông tin về kế hoạch hợp tác quốc tế, thông tin về hoạt động hợp tác đối ngoại với các đối tác trong và ngoài nước được đưa lên cổng thông tin điện tử của trường [H08.04.01]. Các hoạt động hợp tác quốc tế của trường đều được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về hợp tác quốc tế.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.2: Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện

Các hoạt động hợp tác quốc tế của trường được triển khai theo các kế hoạch quan hệ đối ngoại được xây dựng hằng năm. Trong giai đoạn 2017-2021, nhà trường bám sát mục tiêu chung trong KHCL 2016-2020 là tăng cường hợp tác quốc tế để hội nhập, nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ và gia tăng nguồn lực tài chính; tăng cường công tác truyền thông, kết nối hiệu quả cựu giáo chức, cựu sinh viên, doanh nghiệp. Đối với các hoạt động quốc tế, nhà trường luôn trong trạng thái sẵn sàng để tiếp đón các đoàn khách nước ngoài đến giao lưu, trao đổi hợp tác, từ đó xây dựng mối quan hệ thông qua ký kết bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác và triển khai các nội dung hợp tác thông qua các hoạt động như chương trình trao đổi sinh viên, giảng viên, tiếp nhận học bổng từ các đối tác nước ngoài, thực hiện các chương trình liên kết đào tạo, hỗ trợ tổ chức hội nghị/hội thảo quốc tế [H08.02.01].

Bảng 8.2.1. Thống kê các hoạt động hợp tác quốc tế giai đoạn 2017-2021

Hoạt động	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Đoàn ra	93	96	93	18	(*)
Đoàn vào	59	57	73	6	(*)
MoU/MoA	35	50	33	26	29
SV NN đến trao đổi	1	15	24	(*)	(*)
GV, CG NN đến trường	9	61	58	23	(*)
Hội nghị, hội thảo	9	17	11	2	(*)
Dự án	3	6	4	4	1
Học bổng	37	36	16	12	(*)
Chương trình liên kết	5	5	9	9	(*)

(*) Trong các năm 2020-2021, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh COVID-19 nên nhiều hoạt động đối ngoại không thực hiện được.

Trong giai đoạn 2017-2021, nhà trường cũng đã tích cực tổ chức và tham gia các chương trình giao lưu văn hóa như: Trại hè Sinh viên ASEAN (năm 2017 tại trường ĐH KHTN, năm 2018 tại Thái Lan, năm 2019 tại Lào), chương trình trao đổi sinh viên POSTECH Summer Program, NCU Summer Short-term Program, PNU Creation & Works Oversea Volunteers' Work Program, Sakura Exchange Program in Science [H08.02.02], [H08.02.03].

Đối với các hoạt động trong nước, nhà trường chú trọng hợp tác đào tạo với các đối tác tại các địa phương, cụ thể là các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như An Giang, Vĩnh Long,... Từ năm 2016 đến nay, trường đã tổ chức 3 đợt tập huấn giáo viên THCS-THPT tại các tỉnh với tổng số lượng giáo viên tham gia hơn 2300 người [H08.02.04].

Bảng 8.2.2. Thống kê các hoạt động hợp tác địa phương, đối tác trong nước giai đoạn 2017-2021

Hoạt động	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Dự án	45	41	51	60	(*)
Chương trình địa phương	1	1	1	(*)	(*)
Hội nghị, hội thảo	1	10	4	2	(*)

(*) Trong các năm 2020-2021, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh COVID-19 nên nhiều hoạt động hợp tác không thực hiện được.

Bên cạnh đó, các giảng viên của trường cũng được tạo điều kiện tham dự các khóa đào tạo ngắn hạn cũng như các hội nghị, hội thảo ở nước ngoài nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực nghiên cứu. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được tăng cường bằng các hình thức như: đi học nghiên cứu sinh theo học bổng của các trường đại học, đi bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn theo chương trình hợp tác [H08.02.05].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.3: Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát

Các hoạt động quan hệ đối ngoại thường xuyên được rà soát thông qua các buổi họp giao ban hàng tháng; các báo cáo và kế hoạch phát triển công tác đối ngoại cũng được trình bày tại Hội nghị đại biểu viên chức, người lao động hàng năm [H08.03.01]. Hệ thống văn bản quản lý Nhà nước liên quan đến hoạt động đối ngoại đều được Phòng Quan hệ Đối ngoại chủ động nghiên cứu, cập nhật để bảo đảm tuân thủ đúng quy định, như: Nghị định 86/2018/NĐ-CP quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định 132/2018/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Thông tư 30/2018/TT-BGDĐT về Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam,...

Một số thành tựu nổi bật đạt được thông qua kết nối với mạng lưới và đối tác như: Giải thưởng Luận văn tiếng Pháp xuất sắc 2019-2020 do Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF) trao tặng cho sinh viên của chương trình cử nhân văn bằng đôi Việt-Pháp ngành Công nghệ Thông tin [H08.03.02].

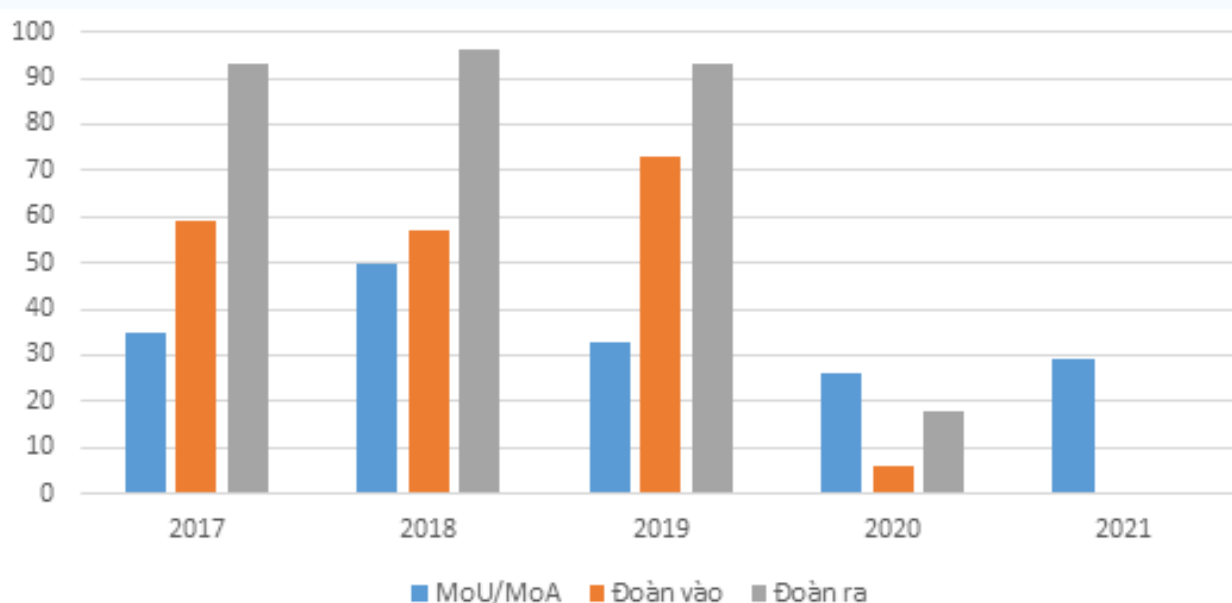
- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 8.4: Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Trong giai đoạn 2017-2021, trường đã tích cực xây dựng thông tin liên quan đến đối ngoại trên website trường, nhằm thể hiện kết quả hợp tác, cơ hội trao đổi học thuật,

cơ hội học bổng cũng như các tin tức về hoạt động hợp tác quốc tế nói riêng và quan hệ đối ngoại nói chung [H08.04.01]. Số lượng văn bản ký kết hợp tác cũng tăng dần trong 3 năm đầu giai đoạn (2017-2019) và có giảm ít vào 2 năm cuối giai đoạn (2020-2021) do ảnh hưởng đại dịch COVID-19 (xem Bảng 8.2.1). Tuy nhiên, nhà trường đã cố gắng thực hiện các hình thức trao đổi và ký gián tiếp nên số lượng văn bản được ký kết không giảm nhiều. Đối với đoàn ra - đoàn vào, số lượng tăng dần từ 2017 đến 2019, đặc biệt là số lượng đoàn ra, trường luôn tạo điều kiện và sẵn sàng hỗ trợ cán bộ, giảng viên của trường trong việc xin học bổng tham gia các khóa học ngắn hạn, dài hạn tại nước ngoài; xác nhận để viên chức, người lao động đăng ký dự án quốc tế,... Đối với quốc tế và trong nước, hàng năm trường đều có gửi thư chúc tết đến các đối tác, tham gia vào khảo sát đánh giá các trường khi nhận được yêu cầu từ các đối tác [H08.04.02], [H08.04.03], [H08.04.04], [H08.04.05].

Bảng 8.2.3. Số lượng MoU/MoA, đoàn vào, đoàn ra giai đoạn 2017-2021



- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 4/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 8

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của trường.
- Có các chính sách và quy trình triển khai thực hiện các thỏa thuận hợp tác để thúc đẩy mạng lưới và quan hệ đối ngoại.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chưa chủ động trong việc tìm kiếm các đối tác hợp tác quốc tế nói chung và các đối tác về đào tạo nói riêng.

- Một số hoạt động quan hệ đối ngoại bị ngừng trệ trong giai đoạn giãn cách xã hội do tình hình dịch bệnh COVID-19.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh quảng bá thông tin, phát triển truyền thông; xây dựng danh sách các đối tác chiến lược, đối tác có cùng lĩnh vực nghiên cứu, hợp tác cả trong và ngoài nước; chủ động thực hiện các hoạt động chung nhằm thu hút đối tác tham gia và gây ấn tượng với các đối tác mới để mở rộng quan hệ, mạng lưới đối tác.	P.QHDN	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Chú trọng mở rộng quan hệ đối ngoại thông qua việc ký kết các văn bản hợp tác; theo dõi quá trình và đánh giá hiệu quả việc thực hiện các nội dung đã ký kết để phát triển hoặc cải thiện quan hệ hợp tác.	P.QHDN	Hàng năm
3	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu mở rộng các đối tác hợp tác quốc tế, đặc biệt là đối tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học	P.KHCN; P.QHDN; các khoa	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	5
Tiêu chí 8.3	4
Tiêu chí 8.4	4
Tiêu chuẩn 8	4,50

Mục 2.

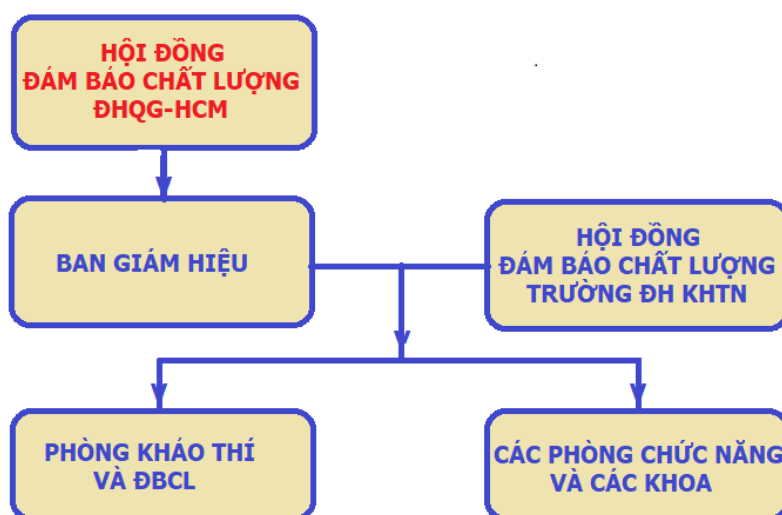
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ HỆ THỐNG

Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 9.1: Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng được thành lập theo Quyết định số 637/QĐ-KHTN, ngày 01/06/2016 của hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên trên cơ sở tách chức năng Đảm bảo chất lượng từ Ban Đảm bảo chất lượng và Hạ tầng thông tin cùng các chức năng khác từ Phòng Đào tạo và Phòng Công tác sinh viên [H09.01.01]. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có chức năng tham mưu và giúp lãnh đạo nhà trường trong việc xây dựng chiến lược phát triển chất lượng giáo dục và đào tạo của trường; quản lý, tổ chức công tác khảo thí, hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục và bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành [H09.01.02].

Hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong của trường được thiết kế, xây dựng và phát triển có tính đồng bộ từ cấp ĐHQG-HCM đến các trường thành viên và các đơn vị trực thuộc trường [H09.01.03]. Điều đó được thể hiện qua sơ đồ sau:



Hình 9.1.1. Sơ đồ hệ thống đảm bảo chất lượng của trường

Hệ thống đảm bảo chất lượng hướng đến đáp ứng tốt sứ mạng, tầm nhìn, đạt các mục tiêu chiến lược của nhà trường và đáp ứng tốt yêu cầu của các bên liên quan. Bên cạnh các tài liệu, văn bản hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo, của ĐHQG-HCM,

của các Tổ chức kiểm định trong nước và quốc tế được nhà trường áp dụng và triển khai thực hiện tốt, nhà trường đã ban hành các quy định về chức năng và nhiệm vụ của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng cũng như xây dựng một số văn bản tài liệu nội bộ giúp cho hệ thống đảm bảo chất lượng của nhà trường được vận hành hiệu quả [H09.01.02].

Về cấp độ lãnh đạo, hiệu trưởng trực tiếp phụ trách, theo dõi, giám sát, chỉ đạo, định hướng triển khai, thực hiện các hoạt động khảo thí và đảm bảo chất lượng. Hiệu trưởng cũng là thành viên Hội đồng đảm bảo chất lượng của ĐHQG-HCM [H09.01.04].

Đối với các phòng chức năng và các khoa, công tác đảm bảo chất lượng được truyền đạt và thực hiện tới tất cả các đơn vị một cách cụ thể và thống nhất. Trong giai đoạn trước đây, nhà trường có thành lập các tổ đảm bảo chất lượng ở các phòng chức năng và các khoa. Tuy nhiên, trong quá trình vận hành, nhà trường nhận thấy cần điều chỉnh một số nội dung để hoạt động đảm bảo chất lượng đạt được hiệu quả hơn. Qua đó, Hội đồng Đảm bảo chất lượng đã được thành lập để thay thế các tổ đảm bảo chất lượng ở các đơn vị trực thuộc trường, các trưởng đơn vị là thành viên của hội đồng và trưởng nhóm công tác đảm bảo chất lượng của đơn vị, chịu trách nhiệm phân công công việc cho các thành viên trong đơn vị [H09.01.05]. Hội đồng đảm bảo chất lượng của trường họp định kỳ mỗi 6 tháng để báo cáo tình hình công tác đảm bảo chất lượng của nhà trường theo định kỳ cũng như triển khai các hoạt động phối hợp về công tác đảm bảo chất lượng của các đơn vị liên quan trong trường theo kế hoạch hằng năm [H09.01.06].

Về góc độ quản lý nghiệp vụ đảm bảo chất lượng, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đã được cấp chứng nhận hoàn thành lớp đào tạo kiểm định viên do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục ĐHQG-HCM cấp và chứng chỉ tham gia khóa học trực tuyến về Đảm bảo chất lượng nội bộ trong giáo dục đại học, do UNESCO tổ chức [H09.01.07]. Các chuyên viên phụ trách công tác đảm bảo chất lượng cũng thường xuyên tham gia các lớp tập huấn do ĐHQG-HCM tổ chức [H09.01.08].

Bảng 9.1.2. Danh sách nhân sự chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng

STT	Họ và tên	Học vị	Chức vụ	Chứng chỉ
1	Trịnh Thanh Đèo	Tiến sĩ	Trưởng phòng	Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo Kiểm định viên
2	Huỳnh Thị Kim Lan	Thạc sĩ	Chuyên viên	Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo Kiểm định viên
3	Trần Thị Trâm Anh	Cử nhân	Chuyên viên	
4	Lê Minh Quang	Cử nhân	Chuyên viên	
5	Nguyễn Thị Ngọc Đoàn	Cử nhân	Chuyên viên	

Ngoài ra, nhà trường có 12 giảng viên được cấp chứng nhận hoàn thành lớp đào tạo kiểm định viên, trong đó có 2 giảng viên là cộng tác viên thường xuyên của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG-HCM, đó là PGS.TS. Trần Văn Mẫn và PGS.TS. Ngô Đại Nghiệp. Bên cạnh đó, các chương trình tập huấn, hội thảo do Bộ

GD&ĐT, AUN-QA, DAAD, ASIIN tổ chức cũng được nhà trường đề cử cán bộ tham dự khi có điều kiện [H09.01.09], [H09.01.10].

Bảng 9.1.3. Danh sách giảng viên có chứng chỉ/thẻ kiểm định viên

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Đơn vị	Chứng nhận/Chứng chỉ
1	Trịnh Thanh Đèo	Tiến sĩ	Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo Kiểm định viên
2	Đỗ Thị Thanh Hà	Thạc sĩ	Khoa Công nghệ thông tin	Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo Kiểm định viên
3	Nguyễn Thị Huyền	Thạc sĩ	Khoa Sinh học - Công nghệ sinh học	Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo Kiểm định viên
4	Huỳnh Thị Kim Lan	Thạc sĩ	Chuyên viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo Kiểm định viên
5	Đào Nguyễn Khôi	Phó Giáo sư, tiến sĩ	Trưởng khoa Môi trường	Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo Kiểm định viên
6	Trần Văn Mẫn	Phó Giáo sư, tiến sĩ	Trưởng phòng Khoa học Công nghệ	Chứng chỉ Kiểm định viên, số thẻ: 0000121
7	Ngô Đại Nghiệp	Phó Giáo sư, tiến sĩ	Trưởng phòng Quan hệ Đối ngoại	Chứng chỉ Kiểm định viên, số thẻ: 2017.01.281
8	Nguyễn Thị Phương Thanh	Thạc sĩ	Khoa Vật lý - Vật lý kỹ thuật	Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo Kiểm định viên
9	Trần Duy Tập	Tiến sĩ	Khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu	Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo Kiểm định viên
10	Nguyễn Công Trách	Tiến sĩ	Phó trưởng khoa Hóa học	Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo Kiểm định viên
11	Nguyễn Thị Thảo Trân	Tiến sĩ	Khoa Hóa học	Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo Kiểm định viên
12	Huỳnh Văn Tuấn	Phó Giáo sư, tiến sĩ	Trưởng khoa Vật lý - Vật lý kỹ thuật	Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo Kiểm định viên

- *Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.*

Tiêu chí 9.2: Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển trường các giai đoạn 2011-2015, 2016-2020, 2021-2025, trong đó nội dung về kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng được xem như là một trong những kế hoạch chủ đạo để phát triển nhà trường [H09.02.01]. Căn cứ vào KHCL về đảm bảo chất lượng, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng theo từng năm học [H09.02.02]. Năm 2018, để hướng dẫn cụ thể cho công tác đảm bảo chất lượng đến các đơn vị trực thuộc, nhà trường đã phát hành Sổ tay đảm bảo chất lượng, đây là tài liệu mô tả hệ thống quản lý chất lượng của trường và hệ thống lại các văn bản, các quy định, tư liệu để hỗ trợ cho hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong [H09.02.03]. Các thông tin về đảm bảo chất lượng được đăng tải, công bố định kỳ, rộng rãi, minh bạch đến các đối tượng có liên quan như giảng viên, nhân viên, nhà quản lý, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, xã hội trên trang thông tin điện tử của trường và của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng [H09.02.04]. Bên cạnh đó, thông qua các cuộc họp giao ban hằng tháng của trường, công tác đảm bảo chất lượng thường xuyên được báo cáo kết quả, triển khai hoạt động cũng như tiếp nhận các nhận xét, góp ý của các bên liên quan để điều chỉnh, cải tiến.

Là một thành viên nòng cốt trong hệ thống ĐHQG-HCM nên nhà trường thường xuyên được cử viên chức - người lao động tham gia nhiều khóa tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về đảm bảo chất lượng do ĐHQG-HCM tổ chức, giúp xây dựng tốt hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong của trường cũng như các hoạt động phục vụ cho công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài cấp chương trình đào tạo và cấp cơ sở giáo dục [H09.01.09], [H09.01.10].

Trong KHCL 2016-2020, nhà trường xem việc đánh giá chất lượng theo AUN-QA là hoạt động đánh giá ngoài chủ yếu của trường. Tuy nhiên, do tổ chức kiểm định AUN-QA xem cả hệ thống ĐHQG-HCM là một thành viên của AUN-QA làm ảnh hưởng đến số lượng chương trình đào tạo đăng ký đánh giá hằng năm của các trường thành viên, nên nhà trường chỉ đặt ra chỉ tiêu mỗi năm có 1 chương trình đào tạo được đánh giá theo bộ tiêu chuẩn quốc tế. Trong KHCL 2021-2025, nhằm tăng cường công tác đảm bảo chất lượng, nhà trường đã điều chỉnh kế hoạch đánh giá ngoài từ 1 chương trình đào tạo lên 3 đến 4 chương trình đào tạo mỗi năm cho phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế bằng cách tiếp cận nhiều tổ chức đánh giá khác ngoài AUN-QA như ASIIN, HCERES,... [H09.02.05]

Căn cứ vào kế hoạch đảm bảo chất lượng hằng năm, nhà trường có kế hoạch và triển khai thực hiện công tác khảo sát ý kiến các bên liên quan về các hoạt động đảm bảo chất lượng của trường [H09.02.06]. Căn cứ kết quả khảo sát, nhà trường đã có một

số điều chỉnh, xem như là điểm sáng cho hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong - đó là triển khai và thực hiện hoạt động viết báo cáo tự đánh giá theo năm học ở tất cả các phòng chức năng và tất cả các khoa. Một mặt giúp các phòng/khoa tổng kết lại hoạt động trong năm của đơn vị, mặt khác còn giúp các đơn vị có được nguồn dữ liệu - minh chứng phục vụ cho công tác báo cáo, kiểm định khi được yêu cầu [H09.02.07], [H09.02.08], [H09.02.09].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.3: Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Dựa trên KHCL giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 của trường, nhà trường đã xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng theo từng năm học và được phổ biến đến các đơn vị, các cán bộ, viên chức, người lao động và được đăng tải, phổ biến công khai trên website của trường và của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng [H09.02.02]. Trên cơ sở đó, các đơn vị trực thuộc trường xây dựng kế hoạch năm học của đơn vị mình. Ngoài ra, ở cấp độ DHQG-HCM, Hội đồng Đảm bảo chất lượng DHQG-HCM họp định kỳ 6 tháng/lần nhằm tổng kết công tác đảm bảo chất lượng chung của DHQG-HCM trong 6 tháng và đưa ra dự thảo kế hoạch công tác 6 tháng tiếp theo. Trong báo cáo giao ban của DHQG-HCM hàng năm thể hiện kế hoạch và kết quả đạt được chu kỳ mỗi 6 tháng/lần. Qua đó, kế hoạch đảm bảo chất lượng của nhà trường cũng được rà soát thường xuyên và có các định hướng công tác cho phù hợp với định hướng chung của DHQG-HCM [H09.03.01].

Bên cạnh đó, nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các buổi họp giao ban hàng tháng dưới sự chủ trì của hiệu trưởng để các phòng chức năng và các khoa báo cáo tình hình hoạt động trong tháng và định hướng hoạt động cho tháng tiếp theo. Qua đó, việc phối hợp thực hiện các công tác đảm bảo chất lượng luôn được diễn ra một cách thuận lợi và theo đúng kế hoạch hàng năm của trường [H09.03.02].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.4: Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai

Trường có hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng [H09.04.01]. Với mỗi loại hoạt động, nhà trường đều có các văn bản, các quy trình, hướng dẫn và các biểu mẫu kèm theo giúp cho việc triển khai thực hiện được thuận tiện và dễ dàng [H09.04.02]. Về mặt hành chính, ngoài hệ thống lưu trữ theo quy định do phòng Tổ chức - Hành chính đảm nhiệm còn có hệ thống lưu trữ tại Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng dưới dạng văn bản và các phiên bản điện tử. Năm 2019, nhà trường đã lập kế hoạch và triển khai thực hiện rà soát tất cả hệ thống văn bản quản lý nội bộ đảm bảo tính đồng bộ trong toàn trường.

Các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được định kỳ rà soát, cập nhật thông qua các đề xuất góp ý của các đơn vị từ mỗi đợt viết báo cáo tự đánh giá theo năm học cũng như thông qua quá trình vận hành hệ thống nhằm phù hợp với các bối cảnh và làm căn cứ cho việc đưa ra các mục tiêu, kế hoạch, giải pháp cải tiến [H09.04.03]. Thông qua hoạt động này, các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường ngày càng được cải tiến và ngày càng thân thiện hơn với các cá nhân và đơn vị liên quan.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.5: Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Trong KHCL 2016-2020, nhà trường đã đưa ra chỉ tiêu 5 chương trình đào tạo được đánh giá trong toàn giai đoạn của KHCL. Qua đó, chỉ tiêu được triển khai theo từng năm là một chương trình đào tạo mỗi năm [H09.02.01]. Điều này là phù hợp với bối cảnh AUN-QA xem cả hệ thống ĐHQG-HCM là một thành viên của AUN-QA nên chỉ cấp chỉ tiêu đánh giá tối đa 8 chương trình đào tạo mỗi năm cho cả hệ thống ĐHQG-HCM.

Trong KHCL 2021-2025, với định hướng đa dạng hóa hoạt động đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo, hướng đến việc hội nhập quốc tế sâu rộng, nhà trường đã đưa ra chỉ tiêu 14 chương trình đào tạo được đánh giá trong giai đoạn này. Qua đó, kế hoạch đảm bảo chất lượng hằng năm của nhà trường cũng được đẩy mạnh để đạt được chỉ số từ 3 đến 4 chương trình đào tạo được đánh giá mỗi năm [H09.02.05].

Trong năm 2021, mặc dù bị ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh trên toàn cầu nhưng nhà trường cũng đã hoàn thành đánh giá AUN-QA cho 2 chương trình đào tạo, trong đó, chương trình Cử nhân Công nghệ thông tin (chương trình tiên tiến) được công nhận ở mức “tốt hơn mong đợi” [H09.05.01].

Trong năm 2022, nhà trường đang triển khai hoạt động đánh giá theo ASIIN cho cụm 3 chương trình đào tạo ngành Toán học, Vật lý học và Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông. Đến cuối năm 2022 sẽ có thêm 4 chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin thực hiện đánh giá theo ASIIN (đã đăng ký vào tháng 5/2022) [H09.05.02].

Nhìn chung, hoạt động đảm bảo chất lượng của nhà trường trong những năm gần đây đã được định hình và ngày càng rõ nét hơn, các chỉ số KPIs về đảm bảo chất lượng cũng được đưa ra và được kiểm soát tốt theo tiến độ của từng giai đoạn thực hiện, đáp ứng tốt các yêu cầu và các quy định mang tính pháp lý của các cơ quan chủ quản cũng như đáp ứng tốt các nhu cầu phát triển chung của nhà trường.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.6: Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phần đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào Báo cáo tổng kết năm học, Nghị quyết của Hội nghị cán bộ viên chức - người lao động và Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động đảm bảo chất lượng để điều chỉnh, cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng [H09.02.07], [H09.02.08], [H09.02.09]. Bên cạnh đó, nhà trường đã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và ban hành Sổ tay đảm bảo chất lượng để cải tiến các quy trình lập kế hoạch. Đồng thời với việc thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch, nhà trường tiến hành rà soát và cải tiến các bộ chỉ số KPIs cho hoạt động thông qua việc tiến hành khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về các chỉ tiêu chính để đánh giá năng lực thực hiện của nhà trường. Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu theo các chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phần đầu chính đã được xác định vào đầu năm học. Thông qua đó, các đơn vị rà soát lại kế hoạch thực hiện trong năm, điều chỉnh, cập nhật, lược bỏ các chỉ tiêu phần đầu chính và chỉ số thực hiện chính không còn phù hợp và bổ sung các chỉ tiêu phần đầu chính và chỉ số thực hiện chính cho năm học tiếp theo thể hiện qua báo cáo tổng kết công tác đảm bảo chất lượng hàng năm [H09.06.01], [H09.06.02], [H09.06.03].

Bên cạnh việc đảm bảo và duy trì hoạt động đánh giá chất lượng cấp Cơ sở giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các chỉ số KPIs về đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo cũng đã tăng một cách rõ nét (từ 1CTDT/năm lên 3-4CTDT/năm) và phần đầu đạt chỉ tiêu 14 chương trình đào tạo cho toàn giai đoạn của KHCL 2021-2025. Điều đó thể hiện rõ sự quyết tâm chính trị của lãnh đạo nhà trường nói chung và quyết tâm đạt được các chỉ số KPIs của bộ phận đảm bảo chất lượng nói riêng.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 9

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong hoàn chỉnh, vận hành hiệu quả.
- Xây dựng tốt hệ thống các chỉ tiêu đảm bảo chất lượng phù hợp với bối cảnh của từng giai đoạn KHCL và kiểm soát tốt hệ thống chỉ tiêu này.
- Nhà trường là đơn vị đầu tiên trong hệ thống DHQG-HCM triển khai hoạt động viết báo cáo tự đánh giá theo năm học đến tất cả các đơn vị chức năng và các đơn vị chuyên môn, qua đó kiểm soát tốt hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong cũng như xây dựng tốt văn hóa chất lượng của nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chưa có nhiều chương trình đào tạo được đánh giá, do bối cảnh chung của hoạt động này trong giai đoạn của báo cáo tự đánh giá.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Tương tác thường xuyên với các phòng chức năng và các khoa trong việc vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	P.KT&DBCL; các phòng, các khoa	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Bám sát chỉ tiêu đảm bảo chất lượng theo KHCL 2021-2025 để xây dựng và thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm	P.KT&DBCL	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, điều chỉnh biểu mẫu Báo cáo tự đánh giá theo năm học, xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá nội bộ của trường	P.KT&DBCL	Năm 2023
4	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các hoạt động đánh giá ngoài	P.KT&DBCL; các khoa	Theo KHCL 2021-2025

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	5
Tiêu chí 9.4	5
Tiêu chí 9.5	5
Tiêu chí 9.6	5
Tiêu chuẩn 9	5,00

Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1: Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập

Năm 2016, nhà trường đã đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành với tỷ lệ các tiêu chuẩn đạt yêu cầu là 86,9%. Giấy chứng nhận do Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp, có giá trị đến năm 2022 [H10.01.01]. Ngay sau khi được công nhận tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, nhà trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm. Theo đó, kế hoạch cải tiến chất lượng được xác định dựa theo các khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài và theo bối cảnh của nhà trường [H10.01.02]. Báo cáo giữa kỳ giai đoạn kiểm định cũng đã được thực hiện và đã gửi đến Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội và các cấp quản lý có liên quan (Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM) [H10.01.03].

Lộ trình, kế hoạch tự đánh giá và các nội dung chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo cũng được xác định rõ trong các kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm. Qua đó, kế hoạch tự đánh giá và hướng dẫn thực hiện hoạt động tự đánh giá được triển khai và thực hiện bám sát yêu cầu của từng tổ chức đánh giá/kiểm định, ở cả cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo. Cụ thể:

a) Đối với hoạt động đánh giá cấp cơ sở giáo dục:

Theo tiến độ thực hiện đánh giá chất lượng cấp cơ sở giáo dục giai đoạn 2017-2021, nhà trường đã gửi công văn đăng ký đánh giá đến Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội [H10.01.04]. Ngay sau khi kiện toàn xong bộ máy quản lý cấp phòng và cấp khoa, nhà trường đã ban hành quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục, ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. Hội đồng Tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục của trường bao gồm đầy đủ các thành phần: Đảng ủy, Ban giám hiệu, lãnh đạo các phòng chức năng và các khoa, đại diện công đoàn và Đoàn TNCS-HCM [H10.01.05].

Các nhóm công tác chuyên trách được phân công phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí phù hợp với chức năng nhiệm vụ, tiến hành phân tích nội hàm tiêu chí để xác định và thu thập minh chứng về hoạt động của trường trong giai đoạn 2017-2021, từ đó tiến hành viết báo cáo các tiêu chí. Tất cả các hoạt động này được lập kế hoạch cụ thể và phổ biến đến đến toàn thể viên chức - người lao động và người học thông qua các cuộc họp Hội đồng tự đánh giá, qua email và công bố công khai trên website của trường [H10.01.06].

Sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá, nhà trường gửi báo cáo tự đánh giá kèm theo công văn thông báo về việc đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá cho Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT. Sau khi nhận được phản hồi từ Cục Quản lý chất lượng và tên cơ sở giáo dục được cập nhật vào danh sách các cơ sở giáo dục đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá theo từng chu kỳ kiểm định, nhà trường gửi công văn và hồ sơ để hợp đồng với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi thực hiện hoạt động đánh giá ngoài. Trong thời gian này, các công tác chuẩn bị cho

hoạt động đánh giá ngoài cũng được nhà trường triển khai và thực hiện theo đúng kế hoạch đã ban hành.

Kế hoạch thực hiện các hoạt động được thể hiện bởi sơ đồ sau:



Hình 10.1.1. Sơ đồ thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng cấp cơ sở giáo dục của trường

b) Đối với hoạt động đánh giá cấp chương trình đào tạo:

Đối với công tác đánh giá cấp chương trình đào tạo, hằng năm nhà trường đều dựa trên kế hoạch đảm bảo chất lượng theo năm học để xây dựng kế hoạch viết báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài cho các chương trình đào tạo đăng ký đánh giá và triển khai thực hiện đến các khoa [H10.01.07]. Theo kế hoạch đánh giá cấp chương trình đào tạo, như đã trình bày trong Tiêu chí 9.5, trong KHCL 2016-2020, nhà trường đã đưa ra chỉ tiêu 5 chương trình đào tạo được đánh giá trong toàn giai đoạn của KHCL. Qua đó, chỉ tiêu được triển khai theo từng năm là 1 CTĐT/năm. Điều này là phù hợp với bối cảnh AUN-QA xem cả hệ thống ĐHQG-HCM là một thành viên của AUN-QA nên chỉ cấp chỉ tiêu đánh giá tối đa 8 CTĐT/năm cho cả hệ thống ĐHQG-HCM. Trong KHCL 2021-2025, với định hướng đa dạng hóa hoạt động đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo, hướng đến việc hội nhập quốc tế sâu rộng, nhà trường đã đưa ra chỉ tiêu 14 chương trình đào tạo được đánh giá trong giai đoạn này. Qua đó, kế hoạch đảm bảo chất lượng hằng năm của nhà trường cũng được đẩy mạnh để đạt được chỉ số từ 3 đến 4 chương trình đào tạo được đánh giá mỗi năm.

Ngoài ra, từ năm 2017 đến nay, nhà trường cũng đã triển khai và thực hiện hoạt động viết báo cáo tự đánh giá theo năm học đến tất cả các phòng chức năng và các khoa. Qua đó, tất cả các phòng chức năng và tất cả các khoa của trường đều thực hiện và nộp báo cáo vào tháng 11 hằng năm nhằm tự đánh giá các hoạt động của đơn vị trong năm học cũng như tạo nguồn dữ liệu, minh chứng các hoạt động báo cáo đến các cấp quản lý và các hoạt động đánh giá cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo của trường [H10.01.08].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.2: Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo

Nhà trường đã triển khai hoạt động tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục dựa theo Thông tư 12/2017/TT-BGD&ĐT “Quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục” và theo hướng dẫn của Công văn 766 của Bộ GD&ĐT. Nhằm tham mưu tốt cho việc lập kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động, đội ngũ các bộ chuyên trách cho hoạt động đảm bảo chất lượng của nhà trường cũng đã được chọn lựa và được đào tạo đúng chuyên môn nghiệp vụ. Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đã được cấp chứng chỉ đào tạo kiểm định viên do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục DHQG-HCM cấp và chứng chỉ tham gia khóa học trực tuyến về Đảm bảo chất lượng nội bộ trong giáo dục đại học, do UNESCO tổ chức [H10.02.01]. Ngoài ra, nhà trường có 10 giảng viên được cấp chứng nhận hoàn thành lớp đào tạo kiểm định viên, trong đó có 2 giảng viên là cộng tác viên thường xuyên của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, DHQG-HCM, đó là PGS.TS. Trần Văn Mẫn và PGS.TS. Ngô Đại Nghiệp. Danh sách các giảng viên được cấp chứng chỉ/chứng nhận tham gia lớp đào tạo kiểm định viên đã được mô tả ở Bảng 9.1.3 (trang 87). Các chuyên viên phụ trách công tác đảm bảo chất lượng cũng thường xuyên tham gia các lớp tập huấn do DHQG-HCM tổ chức. Danh sách nhân sự chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng của trường cũng đã được mô tả ở Bảng 9.1.2 (trang 86). Bên cạnh đó, các chương trình tập huấn, hội thảo do Bộ GD&ĐT, AUN-QA, DAAD, ASIIN tổ chức cũng được nhà trường đề cử cán bộ tham dự khi có điều kiện. Trong kế hoạch tự đánh giá, nhiệm vụ của các nhóm công tác chuyên trách được xác định rõ ràng, mốc thời gian cho từng công việc được xác định cụ thể để việc triển khai các hoạt động được diễn ra theo đúng tiến độ [H10.01.06]. Theo kế hoạch, đến cuối tháng 05/2022, nhà trường hoàn thành báo cáo tự đánh giá và gửi báo cáo đến các cơ quan quản lý có liên quan. Kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài còn được xây dựng, giám sát, triển khai và cập nhật thông qua hoạt động viết báo cáo tự đánh giá theo năm học được thực hiện hàng năm, nhằm đảm bảo cho các kế hoạch trung hạn và dài hạn được thực hiện một cách thuận lợi và theo đúng lộ trình.

Đối với công tác đánh giá cấp chương trình đào tạo, hàng năm nhà trường đều dựa trên kế hoạch đảm bảo chất lượng theo năm học để xây dựng kế hoạch viết báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài cho các chương trình đào tạo đăng ký đánh giá và triển khai thực hiện đến các khoa [H10.01.08]. Quy trình thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về đánh giá cấp chương trình đào tạo và quy định về đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục của DHQG-HCM. Giai đoạn triển khai các hoạt động viết báo cáo tự đánh giá có sự tham gia góp ý, tư vấn của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, của đội ngũ tư vấn viên là các đánh giá viên hoặc các cán bộ có kinh nghiệm trong công tác đảm bảo chất lượng. Báo cáo tự đánh giá sau khi hoàn thiện được gửi đến cấp DHQG-HCM để thẩm định hoặc thực hiện đánh giá cấp DHQG-HCM trước khi gửi đến tổ chức kiểm định [H10.02.02]. Qua đó, việc triển khai và thực hiện các hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài được đảm bảo theo đúng kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm của trường và đảm bảo được chất lượng của hoạt động đánh giá.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.3: Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát

Công tác tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục giúp nhà trường rà soát lại một cách toàn diện tất cả các hoạt động của trường. Dựa trên các kết quả của Báo cáo Tự đánh giá giai đoạn 2011-2015 và các khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đã tham mưu hiệu trưởng triển khai và phối hợp với các đơn vị trực thuộc trường thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo và cải tiến chất lượng trên mọi phương diện cũng như các hoạt động của trường [H10.01.02], [H10.01.03]. Nhiều vấn đề tồn tại trong quá trình tự đánh giá đã được phát hiện, có thể kể đến một số ví dụ khắc phục tồn tại trong quá trình tự đánh giá cụ thể sau: Khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng đào tạo, về chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra, về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ và về chất lượng sinh viên tốt nghiệp,...

Báo cáo cải tiến các hoạt động sau đánh giá cũng đã được gửi đến Trung tâm Kiểm định Chất lượng giáo dục ĐHQG Hà Nội và gửi báo cáo đến Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM. Qua đó, nhà trường đã thực hiện các hoạt động cải tiến nổi bật sau [H10.03.01], [H10.03.02]:

- Đã mở mới các chương trình đào tạo chất lượng cao như: Chương trình tiên tiến ngành Khoa học máy tính, Chương trình chất lượng cao các ngành Kỹ thuật Điện tử - Truyền thông, Công nghệ sinh học, Hóa học, Khoa học môi trường.

- Đã hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để xây dựng, cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo như: Khảo sát ý kiến giảng viên về chương trình đào tạo, khảo sát cựu sinh viên, khảo sát nhà tuyển dụng,...

- Đã thực hiện đánh giá định kỳ có tính hệ thống toàn bộ các chương trình đào tạo thông qua việc mở rộng khảo sát môn học và khảo sát chương trình đào tạo. Đối với các môn học trong chương trình đào tạo thạc sĩ, nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến người học về nội dung môn học, về hoạt động giảng dạy của giảng viên, đồng thời cũng khảo sát ý kiến giảng viên về môn học và về mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học.

- Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế, trường đều thực hiện việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ. Từ đó sẽ xem xét và tạo điều kiện cho các cán bộ được quy hoạch tham gia các lớp nâng cao về lý luận chính trị cũng như các lớp nghiệp vụ quản lý phù hợp vị trí quản lý, tiến tới chuẩn hóa nguồn nhân sự. Theo đề án vị trí việc làm, trường đã điều chỉnh quy hoạch và chuẩn hóa tiêu chuẩn tuyển dụng các vị trí. Các thông tin tuyển dụng đều được đăng tải công khai trên web trường, gửi văn bản đến các đơn vị [H10.03.03]. Các đơn vị cũng đăng tải thông tin này trên kênh riêng của mình.

- Các hoạt động như xây dựng Kế hoạch chiến lược, ban hành quy định, quy chế hoạt động,... đều được thực hiện theo quy trình cụ thể. Trong đó đều có sự tham gia thảo luận rộng rãi, công khai và đóng góp ý kiến từ tất cả viên chức và người lao động trong trường, tuân thủ nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch.

Công tác viết báo cáo tự đánh giá theo năm học cho cấp chương trình đào tạo và cấp cơ sở giáo dục cũng được nhà trường triển khai thực hiện từ năm 2017 đến nay, đem lại nhiều kết quả tích cực cho hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong cũng như hình thành được văn hóa chất lượng của trường.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 10.4: Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Năm 2016, nhà trường thực hiện tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học gồm 10 tiêu chuẩn với 61 tiêu chí. Để hoàn thành báo cáo tự đánh giá, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm làm đầu mối viết báo cáo tự đánh giá, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm rà soát, điều chỉnh và bổ sung minh chứng. Năm 2021, để chuẩn bị cho việc thực hiện báo cáo tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục theo chu kỳ 2, nhà trường đã tiến hành rà soát và đánh giá lại quy trình thực hiện tự đánh giá và có một số cải tiến như sau:

- Công tác tập huấn, truyền thông về công tác đảm bảo chất lượng và công tác tự đánh giá được chú trọng và thực hiện nghiêm túc, kế hoạch tự đánh giá được triển khai trong các cuộc họp giao ban và qua email đến các đơn vị và cá nhân có liên quan, công tác tập huấn chia thành các giai đoạn phù hợp với các bước thực hiện quá trình tự đánh giá (tập huấn chung về bộ tiêu chuẩn, cách thu thập, phân tích thông tin minh chứng; cách viết các tiêu chuẩn, tiêu chí) [H10.04.01].

- Để việc thu thập, phân tích minh chứng đảm bảo độ tin cậy, tính xác thực, mức độ phù hợp và liên quan đến tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá đã phân công các tiêu chuẩn, tiêu chí phù hợp với các cá nhân hoặc đơn vị phụ trách. Sau khi tiến hành thu thập và phân tích thông tin, minh chứng hội đồng tự đánh giá rà soát và kiểm tra lại mức độ phù hợp, xác thực của các minh chứng này trước khi các nhóm tiến hành bước đánh giá tiêu chí.

- Một bước tiến trong quá trình tự đánh giá cơ sở giáo dục chu kỳ 2 là việc số hóa minh chứng, tạo điều kiện cho công tác lưu trữ, tái sử dụng, dễ dàng cung cấp cho đoàn đánh giá ngoài khi có yêu cầu. Qua đó, tất cả các minh chứng đều được tổng hợp, phân tích và chuyển thành file .pdf để các đánh giá viên và các bên liên quan dễ dàng truy cập, nhằm tạo sự thuận lợi nhất cho các hoạt động kiểm tra, đánh giá.

Quy trình thực hiện tự đánh giá, đánh giá ngoài nội bộ trường, đánh giá cấp DHQG-HCM cũng có một số cải tiến, linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế như: Thực hiện tư vấn, góp ý cho giai đoạn viết và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá thay vì đánh giá nội bộ cấp trường. Với các đơn vị đã quen thuộc với hoạt động đánh giá cấp chương trình đào tạo, DHQG-HCM đã đồng ý cho các đơn vị được lựa chọn một trong hai hình thức gửi thăm định báo cáo tự đánh giá hoặc thực hiện đánh giá cấp DHQG-HCM [H10.04.02], [H10.04.03], [H10.04.04]. Đặc biệt, trong các năm 2020-2021, các hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài được chuyển sang thực hiện trực tuyến để thích ứng với diễn biến của tình hình dịch bệnh COVID-19 cũng như để tiến độ các hoạt động đảm bảo chất lượng của trường được diễn ra theo đúng kế hoạch. Trong giai đoạn này, hệ thống thông tin minh chứng cũng được số hóa và các hoạt động đảm bảo chất lượng của trường cũng được cải tiến theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động.

- **Điểm tự đánh giá cho tiêu chí:** 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 10

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Kế hoạch đảm bảo chất lượng được thiết lập, triển khai và thực hiện theo từng năm học và theo từng chu kỳ kiểm định.
- Kế hoạch tự đánh giá/đánh giá ngoài được thiết lập, triển khai và thực hiện theo kế hoạch, phù hợp với quy định.
- Hệ thống văn bản, hướng dẫn cho việc triển khai thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài rõ ràng và đầy đủ.
- Các hoạt động rà soát cải tiến chất lượng cấp cơ sở đào tạo và cấp chương trình đào tạo được thực hiện thông qua các báo cáo tự đánh giá theo năm học.
- Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho hoạt động đánh giá ngoài được cải tiến, đáp ứng mục tiêu chiến lược của trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chưa có nhiều chương trình đào tạo được đánh giá, do bối cảnh chung của hoạt động này trong giai đoạn của báo cáo tự đánh giá.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng theo từng năm học và theo từng giai đoạn.	P.KT&DBCL	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc xây dựng kế hoạch tự đánh giá/đánh giá ngoài theo kế hoạch chiến lược, phù hợp với quy định.	P.KT&DBCL	Theo KHCL
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản, hướng dẫn cho việc triển khai thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài.	P.KT&DBCL	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện hoạt động viết báo cáo tự đánh giá theo năm học hằng năm.	Tất cả các đơn vị	Hằng năm
5	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nghiên cứu cải tiến quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho hoạt động đánh giá ngoài.	P.KT&DBCL	Hằng năm
6	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các hoạt động đánh giá ngoài	P.KT&DBCL; các khoa	Theo KHCL 2021-2025
7	Khắc phục tồn tại	Tăng cường công tác tập huấn, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trong nước và quốc tế	P.KT&DBCL	Hằng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	5
Tiêu chí 10.3	4
Tiêu chí 10.4	5
Tiêu chuẩn 10	4,75

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 11.1: Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập

Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng là một phần không thể thiếu trong hoạt động quản lý hệ thống thông tin của trường. Hệ thống thông tin quản lý được phân cấp quản lý đến các phòng chức năng, các khoa thông qua quy định về chức năng và nhiệm vụ của các phòng chức năng, các khoa [H11.01.01]. Việc tổ chức quản lý các hoạt động của nhà trường đều dựa trên những văn bản pháp lý của Nhà nước, của đơn vị chủ quản và điều kiện thực tế của trường nhằm đảm bảo cho quá trình hoạt động của trường ngày càng hiệu quả. Phòng Thông tin Truyền thông là đơn vị chức năng của trường có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong công tác tổ chức điều hành, xây dựng, quản trị cổng thông tin, phát triển hệ thống mạng và công tác truyền thông của nhà trường [H11.01.02]. Bên cạnh đó, nhà trường xây dựng một số quy trình công tác nội bộ liên quan đến việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng như quy trình cập nhật thông tin trên hệ thống quản lý, quy trình quét và lưu trữ hồ sơ [H11.01.03].

Trong những năm gần đây, nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong đối với các mặt hoạt động của trường như các hoạt động liên quan đến nhân sự, quản lý các mặt của công tác tài chính, quản lý công tác đào tạo, các hoạt động thư viện, nghiên cứu khoa học,... Mỗi lĩnh vực đều có các phần mềm chuyên biệt để quản lý, sử dụng và khai thác thông tin liên quan đến lĩnh vực quản lý của đơn vị như:

- HCMUS Portal: bao gồm hệ thống portal dành cho giảng viên nhằm quản lý và cung cấp các thông tin cần thiết như lý lịch cá nhân, lý lịch khoa học, quản lý thu nhập, quản lý giờ giảng; hệ thống portal dành cho sinh viên giúp sinh viên xem thời khóa biểu, danh sách các môn học, điểm thi, lịch thi, các thông báo của trường, thực hiện khảo sát môn học, khóa học,... [H11.01.04]

- Phần mềm quản lý nhà trường-BSC: sử dụng trong công tác tài chính, biến động nhân sự, quản lý công tác đào tạo sau đại học, các hoạt động thư viện.

- Phần mềm khảo thí: tổ chức thi và quản lý điểm, phần mềm chấm thi trắc nghiệm, phần mềm nhận dạng bài thi, phần mềm nhận dạng bảng điểm, phần mềm khảo sát online và thực hiện công tác đồng bộ dữ liệu đăng ký học phần từ Phòng Đào tạo, đồng bộ dữ liệu điểm thi sang Phòng Đào tạo, đồng bộ lịch thi lên website portal,... [H11.01.05]

- Hệ thống email: hệ thống email của trường cung cấp tài khoản email cho tất cả các cán bộ viên chức - người lao động và tất cả người học trong toàn trường. Tất cả tài khoản email này đều được hỗ trợ thêm tài khoản Microsoft Office 365 miễn phí trong quá trình học tập và làm việc tại trường.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.2: Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn

Với các phần mềm quản lý chuyên dụng ở các lĩnh vực của trường được mô tả ở Tiêu chí 11.1, cơ sở dữ liệu được lưu trữ và sẵn sàng trích xuất báo cáo theo các tiêu chí, các yêu cầu khác nhau của các bên liên quan. Các dữ liệu được phần mềm xử lý và cung cấp theo từng yêu cầu của các đợt báo cáo nhằm nâng cao chất lượng quản lý đối với các lĩnh vực liên quan [H11.02.01].

Với quy định về việc thực hiện ba công khai, nhà trường luôn triển khai thực hiện thu thập dữ liệu, báo cáo theo quy định và đăng tải trên website trường và website Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng để các bên liên quan dễ dàng truy cập [H11.02.02].

Với cơ sở dữ liệu về khảo sát ý kiến của các bên liên quan, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng luôn có kế hoạch triển khai hàng năm, thực hiện tổng hợp, phân tích và lưu giữ để có thể trích xuất báo cáo theo yêu cầu của các đơn vị. Việc thực hiện các hoạt động khảo sát các bên liên quan được thực hiện theo quy trình đã được nhà trường ban hành. Tất cả các hoạt động đều được phân cấp quản lý và phân quyền quản trị phần mềm nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong [H11.02.03], [H11.02.04].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.3: Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin

Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của trường được rà soát hằng năm và được điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của trường như thông qua các báo cáo tổng kết công tác hằng năm và phương hướng hoạt động, nhiệm vụ cho năm tiếp theo cũng như thông qua kế hoạch thực hiện khảo sát các bên liên quan hằng năm.

Trước mỗi đợt triển khai hoạt động, nhà trường luôn rà soát và điều chỉnh bảng hỏi cho phù hợp với tình hình thực tế và lựa chọn phương thức triển khai cho phù hợp với từng đối tượng lấy ý kiến.

Đối với các quy trình công tác tại các đơn vị, trong quá trình thực hiện theo chức năng nhiệm vụ, đơn vị có những cải tiến trong quy trình, biểu mẫu, thì đơn vị thực hiện cập nhật, điều chỉnh cho thống nhất.

Đối với hệ thống phần mềm, các cổng thông tin điện tử, các đơn vị quản lý rà soát, lập báo cáo hằng năm để nhà trường phối hợp với đơn vị cung cấp để khắc phục, sửa chữa, bảo dưỡng và nâng cấp [H11.03.01].

Bên cạnh những ý kiến của các cá nhân, đơn vị liên quan, nhà trường còn lấy ý kiến của người học về cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ, về tổ chức, quản lý và phục vụ đào tạo và ý kiến của viên chức về điều kiện, môi trường làm việc tại trường. Đây là một trong những kênh thông tin quan trọng để nhà trường có những bổ sung, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong [H11.03.02].

- **Điểm tự đánh giá cho tiêu chí:** 5/7.

Tiêu chí 11.4: Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của trường được cải tiến, thể hiện qua những thay đổi trong kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan hàng năm; qua các cách thu thập và báo cáo ba công khai; qua việc cập nhật các văn bản về các mảng thủ tục hành chính, đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; qua việc cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các quy trình ở các đơn vị; qua việc nâng cấp các phần mềm quản lý tại trường,...

Hàng năm, nhà trường tổ chức hoạt động viết báo cáo tự đánh giá theo năm học tại tất cả các phòng chức năng và các khoa nhằm tổng kết hoạt động trong năm của đơn vị và rà soát những điểm mạnh, điểm tồn tại để các đơn vị cải tiến, khắc phục [H11.04.01]. Nội dung báo cáo tự đánh giá dựa trên chức năng nhiệm vụ của đơn vị và những hoạt động liên quan đến hoạt động chung của nhà trường, mục tiêu chất lượng, quản lý văn bản đi đến của đơn vị và những điểm tồn tại của năm trước để làm căn cứ đánh giá năm tiếp theo. Dựa trên báo cáo tự đánh giá, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tổng hợp và mời chuyên gia thẩm định, tư vấn và đề xuất để đơn vị điều chỉnh cải tiến.

Nhà trường cũng thực hiện hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan theo định kỳ hàng năm. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phụ trách công tác này và xử lý số liệu, phân tích, tổng hợp báo cáo. Các kết quả thu được qua hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan đã được các bộ phận chức năng phân tích, và sử dụng để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của nhà trường [H11.04.02].

- **Điểm tự đánh giá cho tiêu chí:** 4/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 11

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được phân cấp quản lý theo chức năng và nhiệm vụ cụ thể tại các đơn vị.

- Các quy trình, thủ tục, hệ thống thường xuyên được cập nhật và cải tiến đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý dữ liệu, quản lý thông tin.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc chia sẻ và kết nối thông tin giữa các đơn vị bên trong trường còn gặp nhiều khó khăn do đặc thù về chức năng và nhiệm vụ của từng đơn vị.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cải tiến hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của trường cho phù hợp với thực tiễn từng năm.	P.KT&DBCL; các phòng, các khoa	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật, cải tiến các quy trình, thủ tục công tác quản lý dữ liệu, quản lý thông tin.	các phòng, các khoa	Hàng năm
3	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung và phân cấp trong toàn trường	các phòng, các khoa	Theo KHCL 2021-2025
4	Khắc phục tồn tại	Nâng cao hiệu quả tương tác và hạn chế rủi ro trong việc trao đổi thông tin dữ liệu, nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan	các phòng, các khoa	Theo KHCL 2021-2025

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 11.1	5
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	5
Tiêu chí 11.4	4
Tiêu chuẩn 11	4,75

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1: Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Nhà trường có kế hoạch không ngừng nâng cao chất lượng, thể hiện thông qua các kế hoạch, các hoạt động mang tính chiến lược và các kế hoạch hành động cụ thể. Dựa vào các kế hoạch chiến lược theo từng giai đoạn 2011-2015, 2016-2020, 2021-2025, nhà trường đã xây dựng các kế hoạch ngắn hạn (hàng năm) để cụ thể hóa các mục tiêu của kế hoạch chiến lược cũng như kiểm soát tốt tiến độ thực hiện các kế hoạch thành phần.

Như đã mô tả trong Tiêu chí 4.2, Kế hoạch chiến lược 2016-2020 của trường đã xác định mục tiêu, chiến lược để nâng cao chất lượng cùng với các chính sách cụ thể, trong đó định hướng các kế hoạch cho từng lĩnh vực nhằm đáp ứng mục tiêu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Cụ thể:

- Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát theo từng năm học và được cải tiến cho năm học tiếp theo thông qua hệ thống các quy chế, quy định như: Quy chế đào tạo, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định về chế độ làm việc của giảng viên, các quy trình quản lý đào tạo, quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ, quy định về quản lý công tác hợp tác quốc tế,... [H12.01.01], [H12.01.02], [H12.01.03], [H12.01.04], [H12.01.05], [H12.01.06]

- Tất cả các hệ thống hoạt động của trường đều được rà soát, cải tiến sau những đợt đánh giá nội bộ (thông qua hoạt động viết báo cáo tự đánh giá theo năm học), sau những đợt rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo,... từ đó đưa ra các giải pháp cải tiến khả thi nhằm đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng và kế hoạch chiến lược đã đặt ra. Để quản lý tất cả các hoạt động một cách có hiệu quả, nhà trường đã ban hành một hệ thống các quy trình nghiệp vụ, các thủ tục bắt buộc kèm các hướng dẫn và biểu mẫu rõ ràng. Toàn bộ các quy trình và thủ tục này cũng được thường xuyên rà soát, cải tiến sao cho phù hợp với hệ thống và không ngừng nâng cao chất lượng quản lý các mặt hoạt động trong trường.

- Về nguồn nhân lực, nhà trường xây dựng quy chế tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức - người lao động, bồi dưỡng đội ngũ, thu hút nhân tài nhằm gia tăng về số lượng và chất lượng đội ngũ [H12.01.07], [H12.01.08].

- Về tài chính, kế hoạch tăng cường nguồn lực tài chính, đa dạng hóa các nguồn thu cũng được đề cập đến trong KHCL 2016-2020 và KHCL 2021-2025. Các kế hoạch này cũng được cụ thể hóa thông qua kế hoạch tài chính hàng năm và được thể hiện qua thống kê về cơ cấu thu - chi trong toàn giai đoạn [H12.01.09].

Nhằm cải tiến liên tục, không ngừng nâng cao chất lượng các mặt hoạt động trong trường về chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục, nguồn lực,... nhà trường đã điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ theo từng năm cho phù hợp với bối cảnh của trường. Các quy định về chế độ làm việc của giảng viên, quy định về thù lao giảng dạy năm học,

quy định về mức học phí năm học cũng được điều chỉnh; các chính sách về tài chính ngày càng tăng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Tùy theo chức năng nhiệm vụ của các đơn vị mà hoạt động cải tiến chất lượng sẽ do các đơn vị chuyên môn phụ trách. Tại các khoa thì hoạt động rà soát, cải tiến chương trình đào tạo được thực hiện 2 năm/lần đối với các thay đổi nhỏ và 4 năm/lần đối với các thay đổi và điều chỉnh lớn.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 12.2: Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập

Với vai trò là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các tỉnh phía nam, nhà trường đã thiết lập và áp dụng các tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện đối sánh với đối tác trong nước và đối tác ngoài nước. Trên cơ sở các thông tin so chuẩn từ các tiêu chí của bộ tiêu chuẩn KDCL của Bộ GD&ĐT, nhà trường đã ban hành quy định về đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục của trường [H12.02.01]. Qua đó, nhà trường thực hiện đối sánh nội bộ thông qua biến động số liệu trong từng lĩnh vực giữa các năm và thông qua đối sánh ngoài thông qua dữ liệu ba công khai của các trường đại học có các chương trình đào tạo tương đồng, từ đó đưa ra những nhận định về những điểm mạnh, điểm tồn tại chung của hệ thống, đưa ra các kế hoạch cải tiến, xác định những thực tiễn tốt và rút ra những bài học kinh nghiệm để giúp trường nâng cao chất lượng và vị thế trong hệ thống giáo dục đại học. Ngoài ra, nhà trường đã áp dụng CDIO để xây dựng và phát triển chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo.

Các khoa cũng lựa chọn các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế để thực hiện đối sánh nhằm nâng cao chất lượng các chương trình. Chẳng hạn, Khoa Công nghệ Thông tin thực hiện đối sánh chương trình APCS về số lượng công bố khoa học với các chương trình khác trong khoa và với các khoa khác trong trường; đối sánh điểm tuyển sinh ngành Công nghệ Thông tin của trường với ngành Công nghệ Thông tin của Trường Đại học Bách khoa và Trường Đại học Công nghệ Thông tin (thuộc ĐHQG-HCM); đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp với các khoa trong trường. Việc đối sánh giúp khoa và trường mở thêm những ngành đào tạo mới, mở thêm các lớp tiên tiến chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Đối với các cơ sở giáo dục đại học, nhà trường chọn các đối tác để thực hiện đối sánh (thông qua dữ liệu ba công khai hằng năm của các đối tác) là Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội; Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế; Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên. Việc đối sánh nhằm vào một trong các mục tiêu sau: (i) Đối sánh để hiểu rõ hiện trạng của chính mình; (ii) Đối sánh để xác định khoảng cách giữa mình và các chuẩn mực khách quan bên ngoài mà mình muốn đạt; (iii) Đối sánh nhằm học hỏi những phương pháp thực hành tốt nhất từ bên ngoài để triển khai tại đơn vị. Ba mục tiêu này không tồn tại độc lập, mà kết hợp với nhau thành một hệ thống thứ bậc, các mục tiêu đi từ thấp đến cao trên con đường tự cải tiến của trường [H12.02.02].

Các đơn vị trong trường tiến hành đối sánh nội bộ một số hoạt động chính sau: đối sánh trong quản lý (đối sánh các mặt hoạt động của năm trước và năm sau); đối sánh

trong tuyển sinh, đối sánh chương trình đào tạo của một số trường trong nước; đối sánh kết quả đạt được so với chuẩn đầu ra (tỷ lệ sinh viên lên lớp/thôi học, tốt nghiệp hàng năm; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp, ...). Số liệu chi tiết được thể hiện trong bảng đối sánh ở Tiêu chí 12.3.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 12.3: Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo

Việc tự đánh giá và tham gia đánh giá ngoài đã thực sự có tác dụng thúc đẩy chất lượng đào tạo của nhà trường. Qua quá trình tự đánh giá, trường đã tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá để báo cáo về thực trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý nguồn nhân lực, quản lý nguồn tài nguyên cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác, từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Qua mỗi đợt kiểm định, văn hóa chất lượng của tập thể công chức, viên chức và sinh viên của trường ngày được nâng lên.

Để đối sánh với các hoạt động của các đối tác lựa chọn so chuẩn, nhà trường đã thực hiện hoạt động so chuẩn, đối sánh về hoạt động đào tạo; về bộ máy, nhân sự; về hoạt động khoa học công nghệ; về quan hệ đối ngoại; về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; về cơ sở vật chất; về tài chính; về kiểm định chất lượng và xếp hạng cơ sở giáo dục,... [H12.02.01], [H12.02.02] Kết quả so chuẩn và đối sánh được nhà trường lấy làm cơ sở, căn cứ quan trọng để xác định và điều chỉnh, áp dụng các giải pháp cải tiến chất lượng.

Kết quả so chuẩn các số liệu Ba công khai Năm học 2020-2021 của các trường: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM; Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HN; Trường Đại học Khoa học, ĐH Huế; Trường Đại học Khoa học, ĐH Thái Nguyên được thể hiện ở bảng dưới đây.

Bảng 12.3.1. Bảng số liệu ba công khai của các trường thực hiện đối sánh

TT	Nội dung đối sánh	Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM	Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HN	Trường ĐH Khoa học, ĐH Huế	Trường ĐH Khoa học, ĐH Thái Nguyên
1	Chỉ tiêu tuyển sinh ĐH	3.470	1.700	1.330	2.250
2	Quy mô đào tạo - Bậc đại học - Bậc thạc sĩ - Bậc tiến sĩ	15.455 1.252 200	5.954 458 132	2.956 826 89	2.312 443 8
3	Tỷ lệ SV có việc làm - Khối ngành IV - Khối ngành V	92,27% 94,89%	79,00% 89,30%	80,90% 70,91%	64,30% 88,50%

TT	Nội dung đối sánh	Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM	Trường ĐHKHTN, ĐHQG-HN	Trường ĐH Khoa học, ĐH Huế	Trường ĐH Khoa học, ĐH Thái Nguyên
4	Thông tin kiểm định chất lượng giáo dục	Năm 2017 Đạt	Năm 2017 Đạt	Năm 2017 Đạt	Năm 2017 Đạt
5	Cơ sở vật chất (m ²) - Tổng diện tích đất - Tổng diện tích sàn	340.175 81.914	27.440 42.398	35.500 26.500	78.039 42.018
6	Số lượng giảng viên	414	600	269	260
7	Tổng thu (tỷ đồng) - Thu từ học phí - Thu từ ngân sách - Thu từ NCKH-CGCN - Thu khác	413,12 229,06 73,25 28,8 28,01	311,40 96,00 39,34 101,9 4,50	99,32 - - - -	84,93 44,45 39,34 0,03 1,11

Thông qua bảng số liệu đối sánh cho thấy chỉ tiêu tuyển sinh đại học, quy mô đào tạo, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm, tổng diện tích đất, tổng thu của trường đều cao hơn các trường được chọn thực hiện đối sánh - điều này chứng tỏ được năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường. Tuy nhiên, so với Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HN thì số lượng giảng viên của nhà trường ít hơn nhưng khối lượng đào tạo lại nhiều hơn. Điều này cho thấy nhà trường cần phải cải thiện tỷ lệ giảng viên/sinh viên cho giai đoạn tiếp theo. Bên cạnh đó, mặt dù tổng thu của trường cao hơn các trường thực hiện đối sánh nhưng nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ lại thấp hơn nhiều so với Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HN. Đây cũng là vấn đề mà nhà trường cần phải phân tích và tìm ra các giải pháp cải tiến cho giai đoạn tới.

Thông qua hoạt động đối sánh, nhà trường đã điều chỉnh các mẫu phiếu khảo sát, thực hiện khảo sát sinh viên về môn học, về giảng viên, về khóa học; khảo sát sinh viên năm cuối và cựu sinh viên về chương trình đào tạo, về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, giúp điều chỉnh, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

Thông qua hoạt động đối sánh về các chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định trong khối ĐHQG-HCM, nhà trường đã điều chỉnh tăng chỉ tiêu về số lượng chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định từ 5 chương trình đào tạo được kiểm định trong giai đoạn 2016-2020 thành 14 chương trình đào tạo được kiểm định trong giai đoạn 2021-2025. Bên cạnh đó, Khoa Công nghệ thông tin của trường cũng đã thực hiện hoạt động đối sánh nội bộ giữa các chương trình đào tạo của khoa [H12.03.01] cũng như đối sánh với các chương trình đào tạo tương đồng trong nước [H12.03.02] và chương trình đào tạo gốc của đối tác liên kết quốc tế (Portland State University) [H12.03.03].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 12.4: Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát

Quy trình lựa chọn đối tác thực hiện đối sánh được nhà trường xác định rõ trong quy định về đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục của trường [H12.02.01]. Qua đó, nhà trường luôn quan tâm đến việc rà soát quá trình thực hiện lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của trường cũng như sự tương thích với các tác động bên ngoài [H12.04.01]. Hằng năm, nhà trường căn cứ vào điều kiện thực tiễn của trường và báo cáo tự đánh giá theo năm học của các đơn vị để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ. Các tiêu chí đánh giá các hoạt động của các đơn vị trong trường cũng thường xuyên được xem xét, điều chỉnh trước mỗi đợt viết báo cáo tự đánh giá để đảm bảo chính xác các thông tin phục vụ cho việc so chuẩn và đối sánh nội bộ của các đơn vị trực thuộc. Ngoài ra các thông tin so chuẩn và đối sánh các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác trong trường còn được định kỳ rà soát để làm cơ sở cho việc so chuẩn và đối sánh trong quá trình thực hiện các hoạt động [H12.02.02].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 12.5: Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Nhà trường luôn chú trọng việc cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng, đạt các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các thông tin so chuẩn và đối sánh về các hoạt động của trường luôn được cải tiến cho phù hợp với những yêu cầu mới của tiêu chí, mốc chuẩn, điều khoản trong các phiên bản mới của các bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của AUN-QA. Các kế hoạch, quyết định, nội dung tự đánh giá sau khi được rà soát so chuẩn, đối sánh được cập nhật lại cho phù hợp.

Trong các cuộc họp giao ban của Đảng ủy, Ban giám hiệu và lãnh đạo các đơn vị hàng tháng, các quy trình, quy định, quy chế, chính sách,... sau khi rà soát được trao đổi và đưa ra các nghị quyết, quy định, quy chế, quyết định, chính sách mới đã được cải tiến nhằm đạt được các kết quả tốt nhất cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trường đã tiến hành cải tiến các quy trình trong việc thực hiện đối sánh, thể hiện thông qua việc thay đổi cách thức tiến hành lấy ý kiến người học đối với công tác giảng dạy - học tập, sự hài lòng đối với môn học của sinh viên, sự hài lòng của cán bộ viên chức, người học đối với môi trường làm việc, học tập, cơ sở vật chất của trường. Các kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của giảng viên, về chất lượng đào tạo của nhà trường ngày càng được phổ biến rộng rãi tới toàn thể viên chức - người lao động trong trường thông qua các kênh thông tin như email, website trường, cũng như thông qua các buổi họp của các đơn vị để giúp các cá nhân và đơn vị có căn cứ cải tiến chất lượng các hoạt động [H12.05.01].

- **Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.**

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 12

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Đã đạt kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2016, làm tiền đề để cải tiến, nâng cao chất lượng.
- Chọn được đối tác tương đồng để đối sánh nhằm nâng cao chất lượng.
- Có sự phân công chức năng nhiệm vụ rõ ràng giữa các đơn vị.
- Văn hóa chất lượng đã được lan tỏa, các đơn vị hiểu được tầm quan trọng của việc đối sánh nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động cải tiến còn thấp.
- Chưa có cơ chế giám sát và cải tiến hoạt động so chuẩn và đối sánh.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải tiến chất lượng và chuẩn bị cho các hoạt động đánh giá cấp cơ sở giáo dục giai đoạn 2017-2021 và các hoạt động liên quan	Toàn trường	Năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch đối sánh, so chuẩn như là một kế hoạch thường niên của trường nhằm ngày càng nâng cao chất lượng của trường.	P.KT&DBCL phối hợp với các đơn vị	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường sự tương tác, kết nối giữa các đơn vị nhằm tiếp tục lan tỏa văn hóa chất lượng trong toàn trường, đặc biệt là các hoạt động đối sánh, so chuẩn	P.KT&DBCL phối hợp với các đơn vị	Hàng năm
4	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch và kinh phí thực hiện cho các hoạt động cải tiến	P.KT&DBCL	Hàng năm
5	Khắc phục tồn tại	Xây dựng cơ chế giám sát và cải tiến hoạt động so chuẩn và đối sánh	P.KT&DBCL	2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 12.1	5
Tiêu chí 12.2	5
Tiêu chí 12.3	5
Tiêu chí 12.4	5
Tiêu chí 12.5	5
Tiêu chuẩn 12	5,00

Mục 3.

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG

Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1: Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục

Hàng năm, Bộ GD&ĐT ban hành quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy và hướng dẫn công tác tổ chức tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy, đề xuất các quy định chung về quy trình tuyển sinh và nhập học đại học trên toàn quốc. Từ đó, DHQG-HCM triển khai thảo luận với các trường đại học thành viên và ban hành đề án tuyển sinh đại học, cao đẳng các năm [H13.01.01]. Căn cứ vào các quy định trên, nhà trường xây dựng và ban hành đề án tuyển sinh, quy trình nhập học và kế hoạch cụ thể về công tác tuyển sinh cho tất cả các chương trình đào tạo của trường. Đề án tuyển sinh đại học của trường được xây dựng dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của DHQG-HCM, được ban hành và cập nhật hàng năm [H13.01.02], [H13.01.03].

Trong hai năm gần đây, Đề án tuyển sinh của trường có các phương thức như sau:

Bảng 13.1.1. Danh sách các phương thức tuyển sinh của trường

STT	Phương thức tuyển sinh	Tỷ lệ xét tuyển
1	Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo quy định của Bộ GD&ĐT và của DHQG-HCM.	15%
2	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông theo quy định của Bộ GD&ĐT và của DHQG-HCM.	40%
3	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do DHQG-HCM tổ chức.	30%
4	Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của các thí sinh là học sinh các chương trình Trung học phổ thông của nước ngoài.	5%
5	Xét tuyển dựa trên các chứng chỉ quốc tế tiếng Anh TOEFL/IELTS kết hợp với điểm học bạ dành cho các chương trình liên kết, tiên tiến, chất lượng cao.	10%

Các đề án tuyển sinh cũng được công khai trên website tuyển sinh của trường, của Bộ GD&ĐT và công bố rộng rãi bằng các phương tiện truyền thông khác nhau của trường [H13.01.04]. Các chính sách tuyển sinh, các chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành, tổ hợp xét tuyển của từng ngành, phương thức xét tuyển và các chế độ về tuyển thẳng, điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng cho từng phương thức tuyển sinh được công bố trong đề án tuyển sinh hằng năm của trường, theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của ĐHQG-HCM. Kế hoạch tư vấn tuyển sinh đại học, hướng nghiệp cũng được nhà trường xây dựng cho mỗi năm, tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh, tham quan trường, quảng bá thông qua các kênh truyền thông điện tử và truyền thống [H13.01.05], [H13.01.06].

Từ năm 2019, trường đã ngưng tuyển sinh bậc cao đẳng để hướng đến xây dựng đại học nghiên cứu theo kế hoạch chiến lược của trường.

Đối với các chương trình đào tạo sau đại học, nhà trường mở rộng quảng bá các chương trình đào tạo thông qua các hội thảo tư vấn tuyển sinh sau đại học ở Tp.HCM và các tỉnh Bến Tre, An Giang, khu vực Tây Nguyên. Các hội thảo nhấn mạnh việc quảng bá các ngành, chuyên ngành phù hợp đặc thù đào tạo nguồn nhân lực tại địa phương và theo vùng miền. Trên cơ sở kế hoạch chiến lược của trường, kế hoạch tổ chức kỳ thi tuyển sinh sau đại học được xây dựng hằng năm với nội dung rõ ràng, cụ thể, bám sát chính sách tăng cường công tác tuyển sinh sau đại học nhưng vẫn đảm bảo chất lượng đầu vào của người học. Cụ thể, nhà trường tổ chức 2 kỳ thi tuyển sinh sau đại học vào tháng 5 và tháng 10 hằng năm. Công tác tổ chức tuyển sinh sau đại học do Phòng Đào tạo Sau đại học phụ trách. Trong mỗi kỳ tuyển sinh, nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh cơ sở và các bộ phận chuyên trách (Ban thư ký, Ban đề thi, Ban in sao đề thi, Ban coi thi, Tổ thanh tra, Ban chấm thi, Tiểu ban chuyên môn xét tuyển trình độ thạc sĩ, tiến sĩ) để thực hiện các nhiệm vụ tương ứng. Chính sách tuyển sinh sau đại học được thực hiện theo chính sách chung của ĐHQG-HCM và của Bộ GD&ĐT [H13.01.07], [H13.01.08], [H13.01.09].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 13.2: Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo

Các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh được thể hiện chi tiết trong đề án tuyển sinh từng năm và được công bố công khai, rộng rãi trên các phương tiện truyền thông của trường [H13.01.02], [H13.01.07].

Hiện nay, trường đang có 23 ngành đào tạo ở bậc đại học chính quy với các loại chương trình như: chương trình chuẩn (đại trà), chương trình cử nhân tài năng, chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến, chương trình Việt - Pháp. Riêng ngành Công nghệ thông tin, trường còn đào tạo bậc đại học hệ từ xa qua mạng. Các ngành đào tạo của trường được chia thành 02 khối ngành chính là khối ngành IV khoa học tự nhiên và khối ngành V công nghệ kỹ thuật. Theo công tác tuyển sinh các năm, khối ngành IV luôn tuyển không đủ chỉ tiêu và khối ngành V luôn tuyển dư chỉ tiêu, nhưng tổng chỉ tiêu của trường luôn được đảm bảo. Để đảm bảo chỉ tiêu của các ngành được

cân bằng, trường đã xây dựng các ngành mới là ngành công nghệ mũi nhọn dựa trên các ngành nghiên cứu khoa học cơ bản. Ví dụ như ngành Vật lý Y khoa dựa trên ngành Vật lý, ngành Công nghệ vật liệu dựa trên ngành Khoa học vật liệu, ngành Khoa học dữ liệu dựa trên ngành Toán học và ngành Công nghệ thông tin. Việc đa dạng hóa ngành học giúp cho người học có nhiều lựa chọn khi thi tuyển vào trường.

Trong các năm 2017-2019 trường có 4 phương thức xét tuyển: tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT; ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM; xét tuyển dựa trên điểm thi THPT; xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức. Năm 2020, trường có thêm một phương thức xét tuyển mới, là xét tuyển vào đại học hệ chính quy bằng phương thức dựa trên kết quả các kỳ thi quốc tế theo quy định của ĐHQG-HCM. Năm 2021, trường có thêm hai phương thức xét tuyển nữa là xét tuyển thẳng theo quy định của ĐHQG-HCM (bổ sung vào phương thức ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM) và xét tuyển vào đại học hệ chính quy thuộc các chương trình tiên tiến, chất lượng cao và liên kết Việt - Pháp bằng phương thức dựa trên kết quả các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế kết hợp với kết quả học tập THPT. Riêng trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19 phức tạp, trường có thêm một phương thức xét tuyển bổ sung: xét tuyển vào đại học hệ chính quy năm 2021 dành cho thí sinh thuộc diện đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2021.

Hàng năm, Hội đồng tuyển sinh ĐHQG-HCM xác định các phương thức tuyển sinh chung của ĐHQG-HCM và Hội đồng tuyển sinh của trường xác định tiêu chí tuyển chọn, chỉ tiêu và điểm chuẩn cho từng phương thức xét tuyển; với hệ đào tạo từ xa qua mạng, chỉ có phương thức xét tuyển nộp hồ sơ xét học bạ, mỗi năm tổ chức xét tuyển 2 lần; với chương trình liên thông hoàn chỉnh đại học hệ chính quy ngành công nghệ thông tin, trường tổ chức kỳ thi tuyển sinh riêng theo kế hoạch hằng năm [H13.02.01], [H13.02.02], [H13.02.03].

Đối với chương trình đào tạo sau đại học, công tác tuyển sinh được thực hiện bởi nhiều hình thức phù hợp theo bậc đào tạo, ngành đào tạo, loại chương trình đào tạo. Tương tự như đối với hệ đào tạo đại học, tiêu chuẩn tuyển sinh sau đại học cũng được thực hiện theo các quy định của ĐHQG-HCM và của trường, bao gồm: Trong giai đoạn 2017-2020, nhà trường thực hiện theo quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ, ban hành kèm theo Quyết định số 83/QĐ-ĐHQG ngày 19/02/2016 của ĐHQG-HCM (Quy định sửa đổi số 1121/QĐ-ĐHQG ngày 11/11/2016 và Quy định sửa đổi số 783/QĐ-ĐHQG ngày 21/7/2017); năm 2021, nhà trường thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04/02/2021 của ĐHQG-HCM. Đối với bậc đào tạo thạc sĩ, nhà trường áp dụng ba hình thức tuyển sinh đào tạo thạc sĩ dành cho đối tượng người dự tuyển đã tốt nghiệp đại học với các tiêu chí lựa chọn người học, quy trình tổ chức tuyển sinh và chỉ tiêu tương ứng cho từng hình thức tuyển sinh tuân thủ đúng theo quy định của ĐHQG-HCM và năng lực đào tạo của trường. *Hình thức tuyển thẳng*: tuyển chọn từ ứng viên là người học tốt nghiệp đại học các trường thuộc hệ thống ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN, có thành tích học tập và nghiên cứu khoa học xuất sắc; *Hình thức xét tuyển*: sơ tuyển thông qua kết quả học tập, thành tích và các giải thưởng ở bậc đại học, phỏng vấn kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiên cứu,... để tuyển chọn thí sinh; *Hình thức thi tuyển*: tuyển chọn người học thông qua các bài thi tuyển đầu vào các môn cơ bản, cơ sở tương ứng với từng ngành đào tạo. Đối với bậc đào tạo tiến sĩ, việc tuyển chọn người học được thực hiện theo hình thức phỏng vấn xét

tuyển, qua đó, người dự tuyển phải được tiểu ban chuyên môn đánh giá năng lực nghiên cứu và kiến thức chuyên môn để được thông qua và công nhận trúng tuyển. Ngoài việc đạt chuẩn chuyên môn theo các tiêu chí tương ứng với mỗi hình thức tuyển sinh, người dự tuyển phải đáp ứng chuẩn ngoại ngữ theo quy chế tuyển sinh của ĐHQG-HCM và của Bộ GD&ĐT [H13.01.09].

Từ năm 2021, nhà trường bắt đầu triển khai thực hiện chương trình liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ (chương trình BS-MS) dành cho sinh viên đại học các ngành có đăng ký chương trình BS-MS. Sinh viên chương trình BS-MS được tuyển chọn từ các sinh viên năm thứ 4 (học kỳ 7) đáp ứng các tiêu chí về môn điều kiện, số tín chỉ tích lũy tối thiểu, điểm trung bình tích lũy ở bậc đại học đến thời điểm đăng ký xét tuyển. Sinh viên sau khi được công nhận đạt yêu cầu tham gia chương trình liên thông BS-MS thì được đăng ký học các môn học chương trình thạc sĩ thuộc khung chương trình liên thông BS-MS do Phòng Đào tạo Sau đại học tổ chức. Điểm các môn học được công nhận trong chương trình thạc sĩ sau khi sinh viên đủ điều kiện xét đầu vào trình độ thạc sĩ [H13.02.04], [H13.02.05].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 13.3: Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện

Công tác tuyển sinh của trường được thực hiện theo đúng kế hoạch trong đề án tuyển sinh của trường, tuân thủ đúng quy định của ĐHQG-HCM và của Bộ GD&ĐT. Quy trình giám sát hoạt động tuyển sinh được thực hiện theo đúng quy định và được kiểm tra, giám sát bởi Ban Thanh tra - Pháp chế của ĐHQG-HCM và các đoàn thanh tra của Bộ GD&ĐT. Công tác kiểm tra, giám sát nội bộ cũng được Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ thực hiện và báo cáo hằng năm đến ĐHQG-HCM [H13.03.01], [H13.03.02].

Hằng năm, sau khi có kết quả tuyển sinh, các đơn vị chức năng của trường xây dựng kế hoạch nhập học cho người học, bao gồm thông báo trúng tuyển, thông báo nhập học, kế hoạch học tập toàn khóa và kế hoạch sinh hoạt học vụ đầu khóa [H13.03.03]. Trong buổi sinh hoạt học vụ đầu khóa, người học được hướng dẫn các quy chế, quy định học vụ, các kênh liên hệ với các phòng chức năng khi cần hỗ trợ tư vấn học vụ, thông tin liên hệ của giảng viên phụ trách ngành đào tạo khi người học cần tư vấn về chuyên môn. Ngoài ra, người học còn được nhận cẩm nang học vụ, trong đó có hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo đại học/ thạc sĩ/ tiến sĩ. Các văn bản này cũng được công khai bản mềm trên website của trường để người học truy cập và tham khảo khi cần [H13.03.04].

Nhằm kịp thời nắm bắt thông tin, phản ánh về việc tổ chức tuyển sinh và việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của các đơn vị chức năng, các cá nhân tham gia công tác tuyển sinh, giúp các đơn vị chức năng, các cá nhân tham gia công tác tổ chức tuyển sinh thực hiện đúng quy chế tuyển sinh và các văn bản liên quan; phòng ngừa, phát hiện và kiến nghị xử lý sai phạm (nếu có), Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ phối

hợp với các đoàn thanh tra cấp ĐHQG-HCM và cấp Bộ GD&ĐT để thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 13.4: Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học

Công tác giám sát và quản lý dữ liệu tuyển sinh đại học được thực hiện thông qua phần mềm quản lý và đăng ký tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, bao gồm việc quản lý số liệu đăng ký nguyện vọng của các phương thức xét tuyển, tổ hợp tuyển sinh của từng ngành. Cổng thông tin điện tử portal của trường cho phép sinh viên khai báo hồ sơ nhập học trực tuyến, từ đó trường có thể dự đoán số lượng nhập học của từng ngành cũng như gửi thông báo tiếp nhận sinh viên trúng tuyển và các kế hoạch nhập học [H13.04.01].

Các hoạt động trong kỳ thi tuyển sinh được kiểm tra, thanh tra bởi tổ thanh tra tuyển sinh của trường và các đoàn thanh tra tuyển sinh của ĐHQG-HCM, của Bộ GD&ĐT. Việc kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh, xét tuyển và nhập học được thực hiện bởi đoàn thanh tra nội bộ của trường, được ghi nhận bằng văn bản và báo cáo đến các cấp quản lý theo đúng quy định tuyển sinh. Ngoài ra, Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM cũng tham gia vào việc thanh tra, giám sát chương trình tuyển sinh và nhập học của trường thông qua các đợt thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất trong quá trình thực hiện công tác tuyển sinh [H13.04.02]. Một trong những nhận xét của thanh tra là công tác tuyển sinh bậc đại học chưa được cân đối giữa Khối ngành IV và Khối ngành V, trong 03 năm liên tiếp gần đây Khối ngành IV luôn tuyển thiếu và Khối ngành V luôn tuyển vượt để cân bằng số lượng thí sinh cần tuyển của trường.

Sau khi trúng tuyển và nhập học ở bậc đại học, sinh viên phải tham gia kì thi kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào và thực hiện phiếu khảo sát năng lực (kiến thức, kỹ năng, thái độ). Đối với các sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra theo quy định có thể nộp chứng chỉ để xét miễn kỳ thi kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào. Dựa vào kết quả kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào, sinh viên sẽ được phân vào các lớp Anh văn phù hợp với năng lực của bản thân [H13.04.03].

Đối với tuyển sinh sau đại học, hiệu trưởng ban hành các quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh cơ sở và các bộ phận chuyên trách: ban thư ký, ban đề thi, ban in sao đề thi, ban coi thi, ban chấm thi, tiểu ban chuyên môn xét tuyển trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Các bộ phận này phối hợp làm việc một cách chặt chẽ dưới sự chỉ đạo và giám sát trực tiếp của chủ tịch hội đồng tuyển sinh. Bên cạnh đó, trường cũng thành lập Tổ thanh tra để tiến hành kiểm tra công tác tuyển sinh và nhập học của công tác tuyển sinh bậc đại học và sau đại học. Đối với kỳ thi đánh giá năng lực được ĐHQG-HCM tổ chức hàng năm, trường đề cử thành viên tham gia vào Hội đồng thi, Tổ thư ký và Ban thanh tra để giúp tiếp nhận chủ trương, kế hoạch từ ĐHQG-HCM và tiến hành triển khai, giám sát tại các đơn vị trong ĐHQG-HCM [H13.04.04], [H13.04.05], [H13.04.06], [H13.04.07]. Kết quả thanh tra, giám sát công tác tuyển sinh sau đại học được ghi nhận bằng biên bản. Kết quả giám sát theo báo cáo của bộ phận thanh tra qua các năm cho thấy công tác tổ chức tuyển sinh sau đại học của trường được thực hiện nghiêm túc, không vi phạm các quy chế tuyển sinh của ĐHQG-HCM và của Bộ GD&ĐT.

- *Điểm tự đánh giá cho tiêu chí:* 5/7.

Tiêu chí 13.5: Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả

Công tác tuyển sinh và nhập học được nhà trường thực hiện báo cáo hằng năm cho các đơn vị chuyên môn và các đơn vị chức năng, cũng như gửi báo cáo cho các đơn vị chủ quản, làm căn cứ để điều chỉnh chiến lược/ chính sách/ kế hoạch tuyển sinh, nhập học cho các năm sau [H13.05.01].

Công tác tuyển sinh và nhập học hằng năm của trường được cải tiến dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT, của DHQG-HCM và dựa vào phân tích dữ liệu đầu vào của trường. Chính sách điều chỉnh các tiêu chí lựa chọn người học của trường được thực hiện dựa trên kết quả phân tích đối sánh giữa kết quả tốt nghiệp và kết quả tuyển sinh. Dựa vào các kết quả đối sánh và phân tích, số lượng phương thức xét tuyển của trường đã điều chỉnh dần từ 4 phương thức (năm 2017) lên 7 phương thức (năm 2021). Chỉ tiêu tuyển sinh cho từng phương thức cũng được phân bổ cho phù hợp hơn, không đặt quá nặng chỉ tiêu vào phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT (năm 2017, 2018, phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT chiếm 60-75%, đến năm 2021 thì chỉ tiêu dành cho phương thức này giảm còn khoảng 55% tùy ngành, các phương thức khác tăng chỉ tiêu tuyển sinh lên). Đồng thời, trường cũng điều chỉnh kế hoạch truyền thông theo đối tượng và khu vực lựa chọn phù hợp.

Cổng thông tin đăng ký tuyển sinh trực tuyến, cổng thông tin portal của trường cũng được nâng cấp hằng năm, cho phép thí sinh và người học khai báo hồ sơ trực tuyến. Từ đó, trường có thể dự báo được số lượng sinh viên nhập học hoặc thí sinh đăng ký xét tuyển.

Đối với tuyển sinh sau đại học, trường đã mở thêm hình thức thi vấn đáp ở một số ngành [H13.04.06]. Thông qua hình thức thi này, các thành viên trong tiểu ban chuyên môn có thể đánh giá một cách toàn diện hơn về kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng khác của người dự tuyển. Đối với hoạt động tiếp nhận học viên và sinh hoạt chuyên môn đầu khóa, bên cạnh việc thực hiện các quy trình theo thông lệ, phụ trách các chuyên ngành còn tiến hành khảo sát thông tin người học đầu khóa nhằm tìm hiểu nhu cầu học tập, nhu cầu công tác và khai thác thông tin chuyên ngành của người học. Các thông tin này được tập hợp để có thể có các điều chỉnh trong triển khai giảng dạy nhằm mục đích hỗ trợ người học tốt hơn [H13.04.07]. Từ năm 2021, nhà trường triển khai thực hiện chương trình liên thông BS-MS ở một số ngành. Sinh viên đạt yêu cầu tham gia chương trình liên thông BS-MS sau khi tốt nghiệp đại học và đủ điều kiện nhập học thạc sĩ sẽ có cơ hội rút ngắn thời gian học tập ở bậc đào tạo thạc sĩ [H13.02.04], [H13.02.05].

Ngoài ra, nhằm thích ứng với tình hình dịch bệnh COVID-19 phức tạp trong kỳ tuyển sinh năm 2021, trường đã cải tiến hoạt động tổ chức xét tuyển, xác nhận nhập học và nhập học bằng cách triển khai và thực hiện các hoạt động thông qua hình thức trực tuyến, tạo thuận lợi cho thí sinh trong việc đăng ký xét tuyển và nhập học tại trường [H13.05.02].

- **Điểm tự đánh giá cho tiêu chí:** 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 13

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Xây dựng được kế hoạch, chính sách có hệ thống để tuyển sinh bậc đại học và sau đại học, chú trọng công tác truyền thông để quảng bá các chương trình đào tạo.
- Có hệ thống phần mềm để quản lý, giám sát công tác tuyển sinh nhập học và giúp cho việc truyền thông được hiệu quả.
- Các công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện chặt chẽ theo đúng kế hoạch, đúng quy trình và đúng quy định.
- Có nhiều phương thức xét tuyển, phù hợp với nhu cầu và tình hình xét tuyển chung của cả nước, với các tiêu chí và hình thức tuyển chọn được xây dựng phù hợp cho từng nhóm đối tượng dự tuyển.
- Việc cải tiến công tác tuyển sinh được chú trọng để mở rộng quy mô đào tạo.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Phổ điểm trúng tuyển của một số ngành còn rộng, tạo sự chênh lệch về năng lực học tập của người học.
- Mức độ cạnh tranh trong tuyển chọn người học giữa các cơ sở đào tạo khá lớn, ảnh hưởng đến chất lượng tuyển sinh của một số ngành khó tuyển.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật, thay đổi kế hoạch, chính sách hằng năm để tuyển sinh bậc đại học và sau đại học phù hợp với tình hình thực tiễn, đẩy mạnh công tác truyền thông để quảng bá các chương trình đào tạo.	P.ĐT, P.TTTT	Hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Luôn cập nhật phần mềm quản lý, giám sát để phục vụ công tác tuyển sinh nhập học và truyền thông đạt hiệu quả tốt nhất.	P.ĐT, P.TTTT	Hằng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Luôn bám sát các kế hoạch, quy trình và quy định khi thực hiện các công tác tuyển sinh và nhập học.	P.ĐT, P.TTTT, P.CTSV	Hằng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
4	Phát huy điểm mạnh	Luôn cải tiến công tác tuyển sinh được chú trọng để mở rộng quy mô đào tạo.	Tất cả các đơn vị	Hàng năm
5	Khắc phục tồn tại	Tăng dần các chỉ tiêu tuyển sinh theo năng lực người học	P.ĐT; P.ĐT-SDH; các khoa	Hàng năm
6	Khắc phục tồn tại	Phân bố chỉ tiêu tuyển sinh cho từng ngành, theo định hướng đào tạo nghiên cứu, ứng dụng và thực hành	P.ĐT; P.ĐT-SDH; các khoa	Hàng năm
7	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác quảng bá tuyển sinh	P.TTTT; các khoa	Hàng năm
8	Khắc phục tồn tại	Đa dạng hình thức đào tạo phù hợp hơn với đối tượng người học, nhằm thu hút người học đăng ký thi tuyển, xét tuyển	P.ĐT; P.ĐT-SDH; các khoa	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 13.1	5
Tiêu chí 13.2	5
Tiêu chí 13.3	5
Tiêu chí 13.4	5
Tiêu chí 13.5	5
Tiêu chuẩn 13	5,00

Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

Tiêu chí 14.1: Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan

Hệ thống thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát và phê duyệt chương trình đào tạo được nhà trường thiết lập cho tất cả các chương trình và môn học ở các khoa trên cơ sở đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực và chất lượng đầu ra.

Chương trình đào tạo hệ đại học được nhà trường thiết kế theo từng ngành, do các khoa phụ trách, gồm khối kiến thức đại cương và chuyên ngành, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về trình độ, mục tiêu, đối tượng đào tạo, chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập,... [H14.01.01]

Các chương trình đào tạo cũng được thiết kế, xây dựng có tính mềm dẻo, linh hoạt, với nhiều định hướng tốt nghiệp. Đặc biệt, nhà trường chú trọng phát triển các chương trình đào tạo mới, chương trình đào tạo chất lượng cao, tiên tiến đáp ứng nhu cầu xã hội và tăng cường các chương trình đào tạo liên kết.

Đề cương các môn học được xây dựng thể hiện rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra môn học, nội dung môn học, phương pháp giảng dạy, đánh giá và tài liệu môn học, phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo của từng ngành. Đề cương các môn học cũng được cập nhật thông qua các đề án CDIO từ 2013-2017, đề án giáo dục 4.0 dựa trên nền tảng CDIO từ 2018 đến nay [H14.01.02]. Chương trình đào tạo được xây dựng hay cập nhật đều theo quy trình lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan là giảng viên, nhà tuyển dụng, sinh viên, cựu sinh viên. Các khoa được phân công thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan thông qua hội thảo hay dựa trên phiếu khảo sát. Sau khi lấy ý kiến các bên liên quan, các khoa thực hiện so sánh chương trình đào tạo của khoa với các chương trình đào tạo tương ứng trong nước và nước ngoài, khung năng lực sinh viên tốt nghiệp của trường, qua đó xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, khung chương trình đào tạo, ma trận chuẩn đầu ra và các môn học.

Đối với ngành đào tạo mới, đơn vị chuyên môn xây dựng đề án mở ngành theo quy định của DHQG-HCM trên cơ sở điều tra, khảo sát nhu cầu của xã hội cũng như tham khảo các chương trình đào tạo tương đồng trong nước và nước ngoài, từ đó tiếp nhận ý kiến các chuyên gia, nhà quản lý để thiết kế chương trình đào tạo phù hợp. Đề án mở ngành đào tạo được đánh giá bởi hội đồng thẩm định do các chuyên gia là nhà khoa học có chuyên môn sâu về ngành đào tạo.

Trong giai đoạn 2018-2020, Hội đồng khoa học của trường đã thẩm định 6 đề án mở ngành bậc đại học, gồm Vật lý y khoa, Công nghệ vật liệu, Kỹ thuật địa chất, Khoa học dữ liệu, Công nghệ điện tử và tin học, Quản lý tài nguyên và môi trường. Trong đó có 4 ngành mới được phê duyệt đào tạo trình độ đại học đưa vào tuyển sinh từ năm 2020 là ngành Vật lý Y Khoa (thí điểm), Công nghệ Vật liệu, Kỹ thuật địa chất, Khoa học dữ liệu. Trong năm 2021, có thêm 3 ngành mới được phê duyệt đào tạo đưa vào tuyển sinh là ngành Toán tin, Toán ứng dụng, Trí tuệ nhân tạo [H14.01.03].

Năm 2019, trường ban hành quy định về việc cập nhật và thay đổi chương trình đào tạo hệ đại học. Các quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật chương trình được phân công cụ thể cho từng đơn vị, cá nhân để triển khai và thực hiện. Tất cả các chương trình đào tạo bậc đại học đều được nhà trường rà soát, đánh giá và cập nhật theo chu kỳ 2 năm/lần hoặc theo quy trình rút gọn, bổ sung đơn giản, tùy theo mức độ sửa đổi, cập nhật [H14.01.04].

Việc đối sánh giữa chương trình đào tạo đại trà và các chương trình theo đề án được nhà trường tiến hành thực hiện và xây dựng khung chương trình đào tạo thống nhất, dựa trên kết quả của đề án CDIO. Đến năm 2020, chương trình đào tạo hệ từ xa qua mạng được nhà trường ban hành dựa trên việc rà soát chương trình đào tạo hệ từ xa qua mạng đã có để đảm bảo yêu cầu và phù hợp về nội dung của chương trình đào tạo hệ chính quy cùng trình độ [H14.01.05].

Ở bậc sau đại học, căn cứ theo quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ hiện hành của DHQG-HCM, nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn quy trình xây dựng chương trình đào tạo và đề cương môn học để triển khai phổ biến đến các đơn vị chuyên môn làm cơ sở thống nhất công tác quản lý đào tạo. Đối với ngành đào tạo sau đại học mới, đơn vị chuyên môn xây dựng đề án mở ngành trên cơ sở điều tra, khảo sát nhu cầu xã hội, chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, ... về ngành đào tạo và tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, nhà quản lý để thiết kế chương trình đào tạo phù hợp. Đề án mở ngành đào tạo được đánh giá bởi hội đồng thẩm định bao gồm các chuyên gia là nhà khoa học có chuyên môn sâu về ngành đào tạo. Sau khi chương trình đào tạo được hội đồng chuyên môn thông qua, nhà trường ban hành quyết định phê duyệt khung chương trình đào tạo, khoa và đơn vị chuyên môn triển khai [H14.01.06], [H14.01.07], [H14.01.08], [H14.01.09].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 14.2: Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan

Hệ thống chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được trường xây dựng dựa trên các quy định, thông tư của Chính phủ, quyết định của DHQG-HCM, sứ mệnh và kế hoạch chiến lược của trường. Trường xây dựng kế hoạch và biểu mẫu triển khai công tác cập nhật chương trình đào tạo theo định kỳ, thời gian cập nhật chương trình đào tạo được quy định trong quy chế đào tạo của trường.

Chuẩn đầu ra được xây dựng trong khung chương trình đào tạo và công bố công khai trên trang web trường của từng ngành theo quy định 03 công khai [H14.02.01].

- *Đối với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:* Nhà trường ban hành các quy trình xây dựng và giám sát chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Đơn vị phụ trách ngành đào tạo tiến hành khảo sát ý kiến người học, nhà tuyển dụng, định hướng phát triển của xã hội để làm cơ sở xác định chuẩn đầu ra chương trình đào tạo nhằm phù hợp và đáp ứng với mục tiêu xây dựng và thiết kế chương trình đào tạo.

- *Đối với chuẩn đầu ra môn học:* Giảng viên thiết kế đề cương môn học với nội dung và chuẩn đầu ra tương ứng với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

Công tác xây dựng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/ học phần được phân công và hướng dẫn cụ thể trong quy định về việc cập nhật và thay đổi chương trình đào tạo [H14.01.04].

Năm 2018, nhóm ngành Khoa học máy tính và Công nghệ thông tin đã xây dựng lại chuẩn đầu ra theo đề án giáo dục 4.0 dựa trên nền tảng CDIO; trong các năm 2019-2021, các ngành Hóa học, Sinh học, Khoa học vật liệu và Vật lý học cũng đã xây dựng lại chuẩn đầu ra theo đề án này. Bên cạnh đó, một số thay đổi nhỏ về cấu trúc môn học cũng được các chương trình đào tạo cập nhật bổ sung [H14.02.02], [H14.02.03].

Thông qua kết quả khảo sát các bên liên quan về môn học và chương trình đào tạo mỗi năm của trường, Phòng Đào tạo phối hợp cùng với các khoa điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra theo hướng hoàn thiện hóa và phù hợp với nhu cầu của xã hội hơn [H14.02.04].

Đối với chương trình đào tạo sau đại học, dựa trên các quy định, thông tư của Chính phủ, quyết định của DHQG-HCM, nhà trường cũng đã ban hành quy trình xây dựng, giám sát chuẩn đầu ra cũng như quy trình giám sát công tác giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của môn học [H14.02.05], [H14.02.06], [H14.02.07].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 14.3: Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra

Từ năm 2018, Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa tổ chức rà soát toàn bộ đề cương, nội dung đề cương của mỗi môn học theo quy định và cập nhật lại mã môn học và tên môn học theo chương trình đào tạo.

Đề cương môn học thể hiện rõ mục tiêu, số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết, nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần, được phổ biến đến người học vào đầu mỗi học kỳ giảng dạy học phần đó [H14.03.01].

Từng chương trình đào tạo của từng ngành đều có ma trận ánh xạ quan hệ giữa chuẩn đầu ra của ngành và môn học. Trong từng đề cương môn học, các chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, thái độ đều được đánh ký hiệu ITU (Introduction-Giới thiệu; Teaching-Giảng dạy; Utility-Sử dụng) để xác định mức đóng góp vào chuẩn đầu ra của khung chương trình đào tạo. Đề cương môn học được xây dựng theo mẫu quy định của trường dựa trên nền tảng CDIO và quy định của Bộ GD&ĐT bao gồm các nội dung thông tin giảng viên, mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra học phần, nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy theo từng bài giảng kèm theo phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá và tài liệu học tập.

Các văn bản hướng dẫn quy chế đào tạo, khung chương trình đào tạo, kế hoạch

học tập toàn khóa, thời khóa biểu các môn học tương ứng với từng học phần đều được văn bản hóa, ban hành và phổ biến đến người học của từng khóa đào tạo trong đợt sinh hoạt đầu khóa và trên website của các khoa cũng như trên website của Phòng Đào tạo. Các thông tin cũng được phổ biến đến các khoa và giảng viên bằng văn bản và email [H14.03.02], [H14.03.03].

Ở bậc sau đại học, nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn hồ sơ mở ngành, trong đó quy định mẫu đề cương môn học bậc thạc sĩ phải thể hiện rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra môn học, nội dung môn học, phương pháp giảng dạy, đánh giá và tài liệu môn học. Chuẩn đầu ra của các môn học được xây dựng phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo từng ngành, thể hiện rõ qua ma trận tương quan giữa chuẩn đầu ra các môn học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo [H14.03.04], [H14.03.05].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 14.4: Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện

Nhà trường đã có quy trình xây dựng và quy trình cập nhật chương trình đào tạo đại học và sau đại học. Quy trình này vẫn đang áp dụng và chưa ban hành lại quy trình mới ở bậc sau đại học, ở bậc đại học trường đã tiến hành cập nhật các mẫu chương trình đào tạo, đề cương môn học và quy trình cập nhật chương trình đào tạo trong năm 2022. Các chương trình đào tạo được các khoa hoặc các chuyên ngành thuộc khoa đề xuất, được Hội đồng Khoa học - Đào tạo của khoa thẩm định và trình hiệu trưởng ký ban hành. Việc triển khai hoạt động giảng dạy và học tập theo chương trình đào tạo được thực hiện phối hợp giữa các khoa và Phòng Đào tạo (và Phòng Đào tạo Sau đại học, đối với các chương trình đào tạo sau đại học) [H14.04.01], [H14.04.02].

Sau khi kết thúc mỗi học phần, nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến học viên về nội dung môn học, phương pháp giảng dạy, đề thi,... và tiến hành khảo sát ý kiến giảng viên về hoạt động giảng dạy, mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của người học để có cơ sở đánh giá, rà soát hiệu quả hoạt động dạy học, đồng thời tạo thêm cơ sở dữ liệu để rà soát chương trình đào tạo, các khoa tiến hành khảo sát các bên liên quan khác. Căn cứ vào kết quả khảo sát, các khoa thực hiện việc rà soát các chương trình đào tạo và đề xuất điều chỉnh cho phù hợp. Vào cuối mỗi năm học, các khoa chuyên môn đều tiến hành thu thập ý kiến của các bên liên quan, dựa trên cơ sở đó tiến hành các đề xuất chương trình đào tạo cho khóa tuyển kế tiếp hay thay đổi chương trình đào tạo cho khóa tuyển hiện tại khi thấy cần thiết.

Dựa trên việc định kỳ rà soát chương trình đào tạo cũng như tham khảo các chương trình dạy học tiên tiến trong nước/quốc tế và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, các khoa tiến hành điều chỉnh các môn học phù hợp và đề xuất mở các ngành mới để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Ngoài ra, mỗi năm các khoa đều có tổ chức ngày hội sinh viên với doanh nghiệp hoặc ngày truyền thống của khoa. Thông qua các chương trình tọa đàm với doanh nghiệp và cựu sinh viên cũng như thông qua các phiếu khảo sát ngay trong sự kiện, ý kiến của

doanh nghiệp và cựu sinh viên cũng được ghi nhận để khoa/trường rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn của thị trường việc làm [H14.04.03].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 14.5: Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan

Nhà trường có quy định về thiết kế và phát triển chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo của trường sau khi ban hành được đánh giá để cải tiến theo định kỳ bởi hội đồng khoa học cấp bộ môn, cấp khoa trước khi được phê duyệt ở cấp trường. Mỗi chu kỳ 2 năm, bộ môn và khoa tiến hành rà soát chương trình đào tạo và điều chỉnh, bổ sung các môn học (tự chọn và bắt buộc) trong chương trình để phù hợp với yêu cầu của thị trường nhân lực và sự phát triển của xã hội. Ngoài ra, hằng năm các ngành đào tạo có thể bổ sung các môn học tự chọn trong chương trình đào tạo nếu có nhu cầu.

Ở bậc đào tạo đại học, trường ban hành chương trình đào tạo theo từng khóa tuyển, các chương trình đào tạo khi ban hành phải theo mẫu quy định của trường với các nội dung tương ứng với quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQG-HCM. Nhìn chung trong giai đoạn từ 2017-2021, trường đã tham gia đề án giáo dục 4.0 dựa trên nền tảng CDIO của ĐHQG-HCM và đặc biệt là ảnh hưởng của đại dịch trong năm 2020 và 2021 đã tác động lên việc điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, trong đó kỹ năng giảng dạy trực tuyến, kỹ năng học tập trực tuyến được chú trọng với các phương pháp học tập chủ động, phương pháp học tập blended, mô hình lớp học đảo ngược được áp dụng và triển khai rộng rãi nhằm đáp ứng công tác giảng dạy và học tập trực tuyến trong thời gian diễn ra giãn cách xã hội tại Tp. Hồ Chí Minh, điều này đã giúp bổ sung và phát triển kỹ năng học tập suốt đời của sinh viên vào chương trình đào tạo. Nhà trường đã ban hành các hướng dẫn học tập trực tuyến, quy định về triển khai và chấm khóa luận trực tuyến.

Trước đây, các chương trình đào tạo của trường được xây dựng và đánh giá theo mô hình CDIO. Từ năm 2021, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, nhà trường đã triển khai đề án giáo dục 4.0, qua đó đề cương môn học, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo được điều chỉnh, cập nhật cho phù hợp với đề án này [H14.05.01], [H14.05.02].

Cũng trong năm 2021, nhằm thích ứng với tình hình dịch bệnh COVID-19 bùng phát mạnh, nhà trường đã triển khai việc dạy - học cũng như việc đánh giá môn học, việc chấm khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp bằng hình thức trực tuyến. Qua đó, nhà trường đã ban hành quyết định bổ sung, sửa đổi một số điều của quy chế học vụ để việc triển khai và thực hiện các hoạt động dạy và học được thuận lợi và phù hợp với thực tiễn [H14.05.03].

Dựa vào kết quả khảo sát các bên liên quan hằng năm, chuẩn đầu ra của từng môn học của từng chương trình đào tạo cả ở bậc đại học và sau đại học cũng được nhà trường thực hiện rà soát và chỉnh sửa cho phù hợp hơn. Qua đó, từ dữ liệu khảo sát và từ ý kiến đóng góp của các bên liên quan, hội đồng khoa học của các khoa tổ chức thảo

luận đánh giá chương trình đào tạo của các ngành do khoa phụ trách để điều chỉnh cho phù hợp và tham để mưu nhà trường phê duyệt và công bố đến người học.

Với chương trình đào tạo sau đại học, bộ môn phụ trách ngành đào tạo hiệu chỉnh khung chương trình dựa trên kết quả khảo sát ý kiến người học, đơn vị sử dụng lao động và góp ý, đánh giá sự phù hợp của chương trình đối với nhu cầu thực tế. Hội đồng khoa học của khoa tổ chức thảo luận đánh giá chương trình đào tạo của các ngành do khoa phụ trách trước khi Phòng Đào tạo Sau đại học tổng hợp toàn bộ chương trình đào tạo của tất cả các ngành để nhà trường phê duyệt và công bố đến người học.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 4/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 14

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Xây dựng được hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình đào tạo và các môn học.

- Xây dựng được hệ thống chương trình đào tạo và hệ thống môn học khá hoàn thiện, rõ ràng, có sự đóng góp phản hồi của các bên liên quan.

- Đề cương môn học rõ ràng, chi tiết, cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết.

- Hệ thống thiết kế, hiệu chỉnh chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được vận hành với sự phối hợp chặt chẽ của hội đồng khoa học các khoa và bộ phận quản lý đào tạo đại học, sau đại học trên cơ sở đảm bảo thực hiện đúng quy chế đào tạo và có sự đóng góp, phản hồi của các bên liên quan.

- Công tác xây dựng, hiệu chỉnh chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được văn bản hóa thành quy trình hướng dẫn, các bước thực hiện chi tiết và bảng mô tả công việc cụ thể của từng bộ phận chuyên trách.

- Quy trình đánh giá, rà soát chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được thực hiện theo định kỳ giúp cải tiến phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Các chương trình đào tạo mới, các chương trình chất lượng cao chỉ mới được triển khai ở một số ngành.

- Hoạt động rà soát, hiệu chỉnh chương trình đào tạo chỉ mới thực hiện rải rác ở một số ngành, gây khó khăn cho công tác quản lý.

- Đối với các chương trình đào tạo sau đại học, do số lượng học viên ở một số ngành còn ít nên dữ liệu khảo sát chưa đủ cơ sở để cải tiến chương trình đào tạo.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình đào tạo và các môn học.	P.ĐT, P.ĐT-SDH, các khoa	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng hệ thống chương trình đào tạo và hệ thống môn học ngày càng hoàn thiện, rõ ràng.	P.ĐT, P.ĐT-SDH, các khoa	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật đề cương môn học rõ ràng, chi tiết, cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết.	P.ĐT, P.ĐT-SDH, các khoa	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh	Phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng khoa học - Đào tạo của các khoa và bộ phận quản lý đào tạo đại học, sau đại học trong việc thiết kế, hiệu chỉnh chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra.	P.ĐT, P.ĐT-SDH, các khoa	Hàng năm
5	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và văn bản hóa thành quy trình hướng dẫn, các bước thực hiện chi tiết và bảng mô tả công việc cụ thể của từng bộ phận chuyên trách.	P.ĐT, P.ĐT-SDH, các khoa	Hàng năm
6	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ cải tiến quy trình đánh giá, rà soát chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động.	P.ĐT, P.ĐT-SDH, các khoa	Hàng năm
7	Khắc phục tồn tại	Phát triển các chương trình đào tạo mới, chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình liên kết đáp ứng nhu cầu xã hội	P.ĐT; P.ĐT-SDH; các khoa	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
8	Khắc phục tồn tại	Đồng bộ hóa các chương trình đào tạo ở các khoa, các ngành giúp tăng tính liên thông của các chương trình đào tạo	P.DT; P.DT-SDH; các khoa	Hàng năm
9	Khắc phục tồn tại	Định kỳ rà soát, cải tiến hoạt động thu thập thông tin, ý kiến phản hồi của các bên liên quan để phục vụ cho việc khảo sát, đánh giá về chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra, giúp cải tiến tốt chương trình đào tạo	P.DT; P.DT-SDH; P.KT&DBCL	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 14.1	5
Tiêu chí 14.2	5
Tiêu chí 14.3	5
Tiêu chí 14.4	4
Tiêu chí 14.5	4
Tiêu chuẩn 14	4,60

Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1: Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra

Triết lý giáo dục của trường là “Học thuật, sáng tạo, phục vụ, vì người học và học tập suốt đời”, với nội dung hướng đến các giá trị cơ bản “Vì sự phát triển toàn diện của người học - Đề cao tinh thần tự do học thuật, tính độc lập, sáng tạo - Chất lượng đào tạo, nghiên cứu là yếu tố quan tâm hàng đầu - Đoàn kết, hợp tác, tôn trọng lẫn nhau - Chuyên nghiệp và hiệu quả trong quản lý - Gắn kết và phục vụ cộng đồng”, đáp ứng mục tiêu trở thành một trường đại học định hướng nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học liên ngành, khoa học công nghệ mũi nhọn, cùng với các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc của ĐHQG-HCM phát triển hệ thống và hoàn thiện mô hình ĐHQG-HCM, góp phần thực hiện sứ mạng, nhiệm vụ của ĐHQG-HCM về đào tạo khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước [H15.01.01].

Triết lý giáo dục được nhà trường xác định và công khai trên website cũng như phổ biến về các khoa, các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên cơ sở của triết lý giáo dục. Từ đó, triết lý cũng được thể hiện trong đề cương môn học và kế hoạch giảng dạy.

Triết lý giáo dục và các giá trị cơ bản cũng được công bố trong Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 của trường. Trên nền tảng của triết lý giáo dục, Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo Sau đại học cùng với các khoa thiết kế và xây dựng chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra phù hợp, nêu rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng mềm, lập luận khoa học, văn hóa, đạo đức,... [H15.01.02]

Trong giai đoạn 2017-2021, chương trình đào tạo đại học được bổ sung các môn Giới thiệu ngành, môn Nghiên cứu khoa học nhằm giới thiệu và phát triển triết lý giáo dục trong chương trình đào tạo. Môn Giới thiệu ngành với cách tiếp cận theo CDIO là môn học do nhiều giảng viên kinh nghiệm giảng dạy các ứng dụng của ngành trong đời sống thực tế, trả lời câu hỏi học ngành này để làm gì và làm nghề như thế nào? Môn học Giới thiệu ngành và môn học Nghiên cứu khoa học có điểm chung là môn học dựa trên đồ án, nên sinh viên được tiếp cận với các bài toán thực tế cũng như bài toán trong nghiên cứu khoa học, qua đó giúp cho sinh viên có cái nhìn cụ thể về các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của ngành nghề mà sinh viên đã lựa chọn. Trong các môn học này cũng đã đưa ra các vấn đề và tài nguyên để sinh viên có thể chủ động tìm kiếm để giải quyết vấn đề, qua đó phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và hướng đến kỹ năng tự học của sinh viên. Các bài toán thực tế đều được khoa chuyên môn trao đổi với doanh nghiệp để có được các vấn đề thực tế.

Chương trình đào tạo thạc sĩ được thiết kế với ba phương thức đào tạo, phù hợp với triết lý lấy người học làm trung tâm. Người học có thể lựa chọn một trong ba phương thức, đó là: phương thức *nghiên cứu*, phương thức *định hướng nghiên cứu* và phương thức *định hướng ứng dụng*. Với mỗi phương thức đào tạo, hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp mục tiêu nhằm giúp người học tích lũy đủ kiến thức để tự học suốt đời. Thông qua các môn học như phương pháp nghiên cứu khoa học và qua các buổi trao đổi seminar khoa học, học viên có thể tích lũy kỹ năng tổng hợp kiến thức, sử dụng

kiến thức mới từ các công trình, các bài báo khoa học [H15.01.03], [H15.01.04].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 15.2: Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm

Chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ giảng viên được nhà trường xây dựng và triển khai thông qua quy trình tuyển dụng rõ ràng, được thông tin đến từng đơn vị liên quan bằng văn bản và đăng tải trên website trường nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch, trong đó nêu rõ yêu cầu công việc về trình độ, kỹ năng, quyền lợi,... [H15.02.01]

Trường đã ban hành quy chế làm việc dành cho giảng viên, viên chức, người lao động, trong đó số giờ quy định chuẩn của giảng viên là 270 tiết chuẩn [H15.02.02]. Việc phân công nhiệm vụ cho giảng viên được các đơn vị chuyên môn (khoa/trung tâm) thực hiện dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm, nhằm đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với điều kiện cụ thể của trường. Đối với đào tạo sau đại học, ngoài các tiêu chí chung của trường, giảng viên tham gia các chương trình đào tạo sau đại học cần đảm bảo các yêu cầu bắt buộc về năng lực chuyên môn để đảm nhận các công tác: giảng dạy sau đại học, hướng dẫn luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ, tham gia hội đồng chấm luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ. Các điều kiện về đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo sau đại học áp dụng theo quy chế đào tạo thạc sĩ và quy chế đào tạo tiến sĩ của DHQG-HCM [H15.02.03], [H15.02.04].

Nhà trường có chính sách khen thưởng, giảm 50% học phí cho học viên cao học và nghiên cứu sinh đnag là giảng viên của trường để thu hút người giỏi học và công tác tại trường. Các kế hoạch phát triển đội ngũ, các chính sách đào tạo - bồi dưỡng giảng viên được nhà trường triển khai và thực hiện theo định kỳ hằng năm, phù hợp với chuyên môn và đáp ứng được nhu cầu về chức năng và nhiệm vụ của từng đơn vị [H15.02.05], [H15.02.06], [H15.02.07].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 15.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

Nhằm tạo môi trường học tập đa dạng cho sinh viên, nhà trường áp dụng nhiều hình thức học tập. Ngoài hình thức học trực tiếp trên lớp, các chương trình trao đổi sinh viên với các trường quốc tế, thực tập ngắn hạn ở các trung tâm hay doanh nghiệp, thực tập thực tế, bài tập lớn, học trực tuyến,... tạo thuận lợi cho việc đạt chuẩn đầu ra [H15.03.01], [H15.03.02], [H15.03.03]. Các hình thức đánh giá điểm học phần cũng thể

hiện được tính đa dạng, bao gồm: tổ chức thảo luận trên lớp, thuyết trình, làm bài tập nhóm, thực hành, thí nghiệm bài tập, bài kiểm tra, seminar, thi viết (trắc nghiệm, tự luận), thi vấn đáp, thi thực hành, làm khóa luận/luận văn/luận án tốt nghiệp.

Nhà trường tiến hành các khóa tập huấn cho sinh viên ngay từ đầu năm thứ nhất để giúp cho sinh viên có phương pháp học tập đại học hiệu quả và giúp cho sinh viên có nhận thức sự khác biệt giữa học tập trong môi trường đại học và môi trường trung học phổ thông. Trong quá trình học tập, nhà trường có đội ngũ cố vấn học tập giúp cho sinh viên có định hướng trong việc lên kế hoạch học tập và định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Đối với đào tạo sau đại học, sau khi hoàn thành các môn học chuyên môn, người học cần thực hiện và bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ trước hội đồng chuyên môn bao gồm giảng viên, nhà khoa học có uy tín trong và ngoài trường. Quá trình thực hiện luận văn, luận án đòi hỏi người học phải vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã tích lũy trong quá trình học tập, đồng thời phát huy khả năng tự nghiên cứu thông qua việc đọc hiểu tài liệu tham khảo trong và ngoài nước, thực hiện các thao tác thực nghiệm,... để giải quyết một vấn đề có tính mới trong lĩnh vực được đào tạo [H15.03.04], [H15.03.05].

Bên cạnh đó, nhà trường có các chương trình hợp tác đào tạo và nghiên cứu với các đối tác nước ngoài (Đài Loan, Nhật bản,...) tạo điều kiện cho người học được thực hiện luận văn, luận án ở nước ngoài. Trong đó nhiều đề tài luận văn, luận án được hợp tác đồng hướng dẫn với nghiên cứu viên ở các đơn vị sản xuất, đơn vị nghiên cứu (bệnh viện, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, công ty, doanh nghiệp,...) tạo nhiều hướng nghiên cứu mới cho người học, đáp ứng nhu cầu thực tế xã hội [H15.03.06], [H15.03.07].

Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, buổi tập huấn về phương pháp giảng dạy, các mô hình giảng dạy theo CDIO, FCDI (CDIO cải tiến cho sau đại học), phương pháp giảng dạy trực tuyến,... để bồi dưỡng năng lực giảng dạy cho giảng viên. Trường cũng đã và đang ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại và phù hợp để đạt chuẩn đầu ra của các môn học/học phần; triển khai phương pháp E-learning trong việc dạy và học, kết hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá toàn diện người học dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) [H15.03.08].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 15.4: Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng

Phòng Đào tạo và Phòng Đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm phối hợp với các khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo và thông báo đến người học; các khoa chịu trách nhiệm phân công giảng dạy, phân công biên soạn tài liệu giảng dạy và học tập; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá kết quả học tập, khảo sát sự hài lòng của sinh viên và của giảng viên đối với từng môn học, đối với hoạt động giảng dạy và đối với các dịch vụ hỗ trợ của trường.

Hệ thống giám sát về giờ giảng, tiến độ, chất lượng giảng dạy của giảng viên cũng

như việc học tập của sinh viên được thực hiện với sự tham gia của nhiều bên. Cụ thể, Phòng Đào tạo phối hợp các khoa xếp thời khóa biểu cho các lớp; giảng viên phụ trách môn học lên lớp theo đúng thời khóa biểu; Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ thực hiện giám sát, thanh tra đào tạo theo đúng quy trình, trong đó có việc kiểm tra các hoạt động dạy và học trong từng học kỳ. Kết quả thanh tra được thống kê và báo cáo ban giám hiệu để có chỉ đạo giải quyết nếu có các vấn đề phát sinh [H15.04.01], [H15.04.02].

Việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên được trường đưa vào kế hoạch nhiệm vụ hằng năm. Thông qua kết quả khảo sát, hoạt động giảng dạy của giảng viên có nhiều cải tiến, thể hiện qua sự gia tăng mức độ hài lòng của sinh viên, từ khoảng 70% hài lòng trong năm 2017 tăng lên 80% hài lòng trong năm 2021, một số ngành trên 90% hài lòng như Kỹ thuật hạt nhân, Hải dương. Sự hài lòng của doanh nghiệp và nhà tuyển dụng đối với chất lượng đào tạo của trường cũng được đánh giá cao, với 84,51% doanh nghiệp và nhà tuyển dụng hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường; trên 71% giảng viên và trên 80% sinh viên hài lòng về chương trình đào tạo. Các kết quả khảo sát sau khi phân tích được báo cáo đến ban giám hiệu và lãnh đạo các khoa, các phòng có liên quan để xem xét, ghi nhận góp ý, làm cơ sở để các khoa điều chỉnh, cập nhật môn học cho phù hợp với chương trình đào tạo, nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội [H15.04.03].

Sau mỗi khóa học áp dụng phương pháp giảng dạy mới, nhà trường đã lấy ý kiến sinh viên để không ngừng cải thiện môi trường học tập và phương pháp giảng dạy cho sinh viên. Đối với những môn học có số lượng thí sinh không đạt chiếm tỉ lệ cao, cụ thể trên 50% sinh viên của lớp không đạt, nhà trường đã tiến hành gửi báo cáo đến giảng viên và trao đổi trực tiếp với sinh viên để tìm ra nguyên nhân, qua đó giúp giảng viên và sinh viên nâng cao phương pháp giảng dạy và học tập một cách có hiệu quả.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 15.5: Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời

Triết lý giáo dục được nhà trường tiến hành điều chỉnh theo chu kỳ 5 năm/lần. Năm 2021, nội dung triết lý được điều chỉnh phù hợp với tiếp cận của xu hướng mới thời đại hiện nay và tầm nhìn đến 2030 [H15.05.01]. Các hoạt động dạy và học cũng được rà soát và điều chỉnh thông qua việc điều chỉnh nhỏ về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo như bổ sung thêm môn học, môn học thay thế, điều chỉnh về nội dung môn học cho phù hợp với triết lý giáo dục, nhằm đạt được chuẩn đầu ra [H15.05.02], [H15.05.03].

Các chương trình đào tạo của trường được thực hiện theo mô hình CDIO và mô hình giáo dục 4.0, trong đó có áp dụng các cải tiến phương pháp giảng dạy sử dụng như mô hình học tập chủ động, mô hình lớp học đảo ngược. Trong các năm 2020-2021, giai đoạn cao điểm của đại dịch COVID-19, trường đã linh động thay đổi phương pháp giảng dạy theo hình thức trực tuyến, tổ chức 6 khóa huấn luyện tại trường và 2 khóa tập huấn tại DHQG-HCM về giảng dạy trực tuyến [H15.05.04], [H15.05.05].

Giảng viên trường áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm trong các giờ học. Bài giảng được xây dựng theo hướng kết hợp kiến thức với tích hợp các kỹ năng. Hoạt động giảng dạy áp dụng các phương pháp một cách linh hoạt, đa dạng các phương pháp đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau như đánh giá suốt quá trình thông qua các bài tập, đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ bằng hình thức vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm, seminar,... để đánh giá toàn vẹn và khách quan người học.

Hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, doanh nghiệp) về mức độ hài lòng về các hoạt động dạy học thông qua việc đánh giá môn học, chuẩn đầu ra, hoạt động giảng dạy được nhà trường thực hiện hằng năm, giúp cho hoạt động giảng dạy của nhà trường được tiếp thu, điều chỉnh và có nhiều cải tiến hơn [H15.04.03].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 15

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có đội ngũ giảng viên trình độ cao, chuyên môn tốt, tổ chức các hoạt động dạy và học hiệu quả, giúp người học đạt được chuẩn đầu ra.
- Chuẩn đầu ra của các môn học tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phù hợp với triết lý giáo dục của nhà trường.
- Chương trình đào tạo và phương pháp dạy - học được xây dựng và vận hành theo tiêu chuẩn CDIO và mô hình giáo dục 4.0.
- Phát huy hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, triển khai tốt các phương pháp học trực tuyến cũng như phương pháp E-learning trong việc dạy và học.
- Có nhiều chương trình trao đổi sinh viên và tạo nhiều cơ hội cho các sinh viên thực tập, trao đổi với các trường đại học quốc tế.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chế độ an sinh còn thấp nên khả năng thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ giảng dạy, nghiên cứu vẫn còn nhiều hạn chế.
- Tính liên thông giữa các ngành đào tạo chưa cao.
- Việc mời giảng viên nước ngoài hợp tác giảng dạy cũng như việc trao đổi sinh viên quốc tế còn hạn chế, do thủ tục đối ngoại của Nhà nước còn phức tạp.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Không ngừng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ viên chức, giảng viên nhằm giúp người học đạt chuẩn đầu ra.	Tất cả các đơn vị	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo để ngày càng phù hợp với triết lý giáo dục của nhà trường.	P.ĐT, P.ĐT-SDH, các khoa	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai chương trình đào tạo và phương pháp dạy - học theo tiêu chuẩn CDIO và mô hình giáo dục 4.0 đồng thời phát huy hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập.	P.ĐT, P.ĐT-SDH, các khoa	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh	Nâng cao hoạt động trao đổi sinh viên trong và ngoài nước, tạo nhiều cơ hội cho sinh viên thực tập, trau dồi kiến thức.	Tất cả các đơn vị	Hàng năm
5	Khắc phục tồn tại	Xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo có thiết kế mềm dẻo, linh hoạt với nhiều định hướng tốt nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội	P.ĐT; P.ĐT-SDH; các khoa	Hàng năm
6	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chế độ đãi ngộ hợp lý thu hút nhân lực (đầu tư nghiên cứu khoa học, đảm bảo chế độ an sinh cho viên chức- người lao động).	BGH; P.KHTC; P.TCHC	Hàng năm
7	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hợp tác với địa phương, doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo, xúc tiến hoạt động khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo, chuyển giao công nghệ.	P.KHCN; P.QHDN; các khoa	Hàng năm
8	Khắc phục tồn tại	Kiến nghị Nhà nước có cơ chế phù hợp đối với việc hợp tác giảng dạy với giảng viên nước ngoài nhằm trao đổi tiếp thu kiến thức mới	P.ĐT; P.ĐT-SDH; các khoa	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 15.1	5
Tiêu chí 15.2	5
Tiêu chí 15.3	5
Tiêu chí 15.4	5
Tiêu chí 15.5	5
Tiêu chuẩn 15	5,00

Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1: Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập

Đánh giá người học là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong công tác nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Căn cứ các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQG-HCM, nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy chế đào tạo, trong đó xác định rõ các yêu cầu, các quy định về kiểm tra đánh giá người học. Các quy định này là cơ sở quan trọng để công tác kiểm tra đánh giá người học của trường được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định [H16.01.01].

Hình thức đánh giá mỗi môn học được thể hiện rõ trong đề cương môn học và được phổ biến tới người học ngay khi bắt đầu môn học. Qua đó, đối với mỗi học phần (ngoại trừ khóa luận tốt nghiệp/ thực tập tốt nghiệp/ đồ án tốt nghiệp/ dự án tốt nghiệp), sinh viên được đánh giá tối thiểu bằng tổng của hai điểm thành phần bao gồm: điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (điểm thi cuối học kỳ). Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần, được khoa thông qua và được hiệu trưởng phê duyệt. Điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần được quy định như sau: điểm quá trình chiếm tỷ trọng từ 50% đến 60% bao gồm tối thiểu ba trong số các hình thức: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá tham gia thảo luận, điểm tổng hợp đánh giá các bài thực hành/ thực tập, điểm bài tập lớn, điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa học kỳ, điểm báo cáo seminar. Điểm thi kết thúc học phần (điểm thi cuối học kỳ) chiếm tỷ trọng còn lại (không dưới 40%). Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), thi vấn đáp, báo cáo chuyên đề/ tiểu luận/ đồ án; được tổ chức trực tiếp tại trường theo quy định. Trong trường hợp bất khả kháng do thiên tai hoặc dịch bệnh, đánh giá cuối học kỳ theo hình thức thi viết có thể được tổ chức bằng phương thức trực tuyến. Hiệu trưởng quyết định lựa chọn đánh giá cuối học kỳ bằng phương thức trực tuyến thay cho phương thức trực tiếp theo quy định, bảo đảm trung thực, công bằng và khách quan như khi đánh giá trực tiếp. Đối với loại học phần thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm tổng hợp đánh giá học phần là các điểm thành phần bao gồm điểm các bài thực hành trong học kỳ, điểm chuyên cần, điểm bài thi thực hành cuối kỳ. Việc tổ chức thi, kiểm tra, thời gian thi, việc làm đề thi, coi thi, chấm thi, phúc tra, bảo quản bài thi sẽ được công bố tại quy định về công tác khảo thí của trường [H16.01.02]. Giảng viên phụ trách học phần tự lựa chọn hình thức, phương pháp ra đề thi, cho điểm, đánh giá quá trình. Hình thức thi kết thúc học phần do khoa, bộ môn đề xuất căn cứ trên những hướng dẫn và định hướng chung của trường và được hiệu trưởng phê duyệt thông qua đề cương chi tiết học phần. Giảng viên sử dụng nhiều loại hình, công cụ đánh giá nhằm hướng tới việc điều chỉnh các loại năng lực khác nhau ở các mức độ khác nhau của người học. Giảng viên có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá quá trình khác nhau như: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, làm và báo cáo đồ án thực tế hoặc kết hợp các hình thức tùy theo đặc thù của từng môn học, nhằm đảm bảo đánh giá được kiến thức, kỹ năng và năng lực của người học. Như vậy trong suốt quá trình học tập, sinh viên có cơ hội tham gia nhiều cách thức kiểm tra đánh giá khác nhau, qua đó giúp sinh viên trải nghiệm, tích lũy kinh nghiệm và những kỹ năng cần thiết. Ngoài

ra, để đảm bảo sinh viên có đủ năng lực ngoại ngữ để hội nhập, tự học, tự nghiên cứu, nhà trường đã thực hiện công tác đánh giá năng lực ngoại ngữ của sinh viên qua 4 giai đoạn: đánh giá lúc nhập học, đánh giá trong quá trình học, đánh giá trước khi bước vào chuyên ngành và đánh giá năng lực để tốt nghiệp.

Toàn bộ công tác khảo thí sẽ do Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đảm nhiệm và Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ giám sát [H16.01.03]. Kết quả thi sẽ được chuyển đến Phòng Đào tạo để công bố và lưu trữ trong hồ sơ sinh viên. Kế hoạch thi kết thúc học phần được thực hiện theo kế hoạch năm học do nhà trường công bố vào đầu mỗi năm học, được phổ biến đến toàn thể sinh viên thông qua hệ thống iportal và trên website của trường. Lịch thi chi tiết các môn thi được công bố công khai trên website của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng trước khi thi một tháng, danh sách phân chia phòng thi được gửi đến sinh viên trước khi thi một tuần.

Đối với các môn học bậc sau đại học, hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học cũng được thiết lập tương tự như đối với các môn học ở bậc đại học, nhưng do Phòng Đào tạo Sau đại học đảm nhiệm [H16.01.04], [H16.01.05].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 16.2: Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra

Quy trình đánh giá kết quả học tập được thông tin đến người học ngay từ khi bắt đầu nhập học thông qua “Sổ tay sinh viên”, đồng thời cũng được công bố rộng rãi trên website của trường [H16.02.01]. Trước khi bắt đầu môn học, sinh viên được nhận đề cương chi tiết học phần với đầy đủ quy định về đánh giá kết quả học tập. Nhà trường cũng ban hành “Quy định về tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học phần”, trong đó quy định rõ quy trình đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, rà soát kiểm tra để đảm bảo kết quả đánh giá luôn công khai, công bằng và khách quan. Với tất cả các ngành đào tạo, các chuẩn đầu ra đều được xác định rõ ràng và được phổ biến tới người học ngay từ khi bắt đầu nhập học. Căn cứ vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, các đơn vị chuyên môn xây dựng chuẩn đầu ra của từng môn học, từ đó xây dựng các hoạt động đánh giá phù hợp để giúp người học đạt được các chuẩn đầu ra mong đợi. Đối với quá trình kiểm tra, thi kết thúc học phần, nhà trường xây dựng quy trình tổ chức kiểm tra, thi kết thúc học phần nghiêm túc, chặt chẽ, giúp đánh giá đúng năng lực của người học. Các quy trình được công bố rộng rãi, công khai trên website trường cũng như đến các bên liên quan [H16.02.02], [H16.02.03].

Trong quá trình dạy học, hoạt động đánh giá người học được thực hiện thường xuyên và liên tục nhằm đảm bảo đạt các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Trong đó:

Về kiến thức: Tất cả các môn học mà sinh viên tích lũy trong suốt quá trình đào tạo (từ khối kiến thức giáo dục đại cương đến khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp) đều được đánh giá dựa trên điểm quá trình, điểm giữa kỳ và điểm cuối kỳ. Các yêu cầu về kiến thức trong các đề kiểm tra và trong đề thi tuân thủ nghiêm ngặt các quy định

của trường như bám sát đề cương chi tiết môn học, kiến thức cốt lõi và nâng cao nhằm đáp ứng được chuẩn đầu ra của từng môn học, đảm bảo việc học tập các môn tiếp theo và tích hợp kiến thức của sinh viên đối với chuyên ngành.

Về kỹ năng: Các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng (bài kiểm tra trên lớp, thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, bài tiểu luận, bài tập nhóm, bài báo cáo thực tập,...) giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng cần thiết như: kỹ năng giao tiếp hiệu quả, suy nghĩ tích cực; kỹ năng phân tích tình huống xuất hiện trong công việc; kỹ năng tổng hợp, đối chiếu, so sánh phân tích, kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề phát sinh trong các tình huống công việc.

Về năng lực: Trong quá trình đào tạo, tùy từng chuyên ngành, sinh viên được trang bị các kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành để có thể áp dụng vào thực tế cuộc sống, như: kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn,...

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 16.3: Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra

Sau mỗi đợt thi kết thúc học phần, các khoa thực hiện công tác thu thập dữ liệu về điểm thi, bài thi, đề thi, ma trận đề thi và tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá đưa ra những nhận xét về sự hiệu quả cũng như sự đáp ứng chuẩn đầu ra đối với các hình thức đánh giá đang thực hiện, từ đó điều chỉnh ngân hàng câu hỏi hoặc phương pháp đánh giá người học cho phù hợp hơn. Các quy trình tổ chức thi học kỳ cùng với các biểu mẫu đính kèm cũng được rà soát trước mỗi học kỳ cho phù hợp với các quy chế, quy định.

Công tác chấm thi được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo công bằng, khách quan. Điểm thi, điểm quá trình được công bố công khai đúng thời hạn trên portal của sinh viên. Sau khi công bố điểm của tất cả các học phần, nhà trường thông báo thời gian nhận phúc khảo/khiếu nại điểm và giải đáp thắc mắc về điểm thi kết thúc học phần. Kết quả phúc khảo/khiếu nại điểm thi được công bố công khai trên website của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng cũng như cập nhật trên tài khoản cá nhân của sinh viên [H16.03.01], [H16.03.02], [H16.03.03].

Vào ba tuần cuối của mỗi học kỳ, nhà trường thực hiện hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của người học về phương pháp, hình thức đánh giá của các môn học/học phần lý thuyết, thực hành. Cùng với đó là thực hiện khảo sát đối với sinh viên năm cuối về toàn khóa học trong đó có các nội dung về kiểm tra, đánh giá, công bố kết quả học tập. Kết quả khảo sát được tổng hợp và gửi các khoa để làm cơ sở cho việc cải tiến phương pháp giảng dạy và đánh giá người học [H16.03.04], [H16.03.05].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 16.4: Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra

Các hình thức và phương pháp đánh giá người học được nhà trường công khai nhằm thu nhận ý kiến đóng góp từ các bên liên quan như sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp,... Các hình thức đánh giá được tiến hành xem xét phân tích hàng năm về mức độ phù hợp, độ tin cậy và tính chính xác nhằm điều chỉnh để đảm bảo việc đánh giá phản ánh đúng yêu cầu của học phần từ đề cương chi tiết và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Đặc biệt, trong các năm học 2020-2021 và 2021-2022, trước tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến rất phức tạp trên cả nước, nhà trường đã nhanh chóng điều chỉnh phương pháp kiểm tra đánh giá từ các hình thức trực tiếp sang trực tuyến. Để có cơ sở pháp lý cho việc triển khai các hoạt động, nhà trường đã ban hành quy định tạm thời về tổ chức thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến trình độ đào tạo đại học, cao đẳng của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM [H16.04.01]. Bên cạnh đó, các hoạt động xây dựng nền tảng cho việc tổ chức thi cũng được triển khai và thực hiện một cách đồng bộ. Cụ thể, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phụ trách chính công tác chuẩn bị thi và phối hợp với các đơn vị chức năng, bao gồm: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tập huấn thi trực tuyến cho sinh viên, tập huấn coi thi trực tuyến cho các cán bộ tham gia coi thi, tạo danh sách môn thi, phân quyền sinh viên vào từng môn thi, từng phòng thi; Phòng Đào tạo cung cấp tài khoản Zoom và cấp quyền trên hệ thống Moodle của trường để Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chủ động về kỹ thuật trong tổ chức thi; Phòng Công tác sinh viên hỗ trợ thiết lập lại mật khẩu email cho các trường hợp sinh viên quên mật khẩu; Phòng Quản trị Thiết bị sắp xếp, bố trí các phòng máy để làm phòng thi; Phòng Thông tin Truyền thông cử cán bộ trực đường truyền internet các phòng thi trong các buổi thi; Khoa Công nghệ Thông tin tư vấn và chia sẻ về hình thức thi trắc nghiệm trên hệ thống Moodle với SEB [H16.04.02], [H16.04.03].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 16

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.
- Các hình thức đánh giá người học đa dạng và phù hợp, giúp đánh giá được chất lượng người học, nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát theo định kỳ và theo kế hoạch, đảm bảo sự chính xác, công bằng và hướng tới đạt chuẩn đầu ra.

- Các quy định, quy trình liên quan đến đánh giá người học được phổ biến theo hướng giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

- Các loại hình và phương pháp đánh giá người học thường xuyên được cải tiến thông qua hoạt động khảo sát ý kiến của các bên liên quan. Các ý kiến đóng góp của giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng được tiếp thu, phục vụ cho việc cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo, giúp nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Do đặc thù của cơ sở đào tạo theo định hướng nghiên cứu nên chưa triển khai được việc xây dựng ngân hàng đề thi cho tất cả các môn học.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Duy trì hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp	P.ĐT, P.KT&DBCL, các khoa	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, điều chỉnh, cập nhật đề cương môn học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	P.ĐT, các khoa	Theo định kỳ (2 năm/lần)
3	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh các quy trình, quy định liên quan đến hoạt động đánh giá người học	P.ĐT, P.KT&DBCL, các khoa	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật biểu mẫu khảo sát các bên liên quan.	P.KT&DBCL	Hàng năm
5	Khắc phục tồn tại	Xây dựng quy trình và triển khai thực hiện việc xây dựng ngân hàng đề thi cho các môn học chung.	P.KT&DBCL; P.ĐT; các khoa	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 16.1	5
Tiêu chí 16.2	5
Tiêu chí 16.3	5
Tiêu chí 16.4	5
Tiêu chuẩn 16	5,00

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1: Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học

“Triết lý giáo dục của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là học thuật, sáng tạo, phục vụ, vì người học và học tập suốt đời”, và một trong những giá trị cơ bản nhà trường đang hướng tới “Vì sự phát triển toàn diện của người học” được nhà trường khẳng định trong Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 [H17.01.01]. Từ các nội dung đã xác định kết hợp với quy định của Bộ GD&ĐT, của ĐHQG-HCM về công tác hỗ trợ và dịch vụ sinh viên, nhà trường đã ban hành các văn bản quy định chức năng nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị để tổ chức thực hiện, giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược đã đề ra: phân công các thành viên trong Ban Giám hiệu; quy định chức năng nhiệm vụ của các phòng chức năng; phân công nhiệm vụ các khoa; thành lập đội ngũ cố vấn học tập, trợ lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm, giáo vụ, chức năng nhiệm vụ của các tổ chức đoàn thể và các trung tâm,... [H17.01.02], [H17.01.03], [H17.01.04], [H17.01.05], [H17.01.06], [H17.01.07], [H17.01.08]. Cụ thể:

- *Phòng Đào tạo và các khoa*: giám sát và hỗ trợ các hoạt động học tập của sinh viên như chương trình đào tạo, giáo trình, thời khóa biểu, đăng ký/điều chỉnh học phần, hướng dẫn làm khóa luận, xét tốt nghiệp tư vấn hướng dẫn học tập,...

- *Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng*: tổ chức các hoạt động thi, kiểm tra, chấm thi, quản lý bài thi (giữa kỳ, cuối kỳ) tất cả các học phần trong chương trình đào tạo theo từng học kỳ và năm học, tiếp nhận và giải quyết trường hợp khiếu nại về kết quả thi của sinh viên; tổ chức các hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, giảng viên, chương trình đào tạo,...

- *Phòng Công tác Sinh viên*: triển khai thực hiện các chế độ chính sách cho sinh viên như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, kỷ luật, khen thưởng, bảo hiểm, hỗ trợ thủ tục vay vốn ngân hàng, hỗ trợ các trường hợp khó khăn đột xuất, thực hiện xác nhận, chứng thực các loại giấy tờ liên quan đến sinh viên,...

- *Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ*: Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra nhằm tăng cường hiệu quả quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục.

- *Ký túc xá*: sắp xếp, quản lý chỗ ở cho sinh viên gồm có Ký túc xá 135B Trần Hưng Đạo, Quận 1 dành cho sinh viên học tại Cơ sở 1 (227 Nguyễn Văn Cừ) và Ký túc xá ĐHQG-HCM dành cho sinh viên học tại Cơ sở 2 (Thủ Đức - Dĩ An).

- *Phòng Thông tin Truyền thông, Trung tâm hỗ trợ sinh viên*: cung cấp các dịch vụ như việc làm, nhà trọ, kỹ năng mềm, ngày hội việc làm, tư vấn kỹ năng nghề nghiệp, học bổng tài trợ, tư vấn tuyển sinh đầu vào,...

- *Trạm y tế*: chăm sóc sức khỏe sinh viên như khám chữa bệnh, cấp phát thuốc, sơ cấp cứu trong các trường hợp tai nạn, tư vấn tâm lý,...

- *Đoàn TNCS-HCM, Hội sinh viên*: tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, các phong trào tình nguyện vì cộng đồng và hoạt động ngoại khóa cho sinh viên.

Vào đầu mỗi năm học, dựa theo chức năng nhiệm vụ được phân công, các đơn vị chủ động lên kế hoạch công tác phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của đơn vị mình. Kế hoạch riêng của từng đơn vị được tổng hợp thành kế hoạch năm của toàn trường [H17.01.09].

Để các hoạt động hỗ trợ người học và hệ thống giám sát hoạt động hiệu quả, nhà trường đã đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ công tin trong công tác quản lý:

- Phần mềm quản lý đào tạo: quản lý chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, kết quả học tập [H17.01.10].

- Cổng thông tin điện tử Portal: quản lý hồ sơ sinh viên, quản lý các lớp chuyên đề dành cho sinh viên (sinh hoạt công dân đầu khóa, chuyên đề tâm lý, kỹ năng mềm) [H17.01.11].

- Phần mềm Shub: Quản lý danh sách sinh viên tham gia hoạt động, tính điểm rèn luyện theo từng học kỳ, truy xuất kết quả rèn luyện [H17.01.12].

- Phần mềm chứng nhận sinh viên: Liên thông với dữ liệu học vụ của phòng Đào tạo; nhập/xuất file Giấy chứng nhận/Giấy giới thiệu sinh viên [H17.01.13].

- Phần mềm tại phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: quản lý công tác tổ chức thi, chấm thi trắc nghiệm, nhận dạng và xử lý bảng điểm, ứng dụng khảo sát các bên liên quan [H17.01.14].

Chất lượng hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học phụ thuộc nhiều vào trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ thực hiện. Do đó, mỗi năm nhà trường đều triển khai công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo các tiêu chí riêng dành cho từng đối tượng (đã được trình bày trong Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực). Ngoài ra, đội ngũ hỗ trợ người học và các hoạt động của nhà trường còn được đánh giá từ phía giảng viên và sinh viên thông qua các kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng được triển khai hàng năm. Chỉ số hài lòng của giảng viên và sinh viên thu được từ hoạt động trên sẽ là thước đo để đánh giá năng lực của đội ngũ hỗ trợ và các dịch vụ hỗ trợ trong nhà trường.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 17.2: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được nhà trường triển khai thực hiện trong suốt quá trình học tập của sinh viên tại trường. Cụ thể:

- Tư vấn học tập: hướng dẫn người học về chương trình đào tạo, tư vấn người học về kế hoạch học tập, lựa chọn môn học, lựa chọn chuyên ngành; hướng dẫn sinh viên về các hình thức kiểm tra đánh giá học phần cũng như các nội quy, quy chế liên quan đến đào tạo và khảo thí; duy trì các câu lạc bộ học thuật, tổ chức các cuộc thi học thuật [17.02.01], [17.02.02], [17.02.03], [17.02.04].

- Ký túc xá DHQG-HCM có diện tích 42,08 ha, gồm 2 khu với sức chứa 50.000 chỗ đáp ứng được nhu cầu về chỗ ở cho người học tại Cơ sở 2. Ký túc xá DHQG-HCM có đầy đủ cơ sở vật chất và các bộ phận chuyên trách thực hiện công tác chăm lo đời sống vật chất, văn hóa tinh thần, thể thao và đảm bảo an ninh cho người học (xem liên kết: <https://ktx.vnuhcm.edu.vn/>).

- Ký túc xá 135B Trần Hưng Đạo với diện tích phòng ở là 2968m², với sức chứa 730 chỗ cho người học học tập tại cơ sở 1. Trường hợp người học không nội trú tại Ký túc xá, nhà trường có đơn vị hỗ trợ người học các chỗ trọ gần trường, đảm bảo an ninh [H17.02.05].

- Các chế độ chính sách dành cho người học: thực hiện định kỳ 01 lần/học kỳ các quy định của Nhà nước dành cho sinh viên đang học tập tại trường như miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, chính sách dành cho sinh viên dân tộc thiểu số, chính sách dành cho sinh viên khuyết tật; hỗ trợ cho các trường hợp người học gặp khó khăn đột xuất; giảm học phí, hoãn học phí cho người học trong mùa dịch. Thực hiện quy định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho người học theo từng học kỳ, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường tiếp nhận và cấp học bổng tài trợ cho người học [H17.02.06].

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời công tác khen thưởng người học có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện cũng như xử lý các trường hợp người học vi phạm các nội quy, quy chế của nhà trường và của ký túc xá [H17.02.07].

- Chăm sóc sức khỏe: tổ chức nói chuyện chuyên đề về kỹ năng sống cho sinh viên lồng ghép vào các đợt sinh hoạt công dân đầu khóa; triển khai cho người học đăng ký bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn; tư vấn hỗ trợ người học các thủ tục liên quan đến các quy trình thanh toán bảo hiểm [H17.02.08]. Ngoài ra, trường cũng phối hợp với các đơn vị bên ngoài tổ chức các đợt khám tầm soát và tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe cho người học, đặc biệt là tầm soát miễn phí các bệnh thường gặp của nữ giới [H17.02.09], [H17.02.10]. Tại cả hai cơ sở của trường đều có trạm y tế thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe tại chỗ cho người học trong suốt thời gian học tập tại trường.

- Hướng nghiệp, hỗ trợ sinh viên tìm việc làm: tổ chức ngày hội việc làm, tọa đàm sinh viên với doanh nghiệp hằng năm; phối hợp các đơn vị trong và ngoài trường tổ chức các lớp kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên như phương pháp học tập, tập huấn sinh viên theo chuẩn CDIO, kỹ năng viết lý lịch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng trả lời phỏng vấn, trang bị kiến thức về Luật lao động cho sinh viên sắp tốt nghiệp; phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp giới thiệu người học thực tập, tham quan thực tế, ký kết với các nhà tuyển dụng/doanh nghiệp để cung cấp người học thực tập, tọa đàm cùng doanh nghiệp để điều chỉnh chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng; tiếp nhận và đăng tải các thông báo tuyển dụng, thực tập, trao đổi sinh viên trên website trường và fanpage của các đơn vị trong trường; tổ chức các hoạt động tư vấn nghề nghiệp, tuyển sinh học sinh trung học phổ thông [H17.02.11].

Ngoài ra, người học còn được cấp tài khoản để sử dụng miễn phí bản quyền Microsoft Office và các dịch vụ lưu trữ đám mây của Microsoft [H17.02.12]. Trong khuôn viên trường và ký túc xá có căn tin phục vụ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; thư viện trường có phòng tự học, không gian rộng rãi, có hệ thống máy tính truy cập giáo trình online. Thư viện trường cũng thường xuyên mở các lớp hướng dẫn người học cách

thức sử dụng thư viện, cách thức truy cập các nguồn tài liệu phục vụ cho nhu cầu học tập và nghiên cứu; cấp thẻ ATM miễn phí cho người học, thực hiện việc chuyển tiền học bổng, khen thưởng cho sinh viên thông qua tài khoản này; hệ thống webstie trường và fanpage thường xuyên cập nhật các thông tin hoạt động trong nhà trường và kịp thời giải đáp, hướng dẫn các khó khăn, thắc mắc của người học.

Các hoạt động giám sát tiến trình học tập và hiệu quả học tập của người học cũng được triển khai chặt chẽ từ các phòng ban đến các khoa, các giảng viên thông qua các hoạt động:

- Tổ chức tuyển sinh; xây dựng kế hoạch học tập, tổ chức cho người học đăng ký/điều chỉnh học phần.

- Tổ chức các hoạt động kiểm tra, chấm điểm quá trình; thi giữa học kỳ, kết thúc học kỳ; chấm thi; quản lý bài thi; các hoạt động phúc khảo bài thi.

- Tổ chức/hướng dẫn các sinh viên năm cuối về việc đăng ký làm khóa luận, tiểu luận tốt nghiệp; xét tốt nghiệp,...

Các hoạt động trên đều diễn ra dưới sự giám sát của bộ phận thanh tra đào tạo (cụ thể là Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ).

Song song với việc tổ chức các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học, nhà trường còn tổ chức các hoạt động đảm bảo chất lượng để đánh giá mức độ đáp ứng của các hoạt động này so với kỳ vọng của người học, từ đó có thể đưa ra những cải tiến để đáp ứng nhu cầu của người học nhiều hơn [H17.02.13], [H17.02.14]. Cụ thể:

- Lấy ý kiến giảng viên, sinh viên năm cuối về các hoạt động hỗ trợ và đội ngũ hỗ trợ, thực hiện 01 lần/năm học. Kết quả thu được sẽ là cơ sở để điều chỉnh các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng phục vụ tốt hơn.

- Người học đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên: khảo sát sự hài lòng của sinh viên về các môn học và giảng viên giảng dạy, thực hiện 01 lần/học kỳ. Các kết quả và ý kiến đóng góp thu được sẽ phản hồi cho các khoa để làm căn cứ cải tiến, điều chỉnh đối với hoạt động giảng dạy.

- Lấy ý kiến của giảng viên, cựu sinh viên và doanh nghiệp: được thực hiện 01 lần/năm. Kết quả khảo sát sẽ làm cơ sở để điều chỉnh chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Buổi gặp gỡ giữa lãnh đạo nhà trường và người học: được thực hiện 01 lần/năm để người học có thể trực tiếp phản ánh, đóng góp ý kiến đối với Ban giám hiệu và lãnh đạo các phòng/khoa/bộ môn.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 17.3: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát

Nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ, việc rà soát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học và hệ thống giám sát người học là việc không thể thiếu đối với trường. Hằng tháng, nhà trường tổ chức các buổi họp giao ban giữa Ban giám hiệu với các phòng chức năng, các khoa, các đơn vị trong trường để lắng nghe các hoạt động đã triển khai, các kết quả đã đạt được so với kế hoạch chung của toàn trường đã đề ra vào đầu năm học; thực hiện báo cáo sơ kết hoạt động theo từng học kỳ và tổng kết vào cuối năm học để đánh giá những điểm mạnh, những mặt hạn chế, đối chiếu với kế hoạch đầu năm từ đó có kế hoạch, phương hướng thực hiện nhiệm vụ và cải tiến chất lượng cho năm tiếp theo [H17.03.01]. Ngoài ra, các hoạt động này nhà trường còn báo cáo trực tiếp cho các ban chức năng trực thuộc DHQG-HCM cũng như các yêu cầu báo cáo từ Bộ GD&ĐT [H17.03.02].

Bộ GD&ĐT cũng ban hành quy định yêu cầu các trường thực hiện đánh giá và cho điểm 8 lĩnh vực công tác trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà trường theo định kỳ hàng năm [H17.03.03].

Bên cạnh đó, DHQG-HCM có bộ tiêu chuẩn riêng đánh giá mảng công tác sinh viên được triển khai cho các trường thành viên đánh giá theo định kỳ 01 lần/năm: gồm 10 tiêu chuẩn đánh giá về các hoạt động hỗ trợ và giám sát người học. Kết quả đánh giá trong nhiều năm liền nhà trường đều đạt mức xuất sắc [H17.03.04].

Về công tác đào tạo, DHQG-HCM cũng thực hiện việc thanh tra công tác tuyển sinh và hoạt động đào tạo theo định kỳ hàng năm [H17.03.05].

Đối với đội ngũ cán bộ thực hiện công tác hỗ trợ người học, nhà trường triển khai thực hiện việc đánh giá CBVC tại từng đơn vị trực thuộc và mức độ hài lòng của người học, từ đó dựa vào mức độ hoàn thành công việc và mức độ hài lòng của người học để làm căn cứ đánh giá năng lực chuyên môn hàng năm.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 17.4: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Từ năm 2017, công tác tin học hóa các lĩnh vực hoạt động trong nhà trường được đẩy mạnh, các hoạt động hỗ trợ người học được cải tiến nhiều trên cơ sở sử dụng các phần mềm chuyên dụng để đáp ứng các nhu cầu cấp thiết cho sinh viên. Đặc biệt, trong thời điểm dịch bệnh, các ứng dụng này đáp ứng rất hiệu quả như: phần mềm in chứng nhận sinh viên bằng ngôn ngữ lập trình Java script, HTML, ứng dụng Google Sheet; sinh viên đăng ký các dịch vụ hành chính trực tuyến, nộp hồ sơ nhập học (trên Microsoft form); cấp giấy chứng nhận/giấy giới thiệu sinh viên phiên bản điện tử, cấp qua bưu điện; tra cứu dữ liệu văn bản xác nhận sinh viên (trên datastudio); các hoạt động tầm soát tâm lý trực tuyến để nắm bắt tâm lý của sinh viên trong mùa dịch; các hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập và trả lời các thắc mắc của sinh viên thông qua fanpage, email và hotline,... Cũng trong thời điểm dịch bệnh COVID-19, các hoạt động giảng dạy của

nhà trường cũng nhanh chóng chuyển đổi sang hình thức trực tuyến để quá trình học tập của sinh viên không bị gián đoạn. Từ đó, các hình thức kiểm tra đánh giá khi kết thúc học phần cũng kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo tiến độ học tập của sinh viên [H17.04.01], [H17.04.02], [H17.04.03].

Ngoài ra, trong giai đoạn 2017-2021 nhà trường đã đạt được các mục tiêu cải tiến chất lượng (dựa trên những hạn chế trong giai đoạn 2012-2016) gồm:

- Tổ chức 05 buổi nói chuyện (talkshow) của các diễn giả có uy tín trong nhiều lĩnh vực nhằm định hướng, tạo động lực cho sinh viên, và cập nhật các xu hướng về nghề nghiệp, hội nhập, công nghệ [H17.04.04].

- Xây dựng 02 chương trình trải nghiệm cuộc sống dành cho sinh viên, hoạt động du khảo, bao gồm cả trong và ngoài nước [H17.04.05], [H17.04.06].

- Xây dựng 01 đội ngũ tư vấn cho các dự án xã hội và hoạt động khởi nghiệp; tập huấn đội ngũ trợ lý sinh viên về việc nắm bắt tâm lý và hỗ trợ giải quyết các khủng hoảng tâm lý trong sinh viên và thành lập bộ phận tư vấn tâm lý, sức khỏe cho sinh viên tại cơ sở 1; trang bị các cơ sở vật chất phục vụ cho đối tượng sinh viên khuyết tật [H17.04.07], [H17.04.08].

Nhà trường cũng đã có những hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng, hội đồng khoa học) để điều chỉnh chương trình đào tạo; mở các ngành đào tạo mới, thiết lập chuẩn đầu ra để đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng,... Từ những hoạt động cải tiến chất lượng đã thực hiện, mức độ hài lòng của sinh viên đối với các hoạt động hỗ trợ tăng dần qua các năm.

Bảng 17.4.1. Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên đối với các hoạt động hỗ trợ giai đoạn 2017-2021

Nội dung khảo sát	2017 (%)	2018 (%)	2019 (%)	2020 (%)	2021 (%)
Về thư viện	–	–	72	81	77
Về cơ sở vật chất	58	50	70	77	67
Về công tác đào tạo	70	70	76	80	80
Về công tác khảo thí & đảm bảo chất lượng	–	–	75	82	82
Về công tác sinh viên, đoàn - hội	–	–	70	80	79
Về công tác nghiên cứu khoa học sinh viên	–	–	73	81	27
Về công tác hợp tác quốc tế, phục vụ cộng đồng	–	–	72	81	77
Về công tác hành chính của các khoa	–	–	–	81	82

Từ bảng thống kê trên cho thấy các hoạt động hỗ trợ của nhà trường được đánh giá mức độ hài lòng cao, tăng dần theo từng năm. Riêng trong năm 2021, mức độ hài lòng của sinh viên về công tác nghiên cứu khoa học sinh viên đạt tỷ lệ rất thấp (chỉ 27%) là do trong giai đoạn này cả nước đang bị ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh COVID-19 nên mọi hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên gần như bị đóng băng do các đơn vị tổ chức các sự kiện liên quan không thể triển khai các hoạt động.

Từ bảng thống kê cũng cho thấy hoạt động khảo sát sự hài lòng của người học cũng có những cải tiến bằng cách tăng dần các nội dung khảo sát cho phù hợp với thực tiễn, giúp nhà trường kịp thời điều chỉnh các hoạt động hỗ trợ theo chiều hướng phục vụ tốt hơn nhu cầu người học. Cụ thể, trong đợt khảo sát năm 2019, nhà trường bổ sung các nội dung khảo sát về thư viện, công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng, công tác sinh viên, đoàn - hội, công tác nghiên cứu khoa học sinh viên, công tác hợp tác quốc tế, phục vụ cộng đồng; trong năm 2019 bổ sung thêm nội dung khảo sát về công tác hành chính của các khoa.

Bảng 17.4.2. Thống kê tỷ lệ sinh viên tham gia khảo sát sự hài lòng đối với các hoạt động hỗ trợ giai đoạn 2017-2021

Nội dung	2017 (%)	2018 (%)	2019 (%)	2020 (%)	2021 (%)
Số lượt sinh viên được mời tham gia khảo sát	2756	2807	1970	2713	2615
Số lượt phản hồi	1318	1292	981	1703	2381
Tỷ lệ phản hồi	47,82%	46,03%	49,8%	62,77%	91,05%

Trong những năm đầu cải tiến hoạt động khảo sát, tỷ lệ sinh viên tham gia khảo sát chưa đến 50%. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện và cải tiến liên tục theo từng năm, tỷ lệ sinh viên tham gia khảo sát tăng dần lên 62,77% năm 2020 và 91,05% năm 2021 - điều đó chứng tỏ hoạt động khảo sát của nhà trường có sự cải tiến liên tục và mang lại hiệu quả tích cực.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 17

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Bên cạnh việc giám sát chặt chẽ người học, trường luôn quan tâm và tạo điều kiện tốt cho các hoạt động hỗ trợ sinh viên thông qua sự phân công chức năng, nhiệm vụ rõ ràng giữa các đơn vị, có kế hoạch cụ thể nhằm triển khai công tác hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học được thông suốt, hiệu quả.

- Đội ngũ thực hiện công tác hỗ trợ người học có năng lực, được trang bị đầy đủ phương tiện, kỹ năng để hỗ trợ tối đa người học giúp người học an tâm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Nhà trường xem việc đánh giá của người học về các hoạt động của trường là cơ sở quan trọng giúp nhà trường khắc phục khuyết điểm từ đó đề ra phương án cải tiến hoạt động hỗ trợ người học, nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Đội ngũ làm công tác sinh viên còn mỏng nên chưa hỗ trợ kịp thời người học trong một số trường hợp.

- Chưa đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần cho người học.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục quan tâm và tạo điều kiện tốt cho các hoạt động hỗ trợ sinh viên thông qua sự phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị.	P.CTSV, các khoa	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, bổ sung phương tiện, cải tiến quy trình, kỹ thuật để hỗ trợ tối đa người học.	các đơn vị	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Liên tục rà soát, cải tiến hoạt động đánh giá của người học về các hoạt động của trường, giúp cải tiến hoạt động hỗ trợ người học, nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	P.KT&DBCL	Hàng năm
4	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống giảng viên chủ nhiệm nhằm phối hợp với đội ngũ cố vấn học tập và trợ lý sinh viên để hỗ trợ người học được tốt hơn	P.CTSV; các khoa	2022
5	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch thực hiện thường xuyên công tác sàng lọc, tầm soát và tư vấn chuyên sâu các vấn đề về tâm lý người học, đồng thời nâng cao nhận thức cán bộ, giảng viên, sinh viên các kiến thức về vấn đề sức khỏe tâm thần	P.CTSV; Bộ phận Y tế	Hàng năm

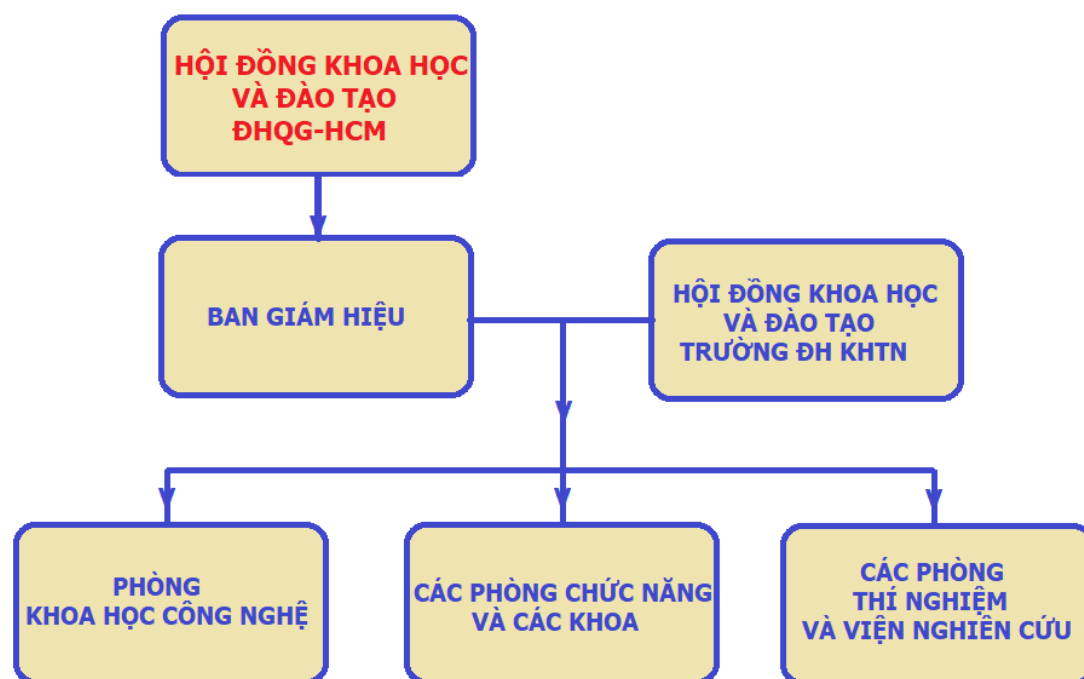
4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 17.1	5
Tiêu chí 17.2	5
Tiêu chí 17.3	5
Tiêu chí 17.4	5
Tiêu chuẩn 17	5,00

Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 18.1: Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu

Nhiệm vụ khoa học công nghệ là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao vị thế của nhà trường. Vì vậy, chính sách, cơ chế chỉ đạo thực hiện, giám sát rà soát các hoạt động nghiên cứu của nhà trường được xác định rõ trong sứ mạng, mục tiêu phát triển của trường, được thể hiện trong kế hoạch chiến lược phát triển của trường theo từng giai đoạn [H18.01.01]. Nhà trường có hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát, đánh giá các hoạt động nghiên cứu, các nguồn lực, đội ngũ nghiên cứu, và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược về khoa học công nghệ, bao gồm: Ban giám hiệu và Hội đồng khoa học - Đào tạo xác định các định hướng nghiên cứu và giám sát việc thực hiện [H18.01.02]; quản lý, điều hành nghiên cứu được thực hiện bởi một phó hiệu trưởng phụ trách mảng khoa học công nghệ và quan hệ đối ngoại [H18.01.03]. Phòng Khoa học Công nghệ trực tiếp phụ trách các công tác khoa học công nghệ, đề tài nghiên cứu khoa học, xuất bản tạp chí khoa học, tổ chức các hội nghị khoa học của trường [H18.01.04]. Phòng Khoa học Công nghệ phối hợp với các đơn vị chuyên môn và các phòng chức năng liên quan như Phòng Quan hệ Đối ngoại trong việc thực hiện các công tác liên quan đến hoạt động khoa học công nghệ. Các nghiên cứu cụ thể được thực hiện bởi các đơn vị đào tạo và nghiên cứu thuộc, trực thuộc trường. Các đơn vị này tổ chức hoạt động nghiên cứu dưới hình thức các nhóm nghiên cứu, bộ môn, trung tâm [H18.01.05]. Hệ thống nói trên được xác định rõ trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường.



Hình 18.1.1. Sơ đồ tổ chức hoạt động khoa học công nghệ của trường

Hoạt động khoa học công nghệ của trường được xây dựng và triển khai thực hiện từ việc lập kế hoạch theo từng giai đoạn của kế hoạch chiến lược và được cụ thể hóa theo kế hoạch hàng năm. Hoạt động khoa học công nghệ được báo cáo đánh giá theo định kỳ hằng năm trong Hội nghị cán bộ viên chức trường, báo cáo tổng kết năm học của trường cũng như báo cáo trong hội nghị thường niên của DHQG-HCM [H18.01.06].

Trên cơ sở các quy định chung về hoạt động khoa học công nghệ như: Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ cùng các thông tư và nghị định liên quan, nhà trường đã ban hành các quy chế và quy định cấp trường như quy định về việc quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học tại trường, quy định về quy trình thực hiện đề tài cấp trường, quy định về quy trình ký kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ khoa học công nghệ tại trường, tiêu chí xét thưởng công bố quốc tế, quy định về xử lý các đề tài nghiên cứu khoa học trễ hạn, quy chế quản trị tài sản trí tuệ, quy chế quản lý và sử dụng tài liệu mật,... Đối với đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, được thiết lập và thực hiện theo quy định của các đơn vị cấp kinh phí nghiên cứu và có các chính sách, cơ chế chỉ đạo thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, như: quy định của Quỹ Nafosted và các chương trình khoa học công nghệ của Bộ Khoa học Công nghệ; quy định của Quỹ Khoa học & Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định của các địa phương; quy định của DHQG-HCM về các đề tài ngân sách DHQG-HCM; quy định về đề tài cấp cơ sở của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên,... [H18.01.07], [H18.01.08], [H18.01.09]

Việc thực hiện công tác nghiên cứu khoa học được tuân theo quy định về giờ làm việc quy đổi về nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo [H18.01.10].

Kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học được dự toán hằng năm và được phân bổ theo quy định từ DHQG-HCM chi cho kinh phí sự nghiệp nghiên cứu khoa học, gồm kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp DHQG-HCM (gồm các đề tài, dự án, đề án, và các hoạt động chung); kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng và kinh phí không thường xuyên và nguồn kinh phí từ trường [H18.01.11].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 18.2: Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục

Trong giai đoạn 2017-2021, nhằm đa dạng hóa các nguồn thu từ hoạt động khoa học công nghệ, nhà trường đã có các chính sách tăng cường kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học, đặc biệt tăng mạnh trong năm 2021; nguồn hỗ trợ kinh phí từ DHQG-HCM được duy trì ổn định qua các năm [H18.02.01], [H18.02.02]. Ngoài ra, các giảng viên, các nhóm nghiên cứu của trường cũng tích cực tham gia các đề tài nghiên cứu từ quỹ NAFOSTED, từ chương trình Tây Nam bộ, từ nhiệm vụ khoa học công nghệ của các tỉnh, từ nguồn tài trợ nghiên cứu của các doanh nghiệp như quỹ VINIF, tập đoàn Hưng Thịnh,... [H18.02.03], [H18.02.04], [H18.02.05]

Nhà trường cũng đã xây dựng được một số nhóm nghiên cứu có năng lực theo định hướng nghiên cứu chuyên sâu và liên ngành. Trong đó một số nhóm đã được quan tâm đầu tư trang thiết bị như: Nhóm nghiên cứu về tế bào gốc, nhóm nghiên cứu về kỹ nghệ mô, nhóm nghiên cứu về ung thư, nhóm nghiên cứu về hóa dược, nhóm nghiên cứu về quang học, nhóm nghiên cứu về vật liệu đa chức năng, nhóm nghiên cứu về quan trắc khí nhà kính vật liệu kỹ thuật cao, nhóm nghiên cứu về trí tuệ nhân tạo,...

Trường là đơn vị nghiên cứu cơ bản nên việc phát triển nguồn thu chưa phải là thế mạnh của trường. Tuy nhiên, trường có Viện Tế bào gốc là đơn vị nghiên cứu, thử nghiệm, sáng tạo và thương mại hóa. Trong giai đoạn 2018-2021, Viện Tế bào gốc đã có 10 hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng chỉ mang ý nghĩa chuyển giao công nghệ cho các đơn vị bạn hơn là đặt nặng về doanh thu.

Nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, nhà trường đã dành nguồn kinh phí nhất định đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học như đầu tư, hỗ trợ cho tổ chức các hội thảo hội nghị khoa học; đầu tư cho việc xuất bản giáo trình, tập bài giảng; đầu tư cho sáng kiến, đề tài, dự án,... Đặc biệt, nhà trường và ĐHQG-HCM có các chính sách khuyến khích với các công bố đỉnh cao thông qua ứng dụng thực tế hoặc những công trình nghiên cứu đạt giải thưởng quốc tế.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 18.3: Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu

Các chỉ số đánh giá (KPIs) về nghiên cứu của trường được xác định trong chiến lược phát triển của trường thông qua số lượng công bố quốc tế, số lượng công bố trong nước, số lượng đề tài nghiên cứu khoa học các cấp của giảng viên và người học, số lượng các hội nghị/hội thảo khoa học,... [H18.03.01], [H18.03.02]

Đối với các đơn vị, trường tổ chức kiểm tra hoạt động khoa học công nghệ hằng năm, trên cơ sở đó định hướng các chỉ tiêu phấn đấu cho các năm tiếp theo. Đối với cá nhân các giảng viên và các nhà khoa học, trường yêu cầu đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học thông qua bảng kê khai đánh giá hằng năm. Đây là một trong những chỉ số quan trọng nhất để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cũng như bình xét danh hiệu thi đua đối với mỗi cá nhân viên chức, giảng viên. Trong giai đoạn 2017-2021, cán bộ viên chức của trường đã hoàn thành tổng số 1466 công bố quốc tế, 599 công bố trong nước và 598 đề tài, dự án các cấp, trong đó có 44 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia (NAFOSTED), 26 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Sở Khoa học và Công nghệ Tp.HCM và tương đương, 220 đề tài cấp ĐHQG-HCM, 304 đề tài cấp trường và 4 đề tài hợp tác với địa phương [H18.03.03], [H18.03.04], [H18.03.05], [H18.03.06], [H18.03.07], [H18.03.08], [H18.03.09], [H18.03.10]. Các chỉ số chi tiết theo từng năm được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 18.3.1. Bảng thống kê các chỉ số về hoạt động khoa học công nghệ

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Số lượng công bố quốc tế	253	260	301	319	333
Số lượng công bố trong nước	167	131	94	104	103
Số lượng đề tài NAFOSTED	14	10	11	9	-
Số lượng đề tài cấp ĐHQG-HCM	38	38	53	49	42
Số lượng đề tài cấp Sở KH&CN	7	2	3	9	5
Số lượng đề tài cấp trường	53	41	43	53	114
Số lượng đề tài hợp tác địa phương	3	-	1	-	-

Nhà trường luôn chỉ đạo sát sao việc thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ, kịp thời nắm bắt tình hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ và đảm bảo đúng tiến độ đã đề ra. Hằng năm, nhà trường tổ chức kiểm tra, rà soát định kỳ, kiểm tra nghiệm thu, phối hợp cơ quan chủ quản kiểm tra tiến độ thực hiện và kiểm tra hiện trường thực hiện các đề tài, dự án. Kết quả thực hiện các đề tài dự án được tổng hợp và báo cáo đến cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý đề tài. Căn cứ vào quyết định phê duyệt về việc giao nhiệm vụ và kế hoạch thực hiện, nhà trường thông báo tới chủ nhiệm các đề tài/dự án về nội dung và kế hoạch nghiệm thu.

Trong hội nghị cán bộ viên chức hằng năm, cùng với việc tổng kết đánh giá kết quả thực hiện của các mảng công tác khác trong trường, hoạt động khoa học công nghệ cũng được báo cáo nhằm tổng kết, rút kinh nghiệm và nhận các đóng góp ý kiến nhằm khắc phục và nâng cao chất lượng cũng như số lượng các đề tài, dự án của trường cũng như xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ cho năm tiếp theo [H18.03.11], [H18.03.12], [H18.03.13].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 18.4: Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học

Công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ được lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan thông qua kế hoạch hằng năm của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng [H18.04.01]. Kết quả khảo sát các bên liên quan về hoạt động khoa học công nghệ của trường trong giai đoạn 2017-2021 được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 18.4.1. Bảng đánh giá mức độ hài lòng của viên chức, người lao động về hoạt động khoa học công nghệ

Nội dung đánh giá	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Mức độ hài lòng về thái độ phục vụ của Phòng Khoa học Công nghệ	78,22%	82,89%	86,49%	88,66%	94,85%

Hiện nay, trường chỉ mới thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của công tác phục vụ ở tất cả các đơn vị chức năng của trường, trong đó có công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ. Nhà trường chưa triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về các chính sách trong hoạt động nghiên cứu khoa học, quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của trường. Tuy nhiên, bên cạnh hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ, Phòng Khoa học Công nghệ còn nhận được đề xuất góp ý từ các nhà khoa học để công tác nghiên cứu được cải tiến hơn. Xuất phát từ nội dung trong Kế hoạch Chiến lược 2016-2020, nhà trường đã thành lập “Câu lạc bộ Khoa học Tự nhiên” với mục đích thúc đẩy chia sẻ thông tin, ý tưởng, kết nối, trao đổi và hợp tác với các nhóm nghiên cứu trong và ngoài trường, qua đó triển khai các nhiệm vụ trọng điểm, các dự án mang tính liên ngành trong lĩnh vực khoa học tự nhiên. Đến nay, Câu lạc bộ Khoa học Tự nhiên đã có 24 kỳ sinh hoạt, đón nhận được sự quan tâm từ nhiều nhà khoa học, giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ của nhà trường. Nhiều ý kiến trao đổi, thảo luận đã được đưa ra tại buổi sinh hoạt [H18.04.02].



Hình 18.4.2. Hình ảnh buổi sinh hoạt Câu lạc bộ Khoa học Tự nhiên

Để đạt được chất lượng thực hiện kế hoạch khoa học công nghệ, nhà trường tiến hành rà soát tiến độ, các chỉ tiêu đề ra theo từng năm, từng giai đoạn thông qua các báo cáo tổng kết công tác. Sau mỗi năm học, mỗi giai đoạn Phòng Khoa học Công nghệ và các đơn vị liên quan tiến hành tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học, chỉ ra những điểm tồn tại bên cạnh các kết quả đạt được, đối sánh các chỉ số đã đề ra trong kế hoạch từ đó có các biện pháp khả thi để nâng cao chất lượng nghiên cứu. Trên cơ sở phân tích những vấn đề nhận dạng được trong quá trình rà soát, hệ thống quản lý nghiên cứu của trường đã được cải tiến để đáp ứng tốt hơn tầm nhìn và sứ mạng của trường về mặt khoa học công nghệ, bao gồm:

- Cải tiến nghiên cứu khoa học của giảng viên thông qua việc chuẩn hóa các quy trình, biểu mẫu; tăng định mức kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học; cải tiến công tác hành chính; hướng dẫn lập dự toán và quyết toán đề tài nghiên cứu khoa học

các cấp; đưa ra tiêu chuẩn xét chọn đề tài rõ ràng; liên hệ thường xuyên với các chủ nhiệm đề tài để phối hợp trao đổi giải quyết những vướng mắc khó khăn và đôn đốc tiến độ thực hiện đề tài. Đồng thời tổ chức hội đồng nghiệm thu các cấp nghiêm túc, đưa ra phản biện, góp ý đề tài để đề tài được chỉnh sửa hoàn thiện; liên tục cập nhật phổ biến thông tin, triển khai đăng ký đề tài, dự án các cấp cho giảng viên viên chức trong trường.

- Cải tiến nghiên cứu khoa học của sinh viên: hệ thống hóa các quy định và hướng dẫn, đôn đốc, theo sát sinh viên trong quá trình thực hiện triển khai đề tài.

- Hoàn thiện phương thức đánh giá chế độ làm việc của giảng viên và nghiên cứu viên về nghiên cứu khoa học theo các chỉ số đánh giá chính.

- Từng bước tin học hóa hệ thống quản lý khoa học công nghệ bằng việc xây dựng và ứng dụng phần mềm quản lý khoa học vào công tác quản lý khoa học của trường.

- Nhằm thúc đẩy hoạt động xuất bản khoa học công nghệ tại Viện Tế bào gốc và tại Việt Nam, từ năm 2014 Viện Tế bào gốc, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đã xây dựng 2 tạp chí khoa học chuyên ngành, gồm Tạp chí Biomedical Research and Therapy (ISSN 21984093, www.bmrat.org) xuất bản các công trình khoa học công nghệ về y sinh học, sinh học, y học; và Tạp chí Progress in Stem Cell (ISSN 21994633, www.cellstemcell.org) xuất bản các công trình khoa học công nghệ về tế bào, tế bào gốc. Đến tháng 04/2018, hai tạp chí này đã được thêm vào danh mục các tạp chí thuộc danh mục Scopus [H18.04.03], [H18.04.04].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 18

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có cơ cấu tổ chức quản lý, thực hiện, giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu;
- Có các chính sách, cơ chế chỉ đạo thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu;
- Có kế hoạch, dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm theo quy định;
- Có các tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học và có bộ phận theo dõi giám sát, đánh giá về chất lượng nghiên cứu khoa học.
- Xây dựng được các KPIs cụ thể về số lượng và chất lượng trong mảng chiến lược phát triển khoa học công nghệ.
- Có 2 tạp chí chuyên ngành được đưa vào danh mục xếp hạng Scopus.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chưa xây dựng được phần mềm quản lý hoạt động khoa học công nghệ.
- Hệ thống quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên chưa được đồng bộ giữa các đơn vị liên quan (Phòng Khoa học Công nghệ, Phòng Công tác sinh viên, Đoàn TNCS-HCM, Hội Sinh viên).

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý; tăng cường việc thực hiện, giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu khoa học.	P.KHCN	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Hoàn thiện và phát huy các chính sách, cơ chế chỉ đạo thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu khoa học.	P.KHCN	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai kế hoạch, dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm theo quy định.	P.KHCN	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai bộ phận theo dõi giám sát, cũng như các tiêu chí về đánh giá số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học.	P.KHCN	Hàng năm
5	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, đánh giá chất lượng và điều chỉnh các KPIs cho phù hợp.	P.KHCN	Hàng năm
6	Phát huy điểm mạnh	Tăng số lượng và chất lượng các tạp chí chuyên ngành trong các danh sách tạp chí uy tín của thế giới.	các đơn vị chuyên môn	Theo KHCL 2021-2025
7	Khắc phục tồn tại	Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động khoa học công nghệ	P.KHCN	2023
8	Khắc phục tồn tại	Đồng bộ hệ thống quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên giữa các đơn vị liên quan.	P.KHCN; P.CTSV; các khoa	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	5
Tiêu chí 18.4	5
Tiêu chuẩn 18	5,00

Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chí 19.1: Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu

Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ của trường có chức năng tham mưu giúp hiệu trưởng trong công tác quản trị tài sản trí tuệ của trường và phối hợp với các đơn vị khác thực hiện các hoạt động về sở hữu trí tuệ, hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của trường [H19.01.01].

Hệ thống quản trị tài sản trí tuệ của trường được xây dựng trên nguyên tắc thống nhất, xuyên suốt từ chính sách - quy định - thực thi, cụ thể: Chính sách về quản trị tài sản trí tuệ được xây dựng dựa theo kế hoạch chiến lược và kế hoạch từng năm học; quy định về quản trị tài sản trí tuệ được xây dựng dựa trên quy chế quản trị tài sản trí tuệ, quy trình biểu mẫu, hồ sơ thống kê lưu trữ; việc thực thi quản trị tài sản trí tuệ do Ban giám hiệu, Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ và các chuyên viên quản trị tài sản trí tuệ thực hiện.

Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của trường được ban hành từ năm 2016 là văn bản quy định nội bộ về quản lý, bảo hộ tài sản trí tuệ là kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và khai thác tài sản trí tuệ, được đăng tải trên website và được phổ biến rộng rãi đến toàn thể viên chức - người lao động, người học trong các buổi tập huấn đối với viên chức - người lao động, báo cáo sinh hoạt công dân dành cho sinh viên, buổi tập huấn cho học viên cao học, nghiên cứu sinh [H19.01.02], [H19.01.03].

Việc công bố kết quả nghiên cứu khoa học dưới dạng bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học uy tín cũng như báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước được nhà trường khuyến khích thông qua quy định về khen thưởng công bố khoa học và được theo dõi, lưu trữ, quản lý bởi Phòng Khoa học Công nghệ.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 19.2: Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai

Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được nhà trường triển khai và thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, quy định của luật Khoa học và Công nghệ, luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Quy trình quản trị tài sản trí tuệ tại trường được thực hiện thông qua các bước: nhận diện - phân loại - xác lập quyền - khai thác giá trị thương mại. Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ có nhiệm vụ hỗ trợ, hướng dẫn thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và phân loại, lưu trữ hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ mà nhà trường là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu [H19.02.01], [H19.02.02].

Nhà trường có hệ thống dữ liệu lưu trữ để quản lý việc hỗ trợ, tư vấn, theo dõi các hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, việc phân loại, ghi nhận, lưu trữ, quản lý các tài sản trí tuệ đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện qua hồ

sơ giấy và dữ liệu điện tử; các kết quả nghiên cứu của các đề tài nghiên cứu được lưu trữ để quản lý, theo dõi các kết quả nghiên cứu và kết quả chuyển giao công nghệ tại Phòng Khoa học Công nghệ. Việc chuyển giao/ thương mại hóa các kết quả nghiên cứu được thực hiện phối hợp giữa Phòng Khoa học Công nghệ, Phòng Quan hệ Đối ngoại và Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ [H19.02.03], [H19.02.04], [H19.02.05].

Ngoài ra, để tăng cường hoạt động quản trị tài sản trí tuệ, bên cạnh việc đưa ra Quy chế Quản trị tài sản trí tuệ và Quy định về đạo đức trong nghiên cứu khoa học, nhà trường còn đưa vào sử dụng phần mềm Turnitin phục vụ công tác chống đạo văn trong nghiên cứu khoa học, giao Phòng Khoa học Công nghệ quản lý và kiểm soát việc sử dụng phần mềm.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 19.3: Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện

Công tác sơ kết, tổng kết các hoạt động quản lý khoa học, trong đó có hoạt động về quản lý tài sản trí tuệ, được nhà trường thực hiện thường xuyên và theo định kỳ nhằm đánh giá các thành tựu và các hạn chế [H19.03.01].

Cuối năm 2018, nhà trường đã thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá hiệu quả triển khai quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong toàn trường. Kết quả khảo sát các bên liên quan thu được như sau: trên 90% người được khảo sát đồng ý với tầm quan trọng của công tác quản trị tài sản trí tuệ trong trường; trên 80% người được khảo sát rất hài lòng và hài lòng về các khóa tập huấn sở hữu trí tuệ cho sinh viên; trên 80% người được khảo sát rất hài lòng và hài lòng về tư vấn, hỗ trợ giải đáp thắc mắc về quyền sở hữu trí tuệ; trên 95% người được khảo sát hoàn toàn đồng ý và đồng ý về quy chế quản trị tài sản trí tuệ của trường [H19.03.02]. Sau khi có kết quả khảo sát, nhà trường tiếp tục thực hiện nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy chế quản trị tài sản trí tuệ, lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan và đã ban hành văn bản quy chế mới thay thế từ tháng 3/2022, theo đó Quy chế mới đã cập nhật các quy định mới của pháp luật sở hữu trí tuệ và quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan và quy trình quản trị tài sản trí tuệ trong nhà trường.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 19.4: Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng

Công tác quản lý tài sản trí tuệ cũng như các hoạt động khác của Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ được cụ thể hóa trong kế hoạch công tác hằng năm của phòng. Tất cả các kế hoạch này đều được lập chi tiết và được Ban giám hiệu phê duyệt trước khi triển khai thực hiện [H19.04.01].

Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của trường được ban hành năm 2016, sau khi được đưa vào thực hiện đã được rà soát, đánh giá hiệu quả và tiến hành nghiên cứu sửa đổi, bổ sung thay thế bằng quy chế quản trị tài sản trí tuệ mới được ban hành vào tháng 3/2022. Đây là cơ sở pháp lý để nhà trường triển khai thực hiện các hoạt động quản trị tài sản trí tuệ một cách thống nhất và hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh tự chủ đại học trong thời gian tới [H19.04.02].

Tùy vào tình hình thực tế của trường cũng như sự thay đổi của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ, các văn bản quản lý nội bộ của nhà trường cũng như các quy trình, biểu mẫu liên quan đến hoạt động quản trị tài sản trí tuệ sẽ được đề xuất xem xét, rà soát, sửa đổi, bổ sung.

Nhằm nâng cao chất lượng hỗ trợ thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nhà trường, Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ cũng đã được giao thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường “Xây dựng quy trình nghiệp vụ và biểu mẫu hướng dẫn đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp tại trường” [H19.04.03].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 4/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 19

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có đơn vị chuyên trách và có đội ngũ nhân sự có chuyên môn về công tác quản trị tài sản trí tuệ.
- Có quy định nội bộ về quản trị tài sản trí tuệ.
- Hoạt động hỗ trợ, hướng dẫn thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được triển khai thực hiện, góp phần bảo vệ quyền sở hữu đối với các tài sản trí tuệ mà nhà trường là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu.
- Có kế hoạch rà soát, đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động quản trị tài sản trí tuệ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Đa số tài sản trí tuệ của trường được hình thành dưới dạng sản phẩm khoa học thuộc nhóm quyền tác giả, không cần thiết phải đăng ký bảo hộ. Tài sản trí tuệ về quyền sở hữu công nghiệp, chuyển giao công nghệ hoặc thương mại hóa còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Phát triển và xây dựng đội ngũ nhân sự có chuyên môn về công tác quản trị tài sản trí tuệ.	P.TTPC-SHTT	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật, bổ sung quy định về quản trị tài sản trí tuệ.	P.TTPC-SHTT	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được triển khai thực hiện, góp phần bảo vệ quyền sở hữu đối với các tài sản trí tuệ mà nhà trường là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu.	P.TTPC-SHTT	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động quản trị tài sản trí tuệ.	P.TTPC-SHTT	Hàng năm
5	Khắc phục tồn tại	Thành lập đơn vị hỗ trợ đăng ký kết quả sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ khoa học kỹ thuật và chuyển giao kết quả nghiên cứu	P.KHCN; các khoa	2023
6	Khắc phục tồn tại	Tìm kiếm thông tin thị trường và nguồn vốn, nguồn quỹ đầu tư cho các hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ, khởi nghiệp đến các nhà khoa học, các nhóm nghiên cứu.	P.KHCN; P.QHDN; các khoa	Hàng năm
7	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và hoàn thiện quy chế, quy trình chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý tài sản trí tuệ của trường	P.KHCN; P.QHDN; các khoa	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 19.1	4
Tiêu chí 19.2	4
Tiêu chí 19.3	4
Tiêu chí 19.4	4
Tiêu chuẩn 19	4,00

Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 20.1: Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu

Trong giai đoạn 2017-2021, nhà trường bám sát mục tiêu chung trong KHCL 2016-2020 là tăng cường hợp tác quốc tế để hội nhập, nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ và gia tăng nguồn lực tài chính; tăng cường công tác truyền thông, kết nối hiệu quả cựu giáo chức, cựu sinh viên, doanh nghiệp [H20.01.01].

Trên cơ sở những văn bản quản lý, điều hành của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực quan hệ quốc tế, nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy trình kiểm soát hoạt động đối ngoại tại trường, bao gồm: Quy trình phối hợp giữa các đơn vị trong và ngoài trường đảm bảo an ninh, chính trị trong công tác đối ngoại; quy trình theo dõi, kiểm tra tiến độ và đánh giá dự án; quy trình tổ chức tiếp đón các đoàn khách nước ngoài đến làm việc tại trường; quy định về việc quản lý viên chức - người lao động của trường đi công tác nước ngoài. Các thông tin về kế hoạch hợp tác quốc tế, thông tin về hoạt động hợp tác đối ngoại với các đối tác trong và ngoài nước được đưa lên cổng thông tin điện tử của trường. Các hoạt động hợp tác quốc tế của trường đều được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về hợp tác quốc tế [H20.01.02], [H20.01.03].

Phòng Quan hệ đối ngoại có nhiệm vụ thiết lập các mối quan hệ, tổ chức thực hiện, quản lý các hoạt động hợp tác với các tổ chức, cơ quan trong và ngoài nước theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ và của ĐHQG-HCM. Phòng Quan hệ đối ngoại phối hợp cùng Phòng Khoa học Công nghệ tham mưu lãnh đạo trường trong việc thiết lập và duy trì các mối quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, dự án trong nước và quốc tế; quản lý, thống kê, đánh giá việc thực hiện các ký kết và cũng là đầu mối kết nối giữa nhà trường với các khoa, giữa trường và các ban thuộc ĐHQG-HCM, giữa trường với các đối tác quốc tế và đối tác trong nước. Quy tắc làm việc theo chiều dọc từ cấp trường đến cấp ĐHQG-HCM, giúp cho các đầu việc được triển khai thực hiện dễ dàng và thống nhất từ ĐHQG-HCM đến trường và đến các đơn vị liên quan trong trường. Các hoạt động hợp tác quốc tế của trường được triển khai theo các kế hoạch quan hệ đối ngoại được xây dựng hằng năm. Đối với các hoạt động quốc tế, nhà trường luôn trong trạng thái sẵn sàng để tiếp đón các đoàn khách nước ngoài đến giao lưu, trao đổi hợp tác, từ đó xây dựng mối quan hệ thông qua ký kết bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác và triển khai các nội dung hợp tác thông qua các hoạt động như chương trình trao đổi sinh viên, giảng viên, tiếp nhận học bổng từ các đối tác nước ngoài, thực hiện các chương trình liên kết đào tạo, hỗ trợ tổ chức hội nghị/hội thảo quốc tế. Ngoài các mối quan hệ hợp tác của trường còn có các mối quan hệ hợp tác với đối tác từ cấp ĐHQG-HCM cũng được trường tham gia [H20.01.04], [H20.01.05], [H20.01.06], [H20.01.07], [H20.01.08], [H20.01.09], [H20.01.10], [H20.01.11], [H20.01.12].

- *Điểm tự đánh giá cho tiêu chí:* 5/7.

Tiêu chí 20.2: Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu

Trong giai đoạn 2017-2021, nhà trường cũng đã tích cực tổ chức và tham gia các chương trình giao lưu văn hóa như: Chương trình Trại hè Sinh viên ASEAN (nhà trường là đơn vị tổ chức năm 2017 và là thành viên tham gia vào các năm 2018 tại Thái Lan và năm 2019 tại Lào), chương trình trao đổi sinh viên POSTECH Summer Program, NCU Summer Short-term Program, PNU Creation & Works Oversea Volentears' Work Program, Sakura Exchange Program in Science. Đối với các hoạt động trong nước, nhà trường chú trọng hợp tác đào tạo với các đối tác tại các địa phương, cụ thể là các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như An Giang, Vĩnh Long,... Từ năm 2016 đến nay, trường đã tổ chức 3 đợt tập huấn giáo viên THCS-THPT tại các tỉnh với tổng số lượng giáo viên tham gia hơn 2300 người [H20.02.01], [H20.02.02], [H20.02.03], [H20.02.04].

Bảng 20.2.1. Thống kê các hoạt động hợp tác quốc tế giai đoạn 2017-2021

Hoạt động	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Đoàn ra	93	96	93	18	(*)
Đoàn vào	59	57	73	6	(*)
MoU/MoA	35	50	33	26	29
SV NN đến trao đổi	1	15	24	(*)	(*)
GV, CG NN đến trường	9	61	58	23	(*)
Hội nghị, hội thảo	9	17	11	2	(*)
Dự án	3	6	4	4	1
Học bổng	37	36	16	12	(*)
Chương trình liên kết	5	5	9	9	(*)

Bảng 20.2.2. Thống kê các hoạt động hợp tác địa phương, đối tác trong nước giai đoạn 2017-2021

Hoạt động	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Dự án	45	41	51	60	(*)
Chương trình địa phương	1	1	1	(*)	(*)
Hội nghị, hội thảo	1	10	4	2	(*)

(*) Trong các năm 2020-2021, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh COVID-19 nên nhiều hoạt động hợp tác không thực hiện được.

Về các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, nhà trường hiện có 9 chương trình liên kết đào tạo ở bậc thạc sĩ và cử nhân, được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 20.2.3. Danh sách các chương trình đào tạo liên kết của trường

TT	Tên chương trình đào tạo	Đối tác liên kết đào tạo	Quốc gia
1	Cử nhân bằng đôi ngành Hóa học	Đại học Le Mans	Cộng hòa Pháp
2	Cử nhân Khoa học Quản lý (chuyên ngành Kinh doanh quốc tế)	Đại học Keuka	Hoa Kỳ
3	Cử nhân Công nghệ Thông tin (chuyên ngành Khoa học Dịch vụ)	Đại học Công nghệ Auckland	New Zealand
4	Cử nhân Công nghệ Thông tin	Đại học Claude Bernard Lyon I	Cộng hòa Pháp
5	Thạc sĩ Toán Ứng dụng	Đại học Tours, Đại học Orleans, Đại học Paris 13, Đại học Rennes 1	Cộng hòa Pháp
6	Thạc sĩ Ứng dụng Thương mại trong Khoa học thực nghiệm	Đại học Grenoble Alpes	Cộng hòa Pháp
7	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Viện Khoa học và Công nghệ cấp cao	Nhật Bản
8	Thạc sĩ Hệ thống thông tin	Đại học Claude Bernard Lyon I	Cộng hòa Pháp
9	Thạc sĩ Khoa học vật liệu	Viện Khoa học và Công nghệ cấp cao	Nhật Bản

Trường chủ động chọn lọc các đối tác có mối quan hệ chất lượng, thường xuyên tương tác để thúc đẩy các hợp tác sâu rộng và lâu dài hơn. Một số đối tác sau khi ký kết bản ghi nhớ, có tiếp tục triển khai ký thỏa thuận và cụ thể hơn là hợp đồng hợp tác trong một số lĩnh vực cụ thể như đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ,... [H20.02.05] Chủ động thống kê các hợp tác triển khai hiệu quả nhằm tăng cường mở rộng lĩnh vực hợp tác hoặc tiếp tục gia hạn hợp tác với những đối tác chất lượng, chuyên nghiệp [H20.02.06], [H20.02.07].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 20.3: Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện

Rà soát tính hiệu quả trong hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học được xem là một trong những nội dung quan trọng của mảng công tác quan hệ đối ngoại của trường. Hệ thống quy trình rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được nhà

trường phân công theo dõi và giám sát theo chức năng và nhiệm vụ như sau: Phòng Quan hệ đối ngoại chịu trách nhiệm quản lý, phát triển, tổ chức thực hiện và rà soát tính hiệu quả của các hoạt động hợp tác quốc tế của trường, Phòng Khoa học Công nghệ chịu trách nhiệm quản lý và rà soát tính hiệu quả của các đề tài nghiên cứu chung với các đối tác trong nước và quốc tế [H20.02.06].

Với các MOU, nhà trường có hệ thống rà soát tính hiệu quả và tính khả thi trước khi thực hiện ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác. Một số MOU chỉ được tiến hành ký kết sau khi đã có các hoạt động triển khai chung sau rà soát để đạt được hiệu quả từ những hoạt động hợp tác, phát triển đối tác, nhằm gia tăng được các mối quan hệ hợp tác và đối tác xứng tầm với vị thế của nhà trường [H20.03.01].

Hàng năm, nhà trường đều thực hiện hoạt động khảo sát các bên liên quan, bao gồm thu thập thông tin và tiếp nhận phản hồi từ các đối tác học thuật và nhà tuyển dụng để rà soát, nhằm cải tiến và nâng cao hoạt động hợp tác của trường. Việc thu thập các thông tin phản hồi trên góp phần đáng kể trong việc giữ vững vị trí của ĐHQG-HCM (mà Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là một trong những thành viên chủ lực) trong các bảng xếp hạng quốc tế như QS, THE,... [H20.03.02]

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 20.4: Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu

Trong những năm gần đây, hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học của trường được mở rộng và đạt nhiều thành tựu. Các dự án, đề tài, chương trình hợp tác nghiên cứu với đối tác trong nước và nước ngoài đều được triển khai theo đúng tiến độ đặt ra nhờ những điều chỉnh phù hợp trong quá trình thực hiện. Với sự hợp tác ngày càng mở rộng trong nghiên cứu, nhiều bài báo công bố chung của viên chức nhà trường và các đối tác trong và ngoài nước đã được xuất bản [H20.04.01].

Nhà trường đặc biệt quan tâm khuyến khích việc hợp tác với các doanh nghiệp không chỉ trong lĩnh vực đào tạo, thực tập cho sinh viên mà còn trong nghiên cứu. Trong vài năm gần đây, nhà trường đã ký kết với một số doanh nghiệp với nội dung hợp tác trong nghiên cứu như: ký kết với Trung tâm Năng lượng mới và tái tạo, Đại học Quốc gia Jeonbuk- Hàn Quốc về việc trao đổi cán bộ nghiên cứu; thúc đẩy các dự án nghiên cứu chung và tổ chức các hội thảo chuyên đề về năng lượng mới và năng lượng tái tạo; ký kết hợp tác với Công ty Vàng bạc Trang sức Đá quý Hải Anh về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ địa chất bao gồm phân tích mẫu địa chất và kiểm định kim cương, vàng bạc, đá quý; ký kết với Bệnh viện Ung bướu Tp. Cần Thơ về việc phối hợp thực hiện đề tài nghiên cứu các cấp về Vật lý Y khoa và Khoa học sức khỏe, tiếp nhận sinh viên, học viên chuyên ngành Vật lý Hạt nhân, Vật lý Y khoa của trường đến thực tập và làm khóa luận; ký kết với công ty Design Farmers (Hàn Quốc) về việc thúc đẩy các dự án nghiên cứu chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp; ký kết với Tập đoàn Vingroup về việc tài trợ các dự án nghiên cứu khoa học - công nghệ; trao đổi học hỏi kinh nghiệm giữa các giáo sư, nhà nghiên cứu, sinh viên; giảng dạy và chia sẻ tri thức; tiếp nhận sinh

viên tốt nghiệp các ngành công nghệ thông tin [H20.04.02], [H20.04.03]. Đặc biệt, với sự ra đời của Câu lạc bộ Khoa học Tự nhiên đã thúc đẩy các hợp tác liên ngành trong nghiên cứu, giúp kết nối các nhà khoa học ở các lĩnh vực khác nhau trong trường cũng như kết nối giữa các nhà khoa học và các doanh nghiệp trong việc nâng cao hoạt động nghiên cứu, tạo ra nhiều sản phẩm khoa học có giá trị [H20.04.04].



Hình 20.4.1. Một số hình ảnh về hoạt động đối ngoại của trường

- *Điểm tự đánh giá cho tiêu chí:* 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 20

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của trường.

- Có các chính sách và quy trình triển khai thực hiện các thỏa thuận hợp tác để thúc đẩy mạng lưới và quan hệ đối ngoại.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chưa chủ động trong việc tìm kiếm các đối tác hợp tác quốc tế nói chung và các đối tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học nói riêng.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh quảng bá thông tin, phát triển truyền thông; xây dựng danh sách các đối tác chiến lược, đối tác có cùng lĩnh vực nghiên cứu, hợp tác cả trong và ngoài nước; chủ động thực hiện các hoạt động chung nhằm thu hút đối tác tham gia và gây ấn tượng với các đối tác mới để mở rộng quan hệ, mạng lưới đối tác.	P.QHDN	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Chú trọng mở rộng quan hệ đối ngoại thông qua việc ký kết các văn bản hợp tác; theo dõi quá trình và đánh giá hiệu quả việc thực hiện các nội dung đã ký kết để phát triển hoặc cải thiện quan hệ hợp tác.	P.QHDN	Hàng năm
3	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu mở rộng các đối tác hợp tác quốc tế, đặc biệt là đối tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học	P.KHCN; P.QHDN; các khoa	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 20.1	5
Tiêu chí 20.2	5
Tiêu chí 20.3	5
Tiêu chí 20.4	5
Tiêu chuẩn 20	5,00

Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1: Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục

Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được nhà trường khẳng định trong tầm nhìn, sứ mạng, định hướng, kế hoạch chiến lược của trường, như: tuyển sinh đảm bảo quy mô, chất lượng đào tạo các ngành học, bậc học, đổi mới phương pháp dạy học theo học chế tín chỉ, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực thực thi công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Nhằm chủ động trong hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, nhà trường đã ban hành quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng tại trường [H21.01.01]. Qua đó, Ban giám hiệu chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các hoạt động và đảm bảo các điều kiện nhằm phát huy vai trò của tổ chức, đoàn thể trong việc triển khai thực hiện hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của trường; các phòng chức năng, căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ, tham mưu cho Ban Giám hiệu và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo và phương thức đào tạo; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác trong nước, quốc tế; cung cấp thông tin về ngành học, chương trình đào tạo của trường đến các bên liên quan; tổ chức tư vấn tâm lý, việc làm và các kỹ năng cần thiết để người học có nhiều cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức cho người học đi trải nghiệm tại tổ chức, doanh nghiệp; kết nối với mạng lưới nhà tuyển dụng, định hướng nghề nghiệp và cung cấp thông tin phù hợp về người học cho nhà tuyển dụng; các khoa chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của đơn vị dựa trên kế hoạch chung của trường và phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của khoa; các tổ chức đoàn thể phối hợp với các đơn vị trong trường phát động, tổ chức các hoạt động tình nguyện và từ thiện; các hoạt động giao lưu, hợp tác, trao đổi kinh nghiệm giữa nhà trường với các bên liên quan.

Các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng được Phòng Thông tin Truyền thông phụ trách thực hiện triển khai thường xuyên và đạt kết quả cao như: tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, tuyển sinh, tổ chức các ngày hội sinh viên với doanh nghiệp và nhà tuyển dụng, tham gia các cuộc thi học thuật trong nước và quốc tế [H21.01.02], [H21.01.03], [H21.01.04], [H21.01.05], [H21.01.06].

Trong các hoạt động phong trào, Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên tổ chức các sân chơi, hoạt động cộng đồng cho sinh viên, nhà trường cũng chủ động kết nối với nhiều đối tác tổ chức các hoạt động như triển khai nhiều hoạt động phục vụ cộng đồng, tổ chức chương trình mùa hè xanh; tổ chức chương trình xuân tình nguyện; tổ chức chương trình hiến máu nhân đạo; tổ chức hoạt động hưởng ứng giờ trái đất; tổ chức chương trình tiếp sức mùa thi; tổ chức chương trình xây dựng nhà tình nghĩa,... [H21.01.07] Ngoài ra, Công đoàn trường cũng triển khai các hoạt động phong trào, hội thi, hội thao cho công đoàn viên; tổ chức tham quan nghỉ mát cho công đoàn viên; cùng nhiều chương trình cụ thể khác (ủng hộ đồng bào bị thiên tai - lũ lụt, ủng hộ công đoàn viên khó khăn,...) [H21.01.08].

- *Điểm tự đánh giá cho tiêu chí:* 5/7.

Tiêu chí 21.2: Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện

Các hoạt động thu - chi, việc phân bổ các nguồn thu từ các hoạt động liên kết với các đối tác, các chính sách cho hoạt động Đoàn TNCS-HCM, Hội Sinh viên, Công đoàn,... được quy định chặt chẽ trong quy chế chi tiêu nội bộ của trường [H21.02.01]. Qua đó, các đơn vị chủ động hơn trong việc tìm kiếm đối tác, mở rộng các dịch vụ đào tạo, lĩnh vực hoạt động, công tác tuyển sinh, đào tạo chuyên môn phục vụ cộng đồng và đáp ứng nhu cầu xã hội. Một phần kinh phí từ nguồn thu trong các dịch vụ đào tạo, các hợp đồng liên kết, hợp tác được nhà trường sử dụng vào việc cấp học bổng, khuyến khích các sinh viên có thành tích học tập tốt, hỗ trợ các sinh viên khó khăn, đào tạo kỹ năng mềm, các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học và chi tổ chức các hoạt động Đoàn-Hội trong trường.

Nhằm mục tiêu giúp các kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng được triển khai đúng tiến độ, đi vào chiều sâu và đạt được hiệu quả, nhà trường ban hành các chính sách và hướng dẫn triển khai các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, cụ thể:

- *Đối với viên chức và người lao động:* Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích viên chức - người lao động tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ để phục vụ cộng đồng; có chính sách về kinh phí, các quy chế quy định và các hướng dẫn liên quan đến các hoạt động nghiên cứu khoa học; có chính sách khen thưởng những cán bộ viên chức - người lao động đạt thành tích cao trong nghiên cứu khoa học cơ bản cũng như nghiên cứu các nội dung có tính ứng dụng cao để phục vụ cộng đồng. Trường chú trọng, tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí để cán bộ viên chức, người lao động và người học tham gia hoạt động giao lưu, công tác trong và ngoài nước. Mặt khác, nhà trường cũng xây dựng các chính sách và triển khai các chương trình hợp tác đào tạo với các đối tác là các doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục quốc tế, tăng cường các chương trình trao đổi sinh viên. Nhiều MOU được ký kết giữa trường với các đối tác ngoài trường trong nước và quốc tế.

- *Đối với sinh viên:* Nhiều chính sách và hướng dẫn triển khai các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện như: chính sách học bổng, chính sách khen thưởng sinh viên tham gia các hoạt động cộng đồng (sinh viên nghiên cứu khoa học, giải thưởng Eureka; mùa hè xanh; xuân tình nguyện; hiến máu nhân đạo; giao lưu quốc tế; ...). Bên cạnh đó, Trung tâm hỗ trợ sinh viên cũng ban hành các quy trình, các hướng dẫn và các biểu mẫu kèm theo nhằm hỗ trợ sinh viên trong việc giới thiệu nhà trọ, kết nối giữa người cho thuê nhà và sinh viên, hướng dẫn ký kết hợp đồng lao động với doanh nghiệp; Đoàn TNCS-HCM kết hợp với Phòng Khoa học Công nghệ ban hành quy trình quản lý đề tài nghiên cứu khoa học trong sinh viên, tạo điều kiện thuận tiện cho sinh viên thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và theo dõi, quản lý quá trình thực hiện đề tài của sinh viên [H21.01.07].

Đặc biệt, ngày hội sinh viên với doanh nghiệp được tổ chức hằng năm nhằm giúp

nhà trường gắn kết với các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng, giúp tạo việc làm cho sinh viên và định hướng đào tạo theo thực tế sản xuất, gắn liền với phục vụ cộng đồng. Các thông tin về ngày hội việc làm cũng được cập nhật liên tục trên website của Trung tâm hỗ trợ sinh viên [H21.02.02], [H21.02.03].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 21.3: Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng

Bên cạnh việc ban hành, thực thi các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, nhà trường cũng đã triển khai được hệ thống đo lường, giám sát hoạt động này, giúp công tác kết nối và phục vụ cộng đồng được thực sự đi vào chiều sâu, hoạt động có hệ thống đồng thời đánh giá được hiệu quả mang lại cho cả nhà trường và cộng đồng. Các chỉ số, chỉ báo cụ thể như số lượng các hoạt động, số người tham gia, kinh phí thực hiện, thời gian tham gia,... đều được thể hiện trong kế hoạch hoạt động phục vụ cộng đồng. Các kết quả tiêu biểu trong công tác kết nối và phục vụ cộng đồng trong giai đoạn 2017-2021 là: Tổ chức giao lưu, thảo luận với đại biểu tàu thanh niên Đông Nam Á (SSEAYP) 2019 về chủ đề: Môi trường và Sự bền vững [H21.03.01]; tham gia và dành chức vô địch kỳ thi lập trình sinh viên quốc tế (ICPC) khu vực Châu Á 2021, tiếp tục khẳng định đẳng cấp quốc tế của trường (3 năm liên tiếp có đội tuyển giành quyền vào chung kết quốc tế ICPC) [H21.03.02]; tham gia và giành ngôi vị quán quân tại cuộc thi “AIoT Developer InnoWorks 2021”. Đây là cuộc thi nhằm mang tới các giải pháp công nghệ ứng dụng vào cuộc sống thực tiễn [H21.03.03]; tham gia và giành giải vô địch cuộc thi Sinh viên với An toàn thông tin ASEAN 2020 (ASCIS 2020) do Hiệp hội An toàn Thông tin Việt Nam - VNISA tổ chức [H21.03.04]; tổ chức và duy trì hàng năm Ngày hội sinh viên và doanh nghiệp, giúp sinh viên có điều kiện tìm hiểu thông tin và cọ xát thực tế, tạo điều kiện cho trường thúc đẩy quá trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và phục vụ cho sự phát triển của đất nước. Đồng thời giúp các doanh nghiệp quảng bá thương hiệu và tuyển dụng nhân sự có chất lượng do nhà trường đào tạo; tổ chức thường niên chương trình giao lưu, trao đổi sinh viên với Osaka Prefecture University. Đây là hoạt động thường niên được diễn ra từ năm 2012 đến nay, nằm trong khuôn khổ hợp tác giữa Osaka Prefecture University với nhà trường [H21.03.05]; thường xuyên tổ chức khóa tập huấn “Giáo dục STEM kết nối cộng đồng”. Đây là chương trình hợp tác giữa trường ĐH Khoa học Tự nhiên và ĐH Dublin - Ireland năm 2018, chương trình VIBE, được tài trợ bởi quỹ Irish Aid [H21.03.06].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 21.4: Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Các hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của trường bao gồm các hoạt động thiện nguyện, tình nguyện thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội cũng như các hoạt động mang tính chuyên môn. Hằng năm, nhà trường đưa ra kế hoạch phục vụ và kết nối cộng đồng thông qua kế hoạch, chương trình công tác năm học gắn liền với nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Căn cứ kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng qua các năm, các đơn vị chức năng và các đơn vị chuyên môn có các đề xuất cải tiến thông qua các buổi họp giao ban hằng tháng của trường nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Ngoài ra, các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng cũng được cải tiến thông qua các ý kiến góp ý của người học từ hoạt động “Gặp gỡ đối thoại với sinh viên” được tổ chức hằng năm và hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động của trường do Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện hằng năm [H21.04.01], [H21.04.02]. Có thể nói tất cả các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của trường được người thụ hưởng đánh giá cao, tất cả các phản hồi đều được tổng hợp thông qua các trang mạng xã hội, các báo cáo khảo sát, tổng hợp để điều chỉnh cải tiến, nhằm mang lại sự hài lòng của cộng đồng đối với chất lượng phục vụ của nhà trường.



Hình 21.4.1. Một số hình ảnh về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của trường

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 21

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có các kế hoạch và chủ động thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của trường.

- Có các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Đặc biệt, ngày hội sinh viên với doanh nghiệp được tổ chức hằng năm giúp nhà trường gắn kết với các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng, giúp tạo việc làm cho sinh viên và định hướng đào tạo theo thực tế sản xuất, gắn liền với phục vụ cộng đồng.

- Hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng được triển khai và thực hiện hằng năm.

- Các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được gắn liền với kế hoạch từng năm học nên được cải tiến thường xuyên, đáp ứng tốt nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chưa có nhiều hoạt động giới thiệu, quảng bá hình ảnh nhà trường.

- Các chương trình giao lưu văn hóa quốc tế còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lập kế hoạch hằng năm và chủ động thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của trường.	Các đơn vị	Hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cải tiến hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, giúp nhà trường gắn kết với các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng, giúp tạo việc làm cho sinh viên và định hướng đào tạo theo thực tế sản xuất, gắn liền với phục vụ cộng đồng.	Các đơn vị	Hằng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng cơ chế giám sát, thực hiện và báo cáo hiệu quả việc kết nối và phục vụ cộng đồng hằng năm.	Các đơn vị	Hằng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
4	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường và cải tiến các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng, gắn liền với kế hoạch từng năm học, đáp ứng tốt nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	Các đơn vị	Hàng năm
5	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh hoạt động giới thiệu, quảng bá hình ảnh nhà trường	P.TTTT; P.QHDN; các khoa	Hàng năm
6	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các hoạt động giao lưu văn hóa quốc tế	P.KHCN; P.QHDN; các khoa	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 21.1	5
Tiêu chí 21.2	5
Tiêu chí 21.3	5
Tiêu chí 21.4	5
Tiêu chuẩn 21	5,00

Mục 4.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

Tiêu chí 22.1: Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Việc xác lập, giám sát hoạt động đào tạo được thể hiện thông qua các quy trình quản lý đào tạo và các kế hoạch giảng dạy và học tập theo từng năm học [H22.01.01], [H22.01.02]. Hằng năm, nhà trường thực hiện thống kê số lượng sinh viên đầu vào, sinh viên tốt nghiệp và thôi học của mỗi khóa, từ đó phân tích dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn (không tính thời gian được kéo dài), tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo. Trường cũng có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo; tỷ lệ học lại các môn học/học phần để có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp nhằm tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học, học lại môn học cho tất cả các chương trình đào tạo [H22.01.03], [H22.01.04].

Trong mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo thực hiện xét thôi học và cảnh cáo học vụ theo quy định của Bộ GD&ĐT [H22.01.05], [H22.01.06]. Việc thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học và dự đoán được xu thế tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học ở các năm trong cùng một chương trình đào tạo; giữa các chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục cũng được nhà trường triển khai và thực hiện.

Bảng 22.1.1. Bảng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp theo từng khóa

Năm nhập học	Số lượng sinh viên nhập học	Số lượng sinh viên tốt nghiệp	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)	Ghi chú
2014	3165	1990	62,88	
2015	3213	1829	56,92	
2016	2370	1261	53,21	
2017	3285	820	24,96	Tốt nghiệp đúng hạn
2018	3094	26	0,84	Tốt nghiệp sớm
2019	3637	-	-	Đang đào tạo
2020	3833	-	-	Đang đào tạo
2021	3653	-	-	Đang đào tạo

Tính đến năm 2021 (thời điểm thu thập dữ liệu), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trên số lượng sinh viên đầu vào của các khóa tính tối đa đến học kỳ thứ 14 (đầu vào 2010)

khá cao. Bên cạnh đó, vẫn còn tỷ lệ sinh viên không tốt nghiệp (do thôi học hoặc lý do khác). Để hạn chế tỷ lệ này, trường cũng đã có biện pháp thông báo, nhắc nhở sinh viên về tiến độ học tập ở mỗi học kỳ, đồng thời tạo điều kiện để sinh viên có thể hoàn thành khóa học thông qua việc giải quyết cho học lại, chuyển chương trình đào tạo hay gia hạn thời gian học đối với những sinh viên thôi học, có năng lực học tập yếu. Đối với chương trình đào tạo sau đại học, học viên sau đại học không tốt nghiệp đúng hạn hoặc bỏ học cũng do nhiều nguyên nhân, như: do điều kiện công tác và sinh hoạt cá nhân; do chưa đáp ứng điều kiện tốt nghiệp của chương trình đào tạo (không hoàn thành môn ngoại ngữ, không hoàn thành luận văn); do học viên nhận được học bổng học ở nước ngoài. Hiện tại nhà trường chưa thực hiện khảo sát chính xác lý do thôi học của người học sau đại học. Trong thời gian tới sẽ tiến hành khảo sát dữ liệu chính thức nhằm xây dựng giải pháp tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người học.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 22.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của trường, tùy thuộc vào từng chương trình đào tạo, thời gian đào tạo một khóa học thuộc trình độ đại học được thực hiện trong bốn năm học; đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học được thực hiện từ một năm rưỡi đến hai năm học; đào tạo liên thông, văn bằng 2 được xác định trên cơ sở học phần và khối lượng tích lũy quy định cho từng chương trình. Tổng số tín chỉ trong một khóa học được ghi rõ trong chương trình đào tạo; khối lượng và nội dung kiến thức của khóa học được quy định cụ thể cho từng năm học, từng học kỳ trong chương trình. Tùy theo khả năng học tập, sinh viên có thể rút ngắn (tối đa một năm học) hoặc kéo dài (tối đa hai năm học) thời gian học theo kế hoạch học tập. Quá thời gian tối đa của khóa học, sinh viên sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên của trường [H22.02.01], [H22.02.02].

Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ, theo Quy chế đào tạo thạc sĩ, thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ từ một đến hai năm tùy thuộc vào khối lượng kiến thức tích lũy ở bậc đại học. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo không vượt quá 48 tháng [H22.02.03].

Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ, theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ, thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định nhập học) được thực hiện trong 04 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học và 03 năm học đối với người có bằng thạc sĩ [H22.02.04].

Việc xác lập, giám sát hoạt động đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ cũng được xây dựng thông qua kế hoạch học tập của từng khóa tuyển sinh sau đại học [H22.02.05].

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học để có biện pháp cải tiến chất lượng cũng như điều chỉnh chuẩn đầu ra cho phù hợp để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo.

Bảng 22.2.1. Bảng số liệu về thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa đã tốt nghiệp, giai đoạn 2017-2021

(Đơn vị tính: Năm)

Tên ngành	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Công nghệ kỹ thuật hóa học				4	4,3
Công nghệ kỹ thuật môi trường	4,2	4,3	4,4	4,5	4,8
Công nghệ sinh học	4,2	4,1	4,2	4,5	4,3
Công nghệ thông tin	4,4	4,4	4,7	4,7	4,5
Địa chất học	4,4	4,3	4,6	5	6,1
Hải dương học	4,1	4,6	4,8	5,2	5,8
Hệ thống thông tin	4,2	4,4	4,8	5	4,2
Hóa học	4,1	4,2	4,3	4,6	4,4
Khoa học máy tính	4,1	4,5	4,5	4,6	4,4
Khoa học môi trường	4,1	4,2	4,3	4,5	4,9
Khoa học vật liệu	4,2	4,4	4,4	4,4	4,5
Kỹ thuật điện tử - viễn thông	4,4	4,5	4,5	4,9	4,8
Kỹ thuật hạt nhân	4,1	4,2	4,5	4,2	4,6
Kỹ thuật phần mềm	4,1	4,3	4,5	4,5	4,6
Sinh học	4,1	4,3	4,4	4,5	4,7
Toán học	4,3	4,4	4,6	4,8	5,1
Vật lý học	4,2	4,5	4,8	4,9	4,9

Bảng 22.2.2. Bảng tỷ lệ tốt nghiệp theo năm học

Năm học	Tốt nghiệp đúng hạn tốt nghiệp sớm	Tốt nghiệp trễ hạn tối đa 1 năm	Tốt nghiệp trễ hạn trên 1 năm
2017-2018	91,76%	5,64%	2,60%
2018-2019	84,42%	13,05%	2,53%
2019-2020	69,16%	21,75%	9,09%
2020-2021	69,06%	19,66%	11,28%
2021-2022	80,04%	9,13%	10,83%

Bảng trên biểu thị tỷ lệ tốt nghiệp trên tổng số sinh viên tốt nghiệp của mỗi năm. Năm 2021 vẫn đang trong thời gian học (tính đến thời điểm thu thập dữ liệu) nên dữ liệu chưa đủ để cung cấp giá trị chính xác. Thời gian tốt nghiệp trung bình dự kiến cho

các ngành của trường là 4 năm (8 học kỳ), tối đa đến học kỳ thứ 14. Nhìn chung, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn khá cao, trên 80%.

Nhằm thực hiện kế hoạch chuyển tiếp sinh viên và đón nhận sinh viên các chương trình liên kết, nhà trường còn thực hiện việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp các khóa của cùng một chương trình đào tạo, giữa các chương trình đào tạo của trường, với các chương trình đào tạo tương đồng của nước ngoài.

Hiện nay, trường tiếp tục triển khai học kỳ thứ 3 trong cùng một năm học, mở thêm lớp học trong mỗi học kỳ để tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp đúng thời gian dự kiến cũng như một số sinh viên có thành tích học tập tốt có thể đăng ký học vượt để tốt nghiệp sớm hơn [H22.02.06]. Kết quả, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn năm 2021 tăng và tỷ lệ tốt nghiệp trễ hạn giảm so với năm 2016 trước đó.

Đối với đào tạo sau đại học, dựa trên khảo sát lý do ảnh hưởng đến việc tốt nghiệp trễ hạn của người học, nhà trường đã đề xuất các giải pháp nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn như sau:

1. Thay đổi hình thức xét công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ (học viên có nhiều lựa chọn hơn: mở các đợt xét công nhận trình độ ngoại ngữ hàng quý để học viên linh động lựa chọn thời gian và lên kế hoạch thi lấy chứng chỉ) [H22.02.07].
2. Mở các lớp ôn Anh văn đầu ra dành cho học viên sau đại học [H22.02.08].
3. Phối hợp với tổ chức giáo dục IIG Việt Nam tổ chức kỳ thi tiếng Anh 2 kỹ năng nói - viết cho đối tượng là học viên sau đại học của trường (từ năm 2018) [H22.02.09].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 22.3: Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp nhằm xác định kế hoạch đào tạo cho các khóa tiếp theo của từng chương trình đào tạo, bao gồm việc mở ngành mới, tăng tỷ lệ xét tuyển, nhập học đối với ngành có nhu cầu việc làm cao hay giảm chỉ tiêu của ngành có nhu cầu việc làm thấp. Hoạt động khảo sát sinh viên tốt nghiệp được thực hiện vào tháng 10 mỗi năm cho tất cả các chương trình đào tạo đại học của trường. Dữ liệu khảo sát được tổng hợp, thống kê tỷ lệ có việc làm, tỷ lệ có việc làm phù hợp với chương trình đào tạo (đúng chuyên môn đào tạo), mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp, từ đó dự đoán tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo dựa trên phương pháp hồi quy kết quả của 2 năm trước đó. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích và gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch hằng năm. Kết quả khảo sát còn được đăng tải trên website trường (mục 'Ba công khai') và gửi báo cáo đến các phòng chức năng và các khoa để xem xét mở chương trình đào tạo, cập nhật chỉ tiêu tuyển sinh cho năm học kế tiếp [H22.03.01, H22.03.02].

Bảng dưới đây mô tả kết quả khảo sát về tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp, do Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện hằng năm [H22.03.03].

Bảng 22.3.1. Bảng thống kê tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp

Năm thực hiện khảo sát	2017	2018	2019	2020	2021
Tỷ lệ sinh viên có việc làm	87,77%	88,02%	97,83%	94,89%	94,44%

Dựa vào bảng trên, nhìn chung tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp là 92.57% (87.77%–97.83%), nhóm sinh viên chưa có việc làm đa phần là do sinh viên tiếp tục học lên các học vị cao hơn. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm có xu hướng tăng từ năm 2017 đến 2019 cho thấy chất lượng đào tạo, triển vọng nghề nghiệp và cách thức để sinh viên tìm được việc làm ngày càng được cải thiện và mở rộng hơn. Giai đoạn 2020-2021 do ảnh hưởng của đại dịch nên tỷ lệ có việc làm giảm 3% so với năm 2019. Đối với bậc sau đại học, khoảng 80% học viên đã có việc làm khi nhập học. Từ năm học 2019-2020, nhà trường cập nhật bảng khảo sát mới dành cho người học tốt nghiệp chương trình đào tạo sau đại học và triển khai lấy ý kiến người học theo hình thức trực tuyến tại thời điểm người học đăng ký bảo vệ luận văn/luận án. Kết quả khảo sát người học tốt nghiệp cho thấy người học ở bậc sau đại học có khả năng đáp ứng tốt với công việc, chỉ cần một khoảng thời gian ngắn để nắm bắt và chủ động trong công việc [H22.03.04].

Ngoài ra, Đoàn TNCS-HCM và Hội Sinh viên trường cũng như Đoàn-Hội của các khoa còn thực hiện các hội thảo hướng nghiệp, ngày hội việc làm để hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên hằng năm để nâng cao tỷ lệ có việc làm cho sinh viên. Bên cạnh đó, trường cũng thực hiện ký kết MOU với các doanh nghiệp để tăng cường mối quan hệ hợp tác đào tạo - nghiên cứu - tuyển dụng, qua đó mở rộng cơ hội có việc làm cho sinh viên.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 22.4: Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến theo quy trình và kế hoạch hằng năm của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, được công bố công khai trên website và gửi các đơn vị liên quan. Trước khi bắt đầu hoạt động khảo sát hằng năm, nhà trường gửi thông báo kế hoạch khảo sát, mục đích, yêu cầu và đối tượng thực hiện khảo sát đến tất cả các đối tượng liên quan đến hoạt động khảo sát. Đối với sinh viên tốt nghiệp, bên cạnh việc gửi email, nhà trường còn thực hiện việc gọi điện thoại trực tiếp cho sinh viên không phản hồi email để có thể nhận được nhiều phản hồi nhất từ sinh viên tốt nghiệp, làm phong phú cho kết quả khảo sát. Thông tin về số điện thoại và email của sinh viên được nhà trường thu thập ngay khi sinh viên làm thủ tục xét tốt nghiệp. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích và gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch hằng năm. Kết quả khảo sát còn được đăng tải trên website trường (mục ‘Ba công khai’) và gửi báo cáo đến các phòng chức năng và các khoa để xem xét mở chương trình đào tạo, cập nhật chỉ tiêu tuyển sinh cho năm học kế tiếp [H22.03.03].

Ngoài ra, nhà trường có hệ thống thu nhận thông tin phản ánh của giảng viên và sinh viên trong quá trình triển khai giảng dạy thông qua hệ thống email góp ý, trang fanpage của khoa, fanpage của sinh viên, đồng thời thực hiện việc đối sánh về sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học sau tốt nghiệp tất cả các khóa của tất cả các chương trình đào tạo của trường [H22.03.03].

Các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được nhà trường thực hiện thường xuyên, kịp thời khi nhận được góp ý của các bên liên quan. Hoạt động gặp gỡ và đối thoại với sinh viên cũng được nhà trường thực hiện hằng năm nhằm ghi nhận và giải đáp các thắc mắc của người học [H22.03.03].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 22

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Xây dựng được hệ thống theo dõi tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo.
- Số liệu về người học tốt nghiệp đúng hạn, trễ hạn, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được theo dõi hàng năm..
- Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp ở tất cả các chương trình đào tạo khá cao.
- Có quy trình khảo sát, thu thập ý kiến, đánh giá mức độ hài lòng từ các bên liên quan khá đầy đủ.
- Nhà trường chú trọng các giải pháp để hỗ trợ người học trong quá trình học tập, nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.
- Mức độ hài lòng của các bên liên quan về người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Tỷ lệ sinh viên thôi học còn khá cao trong giai đoạn cao điểm của dịch bệnh COVID-19, từ 2020-2021.
- Tuy tỷ lệ sinh viên có việc làm cao, nhưng tỷ lệ có việc làm đúng chuyên môn của một số ngành vẫn còn khá thấp.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Duy trì hệ thống theo dõi tỷ lệ người học đạt yêu cầu, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp (sớm hạn, đúng hạn, trễ hạn).	P.DT	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì thực hiện khảo sát việc làm và đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan để cập nhật chuẩn đầu ra cho phù hợp.	P.KT&DBCL	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa các giải pháp hỗ trợ người học góp phần nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp.	P.DT, các khoa	Hàng năm
4	Khắc phục tồn tại	Kết hợp thêm các phương pháp dạy và học hiệu quả hơn để khuyến khích, động viên người học để hạn chế số lượng sinh viên thôi học	P.DT; P.DT-SDH; các khoa	Hàng năm
5	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chương trình đào tạo theo hướng tiên tiến đáp ứng chuẩn đầu ra về nâng cao kiến thức, kỹ năng, thái độ người học, đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội	P.DT; P.DT-SDH; các khoa	Hàng năm
6	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác tư vấn tuyển sinh giúp người học chọn đúng ngành nghề yêu thích và xây dựng các bước hỗ trợ người học, nhằm giảm tỷ lệ sinh viên thôi học	P.TTTT; các khoa	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 22.1	5
Tiêu chí 22.2	5
Tiêu chí 22.3	5
Tiêu chí 22.4	5
Tiêu chuẩn 22	5,00

Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 23.1: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường quản lý chặt chẽ, rõ ràng các loại hình đề tài nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên và ĐHQG-HCM có các quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học mà đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu phải thực hiện (số lượng công trình khoa học, bài báo, tham dự hội thảo theo định mức ứng với mỗi vị trí công việc khác nhau) theo quy định hiện hành về chế độ làm việc đối với giảng viên [H23.01.01].

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát các hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu thông qua các quy định hướng dẫn, hướng đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho nghiên cứu khoa học, tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên rõ ràng, cụ thể, đảm bảo độ tin cậy. Hằng năm, các giảng viên và nghiên cứu viên thống kê kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của mình trong báo cáo tổng kết năm học. Đây là một trong những căn cứ chính để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Mức quy đổi các khối lượng nghiên cứu khoa học được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học công nghệ của trường và quy trình quản lý khối lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên [H23.01.02].

Phòng Khoa học Công nghệ và Phòng Quản trị - Thiết bị theo dõi tiến độ đầu tư các dự án phòng thí nghiệm [H23.01.03]. Phòng Khoa học Công nghệ có cơ sở dữ liệu cập nhật thường xuyên về loại hình và khối lượng nghiên cứu đạt được của từng giảng viên và cán bộ nghiên cứu [H23.01.04]. Kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học cụ thể, được công bố, công nhận hoặc nghiệm thu trong năm, bao gồm: bài báo khoa học đã được công bố; báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia, quốc tế; chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, dự án khoa học công nghệ và các sản phẩm khoa học công nghệ khác đã được nghiệm thu như sách, giáo trình, tập bài giảng phục vụ đào tạo đã được xuất bản [H23.01.05], [H23.01.06], [H23.01.07], [H23.01.08], [H23.01.09], [H23.01.10].

Với kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên, chất lượng được đánh giá thông qua kết quả nghiệm thu và việc xét giải thưởng các cấp. Những năm gần đây, đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên nhà trường không chỉ được trao giải thưởng trong trường mà còn được giải thưởng cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Trong giai đoạn 2017-2021, cán bộ viên chức của trường đã hoàn thành tổng số 1466 công bố quốc tế, 599 công bố trong nước và 598 đề tài, dự án các cấp, trong đó có 44 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia (NAFOSTED), 26 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Sở Khoa học và Công nghệ Tp.HCM và tương đương, 220 đề tài cấp ĐHQG-HCM, 304 đề tài cấp trường và 4 đề tài hợp tác với địa phương. Các chỉ số chi tiết theo từng năm được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 23.1.1. Bảng thống kê các chỉ số về hoạt động khoa học công nghệ

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Số lượng công bố quốc tế	253	260	301	319	333
Số lượng công bố trong nước	167	131	94	104	103
Số lượng đề tài NAFOSTED	14	10	11	9	-
Số lượng đề tài cấp ĐHQG-HCM	38	38	53	49	42
Số lượng đề tài cấp Sở KH&CN	7	2	3	9	5
Số lượng đề tài cấp trường	53	41	43	53	114
Số lượng đề tài hợp tác địa phương	3	-	1	-	-

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 23.2: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên luôn được nhà trường chú trọng, quan tâm. Đoàn TNCS-HCM và Hội Sinh viên là đầu mối thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên, các đơn vị chuyên môn hỗ trợ các quy định hướng dẫn, định hướng đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho nghiên cứu khoa học, tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học rõ ràng, cụ thể, đảm bảo độ tin cậy,... Cơ sở dữ liệu về nghiên cứu khoa học trong sinh viên được cập nhật hằng năm về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu. Cụ thể, nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc thi học thuật cho người học như: Thách thức, Di tìm lời giải, Hóa học và tôi, Thế mạnh vật liệu, Vườn ươm Mendel,... Đây là sân chơi có lịch sử lâu năm của trường, do Đoàn TNCS-HCM các khoa phụ trách chính. Sinh viên các Khoa Toán - Tin học, Vật lý - Vật lý Kỹ thuật, Hóa học còn tham gia tích cực các kỳ thi Olympic Sinh viên hằng năm [H23.02.01], [H23.02.02], [H23.02.03], [H23.02.04].

- Về các giải thưởng khoa học công nghệ trong sinh viên, nhà trường luôn là đơn vị tích cực tham gia giải thưởng Euréka dành cho sinh viên và luôn là đơn vị xuất sắc dẫn đầu trong phong trào này. Với các giải thưởng quốc tế, Khoa Công nghệ Thông tin luôn là đơn vị có nhiều giải thưởng trong các cuộc thi Lập trình Sinh viên quốc tế [H23.02.02], [H22.02.04].

- Về nghiên cứu cơ bản, học viên cao học của trường được chọn lựa loại hình đào tạo theo hướng nghiên cứu, ứng dụng, trong đó hướng nghiên cứu có luận văn với yêu cầu cao, thang điểm luận văn cao học có tính điểm thưởng cho phần công bố khoa học [H23.02.05].

Nhà trường và ĐHQG-HCM có kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học, đặc biệt chú trọng phần nghiên cứu khoa học cho bậc sau đại học và tính đổi mới sáng tạo cho người học bậc đại học [H23.02.06].

Bên cạnh việc đạt được các giải thưởng cao trong các cuộc thi học thuật trong nước và quốc tế, sinh viên Trường Đại học Khoa học Tự nhiên còn có nhiều công trình khoa học có giá trị khi chưa tốt nghiệp, như: Sinh viên Diệp Gia Hân, Khoa Công nghệ Thông tin, công bố 4 bài báo quốc tế về trí tuệ nhân tạo, trong đó có 1 bài là tác giả chính, 1 bài đồng tác giả chính, được nhận giải thưởng nữ sinh tiêu biểu trong lĩnh vực khoa học công nghệ Trung Ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng; Sinh viên Hoàng Trung Hiếu (Cử nhân tài năng khóa 2015) đã vinh dự đạt được giải Regional Winner khu vực Châu á của lĩnh vực Khoa học Máy tính tại giải thưởng The Global Undergraduate Awards với đề tài khóa luận tốt nghiệp “Enhancing Endoscopic Image Classification with Symptom Localization and Data Augmentation”; Hai sinh viên Nguyễn Duy Khánh và Lê Minh Nhật, Khoa Công nghệ Thông tin, có bài báo được công bố tại Tạp chí Neural Computing and Applications (NXB Springer) về lĩnh vực trí tuệ nhân tạo và máy học. Đây là tạp chí khoa học quốc tế uy tín được xếp hạng Q1 trong danh mục ISI với hệ số ảnh hưởng IF cao 5.606.



Hình 23.2.1. Một số hình ảnh về các sinh viên tiêu biểu của trường

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 23.3: Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là đơn vị nghiên cứu mạnh về các khoa học cơ bản, khoa học công nghệ mũi nhọn. Các kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên, người học chủ yếu là các công bố khoa học dưới hình thức bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus, Web of Science, trên các Hội nghị quốc tế có phản biện, các tạp chí quốc gia thuộc danh mục hội đồng giáo sư nhà nước quy định có ghi lời cảm ơn các tài trợ [H23.03.01]. Một số nhà khoa học có hệ thống trích dẫn thông qua Google Scholar.

Trường đã đề ra các chỉ tiêu cụ thể về công bố khoa học trong kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường theo từng giai đoạn chiến lược, tổ chức thống kê kết quả hàng năm [H23.03.02]. Số liệu công bố theo từng đơn vị và từng giảng viên cũng được thống

kê và báo cáo đến Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường để đánh giá kết quả hoạt động, nhận dạng những cá nhân, đơn vị mạnh về công bố khoa học và những điểm yếu cần khắc phục [H23.03.03]. Cơ sở dữ liệu được cập nhật về các loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn, chỉ số IF được thực hiện thông qua việc tổng hợp danh sách các bài viết đăng trên hội thảo, hội nghị của trường và trong nước, danh sách các bài viết đăng trên hội thảo, hội nghị quốc tế.

Mặc dù đã có hệ thống theo dõi và đối sánh số lượng công bố khoa học nhưng trong hoàn cảnh Việt Nam chưa có hệ thống quản lý trích dẫn khoa học nên vấn đề theo dõi, đối sánh trích dẫn khoa học của trường hiện nay chưa được thực hiện toàn diện, Trường mới chỉ sử dụng các chức năng của hệ thống Web của Google Scholar để lấy số liệu về trích dẫn của các công bố ISI của trường.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 23.4: Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên với đặc thù là cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu cơ bản, nên các kết quả nghiên cứu khoa học của trường chủ yếu là các công bố khoa học dưới hình thức bài báo khoa học thuộc nhóm đối tượng quyền tác giả. Số lượng tài sản trí tuệ được hình thành từ nghiên cứu khoa học của nhà trường có khả năng đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích còn hạn chế. Trường có văn bản quản lý nội bộ quy định rõ về hoạt động quản trị tài sản trí tuệ. Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của trường đã được ban hành từ năm 2016 và được đánh giá, rà soát, xây dựng ban hành quy chế mới vào tháng 3/2022 [H23.04.01]. Hệ thống dữ liệu lưu trữ (file giấy/file mềm) để quản lý việc hỗ trợ, tư vấn, theo dõi các hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được nhà trường lưu trữ tại Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ [H23.04.02].

Nhà trường đã bắt đầu thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các loại hình số lượng các tài sản trí tuệ; thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các chỉ số về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ hàng năm đồng thời có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của trường. Các hoạt động này thể hiện qua báo cáo tổng kết năm học hàng năm. Tuy nhiên, những hoạt động này còn rất hạn chế.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 23.5: Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường có quy định cụ thể việc phân bổ ngân sách cho từng loại hoạt động nghiên cứu, khen thưởng nghiên cứu khoa học cũng như tổng chi cho hoạt động nghiên

cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng các quy định hiện hành trong các văn bản như: Quy chế chi tiêu nội bộ, Dự toán thu chi tài chính hàng năm của trường, Dự toán thu chi ngân sách Nhà nước [H23.05.01], [H23.05.02], [H23.05.03].

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của giảng viên, cán bộ nghiên cứu về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân sách cho từng loại hoạt động nghiên cứu và hệ thống giám sát việc phân bổ ngân sách cho từng loại hoạt động nghiên cứu. Cụ thể, thông qua các quy định, hướng dẫn, tiêu chí, phương pháp đánh giá,... được thể hiện thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của trường và các văn bản như Dự toán thu chi tài chính các năm của trường; Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Phòng Kế hoạch tài chính; Báo cáo tài chính hàng năm [H23.05.04], [H23.05.05], [H23.05.06]. Các giảng viên, cán bộ nghiên cứu sẽ góp ý, phản ánh các ý kiến phản hồi về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân sách cho từng loại hoạt động nghiên cứu đồng thời yêu cầu điều chỉnh những quy định chưa hợp lý, bất cập đồng thời giám sát việc phân bổ ngân sách cho từng loại hoạt động nghiên cứu.

Trong giai đoạn 2017-2021, nguồn thu từ hoạt động khoa học công nghệ của trường chủ yếu đến từ các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Trong các năm qua, nguồn thu từ hoạt động này khá ổn định và tăng trưởng theo từng năm. Công tác thu chi tài chính cho hoạt động khoa học công nghệ của trường được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo công khai minh bạch trong quy chế chi tiêu nội bộ của trường.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 23.6: Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường có quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo trong hoạt động khoa học công nghệ; có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo. Trường có Viện Tế bào gốc là đơn vị nghiên cứu, thử nghiệm, sáng tạo và thương mại hóa [H23.06.01], [H23.06.02].

Phòng Khoa học Công nghệ chịu trách nhiệm chính và phối hợp với các đơn vị trong trường giám sát, thống kê, đánh giá các kết quả nghiên cứu và sáng tạo của từng cá nhân, đơn vị theo hệ thống các quy định đã được ban hành. Các kết quả nghiên cứu và sáng tạo của trường được thể hiện trong các báo cáo hoạt động khoa học công nghệ hàng năm. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch, thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo. Hoạt động đổi mới, sáng tạo được triển khai thông qua các hoạt động của các khoa/bộ môn, các tổ chức đoàn thể như Công đoàn trường, Đoàn TNCS-HCM. Các kết quả thống kê hàng năm (xem trong Tiêu chí 23.1) cho thấy các công bố khoa học, đặc biệt là công bố khoa học trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế có xu hướng tăng theo thời gian. Các hoạt động cải tiến cũng được thực hiện trên cơ sở kết quả khảo sát đánh giá về nghiên cứu sáng tạo và trên cơ sở đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và dựa trên bảng xếp hạng các trường đại học của QS và THE [H23.06.03].

- **Điểm tự đánh giá cho tiêu chí:** 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 23

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Các loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và người học được xác lập, nghiên cứu và đối sánh để cải tiến.
- Nhiều giảng viên và sinh viên của trường có các thành tựu nổi bật trong nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế.
- Có một số kết quả nghiên cứu được thương mại hóa và chuyển giao công nghệ.
- Các kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ của trường đóng góp đáng kể cho hoạt động xếp hạng đại học của DHQG-HCM.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chưa xây dựng được phần mềm quản lý hoạt động khoa học công nghệ.
- Công tác đối sánh các kết quả nghiên cứu khoa học chưa được đẩy mạnh.
- Ngân sách cho hoạt động khoa học công nghệ còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nghiên cứu đối sánh và cải tiến các loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và người học.	P.KHCN	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường hỗ trợ giảng viên cũng như sinh viên trong các hoạt động nghiên cứu để nâng cao chất lượng các kết quả.	P.KHCN	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh việc thương mại hóa và chuyển giao công nghệ trong các hoạt động nghiên cứu.	P.KHCN, các đơn vị nghiên cứu	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao các kết quả trong hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, góp phần tăng vị trí xếp hạng của DHQG-HCM.	P.KHCN, các nhà khoa học	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
5	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các hoạt động gia tăng nguồn thu của trường về công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	P.KHCN; P.QHDN; các khoa	Hàng năm
6	Khắc phục tồn tại	Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động khoa học công nghệ	P.KHCN	2023
7	Khắc phục tồn tại	Xây dựng quy trình và triển khai hoạt động đối sánh trong lĩnh vực khoa học công nghệ	P.KHCN; P.KT&DBCL	2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	5
Tiêu chí 23.3	5
Tiêu chí 23.4	5
Tiêu chí 23.5	5
Tiêu chí 23.6	5
Tiêu chuẩn 23	5,00

Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 24.1: Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhằm chủ động trong hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, nhà trường đã ban hành quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng tại trường, bao gồm các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H24.01.01]. Qua đó, Ban giám hiệu chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các hoạt động và đảm bảo các điều kiện nhằm phát huy vai trò của tổ chức, đoàn thể trong việc triển khai thực hiện hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của trường; các phòng chức năng, căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ, tham mưu cho Ban giám hiệu và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo và phương thức đào tạo; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác trong nước, quốc tế; cung cấp thông tin về ngành học, chương trình đào tạo của trường đến các bên liên quan; tổ chức tư vấn tâm lý, việc làm và các kỹ năng cần thiết để người học có nhiều cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức cho người học đi trải nghiệm tại tổ chức, doanh nghiệp; kết nối với mạng lưới nhà tuyển dụng, định hướng nghề nghiệp và cung cấp thông tin phù hợp về người học cho nhà tuyển dụng; các khoa chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của đơn vị dựa trên kế hoạch chung của trường và phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của khoa; các tổ chức đoàn thể phối hợp với các đơn vị trong trường phát động, tổ chức các hoạt động tình nguyện và từ thiện; các hoạt động giao lưu, hợp tác, trao đổi kinh nghiệm giữa nhà trường với các bên liên quan [H24.01.02].

Các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng được Phòng Thông tin - Truyền thông phối hợp với Trung tâm hỗ trợ sinh viên và các đơn vị liên quan triển khai thường xuyên theo kế hoạch và đạt kết quả cao như: tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, tuyển sinh, tổ chức các ngày hội sinh viên với doanh nghiệp và nhà tuyển dụng, tham gia các cuộc thi học thuật trong nước và quốc tế,... [H24.01.03], [H24.01.04]

Trong các hoạt động phong trào, Đoàn TNCS-HCM và Hội Sinh viên tổ chức các sân chơi, hoạt động cộng đồng cho sinh viên như chương trình mùa hè xanh, chương trình tiếp sức mùa thi, chương trình xuân tình nguyện, xây dựng nhà tình nghĩa, hiến máu nhân đạo, hoạt động hưởng ứng giờ trái đất,...; Công đoàn trường triển khai các hoạt động phong trào cho công đoàn viên như các hội thao, hội thi, tổ chức tham quan nghỉ mát, ủng hộ đồng bào bị thiên tai - lũ lụt, ủng hộ công đoàn viên khó khăn,... [H24.01.05], [H24.01.06] Các hoạt động của Công đoàn, Đoàn TNCS-HCM và Hội sinh viên luôn được giám sát và được các đơn vị tổng hợp báo cáo hằng năm. Các hoạt động phục vụ cộng đồng đều được các đơn vị tiếp nhận đánh giá cao những đóng góp của nhà trường nói chung và của các cá nhân tham gia trực tiếp nói riêng. Các ý kiến đóng góp phản hồi từ các đơn vị tiếp nhận là tiền đề để nhà trường có những phương án hạn chế các tồn tại, phát huy những giá trị tốt được xã hội ghi nhận, đánh giá cao để có những cải tiến thích hợp.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 24.2: Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường luôn theo dõi, lắng nghe ý kiến của xã hội đối với các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng để đánh giá tác động của các hoạt động đối với xã hội, từ đó có những cải tiến trong cách làm nhằm phục vụ cộng đồng ngày càng tốt hơn [H24.02.01], [H24.02.02]. Với quan điểm mỗi sản phẩm của nhà trường đến với xã hội là một sản phẩm thật sự chất lượng, được xã hội đánh giá cao, góp phần cho công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và của đất nước.

Công đoàn và Đoàn TNCS-HCM vừa là đầu mối triển khai, lên kế hoạch thực hiện cũng là bộ phận giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, kết quả các đóng góp cho xã hội [H24.01.05]. Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của trường được giám sát chặt chẽ, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm hàng năm thông qua cáo báo cáo của Công đoàn, của Đoàn TNCS-HCM.



Hình 24.2.1. Một số hình ảnh về các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của trường

Các hoạt động của Đoàn TNCS-HCM và Hội sinh viên trường là những nguồn động viên rất kịp thời đối với bà con đồng bào các địa phương không may gặp phải

những hoàn cảnh khó khăn. Kết thúc các chuyên tình nguyện, các tình nguyện viên của Đoàn trường đều nhận được bằng khen, giấy khen, của các lãnh đạo địa phương nơi diễn ra các hoạt động tình nguyện [H24.01.06]. Sau khi kết thúc các hoạt động, dựa trên các thông tin phản hồi của các bên liên quan, dựa trên báo cáo tổng kết sau mỗi hoạt động, báo cáo tổng kết hoạt động hằng năm cũng như dựa vào các thông tin phản hồi từ đơn vị tiếp nhận, Công đoàn và Đoàn TNCS-HCM rút ra các kinh nghiệm để phát huy những điểm mạnh và hạn chế những điểm còn tồn tại của những hoạt động tiếp theo, nhằm đạt hiệu quả tốt nhất, hướng tới mục tiêu tiến bộ về quy mô tổ chức và hiệu quả hoạt động trong các phong trào.

- *Điểm tự đánh giá cho tiêu chí:* 5/7.

Tiêu chí 24.3: Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Thông qua các hoạt động của Công đoàn trường, viên chức, người lao động và người học trong trường ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân, tập thể trong công tác cộng đồng. Chung tay xóa đói giảm nghèo, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội. Các hoạt động phục vụ cộng đồng được tổng kết báo cáo qua từng năm thông qua Hội nghị đại biểu viên chức, người lao động các năm [H24.03.01], [H24.03.02].

Sau mỗi đợt hoạt động, ngoài việc đánh giá mức độ tham gia và đóng góp của từng cá nhân, nhà trường cũng tiến hành khảo sát sự hài lòng của các cá nhân tham gia vào hoạt động để có thể điều chỉnh và cải tiến các hoạt động tiếp theo. Đồng thời, các ý kiến đóng góp của đại diện các tập thể và của các cá nhân cũng được ghi nhận lại bằng biên bản để làm căn cứ cho việc điều chỉnh, cải tiến [H24.03.03], [H24.03.04]. Công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật cũng được thực hiện đều đặn, từ đó đánh giá và phân tích ra các điểm mạnh để phát huy, nêu lên những mặt còn hạn chế và nguyên nhân từ đó có phương hướng cải tiến hoạt động phục vụ cộng đồng trong các năm tiếp theo được hiệu quả hơn.



Hình 24.3.1. Hình ảnh buổi nói chuyện của Giáo sư Ngô Bảo Châu (Giám đốc khoa học Viện nghiên cứu cao cấp về Toán - VIASM) với sinh viên trường

- *Điểm tự đánh giá cho tiêu chí:* 5/7.

Tiêu chí 24.4: Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Các hoạt động phục vụ cộng đồng do Công đoàn và Đoàn TNCS-HCM tổ chức và thực hiện luôn được sự đánh giá cao và ghi nhận từ các đơn vị liên quan. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được nhà trường quan tâm, chú trọng và thể hiện rõ trong kế hoạch chiến lược phát triển trường các giai đoạn. Sau mỗi hoạt động, nhà trường và các bên liên quan luôn tiến hành rà soát lại hiệu quả hoạt động và đánh giá tác động đến các bên liên quan để rút ra được bài học, kinh nghiệm cho các hoạt động tiếp theo. Trường đã tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, ghi nhận các góp ý của từng hoạt động hoặc sau khi có kết quả hoạt động, phân tích mức độ hài lòng của các bên liên quan để có những điều chỉnh, cải tiến kịp thời để đem lại hiệu quả kết nối và phục vụ cộng đồng cao nhất, mang lại sự hài lòng nhất cho các bên liên quan [H24.04.01].

- *Đối với sinh viên*: Hằng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về các vấn đề hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng như hoạt động hỗ trợ sinh viên, mức độ hài lòng về dịch vụ hỗ trợ, khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm học; khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khóa về toàn khóa học; thực hiện chương trình gặp gỡ và đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với sinh viên, để có thể đưa ra những cải tiến thiết thực, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo để phát triển toàn diện cho sinh viên [H24.04.01], [H24.04.02].

- *Đối với cựu sinh viên*: Nhà trường xây dựng mạng lưới liên kết với cựu sinh viên để thu thập ý kiến đánh giá của cựu sinh viên về chất lượng đào tạo, qua đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo để cạnh tranh tốt hơn trong việc cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường [H24.04.01].

- *Đối với doanh nghiệp và nhà tuyển dụng*: Nhà trường luôn triển khai lấy ý kiến của doanh nghiệp về công tác tổ chức ngày hội việc làm hằng năm để rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng hợp tác với doanh nghiệp. Qua đó, hoạt động tổ chức ngày hội việc làm đi vào thực chất hơn; ngày càng mở rộng quy mô, đa dạng hóa các đầu việc mang đến nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên của trường [H24.02.01]. Ngoài ra, trường còn thực hiện việc thu thập những phản hồi, đánh giá của doanh nghiệp và nhà tuyển dụng đối với những sản phẩm đào tạo của trường; cũng như phản hồi của sinh viên tốt nghiệp về sự đáp ứng của chương trình đào tạo với công việc thực tế. Kết quả giám sát và đối sánh qua các năm học của trường luôn nhận được phản hồi tích cực từ phía doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và sinh viên tốt nghiệp.

Bên cạnh đó, nguồn tin từ các cơ quan báo chí cũng là nguồn thông tin đáng tin cậy giúp trường nhận định rõ hơn về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của trường.

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 24

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có nhiều hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. Các kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

- Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chưa có nhiều hoạt động giới thiệu, quảng bá hình ảnh nhà trường thông qua các loại hình kết nối và phục vụ cộng đồng.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường số lượng và chất lượng các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	Các đơn vị	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên thực hiện công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; phân tích, rà soát và đối sánh để cải tiến.	P.KT&DBCL, các đơn vị	Hàng năm
3	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh hoạt động giới thiệu, quảng bá hình ảnh nhà trường thông qua các loại hình kết nối và phục vụ cộng đồng	P.TTTT; P.QHDN; các khoa	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 24.1	5
Tiêu chí 24.2	5
Tiêu chí 24.3	5
Tiêu chí 24.4	5
Tiêu chuẩn 24	5,00

Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1: Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Dưới đây là bảng thống kê kết quả tài chính của trường trong giai đoạn 2017-2021.

Bảng 25.1.1. Bảng thống kê kết quả tài chính giai đoạn 2017-2021

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ số tài chính	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng thu	341.397	340.104	381.504	425.757	442.256
Tổng chi	340.325	279.487	328.542	344.541	396.443
Chênh lệch thu chi	1.072	60.617	52.962	81.216	45.812
Thu nhập bình quân/tháng của viên chức, người lao động	12,72	13,64	15,96	17,06	19,89
Học phí bình quân/năm của sinh viên (ĐHCQ)	8,30	9,15	10,10	11,15	11,70

Nhìn chung, tổng doanh thu của trường tăng đều đặn trong giai đoạn 2017-2021 (ngoại trừ giảm trong năm 2020, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh COVID-19); do thực hiện tốt công tác quản lý chi nên chênh lệch thu chi tăng dần qua các năm; trường chưa có khả năng tích lũy do kinh phí đầu tư cơ sở vật chất cho nghiên cứu cơ bản khá nhiều; thu nhập bình quân của viên chức - người lao động tăng ổn định nên đời sống ngày càng được cải thiện; mức học phí trung bình hàng năm cho mỗi sinh viên là khoảng 10 triệu đồng.

Trong Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020, nhà trường có xác lập kết quả và các chỉ số về tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng thông qua các KPIs [H25.01.01].

- Kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo: Thực hiện tăng nguồn thu từ các chương trình đào tạo chất lượng cao với học phí tương ứng, các chương trình đào tạo theo CDIO, tiên tiến, cử nhân tài năng.

- Kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động nghiên cứu khoa học: Số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, lượng bài báo, ấn phẩm, chỉ số trích dẫn của các bài báo trên các tạp chí và nguồn thu từ nghiên cứu khoa học đóng góp cho trường.

- Kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động phục vụ cộng đồng: Tăng cường kết nối và sự đóng góp từ cựu sinh viên, cựu giáo chức, các doanh nghiệp, trong các hoạt động từ đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối cộng đồng; thực hiện các hoạt động tình nguyện, ngày hội việc làm, hội nghị, hội thảo khoa học, tăng nguồn thu từ cung

cấp dịch vụ, thực hiện đề án phục vụ cộng đồng.

Việc giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thực hiện thông qua các báo cáo định kỳ năm, báo cáo quý hay báo cáo theo giai đoạn; có sự đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng giữa các năm/ kỳ; thực hiện rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng theo năm trong các dự toán ngân sách [H25.01.02], [H25.01.03].

Các bảng sau thể hiện cơ cấu thu-chi của trường trong giai đoạn 2017-2021.

Bảng 25.1.2. Bảng thống kê cơ cấu doanh thu giai đoạn 2017-2021

Đơn vị: Triệu đồng

Cơ cấu doanh thu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Học phí và lệ phí	161.540	168.409	199.285	218.451	266.737
Ngân sách Nhà nước	88.440	84.075	86.430	104.297	92.443
Tài trợ, viện trợ	1.976	1.895	1.758	2.406	1.912
Doanh thu khác	89.440	85.724	94.031	100.604	81.163

Bảng 25.1.3. Bảng thống kê cơ cấu chi giai đoạn 2017-2021

Đơn vị: Triệu đồng

Cơ cấu chi	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Cho nhân lực	140.849	154.811	164.721	154.615	182.448
Học bổng sinh viên	10.728	1.418	250	215	18.814
Hoạt động chuyên môn	95.949	71.565	92.361	92.160	79.779
Nghiên cứu khoa học	15.983	20.881	34.930	72.389	64.923
Mua sắm sửa chữa	16.484	20.277	21.979	16.261	28.833
Mục đích khác	60.333	10.535	14.300	8.901	21.646

Trong cơ cấu doanh thu của trường, nguồn thu từ học phí và các lệ phí chiếm khoảng 52%. Về cơ cấu chi, khoảng 47,5% tổng chi dùng cho nguồn nhân lực, bao gồm tiền lương, chi phí giảng dạy, các khoản phụ cấp, chi phí đi lại, khen thưởng... cho thấy trường rất chú trọng tới nguồn nhân lực, một trong những yếu tố then chốt trong việc phát triển trường.

Công tác đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng thông qua kiểm tra, kiểm toán, thanh tra hoạt động tài chính. Hằng năm, trường đều giám sát, đối sánh kết quả việc thực hiện các chỉ số tài

chính để cải tiến như: báo cáo quyết toán tài chính, báo cáo tài chính tại hội nghị tổng kết năm học, hội nghị cán bộ viên chức. Trường đã có 80 năm hình thành và phát triển, đang trong giai đoạn đầu tư bảo trì và phát triển một số hạng mục cơ bản. Bên cạnh đó, trường xác lập quỹ hoạt động nghiên cứu khoa học, quỹ học bổng sinh viên, quỹ đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nhân tài, quỹ cho các hoạt động khởi nghiệp, sáng tạo, việc làm, kết nối cựu sinh viên và doanh nghiệp, đầu tư cơ sở vật chất theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Đảm bảo giữ được giá trị truyền thống về nghiên cứu cơ bản, định hướng ứng dụng trong tương lai. Các công tác cải tiến được thực hiện thường xuyên và định kỳ. Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp yêu cầu thực tế hằng năm. Trường đã có các chiến lược, cải tiến liên tục để tìm kiếm, khai thác nhằm tăng cường các nguồn thu từ các hoạt động đào tạo (nâng cao chất lượng giảng dạy và mở rộng các hệ đào tạo), nghiên cứu khoa học (thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu), tài trợ và các trung tâm, dịch vụ khác. Tại các hội nghị thảo luận về tài chính, trường đều thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt cán bộ viên chức về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Kết quả hoạt động tài chính của trường hoàn thành đúng kế hoạch. Các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ của trường cũng như các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ thuộc lĩnh vực tài chính hằng năm về cơ bản hoàn thành [H25.01.04], [H25.01.05].

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 25.2: Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường xác lập kết quả và các chỉ số thị trường giáo dục (chỉ số cạnh tranh, thứ hạng, thị phần,...) của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong kế hoạch chiến lược phát triển trường. Các kết quả, chỉ số được thực hiện theo quy trình xây dựng, triển khai, giám sát và đánh giá cùng kế hoạch chiến lược. Thông qua đó, các kế hoạch năm, báo cáo tổng kết cũng như các cuộc họp hội nghị cán bộ viên chức hằng năm đều có thông tin và thảo luận về kết quả, chỉ số thị trường. Kết quả và các chỉ số thị của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thể hiện cụ thể qua các khía cạnh như sau:

- *Nhập học*: Trường liên tục thu hút những sinh viên xuất sắc trên cả nước, điểm chuẩn đầu vào hầu hết các ngành đều cao hơn các trường khác cùng khối ngành khoa học tự nhiên.

- *Kết quả đào tạo, tình hình việc làm và mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với sinh viên*: Sinh viên tốt nghiệp, cựu sinh viên, doanh nghiệp được định kỳ khảo sát về tình hình việc làm cũng như mức độ hài lòng với công việc. Kết quả khảo sát được sử dụng để điều chỉnh và cải tiến chương trình.

Bảng sau thể hiện một số kết quả thống kê về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong giai đoạn 2017-2021 [H25.02.01], [H25.02.02], [H25.02.03].

Bảng 25.2.1. Bảng thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2017-2021

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Số lượng sinh viên tốt nghiệp	1957	1799	1782	1727	1396
Tỷ lệ sinh viên có việc làm	87,77%	88,02%	97,83%	94,89%	94,44%

Doanh nghiệp đánh giá cao những sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM. Trong hầu hết các trường hợp, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên luôn là địa chỉ uy tín khi doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng. Tại các kỳ thi học thuật trong nước và quốc tế, sinh viên Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đã đạt được những thành tích tiêu biểu xuất sắc trong các kỳ thi như: Kỳ thi lập trình sinh viên ACM-ICPC, Kỳ thi Olympic quốc gia các môn học toán học, tin học, vật lý, hóa học [H25.02.04].

Trường có 7 chương trình đào tạo được công nhận bởi các tổ chức kiểm định uy tín. Trong những năm gần đây, ĐHQG-HCM đã xuất hiện trong các bảng xếp hạng uy tín như QS, THE [H25.02.05]. Do đó, với tư cách là thành viên nòng cốt, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đã đóng góp rất nhiều vào kết quả giáo dục, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Thống kê chi tiết được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 25.2.2. Kết quả và các chỉ số thị trường giáo dục giai đoạn 2017-2021

Chỉ số thị trường giáo dục	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Số lượng người nhập học	3278	3089	3563	3716	3651
Số lượng người học tốt nghiệp	1957	1799	1782	1727	1396
Quy mô tuyển sinh	3190	3235	3450	3470	3530
Tỷ lệ người học trúng tuyển	28,6%	32,2%	29,8%	31,6%	27,3%
Số lượng đề tài các cấp	115	91	111	120	161
Số bài báo công bố quốc tế	253	267	291	267	253
Số bài báo công bố trong nước	168	127	87	80	168

Mỗi khoa có 3-5 doanh nghiệp là đối tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; trường hiện có 03 chuyên gia tham gia hội đồng tư vấn khoa học công nghệ cho tỉnh An Giang; trường phối hợp tổ chức tập huấn có kết hợp STEM cho hơn 3.000 giáo viên, điển hình là hai tỉnh An Giang và Vĩnh Long; xây dựng chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với địa phương về ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, công nghệ sinh học, bảo vệ tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu [H25.01.03].

Việc rà soát hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết quả của hoạt động kết

nổi và phục vụ cộng đồng được trường theo dõi qua các cuộc họp như: họp phê duyệt của lãnh đạo, họp giao ban, họp rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động tuyển sinh... Các đơn vị làm báo cáo tổng kết công tác tháng, công tác năm học, qua đó giúp các đơn vị rà soát lại các kết quả và chỉ số về thị trường [H25.01.03]. Trường có đơn vị chuyên trách khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Kết quả khảo sát cho thấy sự hài lòng của các bên liên quan ngày càng tăng. Các nhà tuyển dụng luôn cảm thấy hài lòng về sản phẩm đào tạo của trường. Không những cung cấp cho thị trường nguồn lao động khoa học chất lượng còn cung cấp những tinh anh trong quản lý hay những giáo viên, giảng viên chuyên môn tốt, những nhà khoa học đầu ngành của khối ngành khoa học tự nhiên [H25.02.01]. Với những kết quả hoạt động, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp giáo dục, cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao, kết quả nghiên cứu khoa học và các hoạt động đóng góp vì cộng đồng, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đã nhận được rất nhiều danh hiệu thi đua khen thưởng như: Đơn vị anh hùng (2010); Huân chương lao động hạng III (2003); Huân chương lao động hạng II (2009); Cờ thi đua của Chính phủ (2007); Bằng khen của Chính phủ (2007).

- Điểm tự đánh giá cho tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 25

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của trường có hiệu quả và đáp ứng tốt với nhu cầu xã hội, chỉ số thị trường giáo dục có nhiều chuyển biến tốt.

- Với định hướng nghiên cứu và ứng dụng rõ ràng nên các hoạt động liên kết với các doanh nghiệp ngày càng được cải thiện tốt từ các đơn vị chuyên môn.

- Cộng đồng xã hội công nhận sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường thông qua số lượng các giải thưởng khoa học công nghệ và các giải thưởng sáng tạo ngày càng tăng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Nguồn thu chủ yếu của nhà trường là nguồn thu từ học phí, mà nhu cầu phát triển cơ sở vật chất cho nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đỉnh cao lại rất lớn. Đây là khó khăn và tồn tại lớn nhất của trường.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Nắm bắt thị hiếu và xu hướng của đại phương cũng như khu vực để điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp nhằm đạt kết quả tốt hơn.	Các đơn vị	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường quảng bá hình ảnh trường, tìm kiếm đối tác và đẩy mạnh liên kết với các doanh nghiệp.	P.QHDN, P.TTTT	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Tích cực đẩy mạnh công bố công trình nghiên cứu khoa học.	P.KHCN, các khoa	Hàng năm
4	Khắc phục tồn tại	Cải tiến, thay đổi khung học phí cho tương xứng với đầu tư phát triển đào tạo và nghiên cứu khoa học đỉnh cao	BGH; P.KHTC; P.TCHC; các khoa	Theo KHCL 2021-2025
5	Khắc phục tồn tại	Nâng cao năng lực tự chủ cho phù hợp với thực tiễn và phù hợp với các quy định mới của Nhà nước	BGH; P.KHTC; P.TCHC; các khoa	Theo KHCL 2021-2025

4. Mức đánh giá:

Tiêu chí/Tiêu chuẩn	Tự đánh giá
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	5
Tiêu chuẩn 25	5,00

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	4,88	
I.1	<i>Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i>	5,00	
1	Tiêu chí 1.1	5	
2	Tiêu chí 1.2	5	
3	Tiêu chí 1.3	5	
4	Tiêu chí 1.4	5	
5	Tiêu chí 1.5	5	
I.2	<i>Tiêu chuẩn 2. Quản trị</i>	5,00	
6	Tiêu chí 2.1	5	
7	Tiêu chí 2.2	5	
8	Tiêu chí 2.3	5	
9	Tiêu chí 2.4	5	
I.3	<i>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý</i>	5,00	
10	Tiêu chí 3.1	5	
11	Tiêu chí 3.2	5	
12	Tiêu chí 3.3	5	
13	Tiêu chí 3.4	5	
I.4	<i>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</i>	5,00	
14	Tiêu chí 4.1	5	
15	Tiêu chí 4.2	5	
16	Tiêu chí 4.3	5	
17	Tiêu chí 4.4	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I.5	<i>Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng</i>	5,00	
18	Tiêu chí 5.1	5	
19	Tiêu chí 5.2	5	
20	Tiêu chí 5.3	5	
21	Tiêu chí 5.4	5	
I.6	<i>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</i>	4,57	
22	Tiêu chí 6.1	5	
23	Tiêu chí 6.2	5	
24	Tiêu chí 6.3	5	
25	Tiêu chí 6.4	5	
26	Tiêu chí 6.5	4	
27	Tiêu chí 6.6	4	
28	Tiêu chí 6.7	4	
I.7	<i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>	5,00	
29	Tiêu chí 7.1	5	
30	Tiêu chí 7.2	5	
31	Tiêu chí 7.3	5	
32	Tiêu chí 7.4	5	
33	Tiêu chí 7.5	5	
I.8	<i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>	4,50	
34	Tiêu chí 8.1	5	
35	Tiêu chí 8.2	5	
36	Tiêu chí 8.3	4	
37	Tiêu chí 8.4	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
II	Lĩnh vực 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4,88	
II.9	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong</i>	5,00	
38	Tiêu chí 9.1	5	
39	Tiêu chí 9.2	5	
40	Tiêu chí 9.3	5	
41	Tiêu chí 9.4	5	
42	Tiêu chí 9.5	5	
43	Tiêu chí 9.6	5	
II.10	<i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>	4,75	
44	Tiêu chí 10.1	5	
45	Tiêu chí 10.2	5	
46	Tiêu chí 10.3	4	
47	Tiêu chí 10.4	5	
II.11	<i>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong</i>	4,75	
48	Tiêu chí 11.1	5	
49	Tiêu chí 11.2	5	
50	Tiêu chí 11.3	5	
51	Tiêu chí 11.4	4	
II.12	<i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i>	5,00	
52	Tiêu chí 12.1	5	
53	Tiêu chí 12.2	5	
54	Tiêu chí 12.3	5	
55	Tiêu chí 12.4	5	
56	Tiêu chí 12.5	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
III	Lĩnh vực 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	4,84	
III.13	<i>Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học</i>	5,00	
57	Tiêu chí 13.1	5	
58	Tiêu chí 13.2	5	
59	Tiêu chí 13.3	5	
60	Tiêu chí 13.4	5	
61	Tiêu chí 13.5	5	
III.14	<i>Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học</i>	4,60	
62	Tiêu chí 14.1	5	
63	Tiêu chí 14.2	5	
64	Tiêu chí 14.3	5	
65	Tiêu chí 14.4	4	
66	Tiêu chí 14.5	4	
III.15	<i>Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập</i>	5,00	
67	Tiêu chí 15.1	5	
68	Tiêu chí 15.2	5	
69	Tiêu chí 15.3	5	
70	Tiêu chí 15.4	5	
71	Tiêu chí 15.5	5	
III.16	<i>Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học</i>	5,00	
72	Tiêu chí 16.1	5	
73	Tiêu chí 16.2	5	
74	Tiêu chí 16.3	5	
75	Tiêu chí 16.4	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
III.17	<i>Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học</i>	5,00	
76	Tiêu chí 17.1	5	
77	Tiêu chí 17.2	5	
78	Tiêu chí 17.3	5	
79	Tiêu chí 17.4	5	
III.18	<i>Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học</i>	5,00	
80	Tiêu chí 18.1	5	
81	Tiêu chí 18.2	5	
82	Tiêu chí 18.3	5	
83	Tiêu chí 18.4	5	
III.19	<i>Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ</i>	4,00	
84	Tiêu chí 19.1	4	
85	Tiêu chí 19.2	4	
86	Tiêu chí 19.3	4	
87	Tiêu chí 19.4	4	
III.20	<i>Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học</i>	5,00	
88	Tiêu chí 20.1	5	
89	Tiêu chí 20.2	5	
90	Tiêu chí 20.3	5	
91	Tiêu chí 20.4	5	
III.21	<i>Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng</i>	5,00	
92	Tiêu chí 21.1	5	
93	Tiêu chí 21.2	5	
94	Tiêu chí 21.3	5	
95	Tiêu chí 21.4	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	5,00	
IV.22	Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	5,00	
96	Tiêu chí 22.1	5	
97	Tiêu chí 22.2	5	
98	Tiêu chí 22.3	5	
99	Tiêu chí 22.4	5	
IV.23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	5,00	
100	Tiêu chí 23.1	5	
101	Tiêu chí 23.2	5	
102	Tiêu chí 23.3	5	
103	Tiêu chí 23.4	5	
104	Tiêu chí 23.5	5	
105	Tiêu chí 23.6	5	
IV.24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	5,00	
106	Tiêu chí 24.1	5	
107	Tiêu chí 24.2	5	
108	Tiêu chí 24.3	5	
109	Tiêu chí 24.4	5	
IV.25	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	5,00	
110	Tiêu chí 25.1	5	
111	Tiêu chí 25.2	5	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 5,0 điểm (98 tiêu chí);
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4,0 điểm (13 tiêu chí);
- Số tiêu chí đạt từ 4,0 điểm trở lên: 111/111(100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 111/111(100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/111(0,00%);

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 09 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Phần III: PHỤ LỤC

Phụ lục 1.

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

- Tiếng Việt: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
- Tiếng Anh: VNUHCM-University of Science

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

- Tiếng Việt: Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
- Tiếng Anh: VNUHCM-US

3. Tên trước đây:

- Năm 1941: Trường Cao đẳng Khoa học trực thuộc Viện đại học Đông Dương
- Năm 1953: Trường Đại học Khoa học (Khoa học Đại học đường)
- Năm 1957: Trường Đại học Khoa học Sài Gòn
- Năm 1977: Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

4. Cơ quan chủ quản: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Địa chỉ: 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (028) 62 884 499; Số fax: (028) 38 350 096

E-mail: info@hcmus.edu.vn; ph-tochuc-hc@hcmus.edu.vn

Website: <https://www.hcmus.edu.vn>

7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 30/03/1996.

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1996.

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2000 (Trường ĐH KHTN).

10. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập.

11. Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục

Chính quy:	Có	<input checked="" type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>
Không chính quy:	Có	<input checked="" type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>
Từ xa:	Có	<input checked="" type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài:	Có	<input checked="" type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước:	Có	<input checked="" type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>
Các loại hình đào tạo khác:	Có	<input type="checkbox"/>	Không	<input checked="" type="checkbox"/>

12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của cơ sở giáo dục

Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại, email
1. Hiệu trưởng		
PGS.TS. Trần Lê Quan	Hiệu trưởng	0908225922 tlquan@hcmus.edu.vn
2. Phó Hiệu trưởng		
PGS.TS. Trần Minh Triết	Phó Hiệu trưởng	0903612464 tmtriet@hcmus.edu.vn
GS.TS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Phó Hiệu trưởng	0907426331 nttmai@hcmus.edu.vn
3. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TNCS-HCM		
PGS.TS. Trần Cao Vinh	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Trường	0918003012 tcvinh@hcmus.edu.vn
ThS. Dương Thị Bích Huệ	Chủ tịch Công đoàn	0982283877 dtbhue@hcmus.edu.vn
Huỳnh Tuấn Khương	Bí thư Đoàn thanh niên	- htkhuong@hcmus.edu.vn
4. Các phòng chức năng		
ThS. Phùng Quán	Trưởng phòng Phòng Tổ chức Hành chính	0983845647 quanph@hcmus.edu.vn
TS. Trần Thái Sơn	Trưởng phòng Phòng Đào tạo	0979839639 ttson@hcmus.edu.vn
PGS.TS. Nguyễn Tuyết Phương	Trưởng phòng Phòng Đào tạo Sau Đại học	0763521543 ntpnhuong@hcmus.edu.vn
ThS. Phan Ngô Hoang	Trưởng phòng Phòng Kế hoạch Tài chính	0903650777 pnhoang@hcmus.edu.vn

Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại, email
PGS.TS. Ngô Đại Nghiệp	Trưởng phòng Phòng Quan hệ Đối ngoại	0908283498 ndnghiep@hcmus.edu.vn
PGS.TS. Trần Văn Mẫn	Trưởng phòng Phòng Khoa học Công nghệ	0903066075 tvman@hcmus.edu.vn
ThS. Trần Vũ	Trưởng phòng Phòng Thông tin - Truyền thông	0901019011 tvu@hcmus.edu.vn
TS. Trịnh Thanh Đèo	Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	0903312435 ttdeo@hcmus.edu.vn
ThS. Hà Minh Ninh	Trưởng phòng Phòng Thanh tra Pháp chế-Sở hữu trí tuệ	0973842643 hmninh@hcmus.edu.vn
ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hân	Trưởng phòng Phòng Công tác Sinh viên	0909975945 ngtnhan@hcmus.edu.vn
ThS. Lê Thị Nga	Trưởng phòng Phòng Quản trị thiết bị	0937631616 ltnga@hcmus.edu.vn
Ông Lương Minh Hòa	Quyền Giám đốc Thư viện	0986885368 lmhoa@hcmus.edu.vn
5. Các khoa		
TS. Đinh Bá Tiến	Trưởng khoa Khoa Công nghệ thông tin	0908859795 dbtien@hcmus.edu.vn
PGS.TS. Quách Ngô Diễm Phương	Trưởng khoa Khoa Sinh học - Công nghệ Sinh học	0767011080 qndphuong@hcmus.edu.vn
PGS.TS. Mai Hoàng Biên	Trưởng khoa Khoa Toán - Tin học	0907404895 mhbien@hcmus.edu.vn
PGS.TS. Huỳnh Văn Tuấn	Trưởng khoa Khoa Vật lý - Vật lý kỹ thuật	0983304092 hvtuan@hcmus.edu.vn
PGS.TS. Nguyễn Trung Nhân	Trưởng khoa Khoa Hóa học	0907426332 ntnhan@hcmus.edu.vn
TS. Bùi Trọng Tú	Trưởng khoa Khoa Điện tử - Viễn thông	0934002221 bttu@hcmus.edu.vn
PGS.TS. Trần Thị Thanh Vân	Trưởng khoa Khoa học và Công nghệ Vật liệu	0914396939 tttvn@hcmus.edu.vn
PGS.TS. Đào Nguyên Khôi	Trưởng khoa Khoa Môi trường	0976000621 dnkhoid@hcmus.edu.vn
PGS.TS. Phạm Trung Hiếu	Trưởng khoa Khoa Địa chất	0938743811 pthieu@hcmus.edu.vn

Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại, email
6. Các viện/trung tâm		
PGS.TS. Phạm Văn Phúc	Viện trưởng Viện Tế bào gốc	0903870153 pvphuc@hcmus.edu.vn
Phạm Thanh Minh	Giám đốc Trung tâm Tin học	0913637809 ptm@hcmus.edu.vn
PGS.TS. Trần Minh Triết	Giám đốc Trung tâm Đào tạo Quốc tế	0903612464 tmtriet@hcmus.edu.vn
ThS. Phan Ngô Hoang	Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ	0903650777 pnhoang@hcmus.edu.vn
TS. Trịnh Thanh Đèo	Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng Văn hóa	0903312435 ttdeo@hcmus.edu.vn
PGS.TS. Trần Văn Mẫn	Giám đốc Trung tâm Sáng tạo Khoa học Kỹ thuật	0903066075 tvman@hcmus.edu.vn
GS.TS. Đặng Đức Trọng	Giám đốc Trung tâm Khoa học Toán học	0913904459 ddtrong@hcmus.edu.vn
PGS.TS. Đinh Điền	Giám đốc Trung tâm Ngôn ngữ học Tính toán	0908278207 ddien@hcmus.edu.vn
TS. Nguyễn Hữu Hoàng	Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp	0938380945 nhhoang@hcmus.edu.vn
TS. Phạm Quỳnh Hương	Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Khí nhà kính và Biến đổi khí hậu	0913145864 pqhuong@hcmus.edu.vn
TS. Trần Triết	Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Đất ngập nước	0913634724 ttriet@hcmus.edu.vn
ThS. Nguyễn Thị Huyền	Giám đốc Trung tâm CEE	0919975577 ngthuyen@hcmus.edu.vn
ThS. Trương Tấn Quang	Giám đốc Trung tâm Điện tử - Máy tính	0908874002 trtquang@hcmus.edu.vn
PGS.TS. Nguyễn Đức Hoàng	Giám đốc Trung tâm Khoa học Công nghệ Sinh học	0987823246 ndhoang@hcmus.edu.vn
Nguyễn Văn Tùng	Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Bảo tồn Tài nguyên Thiên nhiên	0913822323 ngvtung@hcmus.edu.vn

13. Các khoa đào tạo của cơ sở giáo dục

Khoa đào tạo	Đại học		Sau đại học	
	Số CTĐT	Số sinh viên	Số CTĐT	Số người học
Toán - Tin học	2	1325	10	289
Vật lý - Vật lý kỹ thuật	4	1006	13	207
Hóa học	4	2311	8	159
Sinh học - Công nghệ sinh học	4	2806	13	444
Công nghệ thông tin	7	5409	4	235
Điện tử - Viễn thông	2	1572	2	37
Khoa học và Công nghệ vật liệu	2	752	2	41
Địa chất	2	174	3	15
Môi trường	3	942	4	50

14. Danh sách các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
Viện Tế bào gốc	12/06/2017	Đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, dịch vụ	14	12
Trung tâm Tin học	05/08/1986	Đào tạo CNTT	13	45
Trung tâm Khoa học Công nghệ Sinh học	14/12/1996	Đào tạo, nghiên cứu	24	3
Trung tâm Nghiên cứu Bảo tồn Tài nguyên Thiên nhiên	29/01/2008	Đào tạo, nghiên cứu	2	6

II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên

15. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên

15.1. Năm 2017

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	470	50,4	199	50,25
Nghiên cứu viên	294	5,44	–	–
Tổng	764	33,16	199	50,25

15.2. Năm 2018

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	467	54,39	234	25,64
Nghiên cứu viên	308	4,55	–	–
Tổng	775	34,58	234	25,64

15.3. Năm 2019

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	443	58,00	202	32,18
Nghiên cứu viên	294	6,12	–	–
Tổng	737	37,31	202	32,18

15.4. Năm 2020

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	415	58,55	151	39,07
Nghiên cứu viên	217	7,83	–	–
Tổng	632	41,14	151	39,07

15.5. Năm 2021

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/ toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	417	61,15	113	26,55
Nghiên cứu viên	231	7,40	–	–
Tổng	648	42,00	113	26,55

16. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên

16.1. Năm 2017

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Cơ hữu/ toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	77	0	77
Nhân viên	991	0	991
Tổng	1068	0	1068

16.2. Năm 2018

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Cơ hữu/ toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	82	0	82
Nhân viên	1016	0	1016
Tổng	1098	0	1098

16.3. Năm 2019

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Cơ hữu/ toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	84	0	84
Nhân viên	982	0	982
Tổng	1066	0	1066

16.4. Năm 2020

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Cơ hữu/ toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	79	0	79
Nhân viên	863	0	863
Tổng	942	0	942

16.5. Năm 2021

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Cơ hữu/ toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	79	0	79
Nhân viên	873	0	873
Tổng	952	0	952

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của cơ sở giáo dục theo giới tính

17.1. Năm 2017

Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I. Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	622	446	1068
1. Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	297	231	528
2. Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	325	215	540
II. Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	131	68	199
Tổng cộng	753	514	1267

17.2. Năm 2018

Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I. Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	643	455	1098
1. Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	288	229	517
2. Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	355	226	581
II. Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	152	82	234
Tổng cộng	795	537	1332

17.3. Năm 2019

Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I. Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	623	443	1066
1. Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	264	214	478
2. Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	359	229	588
II. Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	138	64	202
Tổng cộng	761	507	1268

17.4. Năm 2020

Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I. Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	544	398	942
1. Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	299	252	551
2. Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	245	146	391
II. Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	108	43	151
Tổng cộng	652	441	1093

17.5. Năm 2021

Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I. Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	548	404	952
1. Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	289	249	538
2. Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	259	155	414
II. Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	72	41	113
Tổng cộng	620	445	1065

18. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ

18.1. Năm 2017

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng (trong nước)	Tổng số
1	Giáo sư	4	0	3	4	11
2	Phó Giáo sư	24	0	17	36	77
3	Tiến sĩ	125	34	30	60	249
4	Thạc sĩ	167	30	9	99	305
5	Đại học	4	23	0	0	27
6	Trình độ khác	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	324	87	59	199	669

- Tổng số giảng viên cơ hữu: 470 người.

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 44,01%.

18.2. Năm 2018

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng (trong nước)	Tổng số
1	Giáo sư	6	0	2	2	10
2	Phó Giáo sư	33	0	24	22	79
3	Tiến sĩ	125	41	23	36	225
4	Thạc sĩ	154	32	9	80	275
5	Đại học	4	14	0	90	108
6	Trình độ khác	0	0	0	4	4
	Tổng cộng	322	87	58	234	701

- Tổng số giảng viên cơ hữu: 467 người.

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 42,53%.

18.3. Năm 2019

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng (trong nước)	Tổng số
1	Giáo sư	6	0	2	3	11
2	Phó Giáo sư	31	0	25	16	72
3	Tiến sĩ	127	44	22	47	240
4	Thạc sĩ	129	30	11	81	251
5	Đại học	3	13	0	53	69
6	Trình độ khác	0	0	0	2	2
	Tổng cộng	296	87	60	202	645

- Tổng số giảng viên cơ hữu: 443 người.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 41,56%.

18.4. Năm 2020

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng (trong nước)	Tổng số
1	Giáo sư	9	0	1	2	12
2	Phó Giáo sư	31	1	27	12	71
3	Tiến sĩ	137	18	19	46	220
4	Thạc sĩ	146	13	9	66	234
5	Đại học	2	2	0	22	26
6	Trình độ khác	0	0	0	3	3
	Tổng cộng	325	34	56	151	566

- Tổng số giảng viên cơ hữu: 415 người.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 44,06%.

18.5. Năm 2021

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng (trong nước)	Tổng số
1	Giáo sư	7	0	3	0	10
2	Phó Giáo sư	32	1	26	8	67
3	Tiến sĩ	138	30	18	22	208
4	Thạc sĩ	137	15	8	47	207
5	Đại học	2	0	0	36	38
6	Trình độ khác	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	316	46	55	113	530

- Tổng số giảng viên cơ hữu: 417 người.

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 43,80%.

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi

19.1. Năm 2017

T T	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giới tính		Độ tuổi				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư	7	1,0	6	1	0	0	0	3	4
2	Phó Giáo sư	41	9,0	29	12	0	6	19	9	7
3	Tiến sĩ	189	40,0	114	75	5	118	48	16	2
4	Thạc sĩ	206	44,0	128	78	10	155	34	7	0
5	Đại học	27	6	16	11	8	18	0	1	0
	Tổng cộng	470	100	293	177	23	297	101	36	13

19.2. Năm 2018

T T	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giới tính		Độ tuổi				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư	8	1	7	1	0	0	0	3	5
2	Phó Giáo sư	57	9	37	20	0	14	26	9	8
3	Tiến sĩ	189	40	117	72	2	120	49	12	6
4	Thạc sĩ	195	44	119	76	5	145	38	7	0
5	Đại học	18	6	12	6	1	15	1	1	0
	Tổng cộng	467	100	292	175	8	294	114	32	19

19.3. Năm 2019

T T	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giới tính		Độ tuổi				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư	8	1	7	1	0	0	0	3	5
2	Phó Giáo sư	56	9	36	20	0	12	26	11	7
3	Tiến sĩ	193	40	119	74	1	118	56	12	6
4	Thạc sĩ	170	44	103	67	2	123	38	7	0
5	Đại học	16	6	10	6	1	13	1	1	0
	Tổng cộng	443	100	275	168	4	266	121	34	18

19.4. Năm 2020

T T	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giới tính		Độ tuổi				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư	10	1	9	1	0	0	0	4	6
2	Phó Giáo sư	59	9	39	20	0	15	29	9	6
3	Tiến sĩ	174	40	108	66	0	99	56	14	5
4	Thạc sĩ	168	44	100	68	10	107	43	8	0
5	Đại học	4	6	3	1	0	2	1	1	0
	Tổng cộng	415	100	259	156	10	223	129	36	17

19.5. Năm 2021

T T	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Giới tính		Độ tuổi				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư	10	2,4	8	2	0	0	1	3	6
2	Phó Giáo sư	59	14,1	40	19	0	16	29	9	5
3	Tiến sĩ	186	44,6	109	77	2	98	67	13	6
4	Thạc sĩ	160	38,4	96	64	8	94	51	7	0
5	Đại học	2	0,5	1	1	0	0	1	1	0
	Tổng cộng	417	100	254	163	10	208	149	33	17

- Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 36 tuổi.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu: 61,15%.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu: 38,40%.

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

III. Người học

21. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây hệ chính quy

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
1. Nghiên cứu sinh					
Năm 2017	45	40	-	39	
Năm 2018	23	21	-	21	
Năm 2019	34	33	-	33	
Năm 2020	48	46	-	46	
Năm 2021	10	10	-	9	
2. Học viên cao học					
Năm 2017	682	436	-	415	
Năm 2018	560	455	-	421	
Năm 2019	631	469	-	440	
Năm 2020	673	508	-	492	
Năm 2021	480	420	-	404	
3. Đại học					
Năm 2017	16108	4597	4.6	3278	4
Năm 2018	14005	4437	4.0	3089	0
Năm 2019	21004	6158	6.0	3563	0
Năm 2020	16652	5184	4.7	3716	0
Năm 2021	23214	6299	6.5	3651	0
4. Cao đẳng					
Năm 2017		471		386	0
Năm 2018		394		231	0
Hệ Cao đẳng dừng tuyển sinh từ năm 2019					

22. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây hệ không chính quy

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
1. Đại học					
Năm 2017	300	291	-	245	
Năm 2018	400	397	-	354	
Năm 2019	500	449	-	390	
Năm 2020	408	382	-	334	
Năm 2021	503	390	-	348	

23. Ký túc xá cho sinh viên

Các tiêu chí	2017	2018	2019	2020	2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	229 975	237 703	245 431	245 431	245 431
2. Số lượng sinh viên	12 019	12 412	12 703	12 969	12 804
3. Số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá	9 386	9 574	9 521	9 330	9 008
4. Số lượng sinh viên được ở ký túc xá	3 320	4 065	4 574	4 508	4 865
5. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	4	4	4	4	4

24. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học

Các tiêu chí	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng (người)	147	114	145	223	218
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	1,22	0,92	1,14	1,72	1,70

25. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	21	26	36	35	35
2. Học viên tốt nghiệp cao học	334	384	306	381	226
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	2174	1946	1880	1818	1469
- Hệ chính quy	2117	1899	1839	1778	1453
- Hệ không chính quy	43	40	38	37	16
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	258	248	228	226	216

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	1957	1799	1782	1727	1396
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	59.7	58.2	50.0	46.5	38.2
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	38.13	51.57	56.81	65.07	Chưa đến thời điểm thực hiện khảo sát
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	37.91	3.66	1.95	25.28	
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời KHÔNG học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	23.96	44.77	41.24	9.65	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp					
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%)					Chưa đến thời điểm thực hiện khảo sát
- Sau 6 tháng tốt nghiệp	24.58	33.77	35.82	41.94	
- Sau 12 tháng tốt nghiệp	–	47.76	48.98	17.57	
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)	31.54	29.02	26.37	26.24	
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)	2.07	3.74	2.12	8.62	
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu đồng)	9,4	10,6	11,7	10,9	
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	55.88	67.63	65.07	55.43	Chưa đến thời điểm thực hiện
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	37.06	25.90	30.14	31.52	
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	7.06	6.47	4.79	13.05	khảo sát

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	285	258	248	228	
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	54.6	66.8	107.4	Dừng tuyển sinh	

IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

Phân loại đề tài	Số lượng					Tổng số
	2017	2018	2019	2020	2021	
Đề tài cấp Nhà nước	4	8	9	6	13	40
Đề tài cấp Bộ*	23	21	27	32	37	140
Đề tài cấp trường	46	34	45	49	44	218
Tổng cộng	73	63	81	87	94	398

*Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0.0936 đề tài/cán bộ/năm.

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của CSGD trong 5 năm gần đây

Nội dung	Năm thực hiện				
	2017	2018	2019	2020	2021
Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VND)	23883	30181	39691	47458	47746
Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VND/ người)	28.098	35.507	46.695	55.833	56.172

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

— [không thực hiện thống kê] —

31. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm gần đây

Phân loại sách	Số lượng					
	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
Sách chuyên khảo	12	6	3	7	10	38
Sách giáo trình	19	2	4	2	0	27
Sách tham khảo	1	3	4	0	1	9
Sách hướng dẫn	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	32	11	11	9	11	74

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0.0174 sách/cán bộ/năm.

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách trong 5 năm gần đây

— [không thực hiện thống kê] —

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

Phân loại tạp chí	Số lượng					
	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
Tạp chí khoa học quốc tế Trong đó:	253	260	301	319	333	1466
- Danh mục ISI	216	236	270	300	310	1332
- Danh mục Scopus	25	11	20	19	23	98
- Khác	12	13	11	0	0	36
Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	107	21	72	55	34	289
Tạp chí/ tập san cấp trường	60	110	22	49	69	310
Tổng cộng	673	651	696	742	769	3531

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.831 bài/cán bộ/năm.

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

— [không thực hiện thống kê] —

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây

Phân loại hội thảo	Số lượng					Tổng số
	2017	2018	2019	2020	2021	
Hội thảo quốc tế	109	55	76	81	54	375
Hội thảo trong nước	52	50	30	30	4	166
Hội thảo của trường	45	587	51	518	0	1201
Tổng cộng	206	692	157	629	58	1742

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 0.410 báo cáo/cán bộ/năm.

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây

— [không thực hiện thống kê] —

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2020	1/ Số: 8726/2020/QTG, cấp ngày 21/11/2020 do Cục bản quyền tác giả cấp và chứng nhận: Trần Minh Triết, Trần Ngọc Đạt Thành, Huỳnh Viêt Thám, Lê Công Luận 2/ Số: 1-2020-02325 ngày 24/4/2020 tại cục sở hữu trí tuệ, số 386 Nguyễn Trãi, Hà Nội: Nguyễn Trung Nhân, Nguyễn Thị Thanh Mai, Đặng Hoàng Phú, Đỗ Văn Nhật Trường, Lê Hữu Thọ, Nguyễn Xuân Hải, Nguyễn Huy Du, Suresh Awale 3/ Số 2-2020-00087 ngày 04-03-2020: Trần Đại Lâm, Phạm Thị Năm, Nguyễn Thị Thơm, Nguyễn Thị Thu Trang, Phạm Gia Vũ, Thái hoàng, Võ Thị Kiều Anh, Nguyễn Trung Huy, Lê Viêt Hải, Nguyễn Thái Hoàng, Huỳnh Lê Thanh Nguyên
2021	1/Số 1909/2021/QTG cấp ngày 24/3/2021 của Cục bản quyền tác giả: Nguyễn Thành An, Nguyễn Hải Đăng 2/ Số: 2378/2021/QTG, cấp ngày 09/04/2021 do Cục bản quyền tác giả cấp và chứng nhận: Trần Minh Triết, Trần Ngọc Đạt Thành, Nguyễn Mạnh Tiến, Đinh Trần Toàn 3/ Số: 1-21-1509 ngày 22-03-2021: Trần Văn Hiếu, Mai Hoàng Thuỳ Dung 4/ Số: 1-21-3573 ngày 16-06-2021: Trần Văn Hiếu, Trần Nguyễn Thảo Sương 5/ Số: 1-2021-02100 ngày 16-04-2021: Phan Bách Thắng, Tạ Thị Kiều Hanh, Phạm Thanh Tuấn Anh, Phạm Kim Ngọc, Hoàng Văn Dũng, Nguyễn Hữu Trương, Trần Cao Vinh, Trương Cao Đại, Lại Thị Hoa

38. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên

Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
	2017	2018	2019	2020	2021
Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	80	77	64	105	153
Số bài báo được đăng, công trình được công bố	67	37	85	118	65

V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

T T	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	319.890	X		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường Trong đó:	81.914	X		
-	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	30.124	X		
-	Thư viện, trung tâm học liệu	1.458	X		
-	-Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	19.394	X		
-	Diện tích phục vụ đào tạo, nghiên cứu chung	30.938	X		

40. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách	Bản sách
Khối ngành IV	13.742	33.228
Khối ngành V	10.933	28.289
Các môn chung (triết học, ngoại ngữ, pháp luật, tâm lý, thể chất quốc phòng, kinh tế)	900	2.400
Tổng	25.575	63.917

4.1. Tổng số thiết bị chính của trường

T T	Tên phòng/ giảng đường/lab	Số lượng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn (m ²)	Hình thức sử dụng		
					Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	PTN Kỹ thuật Hạt nhân	22	Người học, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	750	X		
<p>Danh mục trang thiết bị chính: 1. Hệ phân tích gama thực địa; 2. Hệ Thiết bị phân tích Gamma siêu tinh khiết; 3. Hệ phân tích hoạt động độ phóng xạ Alpha-Beta phòng thấp; 4. Hệ phổ kế Gamma HPGe dải rộng; 5. Hệ phổ kế tia X hiệu quả; 6. Hệ thí nghiệm VLHN; 7. Phổ kế; 8. Bộ điện phân tạo mẫu cho phổ kế Alpha; 9. Buồng chỉ phòng thấp; 10. Hệ Thiết bị đo Radon trong đất, nước, không khí; 11. Hệ làm lạnh nhiệt điện; 12. Máy vi tính và phần mềm mô phỏng; 13. Tủ hút phóng xạ cho buồng làm mẫu; 14. Máy nghiền thô; 15. Lò nung 11000°C; 16. Máy cất nước 2 lần; 17. Máy lấy mẫu khí xách tay hiện trường; 18. Tủ lạnh sau bảo quản mẫu sinh học; 19. Máy nén mẫu 10 lần; 20. Máy lắc gia nhiệt; 21. Tủ sấy 300 độ C; 22. Máy nghiền mẫu sinh học.</p>							
2	PTN Phân tích Trung tâm	27	Người học, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	121	X		
<p>Danh mục trang thiết bị chính: 1. Phổ kế công hưởng từ hạt nhân; 2. Hệ thống sắc ký lỏng khối phổ; 3. Hệ thống sắc ký điều chế; 4. Máy sắc ký điện di mao quản; 5. Hệ thống sắc ký Ion; 6. Lò phá mẫu vi sóng; 7. Hệ thống sắc ký khí Agilent; 8. Bơm chân không tuabin; 9. Bộ số hóa Digitizer (SMA Connector/0; 10. Detector độ dẫn; 11. Máy sinh khí Hydro; 12. Máy quang phổ UV-VIS; 13. Tủ hút khí độc; 14. Bơm chân không; 15. Máy lọc nước siêu sạch; 16. Máy cất nước 2 lần; 17. Bộ sinh khí Nito; 18. Máy ly tâm để bàn; 19. Máy nén khí không dầu; 20. Cân phân tích/ Cân phân tích hiện số; 21. Bộ phân tạo ion của thiết bị; 22. Bể rửa siêu âm; 23. Máy nén khí; 24. Máy cất nước; 25. Bộ cơ quay chân không; 26. Máy pH; 27. Bộ xử lý phin lọc than hoạt tính tổng hợp.</p>							
3	PTN Vật liệu Kỹ thuật cao	19	Người học, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	113	X		
<p>Danh mục trang thiết bị chính: 1. Eliprometer UVisel; 2. Máy quang phổ hồng ngoại; 3. Lò nung nhiệt độ cao; 4. Hệ chân không; 5. Máy quang phổ; 6. Lò nung ống chân không; 7. Máy trộn nghiền bi 4 chỗ tự động; 8. Cân phân tích điện tử; 9. Máy server; 10. Hệ bốc bay chân không; 11. Máy nghiền bi nhanh loại 1 chỗ; 12. Premplibier; 13. Máy công cụ; 14. Bơm chân không Turbo; 15. Tủ sấy chân không; 16. Máy ép thủy lực; 17. Đầu phóng điện khí; 18. Máy khoan; 19. Bơm chân không sơ cấp.</p>							

T T	Tên phòng/ giảng đường/lab	Số lượng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn (m ²)	Hình thức sử dụng		
					Sở hữu	Liên kết	Thuê
4	PTN Công nghệ Sinh học Phân tử	23	Người học, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	148	X		
Danh mục trang thiết bị chính: 1. Thiết bị R&D tinh chế protein tự động; 2. Máy ly tâm lạnh siêu tốc; 3. Máy ly tâm lượng lớn chế phẩm sinh học; 4. Thiết bị đồng nhất mẫu áp suất cao; 5. Thiết bị cô dung dịch SH lọc tiếp tuyến dùng cột màng lọc; 6. Máy đo phát sáng sinh học; 7. Tủ ẩm CO2 Binder; 8. Thiết bị đồng nhất; 9. Nồi hấp tiệt trùng tự động; 10. Máy nhân gen PCR; 11. Máy ổn áp 3 pha khô 150kVA; 12. Hệ thống chuyển gen bằng điện; 13. Máy rửa EUSA tự động; 14. Tủ lạnh sâu sanyo; 15. Kính hiển vi soi nổi Nikon; 16. Máy luân nhiệt PCR; 17. Tủ lạnh chuyên dụng 30 độ; 18. Máy ly tâm lạnh ống; 19. Máy cất nước 2 lần; 20. Kính hiển vi sinh học 3 mắt; 21. Nồi hấp tiệt trùng; 22. Thiết bị hỗ trợ làm khô mẫu; 23. Tủ mát chuyên dụng.							
5	PTN Công nghệ Phần mềm	3	Người học, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	80	X		
Danh mục trang thiết bị chính: 1. Máy vi tính/ Máy vi tính chuyên dụng (22 cái); 2. Máy vi tính đồ họa; 3. Thiết bị đọc thẻ thông minh							
6	PTN Thiết kế Vi mạch	4	Người học, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	96	X		
Danh mục trang thiết bị chính: 1. Máy vi tính (8 cái); 2. Máy phát xung; 3. Máy hiện sóng số; 4. Máy in 3D.							
7	PTN Nghiên cứu Ung thư	50	Người học, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	2752	X		
Danh mục trang thiết bị chính: 1. Hệ thống scan động vật nhỏ; 2. Kính hiển vi đồng tiêu; 3. Hệ thống chia chất lỏng tự động, công suất cao; 4. Hệ thống chuồng nuôi động vật nhỏ; 5. Hệ thống sắc ký lỏng cao áp điều chế; 6. Quang phổ hồng ngoại chuyển đổi Fourier 6600; 7. Hệ thống Máy ly tâm; 8. Hệ thống phân tích biểu hiện gen 5 màu; 9. Thiết bị cô đặc chân không có đông khô; 10. Hệ thống phân tích dòng tế bào tự động; 11. Máy phân tích và đếm tế bào tự động bằng hình ảnh huỳnh quang; 12. Hệ thống sắc ký điều chế nhanh; 13. Hệ thống kính hiển vi đảo ngược phản pha Nikon; 14. Hệ thống RealTime PCR; 15. Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao; 16. Bộ hóa hơi nhiều mẫu song song; 17. Hệ thống chụp ảnh gel điện di; 18. Hệ thống lọc tiếp tuyến bán tự động; 19. Hệ thống kính hiển vi huỳnh quang có camera kỹ thuật số; 20. Máy siêu âm phá tế bào; 21. Máy ly tâm lạnh đa năng; 22. Hệ thống chụp ảnh Gel và phát hiện hóa huỳnh quang; 23. Hệ thống sắc ký tinh chế Protein quy mô Lab scale; 24. Buồng ghi hoạt động của chuột; 25. Máy rửa phiên Elisa tự động; 26. Máy ủ nhiệt đa năng để bàn có kiểm soát độ ẩm; 27. Máy đồng hóa mẫu; 28. Máy ly tâm lạnh tách mẫu để bàn đa năng; 29. Máy lắc bông cho bình nuôi cấy; 30. Máy ổn nhiệt; 31. Tủ lạnh sâu chứa -30 độ C; 32. Máy siêu âm phá tế bào; 33. Tủ đông sâu -86 độ C; 34. Tủ an toàn sinh học cấp II; 35. Hệ thống cô quay chân không 1L; 36. Máy đọc Elisa; 37. Máy cất nước 2 lần; 38. Tủ lạnh âm 80 độ C; 39. Máy làm đá vảy PTN; 40. Bộ hoàn lưu cho máy cô quay;							

	41. Hệ thống chưng cất dung môi; 42. Máy bơm chân không; 43. Máy đo điểm chảy; 44. Thiết bị chuyển phân tử lên màng lai mini; 45. Bể siêu âm; 46. Máy ủ khay vi thể; 47. Máy ly tâm ống; 48. Máy đo pH để bàn; 49. Hệ thống bơm dung môi; 50. Bơm cao áp cung cấp dung môi.						
T T	Tên phòng/ giảng đường/lab	Số lượng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn (m ²)	Hình thức sử dụng		
					Sở hữu	Liên kết	Thuê
8	PTN Nghiên cứu & Ứng dụng Tế bào gốc	44	Người học, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	750	X		
	Danh mục trang thiết bị chính: 1. Máy tách tế bào gốc BD; 2. Hệ thống phân tích di truyền đa năng Geno Melab; 3. Máy huyết học dòng tế bào tự động; 4. Hệ thống ghi và chụp hình ảnh phát quang siêu vi; 5. Hệ thống phân tích tế bào RTCA; 6. Kính hiển vi đảo ngược đa năng Observer; 7. Hệ thống robot chia mẫu tự động; 8. Hệ thống Piezo ICSI; 9. Hệ thống buồng nuôi chuột; 10. RealTime PCR; 11. Hệ thống thiết bị phẫu thuật động vật; 12. Kính hiển vi huỳnh quang có chụp ảnh Axio; 13. Hệ thống nuôi tế bào huyền phủ; 14. Phòng sạch đa năng; 15. Hệ thống cất lát mô tự động; 16. Hệ thống đếm tế bào tự động; 17. Máy ly tâm lạnh tế bào bàn; 18. Tủ cấy an toàn sinh học cấp III; 19. Máy đông khô; 20. Máy phân tích biến nạp bằng xung điện; 21. Tủ cấy an toàn sinh học telstar BioUltra 4; 22. Máy rửa dụng cụ thủy tinh; 23. Tủ ấm CO ₂ ; 24. Hệ thống đông lạnh tự động; 25. Máy luân nhiệt Vapo; 26. Máy PCR Vapo; 27. Hệ thống chụp ảnh và phân tích hình ảnh; 28. Tủ ấm CO ₂ ; 29. Máy ly tâm lạnh; 30. Máy định lượng phân tích Biophotometer plus; 31. Nồi hấp tiệt trùng Hirayama; 32. Bình đựng phôi; 33. Thảm thấu kế nghiệm lạnh tự động; 34. Tủ cấy vi sinh; 35. Máy lọc nước siêu sạch Ultra; 36. Tủ ấm lắc; 37. Tủ hút khí độc; 38. Bàn thao tác giữ ấm; 39. Máy ly tâm ống nhỏ để bàn; 40. Bộ chuyển phân tử lên màng lai; 41. Kính hiển vi soi nổi Zeiss; 42. pH kế; 43. Máy Vortex Stuart; 44. Tủ cấy vi sinh.						
9	PTN Kỹ nghệ mô	32	Người học, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	174	X		
	Danh mục trang thiết bị chính: 1. Máy tạo khung 3D; 2. Kính hiển vi đảo ngược phản pha và huỳnh quang kèm theo camera; 3. Máy cất sinh thiết lạnh; 4. Hệ thống nuôi cấy tế bào 3 chiều; 5. Hệ thống nuôi và thao tác chuột; 6. Hệ thống nuôi cấy 3D; 7. Máy đông khô để bàn; 8. Kính hiển vi soi ngược phản pha; 9. Máy nghiền mẫu; 10. Tủ cấy an toàn sinh học Class II; 11. Máy quang phổ định lượng Axit Nuclei/ Protein Nano Drop; 12. Kính hiển vi soi nổi 3 mắt; 13. Máy PCR có chức năng gradient Mastercyder; 14. Máy chụp ảnh gel điện di; 15. Tủ đông sâu -86 độ C; 16. Tủ ấm CO ₂ ; 17. Tủ an toàn sinh học cấp II; 18. Nồi hấp tiệt trùng; 19. Tủ hút khí động; 20. Máy ly tâm để bàn đa năng; 21. Máy đọc Elisa; 22. Máy làm mát Ommi; 23. Bể rửa siêu âm Elmasonic; 24. Tủ mát trữ hóa chất; 25. Cân phân tích 4 số lẻ; 26. Máy khuấy từ gia nhiệt KTS; 27. Tủ sấy Oven; 28. Máy đo pH; 29. Hệ thống điện di và bộ nguồn; 30. Tủ đông Funiki; 31. Bộ tiền lọc cho máy cất nước Aquatron; 32. Bể ổn nhiệt.						

T T	Tên phòng/ giảng đường/lab	Số lượng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn (m ²)	Hình thức sử dụng		
					Sở hữu	Liên kết	Thuê
10	Phòng thí nghiệm Quang phổ-Quang tử	8	Người học, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	63	X		
Danh mục trang thiết bị chính: 1. Máy quang phổ UV-VIS; 2. Lò nung; 3. Hệ phun xạ sputtering; 4. Hệ Spin và Dip coating; 5. Hệ phân tích phổ Raman; 6. Bóng đèn D2; 7. Thiết bị gia nhiệt; 8. Bộ bia phun xạ.							
11	PTN Phân tích và kiểm soát ô nhiễm Môi trường	4	Người học, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	60.8	X		
Danh mục trang thiết bị chính: 1. Thiết bị thu mẫu Microplastic; 2. Hệ thống sắc ký lỏng khối phổ; 3. Máy hút ẩm; 3. Thiết bị phân tích carbon hữu cơ, carbon nguyên tố, tổng carbon trên giấy lọc bụi.							
12	PTN các Hệ thống Thông minh	20	Người học, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	150	X		
Danh mục trang thiết bị chính: 1. Hệ thống siêu máy tính HPE APOLO 6500; 2. Hệ thống siêu máy tính NVIDIA; 3. Hệ thống lưu trữ và backup dữ liệu thực hành thí nghiệm; 4. Hệ thống Core Switch 48 port 10Gbps xử lý dữ liệu tốc độ cao; 5. Máy vi tính Workstation chuyên dụng xử lý GPU; 6. Hệ thống lưu điện; 7. Laptop chuyên dụng; 8. Máy bay điều khiển; 9. Thiết bị quản lý kết nối máy chủ; 10. HTC VIVO PRO full kit; 11. Apple IMac 27inch; 12. Máy chiếu; 13. Máy vi tính; 14. Ipad Pro; 15. Lego; 16. Bộ lập trình Robot; 17. Bộ kính thực tế ảo; 18. Samsung Galaxy tab; 19. Sony Playstation; 20. Camera 360 độ.							
13	PTN Hóa lý Ứng dụng	38	Người học, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	80	X		
Danh mục trang thiết bị chính: 1. Thiết bị Đo ống trở; 2. Bộ mô phỏng ánh sáng mặt trời; 3. Máy đo lưu biến; 4. Máy cán 2 mục; 5. Lò nung; 6. Thiết bị đo điện hóa đa năng; 7. Hệ máy Autolab Potentiostat-Galvanostat; 8. Module điện cực giọt thủy ngân đa chức năng (Multi- Mode Electrode-MME); 9. Máy chỉnh lưu - Power Supply; 10. Máy khuấy cơ học; 11. Thiết bị siêu âm dòng – bồn siêu âm; 12. Bơm hút chân không dùng cho Evaporator; 13. Tủ sấy chân không (Glass Oven Drying); 14. Tủ thao tác (Glove box); 15. Máy quang phổ hấp thụ UV-VIS-NIR; 16. Máy đèn hai vít nhỏ; 17. Máy đúc khuôn phun nhỏ; 18. Hệ thống sắc ký ion; 19. Máy quang phổ tử ngoại khả kiến; 20. Bộ điện cực đĩa quay; 21. Vi điện cực điện hóa; 22. Thiết bị đo điện tích bề mặt BET và xác định khả năng hấp thụ vật lý, hóa học cho các vật liệu tự động; 23. Cân vi sai thạch anh 5MHz; 24. Máy đo ánh sáng; 25. Bếp đun bình cầu 1 lít; 26. Bếp đun bình cầu 0.5 lít; 27. Bình hút ẩm có vòi; 28. Bình phản ứng; 29. Bình đo tỷ trọng; 30. Buret tự động; 31. Máy đo vòng quay bằng laser; 32. Cốc giải nhiệt; 33. Máy đo độ dày màng bằng siêu âm; 34. Máy đo nhám bề mặt; 35. Máy đo độ bền va đập; 36. Máy đo độ bám dính; 37. Máy đo lưu biến với tùy chọn DMA.							
Tổng		294					

42. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2021: 303.564.831.774 đồng
- Năm 2020: 242.004.371.219 đồng
- Năm 2019: 223.172.059.872 đồng
- Năm 2018: 189.792.572.041 đồng
- Năm 2017: 180.817.330.133 đồng

43. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2021: 249.103.477.229 đồng
- Năm 2020: 201.881.679.778 đồng
- Năm 2019: 182.834.015.280 đồng
- Năm 2018: 153.332.463.145 đồng
- Năm 2017: 104.462.849.000 đồng

44. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

- Năm 2021: 54.029.749.362 đồng
- Năm 2020: 72.958.768.126 đồng
- Năm 2019: 24.511.014.139 đồng
- Năm 2018: 17.887.817.267 đồng
- Năm 2017: 14.629.711.547 đồng

45. Tổng thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

- Năm 2021: 36.389.452.922 đồng
- Năm 2020: 56.112.521.435 đồng
- Năm 2019: 25.765.318.256 đồng
- Năm 2018: 16.561.937.916 đồng
- Năm 2017: 12.983.901.775 đồng

46. Tổng chi cho hoạt động đào tạo:

- Năm 2021: 298.753.690.753 đồng
- Năm 2020: 214.891.785.085 đồng

- Năm 2019: 267.701.347.571 đồng
- Năm 2018: 204.533.448.542 đồng
- Năm 2017: 262.498.643.329 đồng

47. Tổng chi cho phát triển đội ngũ:

- Năm 2021: 441.242.500 đồng
- Năm 2020: 523.600.500 đồng
- Năm 2019: 727.276.290 đồng
- Năm 2018: 726.626.820 đồng
- Năm 2017: 891.337.212 đồng

48. Tổng chi cho hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm:

- Năm 2021: 198.447.990 đồng
- Năm 2020: 539.364.412 đồng
- Năm 2019: 458.759.926 đồng
- Năm 2018: 212.053.858 đồng
- Năm 2017: 173.525.175 đồng

VI. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

1. Kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục

STT	Nội dung	Kết quả
1	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	MOET
2	Năm hoàn thành báo cáo tự đánh giá lần 1	2015
3	Năm cập nhật báo cáo tự đánh giá	2016
4	Tên tổ chức đánh giá ngoài	VNU-CEA
5	Tháng/năm thực hiện đánh giá ngoài	10/2016
6	Kết quả đánh giá của Hội đồng KDCLGD	86,9%
7	Ngày cấp giấy chứng nhận kiểm định	3/4/2017
8	Giấy chứng nhận có giá trị đến	3/4/2022

2. Kiểm định chất lượng cấp chương trình đào tạo

TT	Nội dung	Tên chương trình đào tạo				
		Cử nhân Sinh học	Thạc sĩ Công nghệ sinh học	Cử nhân Công nghệ sinh học	Cử nhân Khoa học vật liệu	Cử nhân Khoa học máy tính (CTTT)
1	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	AUN-QA	AUN-QA	AUN-QA	AUN-QA	AUN-QA
2	Năm hoàn thành báo cáo tự đánh giá lần 1	2016	2018	2018	2019	2020
3	Năm cập nhật báo cáo tự đánh giá	2017	2018	2019	2020	2021
4	Tên tổ chức đánh giá ngoài	AUN-QA	AUN-QA	AUN-QA	AUN-QA	AUN-QA
5	Tháng/năm thực hiện đánh giá ngoài	10/2017	10/2018	9/2019	11/2020	9/2021
6	Kết quả đánh giá của Hội đồng KDCLGD	4.2	Better than Adequate	Adequate as Expected	Adequate as Expected	Better than Adequate
7	Ngày cấp giấy chứng nhận kiểm định	30/12/17	12/11/18	12/10/19	4/1/21	10/10/21
8	Giấy chứng nhận có giá trị đến	29/12/22	11/11/23	11/10/24	3/1/26	9/10/26

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, nhà trường tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

1. Giảng viên:

- Tổng số giảng viên cơ hữu: 417 người.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 43.8%.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu: 61.15%.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu: 38.37%.

2. Sinh viên:

- Tổng số sinh viên chính quy: 15601 người.
- Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 18.14.
- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào: 56.2%.

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

- Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: 65.07%.
- Tỷ lệ sinh viên trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: 25.28%.

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

- Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả sinh viên chưa có việc làm học tập nâng cao: 41.94%
- Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo: 26.24%.
- Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số sinh viên có việc làm: 8.62%.
- Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm: 10,9 triệu VND.

5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay: 55.43%.
- Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm: 31.52%

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 0.0936 đề tài/cán bộ/năm.
- Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 44.461 triệu đồng/cán bộ/năm.
- Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0.0174 sách/cán bộ/năm.
- Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: 0.831 bài/cán bộ/năm.
- Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 0.410 báo cáo/cán bộ/năm.

7. Cơ sở vật chất (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

- Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy: 5.3m²/sinh viên.
- Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên sinh viên chính quy: 2.6 chỗ/ sinh viên.

8. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

- Cấp cơ sở giáo dục: Đạt 86,9% (3/2017-3/2022).
- Cấp chương trình đào tạo: 5 CTĐT đạt chuẩn AUN-QA từ 2017-2021.

Phụ lục 2. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 216/QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Đại học Quốc gia Tp.HCM về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Tp.HCM;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá trường Đại học Khoa học Tự nhiên gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị trực thuộc trường và các thành viên của Hội đồng tự đánh giá chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s. *KD*

Nơi nhận:

- ĐHQG (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu VT, KTĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Lê Quan


Danh sách Hội đồng Tự đánh giá

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM
 (Kèm theo Quyết định số 216/QĐ-KHTN ngày 21 tháng 02 năm 2022)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Trần Lê Quan	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	PGS.TS. Trần Cao Vinh	Chủ tịch Hội đồng trường	Phó Chủ tịch
3	GS.TS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
4	PGS.TS. Trần Minh Triết	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
5	TS. Trịnh Thanh Đèo	Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCL	Thư ký, Thường trực
6	ThS. Phùng Quán	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính	Ủy viên
7	ThS. Phan Ngô Hoang	Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính	Ủy viên
8	TS. Trần Thái Sơn	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
9	PGS.TS. Đặng Thị Phương Thảo	Phụ trách phòng Đào tạo SDH	Ủy viên
10	PGS.TS. Trần Văn Mẫn	Trưởng phòng Khoa học Công nghệ	Ủy viên
11	ThS. Lê Thị Nga	Trưởng phòng Quản trị Thiết bị	Ủy viên
12	PGS.TS. Ngô Đại Nghiệp	Trưởng phòng Quan hệ Đối ngoại	Ủy viên
13	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hân	Trưởng phòng Công tác Sinh viên	Ủy viên
14	ThS. Trần Vũ	Trưởng phòng Thông tin Truyền thông	Ủy viên
15	ThS. Hà Minh Ninh	Trưởng phòng TTPC & SHTT	Ủy viên
16	Ông Lương Minh Hòa	Quyền Giám đốc Thư viện	Ủy viên
17	ThS. Nguyễn Thị Cẩm Loan	Kế toán trưởng	Ủy viên
18	PGS.TS. Mai Hoàng Biên	Trưởng khoa Toán - Tin học	Ủy viên
19	PGS.TS. Huỳnh Văn Tuấn	Trưởng khoa Vật lý - VLKT	Ủy viên
20	PGS.TS. Nguyễn Trung Nhân	Trưởng khoa Hóa học	Ủy viên
21	PGS.TS. Quách Ngô Diễm Phương	Phó trưởng khoa phụ trách Khoa Sinh học - CNSH	Ủy viên
22	TS. Đinh Bá Tiến	Trưởng khoa CNTT	Ủy viên
23	TS. Huỳnh Hữu Thuận	Trưởng khoa Điện tử - Viễn thông	Ủy viên
24	PGS.TS. Trần Thị Thanh Vân	Trưởng khoa KH&CN Vật liệu	Ủy viên
25	PGS.TS. Phạm Trung Hiếu	Trưởng khoa Địa chất	Ủy viên
26	PGS.TS. Đào Nguyên Khôi	Trưởng khoa Môi trường	Ủy viên
27	ThS. Nguyễn Văn Tịnh	Bí thư Đoàn Thanh niên	Ủy viên

Danh sách gồm có 27 người *MT*

Danh sách thành viên Nhóm thư ký

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**
(Kèm theo Quyết định số 216/QĐ-KHTN ngày 21 tháng 02 năm 2022)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trịnh Thanh Đèo	Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCL	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Thùy Trang	Phó Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên
3	Trần Thị Trâm Anh	Chuyên viên phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên
4	Huỳnh Thị Kim Lan	Chuyên viên phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên
5	Hoàng Thị Thu Thắm	Chuyên viên văn phòng Hội đồng trường	Thành viên
6	Võ Thị Thùy Dương	Chuyên viên phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
7	Tiêu Thảo Trang	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
8	Quách Ngọc Mai	Chuyên viên phòng Đào tạo Sau Đại học	Thành viên
9	Hồ Ngọc Trang Anh	Chuyên viên phòng Khoa học Công nghệ	Thành viên

Danh sách gồm có 09 người 

Danh sách các nhóm công tác chuyên trách

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo Quyết định số 216/QĐ-KHTN ngày 21 tháng 02 năm 2022)

1. Nhóm 1. Phụ trách tiêu chuẩn 2, 3, 6, 19.

STT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Ghi chú
1	Phùng Quán	Trưởng phòng TCHC	Trưởng nhóm
2	Hà Minh Ninh	Trưởng phòng TTPC&SHTT	Thành viên
3	Võ Thị Thùy Dương	Chuyên viên phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
4	Quách Ngô Diễm Phương	Phó trưởng khoa phụ trách Khoa SH- CNSH	Thành viên
5	Trần Thị Thanh Vân	Trưởng khoa KH&CN Vật liệu	Thành viên

2. Nhóm 2. Phụ trách các tiêu chuẩn 1, 4, 5, 7, 25.

STT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Ghi chú
1	Phan Ngô Hoàng	Trưởng phòng KH-TC	Trưởng nhóm
2	Lê Thị Nga	Trưởng phòng QTTB	Thành viên
3	Lương Minh Hòa	Quyền Giám đốc Thư viện	Thành viên
4	Hoàng Thị Thu Thắm	Chuyên viên VP Hội đồng trường	Thành viên
5	Nguyễn Thị Cẩm Loan	Kế toán trưởng	Thành viên
6	Huỳnh Hữu Thuận	Trưởng khoa Điện tử - Viễn thông	Thành viên

3. Nhóm 3. Phụ trách các tiêu chuẩn 8, 18, 20, 23.

STT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Ghi chú
1	Trần Văn Mẫn	Trưởng phòng KHCN	Trưởng nhóm
2	Ngô Đại Nghiệp	Trưởng phòng QHĐN	Thành viên
3	Hồ Ngọc Trang Anh	Chuyên viên phòng Khoa học Công nghệ	Thành viên
4	Huỳnh Thị Kim Lan	Chuyên viên phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên
5	Nguyễn Trung Nhân	Trưởng khoa Hóa học	Thành viên
6	Phạm Trung Hiếu	Trưởng khoa Địa chất	Thành viên

4. Nhóm 4. Phụ trách các tiêu chuẩn 9, 10, 11, 12, 16, 17, 21, 24.

STT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Ghi chú
1	Trịnh Thanh Đào	Trưởng phòng KT&ĐBCL	Trưởng nhóm
2	Trần Vũ	Trưởng phòng Thông tin Truyền thông	Thành viên
3	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Trưởng phòng CTSV	Thành viên
4	Trần Thị Trâm Anh	Chuyên viên phòng Khảo thí và ĐBCL	Thành viên
5	Mai Hoàng Biên	Trưởng khoa Toán - Tin học	Thành viên
6	Đào Nguyên Khôi	Trưởng khoa Môi trường	Thành viên

5. Nhóm 5. Phụ trách các tiêu chuẩn 13,14,15,22.

STT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Ghi chú
1	Trần Thái Sơn	Trưởng phòng Đào tạo	Trưởng nhóm
2	Đặng Thị Phương Thảo	Phụ trách phòng Đào tạo Sau Đại học	Thành viên
3	Tiêu Thảo Trang	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
4	Quách Ngọc Mai	Chuyên viên phòng Đào tạo Sau Đại học	Thành viên
5	Huỳnh Văn Tuấn	Trưởng khoa Vật lý - VLKT	Thành viên
6	Đinh Bá Tiến	Trưởng khoa CNTT	Thành viên

Danh sách gồm có 29 người *29*

Kế hoạch triển khai hoạt động tự đánh giá

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 248/KH-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2022

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ CẤP CSGD GIAI ĐOẠN 2017 – 2021

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm rà soát và đánh giá chất lượng các hoạt động của Trường giai đoạn 2017 - 2021, qua đó xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường và đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phạm vi, công cụ tự đánh giá

Đánh giá tổng thể hoạt động của nhà trường trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2021 dựa trên Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường Đại học, được quy định theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và các tài liệu hướng dẫn liên quan của Bộ GDĐT ban hành.

3. Hội đồng tự đánh giá

3.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo quyết định số 216/QĐ-KHTN ngày 21/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM. Hội đồng gồm có 27 thành viên theo danh sách.

3.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách theo danh sách.

4. Kế hoạch huy động các nguồn lực

4.1. Về nhân lực

Ngoài các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và thành viên thường trực của các nhóm chuyên trách thì tùy theo tình hình và yêu cầu thực tế khi triển khai công tác tự đánh giá, Hội đồng sẽ huy động thêm cán bộ từ các đơn vị (Khoa/ Phòng/ Các đơn vị trực thuộc Trường,...).

4.2. Về cơ sở vật chất và tài chính

Tận dụng cơ sở vật chất hiện có và có thể mua sắm thêm các trang thiết bị cần thiết khi có yêu cầu phải cải thiện, nâng cấp để phục vụ tốt các hoạt động Đào tạo, NCKH và các hoạt động khác phục vụ người học.

Các nội dung chi cơ bản cho công tác tự đánh giá như: Tập huấn; Thuê chuyên gia tư vấn; Thu thập và xử lý minh chứng; Viết báo cáo tự đánh giá; Phụ cấp tránh nhiệm của



Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, nhóm chuyên trách; Chi vật tư, in ấn, văn phòng phẩm; Tổ chức họp,... trên cơ sở kinh phí dự trù hoạt động KT&ĐBCL năm 2022).

5. Kế hoạch thu thập thông tin ở ngoài nhà trường

Tùy tình hình và yêu cầu thực tế trong quá trình thực hiện, các nhóm chuyên trách nếu có nhu cầu thu thập thông tin từ nguồn ngoài trường sẽ có đề xuất cụ thể (Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có...) và đề xuất lên Hội đồng tự đánh giá.

6. Kế hoạch thuê chuyên gia từ bên ngoài

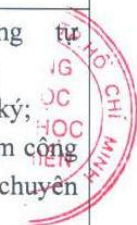
Tùy tình hình và yêu cầu thực tế trong quá trình thực hiện, nếu có nhu cầu thì Hội đồng tự đánh giá sẽ xác định cụ thể những lĩnh vực cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê.

7. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá khoảng 6 tháng, kế hoạch như sau:

Thời gian	Các hoạt động	Thành phần thực hiện
Tuần 1 (14/02/2022 -20/02/2022)	<ul style="list-style-type: none">Họp Lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá.Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách.Họp Hội đồng tự đánh giá để:<ul style="list-style-type: none">Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;Phân công dự thảo kế hoạch tự đánh giá;Dự kiến các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ được giao.Hoàn thành bản dự thảo kế hoạch tự đánh giá.	<ul style="list-style-type: none">Lãnh đạo nhà trường;Các thành viên trong Hội đồng TĐG & Ban thư ký.
Tuần 2 (21/02/2022 -27/02/2022)	<ul style="list-style-type: none">Tổ chức Họp về phổ biến quy trình, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, Nhóm chuyên trách, các cán bộ chủ chốt của nhà trường, khoa, phòng chức năng.Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách giúp	<ul style="list-style-type: none">Hội đồng tự đánh giá;Ban thư ký;Các nhóm công tác chuyên trách;Các cán bộ

Thời gian	Các hoạt động	Thành phần thực hiện
	việc cho Hội đồng. • Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD.	chốt của nhà trường, khoa, phòng, ban.
Tuần 3 – 6 (28/02/2022 -27/03/2022)	• Các nhóm chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí được phân công. • Thực hiện song song các công tác phục vụ cho quá trình viết báo cáo: - Thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Mô tả thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải các kết quả đạt được.	- Nhóm chuyên trách; - Ban thư ký.
Tuần 7 - 8 (28/03/2022 -10/04/2022)	• Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết). • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá lần 1.	-Nhóm chuyên trách; - Ban thư ký.
Tuần 9 - 10 (11/04/2022 -24/04/2022)	Hội đồng tự đánh giá: • Xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá. • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá. • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được. • Xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung.	-Hội đồng tự đánh giá; - Ban thư ký;
Tuần 11 - 12 (25/04/2022 - 08/05/2022)	• Các nhóm chuyên trách rà soát, điều chỉnh, bổ sung các thông tin, minh chứng cho các tiêu chuẩn /tiêu chí trong dự thảo báo cáo tự đánh giá lần 1 theo góp ý của Hội đồng Tự đánh giá. • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn đã điều chỉnh thành dự thảo báo cáo tự đánh giá lần 2.	-Hội đồng tự đánh giá; - Ban thư ký; - Các nhóm chuyên trách;
Tuần 13 - 14 (09/05/2022 - 22/05/2022)	• Hội đồng tự đánh giá họp với các đơn vị (khoa, phòng chức năng, ...) để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý. • Các đơn vị xem xét và đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo tự đánh giá lần 2.	- Hội đồng tự đánh giá; -Các cán bộ chủ chốt của nhà trường, khoa, phòng chức năng;
Tuần 15 - 16	• Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các góp ý. Hội	- Hội đồng tự



Thời gian	Các hoạt động	Thành phần thực hiện
(23/05/2022 - 05/06/2022)	<ul style="list-style-type: none"> đồng tự đánh giá thông qua dự thảo báo cáo tự đánh giá lần 3. Thực hiện công tác số hóa toàn bộ hệ thống minh chứng online. 	đánh giá; -Ban thư ký; - Nhóm chuyên trách.
Tuần 17 - 20 (06/06/2022 -03/07/2022)	<ul style="list-style-type: none"> Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp từ toàn thể CB-VC, GV và SV. Gửi chuyên gia thẩm định, góp ý dự thảo báo cáo tự đánh giá (Trung tâm Khảo thí và ĐGCLĐT, ĐHQG-HCM). Hoàn thiện hệ thống minh chứng online. 	-Hội đồng tự đánh giá; -Ban thư ký; - Nhóm chuyên trách. -P.KT&ĐBCL
Tuần 21 -22 (04/07/2022 -17/07/2022)	Hội đồng tự đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> Họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến góp ý và khuyến nghị. Đề xuất những cải tiến về đảm bảo chất lượng. Thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối. 	-Hội đồng tự đánh giá; -Ban thư ký; - Nhóm chuyên trách.
Tuần 23 (18/07/2022 -24/07/2022)	<ul style="list-style-type: none"> Trình bản báo cáo hoàn thiện cho Hiệu trưởng phê duyệt. Lưu trữ bản báo cáo tự đánh giá và công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ GDĐT. 	-P.KT&ĐBCL
Tuần 24 (25/07/2022 -31/07/2022)	<ul style="list-style-type: none"> Gửi báo cáo tự đánh giá cho Trung tâm Kiểm định, ĐHQG-Hà Nội thẩm định. 	-P.KT&ĐBCL

Nơi nhận:

- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị (để phối hợp thực hiện);
- Hội đồng, Ban TK, Các nhóm công tác Chuyên trách (để thực hiện);
- Lưu VT, KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TĐG



Trần Lê Quan

Phụ lục 3. DANH MỤC MINH CHỨNG

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa			
<i>Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan</i>			
H01.01.01	Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của trường	563/QĐ-DHQG, 23/06/2017	DHQG-HCM
H01.01.02	Quyết định thành lập Tổ Xây dựng Kế hoạch chiến lược	206/QĐ-KHTN, 23/02/2016	DH KHTN
H01.01.03	Biên bản Hội thảo Xây dựng Kế hoạch chiến lược	27/01/2021	DH KHTN
H01.01.04	Công văn trình DHQG-HCM phê duyệt Kế hoạch chiến lược	1150/KHTN, 22/12/2016	DH KHTN
H01.01.05	Quyết định phê duyệt Kế hoạch chiến lược	563/QĐ-DHQG, 23/06/2017	DHQG-HCM
H01.01.06	Kế hoạch chiến lược 2016-2020 của DHQG-HCM (trích trang bìa và mục lục)	8/2016	DHQG-HCM
H01.01.07	Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các trường thành viên và các Khoa trực thuộc DHQG-HCM.	867/QĐ-DHQG, 17/08/2016	DHQG-HCM
<i>Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục</i>			
H01.02.01	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Tổ triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược 2016-2020	1125/QĐ-KHTN, 21/07/2017	DH KHTN
H01.02.02	Quyết định thành lập tổ giám sát triển khai Kế hoạch chiến lược 2016-2020	2504/QĐ-KHTN, 23/12/2018	DH KHTN
H01.02.03	Quy định chức năng nhiệm vụ phòng/ban	1323/QĐ-KHTN, 15/09/2016	DH KHTN
H01.02.04	Kế hoạch hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H01.02.05	Một số hoạt động quảng bá thương hiệu trường	website trường	ĐH KHTN
H01.02.06	Kế hoạch tư vấn tuyển sinh	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện</i>			
H01.03.01	Kế hoạch hoạt động và nhiệm vụ trọng tâm năm học (trích Báo cáo Hội nghị đại biểu cán bộ viên chức hằng năm), giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H01.03.02	Biên bản Hội nghị cán bộ viên chức hằng năm, giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H01.03.03	Một số hình ảnh các chương trình gặp gỡ, đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo nhà trường với sinh viên hằng năm, giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan</i>			
H01.04.01	Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan, giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H01.04.02	Hội nghị sơ kết Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2017-2018 và phương hướng triển khai giai đoạn 2018-2020	187/KH-KHTN, 26/7/2018	ĐH KHTN
H01.04.03	Quyết định phê duyệt Kế hoạch chiến lược (rà soát và điều chỉnh)	648/QĐ-DHQG, 3/6/2019	DHQG-HCM
<i>Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan</i>			
H01.05.01	Trích báo cáo giữa chu kỳ kiểm định của trường	2019	ĐH KHTN
H01.05.02	Nghị quyết của Đảng ủy chỉ đạo BGH chủ trì việc xây dựng và triển khai KHCL 2021-2025	01/NQ-DU, 28/01/2021	ĐH KHTN
H01.05.03	Trích trang thông tin về sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi trong KHCL 2021-2025 của trường	1553/QĐ-DHQG, 17/12/2021	DHQG-HCM

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
Tiêu chuẩn 2. Quản trị			
<i>Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của cơ sở giáo dục</i>			
H02.01.01	Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các trường thành viên và các Khoa trực thuộc ĐHQG-HCM.	867/QĐ-DHQG, 17/06/2016	ĐHQG-HCM
H02.01.02	Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Đảng bộ Trường	460/QĐ-ĐU, 26/06/2020	Đảng ủy ĐHQG-HCM
H02.01.03	Các nghị quyết của Đảng ủy	2020, 2021	Đảng ủy ĐH KHTN
H02.01.04	Nghị quyết công nhận Hội đồng Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM	19/NQ-HDDHQG, 13/10/2020	ĐHQG-HCM
H02.01.05	Các nghị quyết của Hội đồng Trường	2021	Chủ tịch HĐT
H02.01.06	Quyết định phân công công tác thành viên Ban giám hiệu	1375/QĐ-KHTN, 26/10/2020 1563/QĐ-KHTN, 29/11/2021	ĐH KHTN
H02.01.07	Báo cáo Hội nghị VC-NLD từ năm 2017 đến năm 2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H02.01.08	Biên bản họp giao ban hàng tháng (trang đầu và trang cuối, T1-12/2021)	2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện</i>			
H02.02.01	Chương trình làm việc toàn khóa của BGH Đảng bộ trường	130/CTr-ĐU, 30/06/2020	ĐH KHTN
H02.02.02	Chương trình hoạt động của Đảng bộ năm 2021	01/CTr-ĐU, 28/01/2020	ĐH KHTN
H02.02.03	Nội quy cơ quan	516/QĐ-KHTN, 10/06/2020	ĐH KHTN
H02.02.04	Quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định ban hành và mục lục)	810B/QĐ-KHTN, 3/6/2021	ĐH KHTN
H02.02.05	Quy chế đào tạo trình độ đại học (Quyết định ban hành, trang đầu và trang cuối của quy chế)	1175/QĐ-KHTN, 24/09/2021	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H02.02.06	Quy chế quản trị tài sản trí tuệ (Quyết định ban hành, trang đầu và trang cuối của quy chế)	326/QĐ-KHTN, 14/03/2022	ĐH KHTN
H02.02.07	Quy định về chế độ làm việc của giảng viên và nghiên cứu viên (Quyết định ban hành, trang đầu và trang cuối của quy chế)	826/QĐ-KHTN, 14/06/2021	ĐH KHTN
H02.02.08	Ảnh chụp công khai trên website quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc trường		ĐH KHTN
H02.02.09	Các hoạt động của Công đoàn trường	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H02.02.10	Báo cáo hoạt động của Đoàn TNCS-HCM và Hội SV (2017-2021, trang đầu và trang cuối)	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên</i>			
H02.03.01	Kết quả rà soát quy hoạch nhân sự của Đảng ủy	05/NQ-DU, 8/3/2021	ĐH KHTN
H02.03.02	Quyết định thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo	575/QĐ-KHTN, 20/04/2022	ĐH KHTN
H02.03.03	Quyết định thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng	601/QĐ-KHTN, 25/04/2022	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn</i>			
H02.04.01	Nghị quyết công nhận Hội đồng Trường	19/NQ-HDDHQG, 13/10/2020	Hội đồng ĐHQG-HCM
H02.04.02	Quyết định ban hành quy trình công tác nhân sự	286/QĐ-KHTN, 16/04/2020	ĐH KHTN
H02.04.03	Chế độ làm việc của giảng viên năm 2021	826/QĐ-KHTN, 14/06/2021	ĐH KHTN
H02.04.04	Quyết định đổi tên, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị thuộc trường	1057B/QĐ-KHTN, 11/07/2017	ĐH KHTN
H02.04.05	Quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến và Hội đồng khoa học	1279/QĐ-KHTN, 19/07/2018	ĐH KHTN
H02.04.06	Quyết định công nhận sáng kiến	923/QĐ-KHTN, 20/07/2021	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H02.04.07	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng	913/QĐ-KHTN, 03/07/2019	ĐH KHTN
H02.04.08	Các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng	73/KH-KHTN, 25/06/2020	ĐH KHTN
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và Quản lý			
<i>Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục</i>			
H03.01.01	Quyết định phân công công tác thành viên Ban giám hiệu	1563/QĐ-KHTN, 29/11/2021	ĐH KHTN
H03.01.02	Hình chụp công khai Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc trường		ĐH KHTN
H03.01.03	Quy định về chế độ làm việc của giảng viên và nghiên cứu viên (Quyết định ban hành, trang đầu và trang cuối của quy chế)	826/QĐ-KHTN, 14/06/2021	ĐH KHTN
H03.01.04	Nghị quyết Hội đồng Trường về giới thiệu Hiệu trưởng	97/NQ-HDTKHTN 20/1/2022	ĐH KHTN
H03.01.05	Quyết định của giám đốc ĐHQG-HCM về việc công nhận Hiệu trưởng	1442/QĐ-DHQG, 17/11/2021	DHQG-HCM
H03.01.06	Các nghị quyết của Đảng ủy về quy hoạch nhân sự quản lý	41/NQ-DU, 24/02/2017	ĐH KHTN
H03.01.07	Kế hoạch giới thiệu, bổ nhiệm viên chức quản lý	06/KH-KHTN, 11/01/2022	ĐH KHTN
H03.01.08	Quyết định phê duyệt đề án vị trí việc làm	1148/QĐ-DHQG, 13/09/2021	DHQG-HCM
<i>Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục</i>			
H03.02.01	Quyết định phê duyệt KHCL giai đoạn 2021-2025	1553/QĐ-DHQG, 7/12/2021	DHQG-HCM
H03.02.02	Thông tin kế hoạch chiến lược trên web trường		ĐH KHTN
H03.02.03	Biên bản họp giao ban hàng tháng (trang đầu và trang cuối, T1-12/2021)	2021	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
<i>Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên</i>			
H03.03.01	Triển khai hoạt động đánh giá viên chức Hằng năm, giai đoạn 2017-2021	Hằng năm, 2017-2021	P.TCHC
H03.03.02	Kết quả đánh giá viên chức năm (chọn dữ liệu năm 2021)	101/KHTN-TCHC, 8/2/2022	P.TCHC
<i>Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn</i>			
H03.04.01	Nghị quyết công nhận Hội đồng Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM	19/NQ-HDDHQG, 13/10/2020	ĐHQG-HCM
H03.04.02	Các nghị quyết của Hội đồng trường	2021	Chủ tịch HĐT
H03.04.03	Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Đảng bộ Trường	460/QĐ-ĐU, 26/06/2020	Đảng ủy ĐHQG-HCM
H03.04.04	Các nghị quyết của Đảng ủy	2020, 2021	Đảng ủy ĐH KHTN
H03.04.05	Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các trường thành viên và các Khoa trực thuộc ĐHQG-HCM.	867/QĐ-DHQG, 17/06/2016	ĐHQG-HCM
H03.04.06	Quyết định đổi tên, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị thuộc trường	1057B/QĐ-KHTN, 11/07/2017	ĐH KHTN
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược			
<i>Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng</i>			
H04.01.01	Quyết định thành lập Tổ Xây dựng Kế hoạch chiến lược	206/QĐ-KHTN, 23/02/2016	ĐH KHTN
H04.01.02	Báo cáo kết quả thực hiện KHCL giai đoạn 2010-2015	2016	ĐH KHTN
H04.01.03	Kế hoạch chiến lược 2016-2020 của ĐHQG-HCM (trích trang bìa và mục lục)	8/2016	ĐHQG-HCM
H04.01.04	Công văn hoàn chỉnh KHCL 2016-2020 theo góp ý của Hội đồng thẩm định	477/KHTN, 30/05/2017	ĐH KHTN
H04.01.05	Quyết định phê duyệt KHCL 2016-2020	563/QĐ-DHQG, 23/06/2017	ĐHQG-HCM

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
<i>Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện</i>			
H04.02.01	Thông tin kế hoạch chiến lược trên web trường		DH KHTN
H04.02.02	Nhóm chiến lược về Đào tạo, KHCL 2016-2020	563/QĐ-DHQG, 23/06/2017	DHQQ-HCM
H04.02.03	Nhóm chiến lược về Khoa học Công nghệ, KHCL2016-2020	563/QĐ-DHQG, 23/06/2017	DHQQ-HCM
H04.02.04	Nhóm chiến lược về quan hệ đối ngoại, KHCL2016-2020	563/QĐ-DHQG, 23/06/2017	DHQQ-HCM
H04.02.05	Nhóm chiến lược về xây dựng đội ngũ và quản trị hệ thống, KHCL2016-2020	563/QĐ-DHQG, 23/06/2017	DHQQ-HCM
H04.02.06	Nhóm chiến lược về phát triển cơ sở vật chất và phát triển nguồn lực tài chính, KHCL2016-2020	563/QĐ-DHQG, 23/06/2017	DHQQ-HCM
H04.02.07	Kết quả thẩm định Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của trường	2028/TB-HĐTĐ, 15/12/2021	DHQQ-HCM
H04.02.08	Các quyết định triển khai Kế hoạch chiến lược 2016-2020	1125/QĐ-KHTN, 21/07/2017	DH KHTN
H04.02.09	Quyết định thành lập Tổ giám sát triển khai kế hoạch triển khai KHCL 2021-2025	2504/QĐ-KHTN, 03/12/2018	DH KHTN
H04.02.10	Nghị quyết của Đảng ủy chỉ đạo BGH chủ trì xây dựng KHCL 2021-2025	01/NQ-DU, 28/01/2021	DH KHTN
<i>Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục</i>			
H04.03.01	Phục lục 2 KHCL 2016-2020: Tổng hợp các chiến lược và chương trình (bao gồm các chỉ số KPIs)	563/QĐ-DHQG, 23/06/2017	DHQQ-HCM
H04.03.02	Kế hoạch Sơ kết thực hiện KHCL giai đoạn 2017-2028 và phương hướng triển khai giai đoạn 2018-2020	187/KH-KHTN, 26/11/2018	DH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
<i>Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục</i>			
H04.04.01	Công văn hoàn chỉnh Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 theo góp ý của Hội đồng thẩm định	477/KHTN, 30/05/2017	ĐH KHTN
H04.04.02	Quyết định phê duyệt Kế hoạch chiến lược (rà soát và điều chỉnh)	648/QĐ-DHQG, 3/6/2019	DHQG-HCM
H04.04.03	Quyết định thành lập Tổ Xây dựng Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025	65/QĐ-KHTN, 11/1/2021	ĐH KHTN
H04.04.04	Báo cáo tổng kết triển khai Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020	521/KHTN, 15/6/2021	ĐH KHTN
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng			
<i>Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng</i>			
H05.01.01	Quy định về chức năng nhiệm vụ Phòng ban chức năng trực thuộc trường	1323/QĐ-KHTN, 15/09/2016	ĐH KHTN
H05.01.02	Quy định về việc quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học tại trường	2131/QĐ-KHTN-KH, 30/6/2015	ĐH KHTN
H05.01.03	Quy định về quy trình thực hiện đề tài cấp trường	2132/QĐ-KHTN-KH, 30/6/2015	ĐH KHTN
H05.01.04	Quy định về quy trình ký kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ Khoa học công nghệ	2133/QĐ-KHTN-KH, 30/6/2015	ĐH KHTN
H05.01.05	Quy định về tiêu chí xét thưởng công bố khoa học quốc tế	2134/QĐ-KHTN-KH, 30/6/2015	ĐH KHTN
H05.01.06	Các quy trình triển khai công tác quản lý đào tạo	1552B/QĐ-KHTN-KH, 4/9/2019	ĐH KHTN
H05.01.07	Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của BCH Trung ương Đảng (Khóa XI)	65-BC/ĐU, 8/4/2022	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
<i>Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện</i>			
H05.02.01	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường	1551/QĐ-KHTN-KH, 1/10/2014	DH KHTN
H05.02.02	Biên bản họp giao ban hàng tháng (trang đầu và trang cuối, T1-12/2021)	2021	DH KHTN
H05.02.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Thanh tra-Pháp chế-Sở hữu trí tuệ	851/QĐ-KHTN, 20/6/2019	DH KHTN
<i>Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên</i>			
H05.03.01	Báo cáo sơ kết tình hình hoạt động của trường theo định kỳ (chọn đại diện báo cáo sơ kết tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2020)	470/KHTN-TCHC, 4/6/2020	DH KHTN
H05.03.02	Báo cáo sơ kết KHCL2016-2020	187/KH-KHTN, 26/7/2018	DH KHTN
H05.03.03	Báo cáo tổng kết KHCL 2016-2020	521/KHTN, 15/6/2021	DH KHTN
<i>Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan</i>			
H05.04.01	Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan, giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H05.04.02	Hệ thống các chỉ tiêu và các giải pháp thực hiện KHCL 2021-2025	1553/QĐ-DHQG, 7/12/2021	DHQG-HCM
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực			
<i>Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng</i>			
H06.01.01	Trích yếu các nội dung liên quan đến quản trị nguồn lực trong KHCL 2021-2025	1553/QĐ-DHQG, 7/12/2021	DHQG-HCM
H06.01.02	Quyết định phê duyệt đề án vị trí việc làm năm 2021	1148/QĐ-DHQG, 13/09/2021	DHQG-HCM

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
<i>Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến</i>			
H06.02.01	Quy trình quản lý nhân sự của trường	286/QĐ-KHTN, 16/04/2020	ĐH KHTN
H06.02.02	Kế hoạch tuyển dụng nhân sự	85/KHTN-TCHC, 5/5/2022	ĐH KHTN
H06.02.03	Thông báo xét tuyển viên chức	86/TB-KHTN, 5/5/2022	ĐH KHTN
H06.02.04	Ảnh chụp thông tin tuyển dụng trên website trường		ĐH KHTN
H06.02.05	Kế hoạch giới thiệu, bổ nhiệm viên chức quản lý	06/KH-KHTN, 11/01/2022	ĐH KHTN
H06.02.06	Các quyết định thành lập các hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư hàng năm	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau</i>			
H06.03.01	Phụ lục đề án vị trí việc làm của trường	5/5/2017	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó</i>			
H06.04.01	Rà soát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng hàng năm	2019, 2020, 2021, 2022	ĐH KHTN
H06.04.02	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm	118/KH-KHTN, 15/02/2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng</i>			
H06.05.01	Kế hoạch đánh giá xếp loại viên chức hàng năm	149/KHTN-TCHC, 11/11/2020	ĐH KHTN
H06.05.02	Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức hàng năm và kết quả chi tiết năm 2021	101/KHTN-TCHC, 8/2/2022	ĐH KHTN
H06.05.03	Kế hoạch tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hàng năm	575/KHTN-TCHC, 30/06/2020	ĐH KHTN
H06.05.04	Kế hoạch nâng lương thường xuyên và nâng lương trước hạn hàng năm	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
<i>Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên</i>			
H06.06.01	Nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức hằng năm	Hằng năm, 2017-2021	DH KHTN
H06.06.02	Kế hoạch giới thiệu, bổ nhiệm viên chức quản lý	06/KH-KHTN, 11/01/2022	DH KHTN
H06.06.03	Kế hoạch khảo sát ý kiến của viên chức và người lao động hằng năm	Hằng năm, 2017-2021	DH KHTN
H06.06.04	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của viên chức và người lao động hằng năm (chọn đại diện năm 2021 và trang 1 của các năm 2017-2020)	821/BC-KHTN, 31/12/2021	DH KHTN
H06.06.05	Quyết định điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018	1727B/QĐ-KHTN, 31/08/2018	DH KHTN
H06.06.06	Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021	810B/QĐ-KHTN, 8/6/2021	DH KHTN
<i>Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng</i>			
H06.07.01	Đề án vị trí việc làm năm 2017 và năm 2021	218/QĐ-DHQG, 12/3/2018	DHQG-HCM
H06.07.02	Các nghị quyết của Đảng ủy về công tác quy hoạch cán bộ quản lý hằng năm	Hằng năm, 2017-2021	DH KHTN
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất			
<i>Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành</i>			
H07.01.01	Quy chế tổ chức và hoạt động Phòng Kế hoạch - Tài chính	843/QĐ-KHTN, 20/06/2019	DH KHTN
H07.01.02	Quy chế chi tiêu nội bộ	810B/QĐ-KHTN, 8/6/2021	DH KHTN
H07.01.03	Công khai dự toán ngân sách hàng năm	Hằng năm, 2017-2021	DH KHTN
H07.01.04	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của DHQG-HCM	Hằng năm, 2017-2021	DHQG-HCM
H07.01.05	Các báo cáo kiểm toán hằng năm	Hằng năm, 2017-2021	P. KHTC

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
<i>Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành</i>			
H07.02.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản trị Thiết bị	842/QĐ-KHTN, 20/06/2019	ĐH KHTN
H07.02.02	Quy định quản lý, sử dụng tài sản công	1173/QĐ-KHTN, 14/08/2019	ĐH KHTN
H07.02.03	Quy trình mua sắm, sửa chữa, bảo trì tài sản cố định	1172/QĐ-KHTN, 14/08/2019	ĐH KHTN
H07.02.04	Quy trình kiểm kê tài sản cố định và công cụ dụng cụ	1174/QĐ-KHTN, 14/08/2019	ĐH KHTN
H07.02.05	Quy trình thanh lý tài sản công	1175/QĐ-KHTN, 14/08/2019	ĐH KHTN
H07.02.06	Quy trình xử lý hóa chất, chất thải nguy hại Phòng thí nghiệm	1176/QĐ-KHTN, 14/08/2019	ĐH KHTN
H07.02.07	Quy trình đăng ký sử dụng phòng học và quản lý, sử dụng thiết bị phòng học	1177/QĐ-KHTN, 14/08/2019	ĐH KHTN
H07.02.08	Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan 2016-2020	999/KH-KHTN- KT&DBCL, 16/10/2017; ...	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành</i>			
H07.03.01	Quy chế tổ chức và hoạt động Phòng Thông tin - Truyền thông	852/QĐ-KHTN, 20/6/2019	ĐH KHTN
H07.03.02	Các đề xuất mua sắm thiết bị cho hệ thống mạng	Hàng năm, 2017-2021	P. TTTT
<i>Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành</i>			
H07.04.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Thư viện	847/QĐ-KHTN, 20/6/2019	Trường ĐH KHTN
H07.04.02	Nội quy thư viện và quy trình phục vụ của Thư viện	15/04/2018	Thư viện

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H07.04.03	Chính sách phục vụ chung và chính sách mượn tài liệu trong Hệ thống thư viện DHQG-HCM	116/TVTT-HTTV, 21/10/2020; 115/TVTT-HTTV, 21/10/2020	Thư viện DHQG-HCM
H07.04.04	Bảng thống kê số liệu hệ thống thư viện DHQG-HCM theo từng năm (số liệu tổng hợp năm 2021 và số liệu trang đầu của các năm 2017-2020)	Hàng năm, 2017-2021	Thư viện DHQG-HCM
H07.04.05	Bảng thống kê tình hình sử dụng dữ liệu số thông qua các proxy	Hàng năm, 2017-2021	Thư viện DHQG-HCM
H07.04.06	Kế hoạch bổ sung tài liệu	230B/KH-KHTN, 30/12/2016 233B/KH-KHTN, 25/12/2017	DH KHTN
H07.04.07	Biên bản hợp tác mượn liên thư viện	19/5/2017	DH KHTN
H07.04.08	Kế hoạch bổ sung tài liệu đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu và Kế hoạch bổ sung tài liệu theo đề cương môn học	230B/KH-KHTN, 30/12/2016; 233B/KH-KHTN, 25/12/2017	DH KHTN
H07.04.09	Thống kê mua sắm tài liệu giai đoạn 2017-2021		DH KHTN
H07.04.10	Dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động Thư viện, giai đoạn 2017-2021	73/KHTN-KHTC, 7/4/2017; 201/KHTN-KHTC, 19/3/2018; 211/KHTN-KHTC, 7/3/2019;...	DH KHTN
H07.04.11	Chính sách và quy trình bổ sung, thanh lọc tài liệu		Thư viện DH KHTN
H07.04.12	Kế hoạch tập huấn kiến thức thông tin cho người học	Hàng năm, 2017-2021	Thư viện DH KHTN
H07.04.13	Các chức chỉ nghiệp vụ của các viên chức thư viện		Thư viện DH KHTN
<i>Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành</i>			
H07.05.01	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường	1551/QĐ-KHTN-TCHC, 1/10/2014	DH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H07.05.02	Nội quy cơ quan	516/QĐ-KHTN, 10/06/2020	DH KHTN
H07.05.03	Quyết định kết nạp lực lượng tự vệ cơ sở	1391/QĐ-KHTN-TCHC, 30/09/2013	DH KHTN
H07.05.04	Kết quả kiểm tra công tác quốc phòng, an ninh và tự vệ cơ sở của BCH quận sự quận 5	21/TB-BCH, 4/1/2019	Ban chỉ huy quân sự Q5
H07.05.05	Quyết định thành lập các đội PCCC và báo cáo kiểm tra về công tác PCCC của trường	500/QĐ-KHTN, 4/4/2018	DH KHTN
H07.05.06	Báo cáo công tác y tế và biên bản kiểm tra y tế hằng năm	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H07.05.07	Kế hoạch chăm sóc sức khỏe ban đầu cho sinh viên hằng năm	15/10/2015	DH KHTN
H07.05.08	Báo cáo công tác thực hiện an toàn bức xạ	795/KHTN-KH, 14/08/2020	DH KHTN

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

H08.01.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quan hệ đối ngoại	849/QĐ-KHTN, 20/06/2019	DH KHTN
H08.01.02	Trích KHCL 2016-2020, Nhóm chiến lược 3. Các chiến lược về quan hệ đối ngoại	563/QĐ-DHQG, 23/06/2017	DHQG-HCM
H08.01.03	Quy định về hoạt động đối ngoại và dự án	1647/QĐ-KHTN, 9/8/2017	DH KHTN
H08.01.04	Quy trình quản lý đoàn vào, đoàn ra	1647/QĐ-KHTN, 9/8/2017	DH KHTN
H08.01.05	Quy trình tổ chức tiếp khách đối ngoại (trong nước và quốc tế)	1647/QĐ-KHTN, 9/8/2017	DH KHTN
H08.01.06	Quy trình ký kết văn bản hợp tác đối ngoại	1647/QĐ-KHTN, 9/8/2017	DH KHTN
H08.01.07	Quy trình tổ chức hội nghị hội thảo khoa học quốc tế	1647/QĐ-KHTN, 9/8/2017	DH KHTN
H08.01.08	Quy trình hoạt động trao đổi sinh viên quốc tế	1647/QĐ-KHTN, 9/8/2017	DH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H08.01.09	Quy trình quản lý chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài	1647/QĐ-KHTN, 9/8/2017	ĐH KHTN
H08.01.10	Quy trình quản lý chương trình dự án	1647/QĐ-KHTN, 9/8/2017	ĐH KHTN
H08.01.11	Quy trình trao tặng danh hiệu đối ngoại	1647/QĐ-KHTN, 9/8/2017	ĐH KHTN
H08.01.12	Quy trình sử dụng tiếng anh trong hoạt động đối ngoại	1647/QĐ-KHTN, 9/8/2017	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện</i>			
H08.02.01	Báo cáo hoạt động đối ngoại giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H08.02.02	Báo cáo hoạt động tham gia chương trình trại hè học sinh-sinh viên ASIAN tại Lào năm 2019	12/QHĐN, 14/6/2019	ĐH KHTN
H08.02.03	Các hình ảnh hoạt động tại trại hè học sinh sinh viên ASIAN các năm 2017-2019		ĐH KHTN
H08.02.04	Các báo cáo chương trình hợp tác địa phương với các tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Long An, Hậu Giang		ĐH KHTN
H08.02.05	Các thỏa thuận hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát</i>			
H08.03.01	Báo cáo về tình hình tham gia mạng lưới, tổ chức giáo dục quốc tế trong hệ thống	61B/KHTN- QHĐN, 20/1/2022	ĐH KHTN
H08.03.02	Thông báo kết quả xét giải thưởng luận văn tiếng Pháp xuất sắc 2019-2020	22/7/2019	Văn phòng AUF TP.HCM
<i>Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục</i>			
H08.04.01	Ảnh chụp trang thông tin đối ngoại trên website trường		ĐHKHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H08.04.02	Một số biên bản ghi nhớ hợp tác trong nước giai đoạn 2017-2021		ĐH KHTN
H08.04.03	Một số biên bản ghi nhớ hợp tác quốc tế giai đoạn 2017-2021		ĐH KHTN
H08.04.04	Thư cảm ơn của Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Hậu Giang về Hội thảo hợp tác trình diễn và chuyển giao công nghệ năm 2020	7/2/2020	BQL Khu Nông nghiệp Ứng dụng Công nghệ cao Hậu Giang
H08.04.05	Một số giấy xác nhận hỗ trợ giảng viên xin học bổng nghiên cứu ở nước ngoài		ĐH KHTN
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong			
<i>Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống DBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và DBCL của cơ sở giáo dục</i>			
H09.01.01	Quyết định thành Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	637/QĐ-KHTN, 1/6/2016	ĐH KHTN
H09.01.02	Quy chế tổ chức và hoạt động Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	846/QĐ-KHTN, 20/6/2016	ĐH KHTN
H09.01.03	Quy chế đảm bảo chất lượng giáo dục đại học tại DHQG-HCM	1520/QĐ-DHQG, 29/12/2017	DHQG-HCM
H09.01.04	Quyết định nhân sự Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục DHQG-HCM và quyết định phân công công tác thành viên BGH trường ĐH KHTN	682/QĐ-DHQG, 14/6/2021 1563/QĐ-KHTN, 29/11/2021	DHQG-HCM ĐH KHTN
H09.01.05	Quyết định thành lập Hội đồng ĐBCL trường ĐH KHTN	601/QĐ-KHTN, 25/04/2022	ĐH KHTN
H09.01.06	Biên bản Hội đồng ĐBCL trường ĐH KHTN	13/6/2022	ĐH KHTN
H09.01.07	Các chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ của Trưởng phòng KT&ĐBCL		ĐH KHTN
H09.01.08	Các chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ của các chuyên viên phụ trách công tác ĐBCL		ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H09.01.09	Thống kê danh sách viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng công tác DBCL	3/1/2022	P.KT&DBCL
H09.01.10	Thống kê danh sách viên chức tham gia các khóa đào tạo kiểm định viên	3/1/2022	P.KT&DBCL
<i>Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về DBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác DBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và DBCL của cơ sở giáo dục</i>			
H09.02.01	Trích KHCL 2016-2020, nhóm chiến lược về DBCL	563/QĐ-DHQG, 23/06/2017	DHQG-HCM
H09.02.02	Kế hoạch DBCL theo từng năm học, giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	P. KT&DBCL
H09.02.03	Sổ tay DBCL (bìa và mục lục)	2019	ĐH KHTN
H09.02.04	Ảnh chụp website Phòng Khảo thí và DBCL		ĐH KHTN
H09.02.05	Các chỉ số KPIs về DBCL trong KHCL 2016-2020 và KHCL 2021-2025	563/QĐ-DHQG, 23/06/2017 1553/QĐ-DHQG, 7/12/2021	DHQG-HCM
H09.02.06	Các kế hoạch khảo sát các bên liên quan, giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	P. KT&DBCL
H09.02.07	Báo cáo công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học của trường đến năm 2020	805/BC-KHTN, 17/8/2020	ĐH KHTN
H09.02.08	Báo cáo rà soát thực trạng công tác DBCL đến năm 2020 và định hướng mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021-2026	163/BC-KHTN- KTDBCL, 5/3/2020	P. KT&DBCL
H09.02.09	Báo cáo nghiệm thu hoạt động viết báo cáo TDG theo năm học	2018	P. KT&DBCL
<i>Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về DBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện</i>			
H09.03.01	Trích yếu một số nghị quyết Hội đồng DBCL DHQG-HCM và một số biên bản họp giao ban các bộ phận DBCL của DHQG-HCM	46/NQ- HĐDBCLGD, 11/01/2022	DHQG-HCM

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H09.03.02	Trích báo cáo giao ban hàng tháng (về công tác DBCL) năm 2019	2019	P. KT&DBCL
<i>Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục DBCL được triển khai</i>			
H09.04.01	Quy chế về công tác lưu trữ tại DHQG-HCM	257/QĐ-DHQG, 19/04/2017	DHQG-HCM
H09.04.02	Quy định về việc soạn thảo và ban hành văn bản hành chính nội bộ tại trường	04/QĐ-KHTN, 4/1/2018	ĐH KHTN
H09.04.03	Thống kê danh sách văn bản quản lý nội bộ (tính đến 19/1/2018)	2018	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác DBCL của cơ sở giáo dục</i>			
H09.05.01	Bản sao các giấy chứng nhận đạt chuẩn kiểm định cấp cơ sở giáo dục và cấp CTĐT giai đoạn 2017-2021		VNU-CEA, AUN-QA
H09.05.02	Kế hoạch thực hiện đánh giá cấp CTĐT giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch DBCL năm học 2021-2022	1444/QĐ-KHTN, 8/11/2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và DBCL của cơ sở giáo dục</i>			
H09.06.01	Biên bản họp cải tiến sau đánh giá cấp cơ sở giáo dục	30/3/2017	ĐH KHTN
H09.06.02	Kế hoạch Hội nghị sơ kết thực hiện KHCL giai đoạn 2017-2018 và phương hướng triển khai giai đoạn 2018-2020	187/KH-KHTN, 26/7/2018	ĐH KHTN
H09.06.03	Quyết định phê duyệt Kế hoạch chiến lược (rà soát và điều chỉnh)	648/QĐ-DHQG, 3/6/2019	DHQG-HCM
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài			
<i>Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập</i>			
H10.01.01	Giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng cấp cơ sở giáo dục năm 2017	3/4/2017	TTKDCLGD- DHQGHN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H10.01.02	Kế hoạch và triển khai thực hiện hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục	28/7/2019	ĐH KHTN
H10.01.03	Trích báo cáo giữa chu kỳ kiểm định, phần đánh giá giữa kỳ	2019	ĐH KHTN
H10.01.04	Công văn đăng ký kiểm định và phản hồi của tổ chức kiểm định	984/KHTN-KTĐBCL, 15/12/2021; 865/KĐCL-HTPT, 30/12/2021	ĐH KHTN, TTKDCLGD- ĐHQGHN
H10.01.05	Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá và nhóm chuyên trách viết báo cáo tự đánh giá giai đoạn 2017-2021	216/QĐ-KHTN, 21/02/2022	ĐH KHTN
H10.01.06	Kế hoạch triển khai thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục giai đoạn 2017-2021	24B/KH-KHTN, 22/02/2022	ĐH KHTN
H10.01.07	Kế hoạch triển khai và thực hiện đánh giá ngoài của một số CTĐT	105/KH-KHTN- KTĐBCL, 3/10/2018	P.KT&ĐBCL
H10.01.08	Trích trang bìa và trang mục lục một số báo cáo tự đánh giá theo năm học	2018, 2019, 2020	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo</i>			
H10.02.01	Các chứng chỉ nghiệp vụ của Trưởng phòng KT&ĐBCL		MC nội bộ
H10.02.02	Trích báo cáo đánh giá ngoài cấp ĐHQG-HCM một CTĐT	354/KT&ĐG, 20/10/2020	TTKT&ĐGCLĐT, ĐHQG-HCM
<i>Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát</i>			
H10.03.01	Danh sách các ngành đào tạo được mở mới trong giai đoạn 2017-2021	2017-2021	ĐH KHTN
H10.03.02	Các mẫu phiếu khảo sát các bên liên quan đang được triển khai tại trường		ĐH KHTN
H10.03.03	Ảnh chụp thông tin tuyển dụng trên website trường		ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
<i>Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục</i>			
H10.04.01	Một số hình ảnh về lưu trữ minh chứng và triển khai các hoạt động DBCL qua email		ĐH KHTN
H10.04.02	Biên bản họp tổ công tác xây dựng đề án Đảm bảo chất lượng DHQG-HCM giai đoạn 2021-2025	225/BB-KT&DG-DBCL, 14/7/2020	TTKT&DGCLDT, DHQG-HCM
H10.04.03	Biên bản Hội nghị chất lượng giáo dục DHQG-HCM lần VI năm 2021	959/BB-DHQG, 3/12/2021	DHQG-HCM
H10.04.04	Trích yếu một số nghị quyết Hội đồng DBCL DHQG-HCM và một số biên bản họp giao ban các bộ phận DBCL của DHQG-HCM	46/NQ-HDDBCLGD, 11/01/2022	DHQG-HCM
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong			
<i>Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin DBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập</i>			
H11.01.01	Quy định về chức năng, nhiệm vụ các phòng chức năng	1575/QĐ-KHTN, 24/8/2018	ĐH KHTN
H11.01.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Thông tin - Truyền thông	852/QĐ-KHTN, 20/6/2019	ĐH KHTN
H11.01.03	Quy trình quản lý nhân sự của trường	286/QĐ-KHTN, 16/04/2020	ĐH KHTN
H11.01.04	Một số hình ảnh về hệ thống portal của trường		ĐH KHTN
H11.01.05	Một số hình ảnh về các phần mềm khảo thí		ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 11.2. Thông tin về DBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định, đồng thời đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn</i>			
H11.02.01	Báo cáo thống kê giáo dục đại học (năm học 2020-2021)	1/2021	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H11.02.02	Trang đăng thông tin báo cáo số liệu 3 công khai trên website trường		DH KHTN
H11.02.03	Các kế hoạch khảo sát các bên liên quan, giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	P. KT&DBCL
H11.02.04	Các quy trình khảo sát các bên liên quan	15/3/2017	P. KT&DBCL
<i>Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin DBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin</i>			
H11.03.01	Các mô tả nâng cấp, bảo trì phần mềm		DH KHTN
H11.03.02	Bảng liệt kê danh mục các gói khảo sát các bên liên quan (tạo mới/cập nhật bảng hỏi) giai đoạn 2017-2021		P. KT&DBCL
<i>Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin DBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin DBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng</i>			
H11.04.01	Trích trang bìa và trang mục lục một số báo cáo tự đánh giá theo năm học	2018, 2019, 2020	DH KHTN
H11.04.02	Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng các bên liên quan	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng			
<i>Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng</i>			
H12.01.01	Quy chế đào tạo trình độ đại học	1175/QĐ-KHTN, 21/9/2021	DH KHTN
H12.01.02	Quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định ban hành và mục lục)	810B/QĐ-KHTN, 8/6/2021	DH KHTN
H12.01.03	Quy định về chế độ làm việc của giảng viên và nghiên cứu viên (Quyết định ban hành, trang đầu và trang cuối của quy chế)	826/QĐ-KHTN, 14/06/2021	DH KHTN
H12.01.04	Các quy trình quản lý đào tạo	1552B/QĐ-KHTN-DT, 4/9/2017	DH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H12.01.05	Quy định về quản lý hoạt động Khoa học công nghệ	2131/QĐ-KHTN-KH, 30/6/2015	ĐH KHTN
H12.01.06	Quy định về quản lý công tác hợp tác quốc tế	79/QĐ-DHQG, 20/2/2017	DHQG-HCM
H12.01.07	Kế hoạch tuyển dụng nhân sự	85/KHTN-TCHC, 5/5/2022	ĐH KHTN
H12.01.08	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm	118/KH-KHTN, 15/02/2021	ĐH KHTN
H12.01.09	Báo cáo công khai dự toán ngân sách hằng năm	Hằng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập</i>			
H12.02.01	Quy định về đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục của trường	3060/QĐ-KHTN, 31/12/2018	ĐH KHTN
H12.02.02	Ảnh chụp website các cơ sở giáo dục được lựa chọn đối sánh (mục 3 công khai)		ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động DBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo</i>			
H12.03.01	Bảng đối sánh nội bộ giữa các chương trình đào tạo của Khoa CNTT		ĐH KHTN
H12.03.02	Bảng đối sánh giữa chương trình tiên tiến ngành Khoa học máy tính với chương trình đào tạo tương đồng		ĐH KHTN
H12.03.03	Bảng đối sánh giữa chương trình tiên tiến ngành Khoa học máy tính với chương trình gốc của Portland State University		ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát</i>			
H12.04.01	Bảng đối sánh dữ liệu của nhà trường với các trường đại học tương đồng		ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
<i>Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng</i>			
H12.05.01	Điều chỉnh bảng hỏi khảo sát từ offline sang online và điều chỉnh nội dung khảo sát		DH KHTN
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học			
<i>Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo sau đại học</i>			
H13.01.01	Quy chế tuyển sinh của ĐHQG-HCM	836/QĐ-ĐHQG, 19/7/2021	ĐHQG-HCM
H13.01.02	Đề án tuyển sinh đại học (trích đề án năm 2021)	12/9/2021	DH KHTN
H13.01.03	Kế hoạch tuyển sinh đại học hằng năm	437/KHTN-KH, 15/3/2018	DH KHTN
H13.01.04	Ảnh chụp website thông tin tuyển sinh của trường tại địa chỉ https://tuyensinh.hcmus.edu.vn/		DH KHTN
H13.01.05	Quyển cẩm nang hướng nghiệp và tư vấn tuyển sinh		DH KHTN
H13.01.06	Tờ rơi giới thiệu các ngành đào tạo đại học của trường hằng năm		DH KHTN
H13.01.07	Đề án tuyển sinh sau đại học	Hằng năm, 2017-2021	DH KHTN
H13.01.08	Các kế hoạch tư vấn tuyển sinh sau đại học	Hằng năm, 2017-2021	DH KHTN
H13.01.09	Các thông báo tuyển sinh và xét tuyển sau đại học	Hằng năm, 2017-2021	DH KHTN
<i>Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng</i>			
H13.02.01	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh các năm	Hằng năm, 2017-2021	DH KHTN
H13.02.02	Các biên bản họp Hội đồng tuyển sinh hằng năm	Hằng năm, 2017-2021	DH KHTN
H13.02.03	Các thông báo tuyển sinh hệ đào tạo từ xa qua mạng	Hằng năm, 2017-2021	DH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H13.02.04	Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông hệ đại học chính quy	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H13.02.05	Quy trình triển khai và thực hiện chương trình liên thông BS-MS	31/12/2020	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 13.3. Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học</i>			
H13.03.01	Các quyết định thanh tra công tác tuyển sinh đại học chính quy	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H13.03.02	Các kế hoạch kiểm tra công tác tuyển sinh đại học chính quy	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H13.03.03	Thông báo nhập học hệ đại học chính quy	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H13.03.04	Hướng dẫn quy chế đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ theo từng khóa	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 13.4. Các biện pháp giám sát công tác tuyển sinh và nhập học</i>			
H13.04.01	Ảnh chụp phần mềm quản lý đăng ký tuyển sinh của Bộ GD&ĐT		ĐH KHTN
H13.04.02	Biên bản thanh tra công tác chuẩn bị xét tuyển và công tác nhập học đại học	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H13.04.03	Thông báo kiểm tra năng lực tiếng anh đầu vào	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H13.04.04	Quy định thi, tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H13.04.05	Quy trình soạn đề thi, tổ chức thi, chấm thi và xử lý kết quả thi môn tiếng anh tuyển sinh sau đại học	1362/KHTN-SDH, 28/12/2018	ĐH KHTN
H13.04.06	Quy trình tổ chức thi vấn đáp, kỳ thi tuyển sinh sau đại học	108/QT-SDH, 23/7/2020	P.ĐT SDH
H13.04.07	Thông báo sinh hoạt đầu khóa, tuyển sinh sau đại học	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả</i>			
H13.05.01	Báo cáo công tác tuyển sinh trình độ đại học chính quy, giai đoạn 2018-2020	1124/BC-KHTN, 16/11/2020	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H13.05.02	Quy trình thực hiện thủ tục nộp hồ sơ xác nhận nhập học trực tuyến đối với thí sinh trúng tuyển vào đại học chính quy năm 2021	15/TB-HDTSDHCQ, 28/7/2021	ĐH KHTN
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học			
<i>Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan</i>			
H14.01.01	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo bậc đại học, hệ chính quy	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H14.01.02	Mẫu đề cương môn học theo chương trình đại trà và theo CDIO		ĐH KHTN
H14.01.03	Quyết định mở ngành Vật lý y khoa, Công nghệ vật liệu, Kỹ thuật địa chất, Khoa học dữ liệu, Toán tin, Toán ứng dụng, Trí tuệ nhân tạo	2020, 2021	ĐH KHTN
H14.01.04	Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học	529B/QĐ-KHTN, 22/04/2019	ĐH KHTN
H14.01.05	Quyết định của ĐHQG-HCM về việc cho phép tiếp tục triển khai đào tạo văn bằng 2 ngành Công nghệ thông tin - hệ Đào tạo từ xa	557/QĐ-ĐHQG, 19/06/2020	ĐHQG-HCM
H14.01.06	Hướng dẫn và kế hoạch xây dựng khung chương trình đào tạo sau đại học	128/KHTN-SDH, 10/06/2017	ĐH KHTN
H14.01.07	Quy trình mở ngành, chuyên ngành đào tạo sau đại học	2021	ĐH KHTN
H14.01.08	Quy trình cập nhật khung chương trình đào tạo sau đại học	395/KHTN-SDH, 08/04/2014	ĐH KHTN
H14.01.09	Mẫu đề cương môn học sau đại học		ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
<i>Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan</i>			
H14.02.01	Trang đăng thông tin báo cáo số liệu ba công khai trên website trường		ĐH KHTN
H14.02.02	Kế hoạch thực hiện đề án CDIO các năm 2019-2021	2018, 2020	ĐH KHTN
H14.02.03	Kế hoạch thực hiện đề án mô hình giáo dục 4.0 các năm 2020-2022	2020, 2021, 2022	ĐH KHTN
H14.02.04	Trích báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H14.02.05	Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra chương trình thạc sĩ	359/QT-KHTN-SDH, 20/04/2018	ĐH KHTN
H14.02.06	Quy trình giám sát chuẩn đầu ra chương trình thạc sĩ	360/QT-KHTN-SDH, 20/04/2018	ĐH KHTN
H14.02.07	Quy trình giám sát công tác giảng dạy và chuẩn đầu ra môn học sau đại học	361/QT-KHTN-SDH, 20/04/2018	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra</i>			
H14.03.01	Một số chương trình đào tạo hệ đại học chính quy của trường		ĐH KHTN
H14.03.02	Ảnh chụp công khai các chương trình đào tạo trên website trường		ĐH KHTN
H14.03.03	Kế hoạch giảng dạy và học tập theo năm học	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H14.03.04	Chương trình đào tạo sau đại học	173/QĐ-KHTN, 14/12/2020	ĐH KHTN
H14.03.05	Khung chương trình đào tạo sau đại học của một số ngành		ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện</i>			
H14.04.01	Biên bản họp hội đồng khoa học của các khoa về điều chỉnh chương trình đào tạo	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H14.04.02	Biên bản họp xây dựng, hiệu chỉnh khung chương trình đào tạo sau đại học		ĐH KHTN
H14.04.03	Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan</i>			
H14.05.01	Báo cáo cuối kỳ thực hiện thí điểm Đề án giáo dục 4.0 năm 2019, 2020	2019, 2020	ĐH KHTN
H14.05.02	Báo cáo cuối kỳ thực hiện Đề án giáo dục 4.0 năm 2020		ĐH KHTN
H14.05.03	QĐ 960/QĐ-KHTN ngày 6/2021 - Quyết định bổ sung, sửa đổi một số điều của quy chế học vụ.	960/QĐ-KHTN, 30/6/2021	ĐH KHTN
Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập			
<i>Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra</i>			
H15.01.01	Tuyên bố về triết lý giáo dục và các giá trị cơ bản trong KHCL 2016-2020	KHCL 2016-2020	ĐH KHTN
H15.01.02	Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo hệ đại học (trích từ chương trình đào tạo của các ngành)	2019/QĐ-KHTN-DT, 30/9/2016, ...	ĐH KHTN
H15.01.03	Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo thạc sĩ	1321B/QĐ-KHTN, 03/08/2017	ĐH KHTN
H15.01.04	Danh mục ngành, mã số ngành và phương thức đào tạo các ngành sau đại học	173/QĐ-KHTN, 14/12/2020	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm</i>			
H15.02.01	Quy trình công tác nhân sự	286/QĐ-KHTN, 16/04/2020	ĐH KHTN
H15.02.02	Quy định về chế độ làm việc của giảng viên	826/QĐ-KHTN, 14/06/2021	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H15.02.03	Quy định nghĩa vụ và quyền lợi của giảng viên tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ (trích quy chế đào tạo thạc sĩ)	160/QĐ-DHQG, 24/3/2017	DHQG-HCM
H15.02.04	Quy định nghĩa vụ và quyền lợi của giảng viên tham gia đào tạo trình độ tiến sĩ (trích quy chế đào tạo tiến sĩ)	166/QĐ-DHQG, 26/2/2018	DHQG-HCM
H15.02.05	Kế hoạch tuyển dụng viên chức	85/KHTN-TCHC, 05/05/2022	DH KHTN
H15.02.06	Rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hằng năm	2019, 2020, 2021	DH KHTN
H15.02.07	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm	2021, 2022	DH KHTN
<i>Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra</i>			
H15.03.01	Kế hoạch học tập theo từng năm học	183/KHTN-ĐT, 26/08/2021	DH KHTN
H15.03.02	Các thông báo đăng ký học phần	2017-2021	DH KHTN
H15.03.03	Danh sách sinh viên tham gia thực tập, thực tế	2018-2022	DH KHTN
H15.03.04	Quyết định công nhận đề tài luận văn thạc sĩ	777/QĐ-KHTN, 21/5/2021	DH KHTN
H15.03.05	Quyết định công nhận đề tài luận án tiến sĩ	1109/QĐ-KHTN, 5/8/2019	DH KHTN
H15.03.06	Thông báo kết quả xét giải thưởng luận văn tiếng Pháp xuất sắc 2019-2020	22/7/2019	AUF TP.HCM
H15.03.07	Báo cáo hoạt động tham gia chương trình trại hè học sinh - sinh viên ASIAN tại Lào, năm 2019	12/QHDN, 14/06/2019	DH KHTN
H15.03.08	Danh sách giảng viên tham gia khóa đào tạo phương pháp và công cụ dạy học trực tuyến	927/KHTN-ĐT, 01/12/2021	DH KHTN
<i>Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng</i>			
H15.04.01	Báo cáo kết quả thanh tra đào tạo theo từng học kỳ	Hằng năm, 2017-2021	DH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H15.04.02	Quy trình giám sát công tác giảng dạy và chuẩn đầu ra môn học chương trình đào tạo thạc sĩ	361/QT-KHTN-SDH, 20/04/2018	ĐH KHTN
H15.04.03	Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời</i>			
H15.05.01	Triết lý giáo dục theo Kế hoạch chiến lược 2021-2025	KHCL 2021-2025	ĐH KHTN
H15.05.02	Biên bản họp hội đồng khoa học của các khoa về điều chỉnh chương trình đào tạo	2019, 2021	ĐH KHTN
H15.05.03	Biên bản họp xây dựng, hiệu chỉnh khung chương trình đào tạo sau đại học	2017-2021	ĐH KHTN
H15.05.04	Kế hoạch thực hiện đề án mô hình giáo dục 4.0 các năm 2020-2022	2020-2022	ĐH KHTN
H15.05.05	Kế hoạch giảng dạy trực tuyến giai đoạn COVID-19	2020	ĐH KHTN
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học			
<i>Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập</i>			
H16.01.01	Quy chế đào tạo trình độ đại học, trích Chương III: Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp	1175/QĐ-KHTN, 24/09/2021	ĐH KHTN
H16.01.02	Mẫu đề cương môn học theo chương trình đại trà và theo CDIO		ĐH KHTN
H16.01.03	Quy định chức năng và nhiệm vụ của Phòng Thanh tra - Pháp chế - Sở hữu trí tuệ và Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng	1575/QĐ-KHTN, 24/08/2018	ĐH KHTN
H16.01.04	Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, trích Điều 18: Thi, kiểm tra, đánh giá	160/QĐ-KHTN, 24/03/2017	ĐH KHTN
H16.01.05	Mẫu đề cương môn học sau đại học		ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
<i>Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra</i>			
H16.02.01	Sổ tay sinh viên các năm học (trang bìa và trang mục lục)	2017-2021	DH KHTN
H16.02.02	Quy trình tổ chức thi và xử lý điểm thi	QT.KT-02, 20/11/2017	DH KHTN
H16.02.03	Quy trình phúc khảo và khiếu nại điểm bài thi	QT.KT-03, 20/11/2017	DH KHTN
<i>Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra</i>			
H16.03.01	Ảnh chụp trang công bố lịch thi, điểm thi của trường		DH KHTN
H16.03.02	Giao diện cổng thông tin điện tử PORTAL của trường		DH KHTN
H16.03.03	Giao diện phần mềm quản lý thi		DH KHTN
H16.03.04	Thông báo khảo sát mức độ hài lòng của người học theo từng học kỳ	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H16.03.05	Thông báo khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên tốt nghiệp về khóa học	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
<i>Tiêu chí 16.4. Các loại hình và phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra</i>			
H16.04.01	Quy định tạm thời về công tác tổ chức thi trực tuyến	905/QĐ-KHTN, 16/07/2021	DH KHTN
H16.04.02	Hướng dẫn thi trực tuyến (dành cho sinh viên)		DH KHTN
H16.04.03	Báo cáo sơ bộ về công tác tổ chức thi trực tuyến	24/8/2021	DH KHTN
Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học			
<i>Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học</i>			
H17.01.01	Triết lý giáo dục của trường (trong KHCL 2016-2020)	563/QĐ-DHQQ, 23/06/2017	DHQQ-HCM

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H17.01.02	Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các phòng chức năng	2346/QĐ-KHTN, 09/11/2018	ĐH KHTN
H17.01.03	Giao diện website Phòng Đào tạo và Phòng Đào tạo Sau đại học		ĐH KHTN
H17.01.04	Danh sách cố vấn học tập các năm học	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H17.01.05	Danh sách trợ lý sinh viên các khoa	2017-2021	ĐH KHTN
H17.01.06	Danh sách các câu lạc bộ học thuật		ĐH KHTN
H17.01.07	Danh sách các cuộc thi học thuật tổ chức hằng năm		ĐH KHTN
H17.01.08	Quy chế hoạt động Trung tâm hỗ trợ sinh viên	28/QĐ-DTN, 10/09/2007	ĐH KHTN
H17.01.09	Kế hoạch học tập theo từng năm học, giai đoạn 2017-2021		ĐH KHTN
H17.01.10	Giao diện phần mềm quản lý đào tạo		ĐH KHTN
H17.01.11	Giao diện cổng thông tin điện tử PORTAL		ĐH KHTN
H17.01.12	Giao diện phần mềm SHUB		ĐH KHTN
H17.01.13	Giao diện phần mềm chứng nhận sinh viên		ĐH KHTN
H17.01.14	Giao diện phần mềm quản lý thi		ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan</i>			
H17.02.01	Sổ tay sinh viên các năm học (trang bìa và trang mục lục)	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H17.02.02	Các kế hoạch thực hiện tuần sinh hoạt công dân hằng năm	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H17.02.03	Lịch tập huấn cho tân sinh viên các khóa tuyển	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H17.02.04	Danh sách các đơn vị tiếp nhận sinh viên thực tập	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H17.02.05	Giao diện phần mềm quản lý Ký túc xá		ĐH KHTN
H17.02.06	Giao diện website thông tin về chế độ chính sách và học bổng		ĐH KHTN
H17.02.07	Các thông báo lập danh sách đề nghị khen thưởng sinh viên có thành tích xuất sắc	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H17.02.08	Giao diện website thông tin về bảo hiểm		ĐH KHTN
H17.02.09	Các chương trình chăm sóc sức khỏe tâm thần cho sinh viên	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H17.02.10	Các chương trình tư vấn sức khỏe sinh sản cho nữ sinh viên	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H17.02.11	Poster các chương trình ngày hội sinh viên với doanh nghiệp		ĐH KHTN
H17.02.12	Thông báo triển khai email sinh viên trên website trường	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H17.02.13	Kế hoạch khảo sát các bên liên quan hằng năm	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H17.02.14	Chương trình gặp gỡ-đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo nhà trường và sinh viên	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát</i>			
H17.03.01	Báo cáo Hội nghị đại biểu viên chức, người lao động, giai đoạn 2017-2021		ĐH KHTN
H17.03.02	Báo cáo số liệu công tác sinh viên trực tuyến		ĐH KHTN
H17.03.03	Thông báo đánh giá và cho điểm 8 lĩnh vực công tác hằng năm	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H17.03.04	Tự đánh giá công tác sinh viên hằng năm	Hàng năm, 2017-2021	DHQG-HCM
H17.03.05	Các biên bản thanh tra công tác tuyển sinh và nhập học	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
<i>Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan</i>			
H17.04.01	Thông báo thay đổi hình thức tiếp sinh viên trong giai đoạn giãn cách do COVID-19	2021	ĐH KHTN
H17.04.02	Thông báo kế hoạch giảng dạy và học tập giai đoạn COVID-19	2021, 2022	ĐH KHTN
H17.04.03	Quy định tạm thời về công tác tổ chức thi trực tuyến	905/QĐ-KHTN, 16/07/2021	ĐH KHTN
H17.04.04	Báo cáo đề án hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp	729/BC-KHTN, 24/06/2019	ĐH KHTN
H17.04.05	Các đề xuất cử sinh viên tham gia các cuộc thi học thuật quốc gia, quốc tế	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H17.04.07	Thông báo tổ chức khóa đào tạo “Các công cụ tâm lý dành cho cán bộ làm công tác sinh viên trong hỗ trợ sức khỏe tinh thần sinh viên”	2020	ĐH KHTN
H17.04.06	Chương trình giao lưu văn hóa sinh viên tại Nhật Bản		ĐH KHTN
H17.04.08	Ảnh chụp các lối di chuyển dành cho người khuyết tật		ĐH KHTN
Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học			
<i>Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu</i>			
H18.01.01	Trích KHCL 2016-2020, các chiến lược về khoa học và công nghệ	KHCL 2016-2020	ĐH KHTN
H18.01.02	Hội đồng khoa học và đào tạo của trường	575/QĐ-KHTN, 20/04/2022	ĐH KHTN
H18.01.03	Quyết định phân công BGH và giấy ủy nhiệm phó hiệu trưởng phụ trách công tác khoa học công nghệ	1360/QĐ-KHTN, 30/07/2018; 1361/QĐ-KHTN, 30/07/2018	ĐH KHTN
H18.01.04	Quy chế tổ chức và hoạt động Phòng Khoa học Công nghệ	848/QĐ-KHTN, 20/06/2019	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H18.01.05	Các quyết định thành lập các trung tâm nghiên cứu	2017-2021	DH KHTN, DHQG-HCM
H18.01.06	Các kế hoạch công tác của Phòng Khoa học Công nghệ, giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H18.01.07	Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài khoa học và công nghệ	193/QĐ- DHQG-KHCN, 22/03/2012	DHQG-HCM
H18.01.08	Quy chế quản trị tài sản trí tuệ	326/QĐ-KHTN, 14/03/2022	DH KHTN
H18.01.09	Quyết định thành lập hội đồng đạo đức trong nghiên cứu trên động vật	2478/QĐ-KHTN, 29/12/2017	DH KHTN
H18.01.10	Trích Quy định về chế độ làm việc của giảng viên, nội dung nghiên cứu khoa học (Điều 9, Điều 12)	826/QĐ-KHTN, 14/06/2021	DH KHTN
H18.01.11	Quy định về việc khen thưởng khoa học và công nghệ thường niên	1194/QĐ-DHQG, 22/9/2015	DHQG-HCM
<i>Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến hoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục</i>			
H18.02.01	Các quyết định phê duyệt đầu tư các dự án khoa học công nghệ	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H18.02.02	Các quyết định phê duyệt dự toán kinh phí khoa học công nghệ hằng năm	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H18.02.03	Danh sách nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia thuộc chương trình Tây Nam Bộ	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H18.02.04	Danh sách nhiệm vụ KHCN được tài trợ từ VINIF		DH KHTN
H18.02.05	Danh sách các đề tài do Tập đoàn Hưng Thịnh tài trợ		DH KHTN
<i>Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu</i>			
H18.03.01	Nhóm chiến lược về khoa học công nghệ, KHCL 2016-2020		DH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H18.03.02	Các chỉ số KPIs trong KHCL 2016-2020 và KHCL 2021-2025		ĐH KHTN
H18.03.03	Thống kê các công bố khoa học giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H18.03.04	Thống kê kết quả đào tạo từ các đề tài nghiên cứu khoa học	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H18.03.05	Thống kê số lượng đề tài khoa học công nghệ giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H18.03.06	Thống kê danh sách đề tài cấp trường giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H18.03.07	Thống kê danh sách đề tài cấp ĐHQG-HCM giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H18.03.08	Danh sách các đề tài Nafosted giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H18.03.09	Thống kê danh sách các đề tài cấp Sở Khoa học và Công nghệ Tp.HCM	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H18.03.10	Các nhiệm vụ khoa học công nghệ trọng điểm khác	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H18.03.11	Danh sách khen thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H18.03.12	Danh sách giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H18.03.13	Các giấy chứng nhận tài sản trí tuệ	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học</i>			
H18.04.01	Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H18.04.02	Quyết định thành lập CLB Khoa học Tự nhiên và thống kê hoạt động của CLB	1649/QĐ-KHTN, 02/10/2017	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H18.04.03	Ảnh chụp website tạp chí Biomedical Research and Therapy		ĐH KHTN
H18.04.04	Ảnh chụp website tạp chí Progress in Stem Cell		ĐH KHTN
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ			
<i>Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu</i>			
H19.01.01	Quy chế tổ chức và hoạt động Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ	851/QĐ-KHTN, 20/06/2019	ĐH KHTN
H19.01.02	Quy chế quản trị tài sản trí tuệ năm 2016	1223/QĐ-KHTN, 19/09/2016	ĐH KHTN
H19.01.03	Quy chế quản lý và sử dụng tài liệu mật	1229/QĐ-KHTN, 19/09/2016	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai</i>			
H19.02.01	Ảnh chụp website Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ		ĐH KHTN
H19.02.02	Trang hướng dẫn các quy trình thủ tục đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ		ĐH KHTN
H19.02.03	Thông báo tập huấn sở hữu trí tuệ	13/QĐ-KHTN, 15/05/2017	ĐH KHTN
H19.02.04	Các giấy chứng nhận tài sản trí tuệ	2017-2021	ĐH KHTN
H19.02.05	Các hợp đồng chuyển giao công nghệ	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện</i>			
H19.03.01	Thống kê số lượng đề tài khoa học công nghệ giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H19.03.02	Báo cáo kết quả khảo sát việc áp dụng triển khai quy chế quản trị tài sản trí tuệ	26/TTPSCTT, 26/12/2018	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
<i>Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu và lợi ích cộng đồng</i>			
H19.04.01	Kế hoạch hoạt động của Phòng Thanh tra Pháp chế - Sở hữu trí tuệ, giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H19.04.02	Quy chế quản trị tài sản trí tuệ năm 2022	326/QĐ-KHTN, 14/03/2022	ĐH KHTN
H19.04.03	Quyết định phê duyệt đề tài nghiên cứu khoa học về quản trị tài sản trí tuệ	1973/QĐ-KHTN, 28/12/2021	ĐH KHTN
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học			
<i>Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu</i>			
H20.01.01	Các chiến lược về quan hệ đối ngoại (trích KHCL 2016-2020, Nhóm chiến lược 3)	KHCL 2016-2020	ĐH KHTN
H20.01.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quan hệ Đối ngoại	849/QĐ-KHTN, 20/06/2019	ĐH KHTN
H20.01.03	Quy định về hoạt động đối ngoại và dự án	1647/QĐ-KHTN, 09/08/2017	ĐH KHTN
H20.01.04	Quy trình quản lý đoàn vào, đoàn ra	9/8/2017	ĐH KHTN
H20.01.05	Quy trình tổ chức tiếp khách đối ngoại (trong nước và quốc tế)	9/8/2017	ĐH KHTN
H20.01.06	Quy trình ký kết văn bản hợp tác đối ngoại	9/8/2017	ĐH KHTN
H20.01.07	Quy trình tổ chức hội nghị hội thảo khoa học quốc tế	9/8/2017	ĐH KHTN
H20.01.08	Quy trình hoạt động trao đổi sinh viên quốc tế	9/8/2017	ĐH KHTN
H20.01.09	Quy trình quản lý chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài	9/8/2017	ĐH KHTN
H20.01.10	Quy trình quản lý chương trình dự án	9/8/2017	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H20.01.11	Quy trình trao tặng danh hiệu đối ngoại	9/8/2017	ĐH KHTN
H20.01.12	Quy định sử dụng Tiếng Anh trong hoạt động đối ngoại	9/8/2017	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu</i>			
H20.02.01	Báo cáo hoạt động đối ngoại giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H20.02.02	Báo cáo hoạt động tham gia chương trình trại hè học sinh - sinh viên ASIAN tại Lào, năm 2019	12/QHDN, 14/06/2019	ĐH KHTN
H20.02.03	Các hình ảnh hoạt động tại Chương trình Trại hè Sinh viên Đông Nam Á (ASEAN Student Summer Camp) 2017-2019	2017-2019	ĐH KHTN
H20.02.04	Các báo cáo chương trình hợp tác địa phương với các tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Long An, Hậu Giang	2017-2021	ĐH KHTN
H20.02.05	Các thỏa thuận, hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	2017-2021	ĐH KHTN
H20.02.06	Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H20.02.07	Thống kê kết quả hợp tác với các đối tác đã ký kết, giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện</i>			
H20.03.01	Báo cáo về tình hình tham gia mạng lưới, tổ chức giáo dục quốc tế	61B/KHTN-QHDN, 20/01/2022	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H20.03.02	Thống kê thứ hạng của ĐHQG-HCM trên các bảng xếp hạng quốc tế năm 2021 mà Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là một thành viên chủ lực	2021	ĐHQG-HCM
<i>Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu</i>			
H20.04.01	Ảnh chụp trang thông tin đối ngoại trên website trường		ĐH KHTN
H20.04.02	Danh sách nhiệm vụ KHCN được tài trợ từ VINIF		ĐH KHTN
H20.04.03	Danh sách các đề tài do Tập đoàn Hưng Thịnh tài trợ		ĐH KHTN
H20.04.04	Quyết định thành lập CLB Khoa học Tự nhiên và thống kê hoạt động của CLB	1649/QĐ-KHTN, 02/10/2017	ĐH KHTN
Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng			
<i>Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục</i>			
H21.01.01	Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng tại trường	3059/QĐ-KHTN, 31/12/2018	ĐH KHTN
H21.01.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Thông tin - Truyền thông	852/QĐ-KHTN, 20/06/2019	ĐH KHTN
H21.01.03	Kế hoạch tư vấn tuyển sinh hằng năm	2018–2021	ĐH KHTN
H21.01.04	Ảnh chụp website thông tin tuyển sinh của trường tại địa chỉ https://tuyensinh.hcmus.edu.vn/		ĐH KHTN
H21.01.05	Quyển cẩm nang hướng nghiệp và tư vấn tuyển sinh	Hằng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H21.01.06	Tờ rơi giới thiệu các ngành đào tạo đại học của trường hằng năm	Hằng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H21.01.07	Một số thông tin hoạt động của Đoàn TNCS-HCM và Hộ Sinh viên		ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H21.01.08	Một số thông tin hoạt động của công đoàn trường	2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện</i>			
H21.02.01	Quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định ban hành và Mục lục)	810B/QĐ-KHTN, 03/06/2021	ĐH KHTN
H21.02.02	Quy chế hoạt động Trung tâm hỗ trợ sinh viên	28/QĐ-DTN, 10/09/2007	ĐH KHTN
H21.02.03	Poster các chương trình ngày hội sinh viên với doanh nghiệp		ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng</i>			
H21.03.01	Thông tin về chương trình giao lưu, thảo luận với tàu thanh niên Đông Nam Á		ĐH KHTN
H21.03.02	Thông tin về Kỳ thi lập trình sinh viên quốc tế khu vực châu Á 2021		ĐH KHTN
H21.03.03	Thông tin về cuộc thi “AIoT Developer InnoWorks 2021”		ĐH KHTN
H21.03.04	Thông tin về cuộc thi Sinh viên với An toàn thông tin ASEAN 2020		ĐH KHTN
H21.03.05	Thông tin về chương trình giao lưu, trao đổi sinh viên với Osaka Prefecture University		ĐH KHTN
H21.03.06	Thông tin khóa tập huấn “Giáo dục STEM kết nối cộng đồng”		ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan</i>			
H21.04.01	Thông tin về hoạt động “Gặp gỡ đối thoại với sinh viên”	997/KHTN-DTN, 21/12/2021	ĐH KHTN
H21.04.02	Các kế hoạch khảo sát các bên liên quan, giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo			
<i>Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/ học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</i>			
H22.01.01	Các quy trình quản lý đào tạo	1552B/QĐ-KHTN-DT, 04/09/2017	ĐH KHTN
H22.01.02	Kế hoạch giảng dạy và học tập theo năm học	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H22.01.03	Bảng thống kê số liệu sinh viên nhập học, thôi học, tốt nghiệp theo từng năm	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H22.01.04	Bảng tổng hợp số liệu sinh viên nhập học, thôi học, tốt nghiệp theo từng năm	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H22.01.05	Các thông báo buộc thôi học và cảnh báo học vụ	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H22.01.06	Một số danh sách sinh viên bị buộc thôi học và cảnh báo học vụ	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</i>			
H22.02.01	Quy chế học vụ năm 2018	1227/QĐ-KHTN, 12/07/2018	ĐH KHTN
H22.02.02	Quy chế đào tạo đại học năm 2021	1175/QĐ-KHTN, 24/09/2021	ĐH KHTN
H22.02.03	Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ	160/QĐ-DHQG, 24/03/2017	ĐHQG-HCM
H22.02.04	Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ	166/QĐ-DHQG, 26/02/2018	ĐHQG-HCM
H22.02.05	Lịch học cao học các khóa	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H22.02.06	Thông báo đăng ký học phần Học kỳ 3 (học kỳ hè)	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H22.02.07	Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, trong đó có quy định về xét công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ	323/KHTN-SDH, 31/12/2021	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H22.02.08	Các thông báo mở lớp ôn thi anh văn đầu ra dành cho học viên sau đại học	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H22.02.09	Thông báo tổ chức các kỳ thi tiếng Anh hai kỹ năng nói - viết	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
<p><i>Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến;</i></p> <p><i>Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</i></p>			
H22.03.01	Tổng hợp số liệu báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp các năm	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H22.03.02	Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H22.03.03	Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H22.03.04	Thống kê kết quả khảo sát người học tốt nghiệp chương trình đào tạo sau đại học	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
<p>Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học</p>			
<p><i>Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</i></p>			
H23.01.01	Trích Quy định về chế độ làm việc của giảng viên, nội dung nghiên cứu khoa học (Điều 9, Điều 12)		DH KHTN
H23.01.02	Quy định về việc khen thưởng khoa học và công nghệ thường niên	1194/QĐ-DHQG, 22/09/2015; 1620/QĐ-KHTN, 09/12/2021	DHQG-HCM DH KHTN
H23.01.03	Các quyết định phê duyệt đầu tư các dự án khoa học công nghệ	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H23.01.04	Các quyết định phê duyệt dự toán kinh phí khoa học công nghệ hằng năm	Hàng năm, 2017-2021	DHQG-HCM

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H23.01.05	Thống kê các công bố khoa học giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H23.01.06	Thống kê danh sách đề tài cấp trường giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H23.01.07	Thống kê danh sách đề tài cấp DHQG-HCM giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H23.01.08	Danh sách các đề tài Nafosted giai đoạn 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H23.01.09	Thống kê danh sách các đề tài cấp Sở Khoa học và Công nghệ Tp.HCM	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H23.01.10	Các nhiệm vụ khoa học công nghệ trọng điểm khác	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</i>			
H23.02.01	Các thông báo lập danh sách đề nghị khen thưởng sinh viên có thành tích xuất sắc	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H23.02.02	Danh sách khen thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H23.02.03	Thống kê kết quả đào tạo từ các đề tài nghiên cứu khoa học	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H23.02.04	Các đề xuất cử sinh viên tham gia các cuộc thi học thuật quốc gia, quốc tế	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H23.02.05	Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, trích Điều 22: Đánh giá luận văn	422/ĐHQG-KHCN, 20/03/2017	ĐHQG-HCM
H23.02.06	Báo cáo đề án hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp	729/BC-KHTN, 24/06/2019	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</i>			
H23.03.01	Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài khoa học và công nghệ	193/QĐ-ĐHQG-KHCN, 22/03/2012	ĐHQG-HCM

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
H23.03.02	Trích KHCL 2016-2020, các chiến lược về khoa học và công nghệ	KHCL 2016-2020	ĐH KHTN
H23.03.03	Hội đồng khoa học và đào tạo của trường	575/QĐ-KHTN, 20/04/2022	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</i>			
H23.04.01	Quy chế quản trị tài sản trí tuệ	326/QĐ-KHTN, 14/03/2022	ĐH KHTN
H23.04.02	Các giấy chứng nhận tài sản trí tuệ	2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</i>			
H23.05.01	Quy chế chi tiêu nội bộ	810B/QĐ-KHTN, 03/06/2021	ĐH KHTN
H23.05.02	Công khai dự toán ngân sách hằng năm	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H23.05.03	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của ĐHQG-HCM	Hàng năm, 2017-2021	ĐHQG-HCM
H23.05.04	Các báo cáo kiểm toán	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H23.05.05	Báo cáo thống kê chi ngân sách Nhà nước cho giáo dục hằng năm	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H23.05.06	Báo cáo công khai tài chính Hàng năm, trong báo cáo 'Ba Công Khai'	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
<i>Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</i>			
H23.06.01	Các quyết định thành lập các trung tâm nghiên cứu	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H23.06.02	Các hợp đồng chuyển giao công nghệ	Hàng năm, 2017-2021	ĐH KHTN
H23.06.03	Thống kê thứ hạng của ĐHQG-HCM trên các bảng xếp hạng quốc tế năm 2021 mà Trường ĐH KHTN là một thành viên chủ lực	2021	ĐH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng			
<i>Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</i>			
H24.01.01	Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng tại trường	3059/QĐ-KHTN, 31/12/0218	DH KHTN
H24.01.02	Quyển cẩm nang hướng nghiệp và tư vấn tuyển sinh	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H24.01.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Thông tin - Truyền thông	852/QĐ-KHTN, 20/06/0219	DH KHTN
H24.01.04	Quy chế hoạt động Trung tâm hỗ trợ sinh viên	28/QĐ-KHTN, 10/09/02007	DH KHTN
H24.01.05	Một số thông tin hoạt động của công đoàn trường		DH KHTN
H24.01.06	Một số thông tin hoạt động của Đoàn TNCS-HCM và Hội Sinh viên		DH KHTN
<i>Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</i>			
H24.02.01	Poster các chương trình ngày hội sinh viên với doanh nghiệp		DH KHTN
H24.02.02	Thông tin khóa tập huấn “Giáo dục STEM kết nối cộng đồng”		DH KHTN
<i>Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</i>			
H24.03.01	Báo cáo Hội nghị đại biểu viên chức, người lao động, giai đoạn 2017-2021		DH KHTN
H24.03.02	Báo cáo sơ kết tình hình hoạt động của trường theo định kỳ (chọn đại diện, báo cáo sơ kết tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2020)		DH KHTN
H24.03.03	Biên bản Hội nghị cán bộ viên chức hằng năm, giai đoạn 2017-2021		DH KHTN
H24.03.04	Một số hình ảnh các chương trình gặp gỡ, đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo nhà trường với sinh viên hằng năm, giai đoạn 2017-2021		DH KHTN

Mã MC	Tên Minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành
<i>Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</i>			
H24.04.01	Thông tin về hoạt động “Gặp gỡ đối thoại với sinh viên”	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H24.04.02	Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường			
<i>Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</i>			
H25.01.01	Quyết định phê duyệt Kế hoạch chiến lược Trường ĐH KHTN	563/QĐ-DHQG, 23/06/2017	DHQG-HCM
H25.01.02	Báo cáo sơ kết KHCL 2016-2020	2018	DH KHTN
H25.01.03	Báo cáo tổng kết KHCL 2016-2020	2020	DH KHTN
H25.01.04	Báo cáo thống kê chi ngân sách Nhà nước cho giáo dục hàng năm	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H25.01.05	Báo cáo công khai tài chính Hàng năm, trong báo cáo ‘Ba công khai’	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
<i>Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</i>			
H25.02.01	Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan 2017-2021	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H25.02.02	Tổng hợp số liệu báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp các năm	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H25.02.03	Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H25.02.04	Các quyết định khen thưởng sinh viên có thành tích trong nghiên cứu khoa học	Hàng năm, 2017-2021	DH KHTN
H25.02.05	Thống kê thứ hạng của DHQG-HCM trên các bảng xếp hạng quốc tế năm 2021 mà Trường ĐH KHTN là một thành viên chủ lực	2021	DHQG-HCM